

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH



LÊ HOÀNG ANH TUẤN

**BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ
THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ - KINH NGHIỆM CỦA LIÊN MINH
CHÂU ÂU VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI**

Hà Nội, năm 2026

LÊ HOÀNG ANH TUẤN

**BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ
THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ - KINH NGHIỆM CỦA LIÊN MINH
CHÂU ÂU VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI
MÃ SỐ: THÍ ĐIỂM**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PGS.TS. Trương Duy Kiên

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. PGS.TS. Vũ Trọng Lâm



2. PGS.TS. Hoàng Văn Nghĩa



Hà Nội, năm 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan Luận án “Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số - kinh nghiệm của Liên minh châu Âu và giá trị tham khảo cho Việt Nam” là công trình nghiên cứu của tôi. Các nội dung nghiên cứu và kết quả được trình bày trong Luận án là hoàn toàn trung thực và chưa từng được công bố. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2026

Tác giả luận án



Lê Hoàng Anh Tuấn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	8
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	16
1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài liên quan đến bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số	17
1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số	17
1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.....	22
1.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước liên quan đến bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số	26
1.2.1. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số	27
1.2.2. Nghiên cứu về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.....	30
1.3. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu	35
1.3.1. Những kết quả đạt được	35
1.3.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án.....	37
1.4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết khoa học	37
1.4.1. Giả thuyết nghiên cứu	38
1.4.2. Câu hỏi nghiên cứu	38
CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ	39
2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.....	39
2.1.1. Khái niệm bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số	39
2.1.3. Vai trò bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số	51
2.2. Nguyên tắc, nội dung, phương thức bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.....	56
2.2.1. Nguyên tắc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.....	56

2.2.2. Nội dung quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số	62
2.2.3. Phương thức bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.....	67
2.2.3.2. Bảo vệ quyền con người thông qua cơ chế xử lý đối với hành vi vi phạm trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số	70
2.3.1. Cơ sở pháp lý quốc tế về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.....	75
2.3.2. Cơ sở pháp lý khu vực về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.....	77
CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU	87
3.1. Khái quát về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số của Liên minh châu Âu.....	87
3.1.1. Quá trình hình thành quy chế pháp lý bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí của Liên minh châu Âu từ năm 1994 cho đến nay.....	87
3.1.2. Đặc điểm pháp luật Liên minh châu Âu về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.....	92
3.2. Kinh nghiệm của Liên minh châu Âu đối với bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.....	98
3.2.1. Nội dung quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số của Liên minh châu Âu	98
3.3. Nghiên cứu điển hình quy định của một số quốc gia thuộc Liên minh châu Âu trong bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số	115
3.3.1. Cộng hòa Séc.....	116
3.3.2. Cộng hòa Pháp	123
3.3.4. Ý nghĩa nghiên cứu đối với báo chí Việt Nam trong thời kỳ chuyển đổi số	130
3.3.1. Về phương diện lý luận khoa học	130
3.3.3. Về phương diện hội nhập quốc tế trong bảo vệ quyền con người.....	134
CHƯƠNG 4. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM - KINH NGHIỆM TỪ LIÊN MINH CHÂU ÂU.....	136
4.1. Thực trạng bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam.....	136

4.1.1. Thực trạng bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam thông qua quy định về nội dung quyền	136
4.1.3. Những vấn đề đặt ra đối với bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam	154
4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay từ kinh nghiệm Liên minh Châu Âu	165
KẾT LUẬN	189
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	192

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLDS	Bộ luật Dân sự
ECtHR	Tòa án Nhân quyền châu Âu
EMFA	Đạo luật Tự do truyền thông châu Âu
EU	Liên minh châu Âu
GDPR	Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (Liên minh châu Âu)
ICPR	Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (International Covenant on Civil and Political Rights) năm 1966
LHQ	Liên hợp quốc
NĐ-CP	Nghị định của Chính phủ
OHCHR	Văn phòng Cao ủy Liên hợp quốc về Nhân quyền
QCN	Quyền con người
RSF	Phóng viên không biên giới
UDHR	Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền
UHDR	Tuyên ngôn phổ quát về QCN năm 1948
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong lịch sử phát triển nhân loại, báo chí luôn được coi là “*quyền lực thứ tư*” bên cạnh quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Báo chí không chỉ thực hiện chức năng cung cấp thông tin, định hướng dư luận, mà còn là công cụ bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, dân chủ và công bằng xã hội. Tuy nhiên, bước sang thế kỷ XXI, đặc biệt là trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin, truyền thông và trí tuệ nhân tạo (AI), báo chí đang phải đối diện với những biến đổi sâu sắc chưa từng có.

Công nghệ số đã tạo nên một hệ sinh thái truyền thông mới, nơi mà bất kỳ cá nhân nào cũng có thể trở thành “nhà báo”. Sự phổ biến của mạng xã hội, blog, podcast, nền tảng chia sẻ video và các hệ thống phân phối tin tức trực tuyến đã làm thay đổi căn bản cách thức sản xuất, truyền tải và tiếp nhận thông tin. Báo chí truyền thống (báo in, phát thanh, truyền hình) buộc phải thích ứng, chuyển đổi sang mô hình báo chí điện tử, báo chí đa phương tiện và báo chí dữ liệu. Một mặt, báo chí số giúp mở rộng không gian tiếp cận thông tin, thúc đẩy quyền được thông tin và tự do ngôn luận của con người, đồng thời tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền, doanh nghiệp. Tuy nhiên, cũng tồn tại những mặt trái như xâm phạm quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân; tin giả (fake news) và thông tin sai sự thật lan truyền nhanh chóng, tác động nghiêm trọng đến an ninh, trật tự và lòng tin của nhân dân; ngôn từ thù ghét, định kiến và phân biệt đối xử; tập trung sở hữu và thao túng thông tin cũng như những thách thức từ trí tuệ nhân tạo đã đặt ra câu hỏi mới về trách nhiệm của báo chí. Những vấn đề này cho thấy bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số không chỉ là một nhiệm vụ quan trọng, mà còn là một yêu cầu cấp thiết mang tính toàn cầu.

Liên minh châu Âu (EU) là khu vực đi đầu trên thế giới trong việc xây dựng cơ chế bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí và truyền thông số. Ngay từ khi thành lập, EU đã coi quyền con người là nền tảng, được khẳng định trong Hiệp ước Maastricht (1992), Hiến chương quyền cơ bản (2000/2009) và Công ước châu Âu về quyền con người (ECHR, 1950). Trong lĩnh vực báo chí và truyền

thông, EU đã ban hành nhiều văn kiện pháp lý có ảnh hưởng toàn cầu như GDPR, năm 2016, thiết lập khuôn khổ pháp lý nghiêm ngặt về bảo vệ dữ liệu cá nhân, trong đó có ngoại lệ báo chí nhưng phải cân bằng giữa lợi ích công cộng và quyền riêng tư; Digital Services Act - DSA (2022) và Digital Markets Act - DMA (2022) quy định trách nhiệm của nền tảng số trong việc gỡ bỏ nội dung bất hợp pháp, hạn chế tin giả và ngăn ngừa thao túng thuật toán; European Media Freedom Act - EMFA (2023) nhằm bảo đảm tự do báo chí, ngăn chặn sự can thiệp chính trị, kiểm soát tập trung sở hữu truyền thông, đồng thời thiết lập cơ quan giám sát độc lập ở cấp EU. Cùng với đó là các Án lệ của Tòa án Nhân quyền châu Âu (ECtHR) đã góp phần xây dựng nguyên tắc cân bằng giữa tự do báo chí và bảo vệ quyền riêng tư, nhân phẩm. Những kinh nghiệm này là nguồn tham khảo quan trọng cho Việt Nam trong việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý, bởi EU không chỉ bảo vệ quyền tự do báo chí mà còn đặt trọng tâm vào trách nhiệm của báo chí và bảo vệ quyền của cá nhân bị ảnh hưởng bởi báo chí.

Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán quan điểm coi quyền con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển. Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: *“Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình”* (Điều 25). Cùng với đó, Luật Báo chí năm 2016, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, Luật An ninh mạng năm 2025 cùng các văn bản dưới luật đã bước đầu tạo lập hành lang pháp lý cho tự do báo chí và bảo vệ quyền con người. Tuy nhiên, việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí, đặc biệt là trong thời kỳ chuyển đổi số vẫn còn những hạn chế nhất định, như: chưa có luật riêng quy định về cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân; tình trạng tin giả, tin sai sự thật trên mạng xã hội gây nhiều hệ lụy xã hội nhưng công cụ kiểm soát và xử lý còn thiếu hiệu quả; cơ chế cải chính, phản hồi, bồi thường đối với thông tin sai lệch, xâm phạm đời tư trên báo chí chưa đủ mạnh; đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của báo chí chịu áp lực từ thương mại hóa và cạnh tranh với mạng xã hội... Trong khi đó, quá trình hội nhập quốc tế, đặc biệt là việc thực thi các hiệp định thương mại như EVFTA, đòi hỏi Việt Nam phải nâng cao tiêu chuẩn pháp lý về nhân quyền, trong đó có quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận và bảo

vệ đời tư cá nhân.

Từ những phân tích trên, có thể thấy việc nghiên cứu kinh nghiệm EU trong bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số sẽ cung cấp cơ sở khoa học để Việt Nam hoàn thiện pháp luật, nâng cao năng lực quản trị báo chí số, bảo đảm cân bằng giữa tự do báo chí và trách nhiệm xã hội, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Mặt khác, ở Việt Nam hiện nay chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu nào về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số với sự tham khảo theo kinh nghiệm của Liên minh châu Âu, do đó việc nghiên cứu đề tài “***Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số - Kinh nghiệm của Liên minh châu Âu và giá trị tham khảo cho Việt Nam***” là cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn, góp phần bảo vệ quyền con người, củng cố dân chủ, tăng cường hiệu quả quản trị báo chí và thúc đẩy hội nhập quốc tế của Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục tiêu tổng quát của luận án là xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam, trên cơ sở tham chiếu kinh nghiệm của Liên minh châu Âu. Luận án nhằm đề xuất những giải pháp khoa học, khả thi để hoàn thiện khung pháp luật và cơ chế chính sách, bảo vệ quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, luận án tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, tổng quan và phân tích các công trình nghiên cứu quốc tế và Việt Nam có liên quan đến bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

Thứ hai, làm rõ cơ sở lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí; hệ thống hóa và phát triển khung lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

Thứ ba, nghiên cứu, phân tích, đánh giá kinh nghiệm của EU trong xây dựng cơ chế pháp lý, chính sách và những án lệ nhằm bảo vệ quyền con người trong hoạt

động báo chí thời kỳ chuyển đổi số; khảo sát thực trạng báo chí số ở Việt Nam, chỉ ra những nội dung đạt được và hạn chế, vướng mắc trong lĩnh vực này.

Thứ tư, đề xuất hệ thống giải pháp mang tính tổng thể và khả thi nhằm hoàn thiện khung pháp lý, chính sách, đồng thời nâng cao đạo đức và trách nhiệm xã hội của báo chí Việt Nam trong thời kỳ chuyển đổi số; tham chiếu kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt là của EU.

3. Đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là các vấn đề lý luận, pháp luật và thực tiễn liên quan đến bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở EU và Việt Nam hiện nay. Trọng tâm là những quyền cơ bản chịu tác động trực tiếp từ hoạt động báo chí và môi trường truyền thông số, bao gồm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và quyền được tiếp cận thông tin của cá nhân; quyền riêng tư, quyền nhân thân, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân; quyền bình đẳng, chống phân biệt đối xử, bảo vệ nhân phẩm và danh dự.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận án được xác định trên ba phương diện:

- *Về nội dung*: Luận án tập trung vào ba trụ cột cơ bản trong quan hệ giữa báo chí và quyền con người: (i) quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân; (ii) quyền bình đẳng, chống phân biệt đối xử; (iii) quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí. Luận án cũng nghiên cứu các vấn đề liên quan cơ chế bảo vệ quyền con người và xử lý vi phạm liên quan đến quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

- *Về không gian*: Nghiên cứu tập trung vào kinh nghiệm của Liên minh châu Âu (EU) với các thiết chế như Ủy ban châu Âu, Tòa án Nhân quyền châu Âu (ECtHR), cùng một số quốc gia thành viên điển hình (Cộng hòa Pháp và Cộng hòa Séc), từ đó, luận án đưa ra những kiến nghị, đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam.

- *Về thời gian*: Luận án tập trung phân tích giai đoạn từ năm 1994 (khi EU đi vào hoạt động đầy đủ theo Hiệp ước Maastricht) đến nay, gắn liền với sự phát triển mạnh mẽ của Internet, báo chí điện tử và mạng xã hội. Đối với Việt Nam,

nghiên cứu nhân mạnh giai đoạn từ năm 2016 - 2025 (giai đoạn sau khi Luật Báo chí được ban hành).

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được triển khai trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, coi quyền con người vừa là giá trị phổ quát, vừa gắn với điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể của từng quốc gia. Đồng thời, luận án vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người, trong đó nhấn mạnh sự thống nhất giữa quyền dân tộc và quyền cá nhân, giữa độc lập dân tộc và hạnh phúc, tự do của nhân dân.

Quan điểm chỉ đạo xuyên suốt là đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về bảo vệ quyền con người, đặc biệt được thể hiện trong Hiến pháp năm 2013 và Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Bên cạnh đó, luận án kế thừa các chuẩn mực pháp lý quốc tế (UDHR 1948, ICCPR 1966, ECHR 1950, GDPR 2016, DSA 2022, EMFA 2023), coi đây là khuôn khổ tham chiếu để phân tích kinh nghiệm EU và đối chiếu với thực tiễn Việt Nam.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, luận án sử dụng kết hợp nhiều phương pháp khoa học cụ thể:

- *Phương pháp phân tích và tổng hợp*, dùng để hệ thống hóa cơ sở lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số, đồng thời tổng hợp các công trình nghiên cứu quốc tế và Việt Nam có liên quan đến vấn đề này.

- *Phương pháp so sánh*, được sử dụng nhằm đối chiếu các quy định pháp luật và cơ chế bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí giữa EU và Việt Nam. Thông qua việc so sánh, nghiên cứu rút ra những kinh nghiệm có thể vận dụng vào thực tiễn Việt Nam nhằm hoàn thiện cơ chế bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

- *Phương pháp nghiên cứu điển hình (case study)* nhằm tập trung phân tích một số án lệ tiêu biểu của Tòa án Nhân quyền châu Âu (ECtHR) như *Handyside v. Vương quốc Anh*, *Von Hannover v. Đức* và *Delfi AS v. Estonia*, cùng với các trường hợp điển hình của Cộng hòa Séc, Cộng hòa Pháp và Vương quốc Anh trong

quá trình nội luật hóa các chuẩn mực của Liên minh châu Âu.

- *Phương pháp lịch sử-logic*, được sử dụng nhằm phân tích quá trình hình thành và phát triển của khung pháp lý về quyền con người trong hoạt động báo chí ở EU và Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số. Thông qua việc xem xét tiến trình lịch sử, các văn kiện pháp lý và chính sách qua từng giai đoạn, phương pháp này giúp làm rõ quy luật phát triển, những điểm tương đồng, khác biệt và xu hướng hoàn thiện của hệ thống pháp luật hai bên, từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo cho Việt Nam trong việc bảo đảm quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

- *Phương pháp quan sát và phân tích thực tiễn*, để làm rõ nội dung bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số. Thông qua việc nghiên cứu, phân tích các vụ việc, bản án, quy định pháp luật và báo cáo chuyên ngành tại Việt Nam, kết hợp với các dữ liệu thực tiễn từ UNESCO, FRA, European Commission.... từ đó nhận diện những biểu hiện tích cực và hạn chế trong hoạt động bảo vệ quyền con người. Bên cạnh đó, phương pháp phân tích được vận dụng để xem xét, đối chiếu các quy định pháp luật hiện hành với thực tiễn hoạt động báo chí, qua đó làm rõ nguyên nhân và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số hiện nay.

- *Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền (rights-based approach)*, để phân tích các vấn đề pháp lý trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số trong mối quan hệ với nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người. Cách tiếp cận này cho phép đánh giá pháp luật không chỉ từ góc độ quản lý, mà còn từ yêu cầu cân bằng giữa quyền tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin với quyền riêng tư, danh dự, nhân phẩm, bình đẳng và các quyền cơ bản khác của cá nhân.

- *Phương pháp liên ngành* được vận dụng bằng cách kết hợp các cách tiếp cận của khoa học luật và khoa học chính trị nhằm bảo đảm tính toàn diện trong quá trình nghiên cứu. Việc tích hợp các lĩnh vực này giúp phân tích sâu mối quan hệ giữa báo chí số và quyền con người không chỉ dưới góc độ pháp lý, mà còn xét đến khía cạnh truyền thông, quản trị, và tác động chính sách. Qua đó, nghiên cứu

có thể đánh giá đầy đủ hơn vai trò, giới hạn và trách nhiệm của báo chí trong việc bảo vệ quyền con người trong bối cảnh chuyển đổi số.

5. Những đóng góp mới của luận án

Đây là công trình khoa học nghiên cứu của Việt Nam về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số, từ kinh nghiệm của Liên minh châu Âu để rút ra những giá trị tham khảo cho Việt Nam, một cách toàn diện và có hệ thống. Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ có một số đóng góp mới về mặt khoa học như sau:

Thứ nhất, luận án là công trình nghiên cứu khoa học đầu tiên, đầy đủ, toàn diện về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số, từ kinh nghiệm của Liên minh châu Âu để rút ra những giá trị tham khảo cho Việt Nam; hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí, đồng thời bổ sung cách tiếp cận mới gắn với đặc trưng của thời kỳ chuyển đổi số. Công trình góp phần khái quát khung lý thuyết về mối quan hệ giữa báo chí số, quyền con người và pháp luật, làm rõ vai trò của hoạt động báo chí như một chủ thể vừa thực hiện, vừa bảo vệ quyền con người.

Thứ hai, luận án đã góp phần:

- Làm rõ khái niệm bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí số trên nền tảng chuẩn mực quốc tế (UDHR năm 1948, ICCPR năm 1966), trong khu vực (ECHR 1950, Hiến chương EU 2000/2009, GDPR 2016, DSA/DMA 2022, EMFA 2023) và quốc gia (Hiến pháp năm 2013, Luật Báo chí năm 2016, BLDS 2015, Nghị định 13/2023/NĐ-CP).

- Xây dựng khung phân tích đa tầng (quốc tế - khu vực - quốc gia; quyền - nghĩa vụ; chủ thể quyền - chủ thể thụ hưởng - chủ thể chịu trách nhiệm) nhằm nghiên cứu mối quan hệ cân bằng giữa quyền tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin và quyền riêng tư, nhân phẩm, bình đẳng của cá nhân.

- Phát triển lý luận về trách nhiệm đa chủ thể trong bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí số, bao gồm nhà báo, cơ quan báo chí, cơ quan quản lý,

các nền tảng truyền thông số và bản thân người sử dụng thông tin.

- Góp phần làm phong phú thêm hệ thống lý luận khoa học pháp lý Việt Nam về quyền con người trong hoạt động báo chí, bổ sung cơ sở khoa học để so sánh, đối chiếu với kinh nghiệm EU và quốc tế.

Thứ ba, luận án chỉ ra những hạn chế, thách thức trong bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí Việt Nam hiện nay, đặc biệt là trên các nền tảng số. Kết quả nghiên cứu cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách truyền thông, đào tạo nghiệp vụ báo chí và nâng cao nhận thức xã hội về quyền con người trong môi trường truyền thông số.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Về mặt lý luận

Luận án góp phần bổ sung và phát triển khung lý thuyết về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số. Kết quả nghiên cứu, đề xuất của luận án góp phần vào việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí, nâng cao hiệu quả thực hiện quyền con người trong lĩnh vực này.

6.2. Về mặt thực tiễn

Luận án có giá trị thiết thực trong việc hoạch định và thực thi chính sách tại Việt Nam:

- Cung cấp cơ sở khoa học để hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí số, đặc biệt trong các lĩnh vực mới như bảo vệ dữ liệu cá nhân, quản trị nền tảng số, xử lý tin giả, trách nhiệm thuật toán và trí tuệ nhân tạo.

- Đề xuất giải pháp chính sách cụ thể nhằm nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của báo chí, đồng thời bảo đảm quyền phản hồi, quyền đính chính và quyền bồi thường khi quyền cá nhân bị xâm phạm.

- Đưa ra kinh nghiệm tham chiếu từ EU giúp Việt Nam đáp ứng tốt hơn các cam kết quốc tế về nhân quyền, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế và thực thi các hiệp định thương mại như EVFTA.

- Góp phần nâng cao nhận thức xã hội và đạo đức nghề nghiệp báo chí,

khẳng định vai trò của báo chí chính thống như “người gác cổng” thông tin trong bối cảnh truyền thông số và mạng xã hội.

- Là nguồn tư liệu có ý nghĩa, tài liệu tham khảo hữu ích cho nghiên cứu, giảng dạy, đào tạo và bồi dưỡng trong lĩnh vực báo chí, truyền thông, luật học và quyền con người ở Việt Nam.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận án được triển khai trong 04 chương, 12 tiết :

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án.

Chương 2: Cơ sở lý luận về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

Chương 3: Thực trạng bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số của Liên minh châu Âu.

Chương 4: Thực trạng và giải pháp bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam - Kinh nghiệm từ Liên minh Châu Âu.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài liên quan đến bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Qua nghiên cứu các công trình của các học giả trên thế giới, có thể nói lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí chủ yếu dựa trên hệ thống chuẩn mực quốc tế như Tuyên ngôn phổ quát về quyền con người (UDHR,) năm 1948 và Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR) năm 1966 xác lập nguyên tắc nền tảng: tự do báo chí và quyền riêng tư là hai quyền cơ bản cần được bảo đảm hài hòa trong xã hội. UNESCO đã mở rộng khung lý luận này trong chuyển đổi số thông qua các báo cáo World Trends in Freedom of Expression and Media Development và bộ chỉ số Internet Universality Indicators (ROAM, năm 2018), nhấn mạnh vai trò trung tâm của quyền con người, tính minh bạch, khả năng tiếp cận và sự tham gia đa chủ thể trong quản trị truyền thông. Những chuẩn mực và khuyến nghị này đã trở thành căn cứ, nền tảng lý luận cho các nghiên cứu về quyền con người trong hoạt động báo chí, đặc biệt trong việc xác định mối quan hệ cân bằng giữa tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin và quyền bảo vệ đời tư trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

Tại châu Âu, nhiều công trình đi sâu phát triển lý luận về sự cân bằng giữa quyền tự do báo chí và quyền riêng tư, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi số. Một trong những công trình tiêu biểu là của tác giả Tarlach McGonagle, năm 2017 với nghiên cứu *Journalism, Freedom of Expression and the Right to Privacy in the Digital Age* (Báo chí, quyền tự do ngôn luận và quyền được bảo vệ đời tư trong thời kỳ chuyển đổi số) cho rằng tự do báo chí và quyền riêng tư không tồn tại như hai cực đối lập tuyệt đối, mà là những quyền bổ sung lẫn nhau trong một xã hội. Tự do báo chí bảo đảm người dân có quyền được thông tin, giám sát quyền lực và thúc đẩy minh bạch; trong khi đó, quyền riêng tư bảo vệ nhân phẩm, danh dự và

sự tự do cá nhân khỏi sự soi xét quá mức của truyền thông [155].

Nghiên cứu của tác giả McGonagle đã chỉ ra rằng thách thức lớn nhất trong chuyển đổi số là sự “nhòe ranh giới” giữa báo chí chuyên nghiệp và các hình thức truyền thông cá nhân trên mạng xã hội. Với khả năng lan truyền tức thì và phạm vi toàn cầu, bất kỳ hành vi đưa tin thiếu kiểm chứng nào cũng có thể gây tổn hại nghiêm trọng đến đời tư cá nhân. McGonagle lập luận rằng trong bối cảnh này, các cơ chế pháp lý truyền thống vốn được thiết kế cho báo chí in và phát sóng trở nên không còn đủ mạnh; cần có một khung pháp lý mới, vừa bảo vệ quyền riêng tư, vừa tránh hạn chế quá mức tự do báo chí. Song song với đó, tác giả Paul De Hert, Vagelis Papakonstantinou và các tác giả khác, năm 2024 tập trung nghiên cứu *General Data Protection Regulation - GDPR* (Quy định chung về bảo vệ dữ liệu), được Nghị viện và Hội đồng châu Âu thông qua năm 2016, có hiệu lực từ 2018. Các tác giả xem GDPR là bước ngoặt trong tiến trình phát triển lý luận pháp lý toàn cầu về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Cách tiếp cận này có ý nghĩa quan trọng đối với nghiên cứu quyền con người trong hoạt động báo chí, bởi nó cung cấp nền tảng để xem việc xử lý DLCN không chỉ là vấn đề tuân thủ kỹ thuật hay chính sách, mà là một yêu cầu mang tính quyền lực-nghĩa vụ trong tương quan giữa báo chí, Nhà nước và cá nhân. [150].

Trong lĩnh vực báo chí, Điều 85 GDPR quy định “ngoại lệ báo chí” (journalistic exemption), cho phép báo chí được miễn trừ một số nghĩa vụ khi xử lý dữ liệu cá nhân nếu việc đó nhằm phục vụ lợi ích công cộng và phù hợp với quyền tự do ngôn luận. Tuy nhiên, tác giả De Hert và Papakonstantinou chỉ ra rằng ngoại lệ này không phải là “*tấm lá chắn toàn diện*” cho báo chí. Trái lại, nó đặt ra yêu cầu cân bằng: báo chí chỉ có thể sử dụng dữ liệu cá nhân khi có cơ sở chính đáng và khi lợi ích công cộng vượt trội hơn nguy cơ xâm phạm đời tư. Đây là cơ sở quan trọng để phát triển lý luận mới về nhân quyền trong hoạt động báo chí điện tử - một lĩnh vực mà trước đây chưa có khung pháp lý toàn diện.

Ngoài hai tác giả McGonagle và De Hert và Papakonstantinou, một số học giả châu Âu khác cũng đóng góp quan trọng vào lý luận này, như tác giả Mark

Cole trong nghiên cứu về tự do truyền thông, năm 2016 tại châu Âu đã nhấn mạnh vai trò của Tòa án Nhân quyền châu Âu (ECtHR) trong việc thiết lập nguyên tắc cân bằng giữa Điều 8 (quyền riêng tư) và Điều 10 (tự do ngôn luận) của Công ước ECHR. Dirk Voorhoof và Hannes Cannie (2010) phân tích các án lệ quan trọng như Von Hannover v. Đức và Axel Springer v. Đức, qua đó chứng minh rằng quyền riêng tư không chỉ là “lá chắn” cá nhân mà còn là một yếu tố cấu thành sự tự do thực chất trong xã hội.

Một hướng tiếp cận lý luận đặc biệt quan trọng xuất phát từ án lệ của Tòa án Nhân quyền châu Âu (ECtHR), cơ quan giải thích và áp dụng Công ước châu Âu về Nhân quyền (ECHR, 1950). ECtHR đã phát triển một hệ thống nguyên tắc về cân bằng quyền, trong đó quyền tự do biểu đạt (Điều 10 ECHR) và quyền được tôn trọng đời tư (Điều 8 ECHR) thường xuyên đặt ra mâu thuẫn và cần được giải quyết. Có thể kể đến như vụ Handyside v. Vương quốc Anh, năm 1976 được xem là án lệ nền tảng khi đưa ra khái niệm nổi tiếng rằng tự do ngôn luận là *“một trong những nền tảng thiết yếu của xã hội, một trong những điều kiện cơ bản cho sự tiến bộ và phát triển của mỗi cá nhân”*. Tòa khẳng định tự do ngôn luận không chỉ bao gồm những thông tin, ý tưởng *“được đón nhận thuận lợi”* mà còn bao gồm cả những gì *“gây sốc, làm khó chịu hoặc xúc phạm”* đối với nhà nước hoặc một bộ phận xã hội [14]. Đây là sự thừa nhận quan trọng rằng báo chí phải được hưởng không gian tự do rộng rãi để phản ánh đa dạng quan điểm. Vụ Lingens v. Áo (1986) tiếp tục củng cố quan điểm này khi Tòa cho rằng báo chí có quyền chỉ trích mạnh mẽ các chính trị gia và những nhân vật người dân. ECtHR khẳng định biên độ tự do ngôn luận trong lĩnh vực chính trị là rộng rãi nhất, vì báo chí thực hiện vai trò *“người gác cổng dân chủ”* (public watchdog) [15]. Đây là án lệ mang tính lý luận cao, trở thành nền tảng cho học thuyết về *“vai trò đặc biệt của báo chí”* trong xã hội. Tuy nhiên, không phải lúc nào quyền tự do báo chí cũng được đặt ở vị trí tối thượng. Các vụ Von Hannover v. Đức (No.1, 2004; No.2, 2012) đã thiết lập nguyên tắc quan trọng về giới hạn hợp pháp của báo chí. Tòa khẳng định quyền được tôn trọng đời tư theo Điều 8 ECHR phải được bảo vệ, kể cả với nhân vật người dân, khi thông tin không mang tính đóng góp vào tranh luận xã hội.

Phiên bản thứ hai của vụ việc (2012) tiếp tục làm rõ tiêu chí: sự cân bằng giữa Điều 8 và Điều 10 phải dựa trên (i) mức độ đóng góp vào thảo luận vì lợi ích công cộng, (ii) mức độ nổi tiếng của nhân vật, (iii) hành vi trước đó của nhân vật, (iv) nội dung, hình thức và hệ quả của việc công bố, và (v) cách thức thu thập thông tin [18]. Nghiên cứu của các tác giả Keller và Leerssen, năm 2020, “*Internet Intermediaries and Freedom of Expression*” (Các trung gian Internet và quyền tự do ngôn luận) đã tổng hợp và phân tích hệ thống án lệ này. Các tác giả cho rằng ECtHR đang từng bước xây dựng một học thuyết mới về “trách nhiệm chia sẻ” (shared responsibility) trong thời kỳ chuyển đổi số: báo chí, nhà cung cấp nền tảng và cả cơ quan nhà nước đều có vai trò bảo vệ quyền con người [140]. Quan điểm này tạo ra một khung lý luận hiện đại, phản ánh đúng thực tiễn truyền thông số, nơi mà ranh giới giữa nhà báo chuyên nghiệp, cá nhân và trung gian công nghệ ngày càng mờ nhạt.

Ngoài ra, liên quan đến lý luận chung về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số, có thể kể đến những nghiên cứu của học giả Mỹ, như tác giả Daniel J. Solove. Trong tác phẩm “*A Taxonomy of Privacy*” (Phân loại về quyền riêng tư), năm 2006, tác giả Solove xây dựng một hệ thống phân loại 16 dạng hành vi xâm phạm quyền riêng tư, từ thu thập, lưu giữ, xử lý, đến lan truyền thông tin cá nhân [127]. Năm 2021, trong “*The Digital Person: Technology and Privacy in the Information Age*” (Con người số: Công nghệ và quyền riêng tư trong kỷ nguyên thông tin), ông tiếp tục nhấn mạnh rằng quyền riêng tư trong chuyển đổi số không thể chỉ hiểu theo nghĩa “bí mật cá nhân” (secrecy), mà phải được nhìn nhận như quyền kiểm soát dòng chảy thông tin cá nhân. Quan điểm này có ý nghĩa đặc biệt đối với báo chí, bởi nó đặt ra yêu cầu báo chí phải cân nhắc giữa lợi ích công cộng và quyền kiểm soát dữ liệu của cá nhân được đưa tin.

Ngoài Solove, một số học giả khác tại Mỹ cũng mở rộng khung lý luận này. Tác giả Jack Balkin, năm 2018 trong học thuyết “*Information Fiduciaries*” (Người được ủy thác thông tin) cho rằng các công ty công nghệ và nền tảng số (Google, Facebook, Twitter...) phải có trách nhiệm như “người được ủy thác thông tin”, nghĩa là phải sử dụng dữ liệu cá nhân một cách trung thực và vì lợi ích

của người dùng, thay vì khai thác thương mại vô hạn. Cùng với đó, tác giả Julie Cohen trong công trình nghiên cứu “*Configuring the Networked Self*” (Định hình bản thân trong kỷ nguyên kết nối mạng), năm 2012, đã lập luận rằng quyền riêng tư gắn liền với năng lực tự chủ và sự phát triển cá nhân trong xã hội số, và việc thương mại hóa dữ liệu có nguy cơ bóp nghẹt không gian tự do cá nhân. Cohen cho rằng quyền riêng tư không chỉ là quyền kiểm soát thông tin cá nhân, mà còn là điều kiện nền tảng để con người phát triển bản sắc, tư duy phản biện và tự do biểu đạt trong một xã hội. Công trình nghiên cứu này được xem là cầu nối giữa lý luận quyền riêng tư và triết học xã hội, đặt cơ sở cho nhiều nghiên cứu hiện nay về “quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số”, đặc biệt trong lĩnh vực báo chí, dữ liệu và quyền tự do ngôn luận.

Tác giả Shoshana Zuboff với nghiên cứu “*The Age of Surveillance Capitalism*” (Thời đại của chủ nghĩa tư bản giám sát), năm 2019 đã phân tích sự hình thành của một mô hình kinh tế mới - chủ nghĩa tư bản giám sát, trong đó dữ liệu cá nhân được thu thập, phân tích và thương mại hóa để dự đoán, điều khiển hành vi con người. Theo Zuboff, quyền riêng tư đã trở thành nguồn tài nguyên bị khai thác, còn con người bị biến thành “*nguyên liệu dữ liệu*” phục vụ cho lợi nhuận của các tập đoàn công nghệ. Công trình nghiên cứu đã chỉ ra rằng cần thiết lập khung pháp lý và đạo đức mới để kiểm soát quyền lực của các nền tảng số, bảo đảm quyền con người, tự do ngôn luận và quyền được bảo vệ đời tư trong kỷ nguyên kỹ thuật số [152].

Các công trình nghiên cứu kể trên đã đưa ra những hướng tiếp cận lý luận có giá trị đặc biệt cho nghiên cứu báo chí thời kỳ chuyển đổi số, đồng thời cung cấp những bài học quan trọng cho Việt Nam trong việc xây dựng cơ chế cân bằng giữa tự do báo chí và bảo vệ quyền con người. Các công trình nghiên cứu này hình thành nên một hướng lý luận mới: quyền tự do báo chí và quyền riêng tư là hai quyền cơ bản cần được bảo vệ song hành, trong đó pháp luật và án lệ đóng vai trò “cân bằng động”. Tuy nhiên, vẫn còn một số khoảng trống như : (i) nhiều công trình vẫn thiên về khía cạnh chuẩn tắc và án lệ, trong khi cách tòa án/quốc gia áp dụng “ngoại lệ báo chí” giữa các hệ thống pháp luật còn chưa đồng đều; (ii) các

tiêu chí “lợi ích công cộng” và “cơ sở chính đáng” tuy được nhấn mạnh nhưng vẫn có độ mở lớn, dễ dẫn đến cách hiểu và thực hành khác nhau giữa các cơ quan báo chí; (iii) các nghiên cứu chưa đi sâu đầy đủ vào tác động của nền tảng số (thuật toán phân phối, thu thập dữ liệu quy mô lớn, báo chí dữ liệu) đối với rủi ro xâm phạm quyền riêng tư và khả năng tự kiểm soát dữ liệu của chủ thể quyền. Đây là khoảng trống đáng lưu ý để luận án tiếp tục làm rõ trong bối cảnh báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Ở phạm vi quốc tế, EU được xem là khu vực đi đầu trong việc thiết lập các chính sách và khung pháp lý nhằm bảo đảm rằng báo chí số phát triển song hành với việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Sự tiên phong này bắt nguồn từ thực tế EU là một không gian truyền thông đa quốc gia, đa ngôn ngữ và có mức độ hội nhập cao, nên việc điều chỉnh hoạt động báo chí và nền tảng số luôn gắn liền với mục tiêu bảo vệ dân chủ, nhân quyền và pháp quyền. Nhiều học giả châu Âu đã phát triển các công trình lý luận quan trọng. Nổi bật là tác giả Natali Helberger trong cuốn “*The Political Power of Platforms*” (Quyền lực chính trị của các nền tảng số), năm 2020 lập luận rằng các nền tảng truyền thông số không chỉ đơn thuần là doanh nghiệp công nghệ hay công cụ trung gian, mà đã trở thành những “*thiết chế quyền lực mới*” (new power institutions) trong xã hội. Tác phẩm phân tích vai trò và ảnh hưởng ngày càng lớn của các nền tảng kỹ thuật số như Facebook, Google, hay X (Twitter) trong không gian công cộng hiện đại. Các nền tảng này không chỉ là trung gian truyền tải thông tin mà còn trở thành chủ thể quyền lực chính trị, có khả năng định hình dư luận, ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định chính sách và hành vi cá nhân thông qua thuật toán và kiểm soát luồng thông tin. Với khả năng kiểm soát luồng thông tin, quyết định nội dung nào được lan truyền, nội dung nào bị hạn chế, các nền tảng này nắm trong tay quyền lực chính trị và xã hội to lớn, ngang hàng với các cơ quan công quyền. Do đó, Helberger cho rằng cần phải coi các nền tảng số như một chủ thể điều tiết thông tin công, và vì thế chúng phải chịu những nghĩa vụ tương tự như báo chí trong

việc tôn trọng nhân quyền, minh bạch và chịu trách nhiệm giải trình [146].

Cùng quan điểm này, nghiên cứu của các tác giả khác cũng nhấn mạnh đến nguy cơ mất cân bằng quyền lực trong không gian truyền thông số. Chẳng hạn, tác giả Tambini, năm 2020 trong tác phẩm *“Fake News: Public Policy Responses”* (Tin giả: Các phản ứng chính sách công) phân tích tác động của tin giả và cho rằng sự chi phối thông tin của các nền tảng số có thể làm xói mòn nền dân chủ nếu thiếu cơ chế kiểm soát minh bạch [154]. Tương tự, tác giả Floridi, năm 2021 trong *“The Ethics of Artificial Intelligence”* (Đạo đức của trí tuệ nhân tạo) khẳng định rằng thuật toán và hệ thống AI cần được điều chỉnh bằng các nguyên tắc đạo đức và pháp lý rõ ràng để bảo đảm quyền con người trong chuyển đổi số. Cả hai tác giả đều thống nhất rằng nếu không có khung pháp lý như *“Digital Services Act”* (Đạo luật Dịch vụ Kỹ thuật số) và các công cụ hỗ trợ như *Code of Practice on Disinformation* (Bộ quy tắc thực hành về thông tin sai lệch), năm 2022; *European Media Freedom Act là Regulation (EU) 2024/1083* (Đạo luật Tự do Truyền thông Châu Âu), thì tự do báo chí và quyền con người sẽ bị đe dọa bởi sức mạnh tập trung của các nền tảng số.

Một hướng nghiên cứu khác trong khuôn khổ EU đến từ Cơ quan Quyền Cơ bản của Liên minh châu Âu - European Union Agency for Fundamental Rights (FRA). Đây là cơ quan chuyên trách theo dõi và đánh giá tác động của các hiện tượng mới đối với nhân quyền. Báo cáo *“Getting the Future Right - Artificial Intelligence and Fundamental Rights”* (Định hình tương lai đúng hướng - Trí tuệ nhân tạo và quyền cơ bản, FRA) năm 2021 đã đi sâu phân tích tác động hai mặt của trí tuệ nhân tạo (AI) và các hệ thống thuật toán (Algorithmic systems) đối với quyền con người (Human rights), đặc biệt trong lĩnh vực báo chí và truyền thông số (journalism and digital media). Theo FRA, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động báo chí đã mang lại nhiều lợi ích. AI giúp báo chí đáp ứng nhanh hơn nhu cầu của độc giả, tăng khả năng tiếp cận thông tin phù hợp, và mở rộng không gian biểu đạt. Nhiều tòa soạn lớn tại châu Âu như Le Monde, Süddeutsche Zeitung đã sử dụng thuật toán để cá nhân hóa tin tức hoặc phân loại dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả biên tập. Tuy nhiên, báo cáo này cũng đưa ra những cảnh báo

về việc cơ chế thuật toán này có thể tạo ra những hệ quả tiêu cực đối với quyền con người, như: *Một*, nguy cơ xâm phạm quyền bình đẳng. Nguy cơ này sẽ xuất hiện khi thuật toán ưu tiên hiển thị nội dung dựa trên hồ sơ hành vi người dùng, từ đó những định kiến xã hội có thể được củng cố dẫn đến hạn chế sự hiện diện của các nhóm yếu thế (phụ nữ, người nhập cư, cộng đồng thiểu số) trong không gian truyền thông; *Hai*, nguy cơ về sự hạn chế quyền tiếp cận thông tin nảy sinh khi các hệ thống gợi ý nội dung dẫn đến hiện tượng “buồng vang” (echo chambers) và “bong bóng lọc” (filter bubbles), trong đó những người dùng chỉ tiếp nhận những thông tin trùng khớp với quan điểm sẵn có, còn các ý kiến trái chiều hoặc đa dạng xã hội sẽ bị loại bỏ. Hệ quả là quyền được tiếp cận thông tin đầy đủ, khách quan bị suy giảm nghiêm trọng.

Một khía cạnh khác cần nhấn mạnh là bảo vệ quyền con người đối với chính đội ngũ nhà báo - những người trực tiếp thực hiện quyền tự do báo chí và truyền đạt thông tin cho người dân. Báo cáo của UNESCO, năm 2021 “*Threats that Silence: Trends in the Safety of Journalists*” (Những mối đe dọa khiến im lặng: Xu hướng về an toàn của các nhà báo) tập trung phân tích các hình thức đe dọa, bạo lực và đàn áp mà nhà báo phải đối mặt trên toàn cầu, bao gồm cả đe dọa trực tuyến (*online threats*) trong bối cảnh chuyên đổi số và lan tỏa thông tin trên mạng xã hội. Báo cáo của UNESCO cũng nhấn mạnh rằng tình trạng tấn công, quấy rối và đe dọa trên không gian mạng đang ngày càng phổ biến, đặc biệt đối với nhà báo nữ và những người đưa tin điều tra, qua đó đe dọa trực tiếp đến quyền tự do báo chí và quyền tự do biểu đạt, những giá trị cốt lõi của quyền con người trong xã hội.

Theo báo cáo, trong giai đoạn 2016-2021, số vụ tấn công, đe dọa và quấy rối trực tuyến nhằm vào nhà báo gia tăng nhanh chóng, đặc biệt với các nữ nhà báo và những người đưa tin về các chủ đề nhạy cảm như tham nhũng, quyền con người, di cư, hoặc biến đổi khí hậu. Hình thức tấn công phổ biến bao gồm: đe dọa bạo lực qua mạng, bôi nhọ danh dự, tấn công *doxxing* (công khai dữ liệu cá nhân), tấn công mạng có tổ chức bằng bot và tài khoản giả mạo. Những hành vi này không chỉ gây tổn hại về tinh thần và danh dự, mà còn dẫn đến *self-censorship* (tự kiểm duyệt),

khiến báo chí mất đi vai trò giám sát quyền lực và bảo vệ lợi ích người dân. Nghiên cứu của UNESCO nhấn mạnh rằng bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí không thể chỉ dừng ở việc đảm bảo quyền tự do ngôn luận của người dân, mà còn bao gồm quyền an toàn nghề nghiệp, quyền được bảo vệ thân thể, nhân phẩm và tinh thần của nhà báo. Để ứng phó, UNESCO khuyến nghị các quốc gia cần: (i) Tăng cường cơ chế pháp lý và thể chế nhằm bảo vệ an toàn cho nhà báo, đặc biệt trong bối cảnh số; (ii) Thúc đẩy trách nhiệm của các nền tảng số trong việc ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi tấn công nhà báo trực tuyến; (iii) Xây dựng chương trình hỗ trợ nhà báo, bao gồm đào tạo kỹ năng an ninh mạng, hỗ trợ pháp lý và tâm lý cho các nhà báo bị tấn công. Như vậy, các nghiên cứu của UNESCO đã bổ sung một góc nhìn quan trọng cho lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí, đó là quyền con người không chỉ là quyền của người đọc và người dân, mà còn là quyền nghề nghiệp và nhân phẩm của chính người làm báo. Trong thời kỳ chuyển đổi số, khi nguy cơ tấn công trực tuyến ngày càng gia tăng, việc bảo vệ nhà báo cần được coi là một trụ cột thiết yếu trong mọi chính sách về hoạt động báo chí và quyền con người.

Bên cạnh các báo cáo chính sách và cơ chế pháp lý của các tổ chức quốc tế, một số các công trình nghiên cứu đã đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành như *Journal of Media Law* và *International Journal of Communication* cũng đã tập trung phân tích những thách thức mà báo chí số đặt ra đối với quyền con người. Các công trình này tiếp cận chủ đề từ nhiều góc độ: đạo đức báo chí, tin giả, quyền dữ liệu cá nhân, và mối quan hệ giữa báo chí với nền dân chủ, điển hình như:

Nghiên cứu “*Digital Journalism Ethics*” (Đạo đức báo chí kỹ thuật số) của Stephen J. A. Ward, xuất bản năm 2018, được xem là một trong những tài liệu nền tảng về đạo đức nghề nghiệp trong kỷ nguyên báo chí số. Báo chí số, vốn dựa nhiều vào mô hình quảng cáo và phân tích dữ liệu hành vi người dùng, có nguy cơ biến độc giả thành “sản phẩm”, khi thông tin cá nhân của họ bị thu thập, phân loại và bán lại cho các bên thứ ba. Theo tác giả Ward, đây là một mối đe dọa trực tiếp đến quyền riêng tư và quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân, đồng thời đặt ra câu hỏi về đạo đức nghề nghiệp của báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số: báo chí

có còn trung thành với sứ mệnh công ích, hay đã trở thành một bộ phận của nền kinh tế giám sát (surveillance capitalism)? [153].

Tác giả Tambini, năm 2020 với nghiên cứu “*Fake News: Public Policy Responses*” lại chỉ ra rằng tin giả không chỉ là hiện tượng truyền thông, mà còn là vấn đề nhân quyền. Khi cá nhân không được tiếp cận thông tin chính xác, quyền cơ bản của họ bị xâm hại nghiêm trọng. Tambini phân tích rằng tin giả có thể làm suy yếu tiến trình bầu cử, gây tổn hại lòng tin xã hội, và làm giảm hiệu lực của quyền tự do ngôn luận vốn dựa trên nền tảng thông tin trung thực. Như vậy, chống lại tin giả không chỉ là trách nhiệm của báo chí và nền tảng số, mà còn là nhiệm vụ nhân quyền, nhằm bảo vệ quyền tiếp cận thông tin trung thực của cá nhân [154].

Nhiều công trình khác trên *Journal of Media Law* cũng nhấn mạnh sự cần thiết của việc xây dựng khung pháp lý để cân bằng giữa quyền tự do báo chí với bảo vệ dữ liệu cá nhân. Chẳng hạn, nghiên cứu của tác giả Suzor, năm 2019 về “*Lawless: The Secret Rules That Govern Our Digital Lives*” (Phi pháp: Những quy tắc bí mật chi phối đời sống số của chúng ta), cho rằng quyền lực kiểm soát thông tin hiện đang nằm trong tay các nền tảng số tư nhân, nhưng nền tảng này lại thiếu minh bạch và cơ chế trách nhiệm giải trình. Điều này đặt ra một lỗ hổng lớn cho vấn đề bảo đảm quyền con người, bởi khi các quyết định kiểm duyệt nội dung, xóa bài, hoặc ưu tiên hiển thị không dựa trên quy trình pháp lý rõ ràng, cá nhân dễ dàng bị tước đoạt quyền biểu đạt và quyền tiếp cận thông tin.

Từ các nghiên cứu này có thể thấy những nghiên cứu quốc tế đã mở rộng lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số theo hướng đa chiều, cởi mở hơn. Những phân tích này không chỉ củng cố cơ sở lý luận, mà còn cho thấy tính cấp thiết của việc xây dựng khung pháp lý và đạo đức báo chí mới, phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay trên toàn thế giới.

1.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước liên quan đến bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

1.2.1. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Quyền con người là chủ đề được quan tâm rộng rãi trong nhiều lĩnh vực khoa học xã hội và pháp lý, đặc biệt hiện nay, khi bảo vệ quyền con người trở thành một trong những mối quan tâm hàng đầu của cộng đồng quốc tế. Dưới những cách tiếp cận và phân tích khác nhau, hệ thống lý luận về quyền con người ở Việt Nam đã từng bước hình thành và phát triển, làm rõ khái niệm, nội dung, bản chất, quá trình hình thành cũng như mối quan hệ giữa quyền con người và quyền công dân. Điển hình như:

Một số công trình có giá trị, tiêu biểu như: “*Giáo trình Quyền con người*” do GS.TS. Võ Khánh Vinh chủ biên (NXB Khoa học Xã hội, năm 2015); “*Giáo dục quyền con người - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*” (NXB Khoa học Xã hội, năm 2010); cùng với sách chuyên khảo “*Hỏi - đáp về quyền con người*” của Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người và Quyền công dân - Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, cung cấp những nền tảng nhận thức cơ bản và dễ tiếp cận về vấn đề này. Theo các công trình trên, quyền con người được hiểu là những quyền tự nhiên vốn có của mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo đảm thực thi thông qua các quy phạm pháp lý cụ thể. Từ cơ sở lý luận đó, có thể xác định hướng tiếp cận dựa trên mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế về quyền con người và pháp luật Việt Nam, đồng thời nhìn nhận quyền con người như những giá trị bẩm sinh của con người được Nhà nước thừa nhận, bảo vệ và bảo đảm thực hiện phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh lịch sử của từng quốc gia [125].

Cùng với đó, nhiều công trình lý luận nghiên cứu về quyền con người trong hoạt động báo chí đã được công bố. Điển hình như tác giả Nguyễn Đăng Dung, năm 2015 trên Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 11/2015 với bài viết “*Hiến pháp năm 2013 với việc bảo vệ và thực hiện quyền con người ở Việt Nam*” đã phân tích sâu sắc cơ sở hiến định của việc bảo đảm quyền con người trong lĩnh vực tự do ngôn luận và báo chí. Tác giả cho rằng Hiến pháp năm 2013 đã có bước tiến quan trọng khi lần đầu tiên quy định tách bạch và rõ ràng giữa quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận (Điều 25) và quyền được bảo vệ đời tư, bí mật cá nhân, danh dự, uy

tín (Điều 21). Việc phân định này không chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật lập hiến, mà còn thể hiện nguyên tắc cân bằng giữa các quyền con người có thể xung đột, đặc biệt trong hoạt động báo chí - lĩnh vực vừa bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, vừa tiềm ẩn nguy cơ xâm phạm quyền nhân thân [66]. Tiếp cận theo hướng tương tự, tác giả Phạm Hữu Nghị, khi nghiên cứu về “*Quyền tự do ngôn luận trong pháp luật quốc tế và Việt Nam*” (Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 10/2017) đã phân tích tính song hành giữa quyền và nghĩa vụ trong việc thực thi quyền con người trên không gian truyền thông, đồng thời đề xuất yêu cầu cân bằng giữa tự do biểu đạt và trật tự công cộng. Bên cạnh đó, nhiều tác giả khác cũng đã đề cập đến quyền tiếp cận thông tin, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong bối cảnh báo chí điện tử phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam. Điển hình như, tác giả Lê Thị Thu Hằng, năm 2021 trong bài viết “*Đạo đức nghề báo trong chuyển đổi số*”, Tạp chí Báo chí và Truyền thông, số 3/2021 đã nhấn mạnh rằng báo chí hiện nay không chỉ thực hiện chức năng thông tin mà còn gắn liền với trách nhiệm bảo vệ quyền nhân thân và quyền con người của cá nhân trong môi trường truyền thông số [74].

Tuy nhiên, có thể nhận thấy các nghiên cứu lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí ở Việt Nam vẫn còn những hạn chế nhất định, đặc biệt là khi so sánh với xu hướng nghiên cứu quốc tế, điển hình như những nghiên cứu này chưa hình thành khung tiếp cận toàn diện, tích hợp ba trụ cột cơ bản về quyền con người trong hoạt động báo chí, gồm: (i) quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân; (ii) quyền bình đẳng và không phân biệt đối xử trong tiếp cận thông tin; (iii) quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí. Phần lớn các công trình mới chỉ tập trung vào một khía cạnh đơn lẻ. Điển hình như nhiều nghiên cứu tập trung phân tích quyền riêng tư trong pháp luật Việt Nam, thường gắn với quy định của BLDS 2015 (Điều 38), Luật Báo chí năm 2016 và gần đây là Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Các tác giả như Nguyễn Quang Tuyền, năm 2023, tác giả Trần Văn Biên, năm 2024 đã nhấn mạnh vai trò của bảo vệ dữ liệu cá nhân trong thời kỳ chuyển đổi số. Tuy nhiên, các công trình này chủ yếu dừng ở bình diện pháp luật dân sự hoặc quản lý hành chính, mà chưa nghiên cứu sâu sắc về mối quan hệ phức

tạp giữa quyền riêng tư và tự do báo chí trong môi trường truyền thông số.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày càng trở nên cấp thiết, đặc biệt khi các hoạt động xử lý dữ liệu diễn ra với quy mô lớn, phức tạp và mang tính xuyên biên giới. Tác giả Trần Phương Thảo trong nghiên cứu “*Protecting Personal Data Using Civil Procedure in Vietnam Today*” (Bảo vệ dữ liệu cá nhân bằng thủ tục Tố tụng dân sự ở Việt Nam hiện nay) năm 2024, đã chỉ ra rằng Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ở nước ta hiện chưa tạo ra cơ chế tố tụng hiệu quả nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tác giả nhấn mạnh rằng, mặc dù pháp luật đã quy định các nguyên tắc và quyền liên quan, nhưng vẫn tồn tại nhiều hạn chế về thẩm quyền xét xử, xử lý chứng cứ điện tử và trách nhiệm bảo vệ dữ liệu. Theo đó, các vụ kiện dân sự là một con đường pháp lý khả thi để bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân, song đòi hỏi phải hoàn thiện các quy định về thẩm quyền, chứng cứ và trách nhiệm của các chủ thể liên quan [112]. Nghiên cứu của tác giả Trần Phương Thảo góp phần làm rõ những khoảng trống lý luận về thực tiễn trong lĩnh vực bảo vệ dữ liệu cá nhân, đồng thời cung cấp cơ sở để so sánh và bổ sung các mô hình pháp lý quốc tế trong việc cân bằng giữa quyền riêng tư và quyền tự do báo chí trong môi trường truyền thông số, năm 2024.

Cùng với đó là một số nghiên cứu khác về quyền tiếp cận thông tin và quyền tự do ngôn luận, như các bài viết trên Tạp chí Nhà nước và Pháp luật của tác giả Nguyễn Minh Tuấn, năm 2019 hay Tạp chí Quyền con người, giai đoạn năm 2020-2022 đã phân tích các quy định trong Luật Tiếp cận thông tin 2016, nhấn mạnh vai trò của báo chí trong việc bảo đảm quyền được thông tin; Các công trình của tác giả Lê Thị Thu Hằng (năm 2021 và 2022) đã nghiên cứu về đạo đức nghề nghiệp trong kỷ nguyên truyền thông số, khẳng định rằng nhà báo cần tuân thủ nguyên tắc tôn trọng nhân quyền, đặc biệt là quyền nhân thân. Song, những nghiên cứu này mới dừng lại ở góc độ nghề nghiệp, chưa tích hợp với bình diện pháp lý và chưa phân tích quan hệ “cân bằng quyền” giữa tự do báo chí và các quyền cá nhân khác.

Nhìn chung, các công trình trong nước vẫn thiếu sự đối chiếu, so sánh với

kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt là EU - nơi đã hình thành khung pháp lý cụ thể, rõ ràng (GDPR, DSA, EMFA). Do đó, những nghiên cứu ở Việt Nam chưa chỉ ra được cách thức cụ thể để xây dựng khung cân bằng quyền trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số, cũng như chưa đưa ra giải pháp thực tiễn cho các vấn đề mới như: tin giả, deepfake, kiểm soát thuật toán, hay bảo vệ người làm báo trên không gian mạng. Nói cách khác, nghiên cứu ở Việt Nam hiện nay còn thiếu một khung lý luận tích hợp, đa chiều và mang tính so sánh quốc tế. Việc phát triển khung lý luận này không chỉ giúp bổ sung khoảng trống học thuật, mà còn có ý nghĩa trực tiếp trong việc hoàn thiện pháp luật và chính sách, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập sâu rộng và chịu những tác động nhất định từ các quốc gia trên thế giới.

1.2.2. Nghiên cứu về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Tại Việt Nam, cùng với tiến trình hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, vấn đề bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí đã thu hút sự quan tâm đáng kể của những nhà nghiên cứu. Một số công trình nghiên cứu chuyên sâu của các học giả về hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số và những ảnh hưởng đến bảo vệ quyền con người như:

- Nghiên cứu “*Chuyển đổi số báo chí Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” (PGS.TS. Bùi Chí Trung, TS. Phạm Văn Kiên & Nguyễn Bá chủ biên, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2022) phân tích toàn diện tiến trình chuyển đổi số trong hoạt động báo chí Việt Nam từ góc độ công nghệ, thể chế và nhân lực. Công trình làm rõ tác động của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và nền tảng mạng xã hội đối với quy trình sản xuất thông tin, đồng thời nêu bật yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin và đạo đức nghề nghiệp [120]. Đây là nguồn tư liệu quan trọng giúp luận án luận giải mối quan hệ giữa hoạt động báo chí và bảo vệ quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số.

- Công trình nghiên cứu chuyên sâu “*Nhận diện văn hóa trong không gian số*” (PGS.TS. Vũ Trọng Lâm, TS. Nguyễn Việt Lâm chủ biên, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2023) là chuyên khảo quan trọng góp phần làm rõ bản chất,

đặc trưng và thách thức của văn hóa Việt Nam trong thời kỳ chuyển đổi số. Công trình phân tích sâu các khía cạnh như văn hóa tương tác, sáng tạo nội dung, tiêu dùng số, đạo đức và hành vi công dân số, đồng thời chỉ ra tác động của mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo và kinh tế nền tảng đối với giá trị văn hóa, bản sắc dân tộc và quyền riêng tư cá nhân [92]. Tác phẩm cũng so sánh kinh nghiệm quốc tế về quản lý văn hóa số và đề xuất các giải pháp cho Việt Nam, gồm hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng số văn hóa, và nâng cao năng lực số của công dân. Công trình cung cấp nền tảng lý luận hữu ích cho nghiên cứu về bảo vệ quyền con người và giá trị văn hóa trong môi trường truyền thông số.

Đặc biệt, tác giả Vũ Trọng Lâm đã có nhiều công trình nghiên cứu trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025, trong đó tập trung nhất quán vào vai trò của chuyển đổi số trong hoạt động báo chí và mối quan hệ với bảo vệ quyền con người. Tác giả nhìn nhận chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI) không chỉ là xu thế tất yếu của báo chí hiện đại mà còn là yếu tố định hình lại quyền được thông tin, quyền riêng tư và quyền tự do biểu đạt. Trong các bài viết như *“Khai thác, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động báo chí ở Việt Nam”*, năm 2025 hay *“Phát triển xuất bản số ở Việt Nam”*, năm 2022, tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng của đạo đức công nghệ, bản quyền và tính xác thực thông tin nhằm bảo đảm quyền con người trong không gian truyền thông số. Song song đó, các nghiên cứu về *“Không gian mạng, công nghệ mạng và phương tiện truyền thông hiện đại”*, năm 2024 và *“Xây dựng không gian mạng an toàn, lành mạnh”*, năm 2022 đặt trọng tâm vào môi trường truyền thông nhân văn, an toàn, nơi báo chí thực hiện vai trò định hướng dư luận và bảo vệ giá trị con người. Ngoài ra, tác giả Vũ Trọng Lâm còn đề xuất hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực đội ngũ báo chí - xuất bản, và tăng cường quản lý thông tin mạng xã hội nhằm giảm thiểu nguy cơ xâm hại dữ liệu, tin giả, hay vi phạm đời tư. Nhìn tổng thể, các công trình của Vũ Trọng Lâm thể hiện cách tiếp cận nhất quán: kết hợp giữa đổi mới công nghệ, phát triển thể chế và củng cố nhân lực báo chí để bảo đảm rằng tiến trình chuyển đổi số phục vụ con người, tôn trọng và bảo vệ quyền con người trong mọi hoạt động truyền thông trong thời kỳ chuyển đổi số hiện nay.

- Công trình nghiên cứu *“Thành tựu nhân quyền Việt Nam 70 năm qua”* do

GS.TS. Tạ Ngọc Tấn, PGS.TS. Đặng Dũng Chí và PGS.TS. Hoàng Văn Nghĩa chủ biên (NXB Lý luận Chính trị, năm 2016) là công trình tổng hợp nhiều bài nghiên cứu chuyên sâu của các học giả, nhà quản lý và chuyên gia trong lĩnh vực quyền con người ở Việt Nam [111]. Tác phẩm khái quát chặng đường 70 năm hình thành và phát triển chính sách về quyền con người của Việt Nam, đồng thời phân tích thành tựu đạt được trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật và đối ngoại. Một số bài viết trong sách đề cập đến vai trò của báo chí, truyền thông và công nghệ thông tin trong việc lan tỏa giá trị nhân quyền, thúc đẩy dân chủ và giám sát thực thi quyền con người. Các tác giả khẳng định báo chí là công cụ quan trọng trong bảo vệ quyền con người, góp phần phản ánh tiếng nói của nhân dân, đấu tranh chống tiêu cực, bảo vệ công lý và phẩm giá con người. Dưới góc nhìn của Nghiên cứu sinh, công trình này cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn toàn diện, giúp soi sáng sự kế thừa và phát triển tư duy nhân quyền của Việt Nam, từ đó định hướng cho việc xây dựng khung pháp lý và đạo đức nghề nghiệp báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số hiện nay.

Cùng với đó, các công trình nghiên cứu cũng đi sâu vào các vấn đề cụ thể liên quan đến bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số, tiêu biểu như các công trình nghiên cứu về nội dung của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân - là một trong những bước tiến quan trọng về mặt pháp lý. Các tác giả như Nguyễn Quang Tuyền, năm 2023 trên Tạp chí Luật học và tác giả Trần Văn Biên, năm 2024 trên Tạp chí Nhà nước và Pháp luật đều cho rằng Nghị định số 13/2023/NĐ-CP là nỗ lực đáng ghi nhận của Việt Nam trong việc tiệm cận chuẩn mực quốc tế về quyền riêng tư, đặc biệt trong bối cảnh báo chí và truyền thông số ngày càng phụ thuộc vào dữ liệu cá nhân. Tuy nhiên, các tác giả cũng chỉ ra hạn chế là quy định mới dừng ở cấp nghị định, tính ràng buộc và cơ chế thực thi còn chưa mạnh, trong khi nhu cầu thực tế đòi hỏi một Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân độc lập và toàn diện.

Bên cạnh quyền riêng tư, thách thức về tin giả, tin sai lệch trên mạng xã hội cũng được nhiều học giả trong nước quan tâm, phân tích. Trên Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, tác giả Nguyễn Minh Phong, năm 2022 đã nhấn mạnh rằng tin giả

không chỉ làm rối loạn không gian công cộng, mà còn trực tiếp xâm hại quyền tiếp cận thông tin chính xác của cá nhân - thành tố cơ bản của quyền con người; Tác giả Vũ Hải Quân, năm 2023 cũng chỉ ra rằng mặc dù Việt Nam đã có các công cụ pháp lý như Luật An ninh mạng năm 2025 hay Nghị định 72/2013/NĐ-CP về quản lý Internet, song việc xử lý tin giả vẫn gặp nhiều khó khăn do tốc độ lan truyền nhanh, khó xác thực, và sự chồng chéo trong thẩm quyền quản lý.

Một số công trình khác trên Tạp chí Thông tin và Truyền thông và Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam tiếp cận từ góc độ đạo đức nghề báo. Tác giả Nguyễn Thị Minh Nguyệt, năm 2021 phân tích rằng báo chí chính thống trong thời kỳ số không chỉ cạnh tranh gay gắt với mạng xã hội về tốc độ và lượng người dùng, mà còn phải gánh trách nhiệm làm “*người gác cổng*” (*gatekeeper*) để bảo đảm tính chính xác, minh bạch và nhân văn trong thông tin. Theo đó, báo chí phải vừa bảo vệ quyền được thông tin của người dân, vừa tôn trọng quyền riêng tư, danh dự và nhân phẩm của cá nhân được đưa tin.

Mặt khác, tác giả Phạm Thị Thu Hiền, năm 2022, đăng tải trên Tạp chí Luật học đề cập là vấn đề cân bằng quyền. Tác giả Phạm Thị Thu Hiền cho rằng trong nhiều vụ việc, báo chí Việt Nam còn thiên lệch về quyền tự do biểu đạt mà xem nhẹ quyền được bảo vệ đời tư và dữ liệu cá nhân. Điều này thể hiện ở các bản tin khai thác chi tiết quá mức về đời sống cá nhân, hoặc việc đưa tin vụ án hình sự mà công khai danh tính, hình ảnh bị can, bị cáo, dẫn đến nguy cơ “kết án truyền thông” trước khi có phán quyết của Tòa án, xâm phạm đến những quyền cơ bản được quy định.

Tuy nhiên, nhìn chung có thể thấy các nghiên cứu trong nước vẫn còn thiếu một khung tiếp cận tích hợp và toàn diện. Các công trình nghiên cứu thường tập trung vào từng mảng riêng lẻ - như quyền riêng tư, chống tin giả, hay đạo đức báo chí, mà chưa đặt ba trụ cột cơ bản (quyền riêng tư - quyền bình đẳng - quyền tự do ngôn luận) trong cùng một chỉnh thể lý luận. Đồng thời, nghiên cứu so sánh với kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt là Liên minh châu Âu (EU) - nơi đi đầu trong xây dựng khung pháp lý về hoạt động báo chí gắn với quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số, vẫn còn hạn chế. Đây chính là khoảng trống mà luận án này

hướng tới lấp đầy, nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế thực thi ở Việt Nam.

Một số công trình nghiên cứu cũng đã trực tiếp đi sâu vào xung đột giữa tự do báo chí và quyền cá nhân trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam. Tiêu biểu, tác giả Nguyễn Thị Thanh Huyền, năm 2021 với công trình “*Quyền riêng tư trong hoạt động báo chí mạng ở Việt Nam*” đã chỉ ra nhiều trường hợp báo chí mạng khai thác thông tin vượt quá giới hạn pháp lý và đạo đức nghề nghiệp [86]. Tác giả phân tích tình trạng một số cơ quan báo chí công bố hình ảnh trẻ em liên quan đến vụ việc hình sự, hoặc tiết lộ thông tin đời tư, tình trạng sức khỏe mà chưa được sự đồng ý của đương sự. Những hành vi này không chỉ vi phạm BLDS 2015 (Điều 38 về bí mật đời tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình), mà còn đi ngược lại các chuẩn mực nhân quyền quốc tế như Công ước về quyền trẻ em (CRC, 1989) mà Việt Nam là thành viên; Tương tự, tác giả Lê Thị Thu Hằng, trong nghiên cứu về “*Đạo đức báo chí trong chuyển đổi số*” đã nhấn mạnh rằng áp lực cạnh tranh và chạy theo lượt truy cập (clickbait) khiến một bộ phận cơ quan báo chí đặt lợi ích thương mại lên trên trách nhiệm xã hội. Việc khai thác dữ liệu người dùng từ các nền tảng số, đăng tải thông tin giật gân về đời tư nghệ sĩ hoặc người nổi tiếng, hay mô tả chi tiết các vụ án hình sự, dẫn đến nguy cơ xâm phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự và quyền được bảo vệ hình ảnh của cá nhân [74]. Tác giả cho rằng đây là minh chứng cho việc đạo đức báo chí cần phải được tái định nghĩa trong thời kỳ chuyển đổi số, với trọng tâm là bảo vệ quyền con người thay vì những yếu tố mang tính tức thời.

Các nghiên cứu này, dù tiếp cận từ những khía cạnh khác nhau, đều cho thấy một thực tế rằng, hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam đang đứng trước nhiều thách thức trong việc cân bằng giữa quyền tự do báo chí và quyền cá nhân. Khi quyền riêng tư, quyền trẻ em, hay quyền về dữ liệu cá nhân chưa được bảo vệ đầy đủ, báo chí có thể vô tình trở thành công cụ xâm phạm nhân quyền thay vì bảo vệ nhân quyền. Đây là minh chứng cụ thể cho sự cấp thiết phải đặt quyền con người vào vị trí trung tâm của hoạt động báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số, cả trong lý luận lẫn trong thực tiễn quản lý. Những phân tích trên

cũng cho thấy, cơ chế thực thi và ý thức nghề báo của một bộ phận nhà báo và người dân vẫn còn những hạn chế nhất định. Các nghiên cứu trong nước mới dừng lại ở mức khái quát hoặc giải quyết từng vấn đề riêng lẻ (như quyền riêng tư, chống tin giả, bảo vệ dữ liệu), chưa xây dựng được một khung lý thuyết tích hợp để xem xét đồng thời các quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số. Vì vậy, nhu cầu xây dựng khung lý luận tích hợp và so sánh với kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt từ Liên minh châu Âu, trở thành một đòi hỏi cấp thiết và phù hợp.

1.3. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu

1.3.1. Những kết quả đạt được

Có thể nhận thấy rằng, vấn đề bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí, đặc biệt là trong bối cảnh chuyển đổi số, đã được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau ở cả bình diện quốc tế và Việt Nam. Những nghiên cứu này đã làm rõ một số vấn đề cốt lõi:

- Cơ sở pháp lý quốc tế và khu vực về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số (UDHR, ICCPR, ECHR, GDPR, DSA...).

- Lý luận cân bằng giữa quyền tự do báo chí và quyền cá nhân, được phát triển qua hệ thống án lệ của EU và các nghiên cứu học thuật.

- Vai trò và trách nhiệm của hoạt động báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo đối với vấn đề quyền con người.

- Thực trạng và thách thức tại Việt Nam về vấn đề dữ liệu cá nhân, tin giả, và đạo đức nghề báo trong thời kỳ chuyển đổi số.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả quan trọng đã đạt được, có thể nhận thấy hệ thống nghiên cứu hiện nay vẫn còn những khoảng trống đáng chú ý trên cả ba phương diện lý luận, pháp lý và thực tiễn.

Thứ nhất, về lý luận, các nghiên cứu nước ngoài tuy đã xây dựng được nhiều cách tiếp cận có giá trị về cân bằng giữa tự do báo chí và quyền con người, nhưng chủ yếu được phát triển trên nền tảng thể chế và bối cảnh pháp lý của Liên minh châu Âu. Vì vậy, các kết quả này chưa thể áp dụng trực tiếp cho Việt Nam nếu không có sự điều chỉnh phù hợp với điều kiện chính trị, pháp lý, văn hóa và

mô hình quản trị báo chí đặc thù. Trong khi đó, ở trong nước, các công trình hiện có chủ yếu mới dừng ở việc phân tích từng quyền hoặc từng hiện tượng riêng lẻ, như quyền riêng tư, dữ liệu cá nhân, tin giả, đạo đức báo chí, mà chưa hình thành được một khung lý luận thống nhất về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí trong bối cảnh chuyển đổi số. Nói cách khác, vẫn còn thiếu một tiếp cận liên ngành và hệ thống, có khả năng lý giải đầy đủ mối quan hệ giữa nhà nước, cơ quan báo chí, nhà báo, nền tảng số và công chúng trong cấu trúc quyền lực truyền thông mới.

Thứ hai, về pháp lý, các nghiên cứu quốc tế đã làm rõ nhiều chuẩn mực và cơ chế bảo vệ quyền con người liên quan đến báo chí số, nhưng phần lớn tập trung vào pháp luật khu vực châu Âu hoặc một số quốc gia phát triển; do đó vẫn thiếu những phân tích mang tính so sánh để rút ra giá trị tham chiếu phù hợp cho Việt Nam. Đối với các công trình trong nước, dù đã đề cập một số văn bản pháp luật, song nhìn chung vẫn chưa đánh giá một cách toàn diện mức độ tương thích, chồng chéo hay khoảng trống giữa các quy định liên quan đến báo chí, an ninh mạng, tiếp cận thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, xử lý vi phạm trên không gian mạng và trách nhiệm của nền tảng số. Đặc biệt, chưa có nhiều nghiên cứu làm rõ cơ chế pháp lý để giải quyết xung đột giữa quyền tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin với quyền riêng tư, quyền bảo vệ danh dự, nhân phẩm, dữ liệu cá nhân trong điều kiện truyền thông số đa chủ thể như hiện nay.

Thứ ba, về thực tiễn, các nghiên cứu ở nước ngoài đã phản ánh khá sâu các thách thức do nền tảng số và thuật toán gây ra đối với quyền con người, nhưng chưa cung cấp được các luận giải gắn với bối cảnh vận hành báo chí ở Việt Nam. Ở trong nước, phần lớn các công trình mới dừng lại ở việc nhận diện hiện tượng hoặc bình luận chính sách, chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu dựa trên khảo sát thực tiễn, phân tích vụ việc điển hình hoặc tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật để chỉ ra cụ thể các dạng vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí số, nguyên nhân phát sinh và hiệu quả của các cơ chế bảo vệ hiện hành. Đồng thời, vai trò thực tế của các chủ thể mới như mạng xã hội, nền tảng xuyên biên giới, hệ thống phân phối nội dung số đối với việc bảo vệ hay xâm hại quyền con người trong hoạt động báo

chí ở Việt Nam vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ.

Chính các khoảng trống nêu trên cho thấy sự cần thiết của luận án này. Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các thành tựu nghiên cứu trong và ngoài nước, luận án hướng tới việc xây dựng và hoàn thiện khung lý luận về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí trong bối cảnh chuyển đổi số; phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực này ở Việt Nam; đồng thời đề xuất các định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện.

1.3.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Từ đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu và xác định những khoảng trống lý luận và thực tiễn nghiên cứu nêu trên, luận án đặt ra một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, gồm:

Thứ nhất, cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí; hệ thống hóa và phát triển khung lý luận về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số, đặc biệt là về nội dung quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số (quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân, quyền bình đẳng và không phân biệt đối xử trong tiếp cận thông tin, quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí).

Thứ hai, cần nghiên cứu, nghiên cứu, phân tích, đánh giá kinh nghiệm của EU trong xây dựng cơ chế pháp lý, chính sách và những án lệ nhằm bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số; khảo sát thực trạng báo chí số ở Việt Nam, chỉ ra những nội dung đạt được và hạn chế, vướng mắc trong lĩnh vực này. Việc tiếp thu kinh nghiệm này cần có sự chọn lọc, điều chỉnh phù hợp với đặc thù thể chế chính trị - pháp lý và môi trường báo chí ở Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, đánh giá, làm rõ quy định pháp luật Việt Nam và thực trạng áp dụng pháp luật về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số. Đề xuất hệ thống giải pháp mang tính tổng thể và khả thi nhằm hoàn thiện khung pháp lý, chính sách, đồng thời nâng cao đạo đức và trách nhiệm xã hội của báo chí Việt Nam trong thời kỳ chuyển đổi số; tham chiếu kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt là của EU.

1.4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết khoa học

1.4.1. Giả thuyết nghiên cứu

Luận án được xây dựng và nghiên cứu dựa trên những giả thuyết nghiên cứu sau đây:

Hệ thống pháp luật và cơ chế bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí ở Việt Nam thời kỳ chuyển đổi số, bên cạnh những thành tựu cơ bản, còn chứa đựng những tồn tại, hạn chế nhất định, cả về mặt thể chế, thiết chế, cơ chế bảo vệ, giám sát thực thi các quyền này. Việc nghiên cứu quyền con người theo kinh nghiệm từ EU cho thấy, có thể tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các quốc gia thuộc EU, đặc biệt về cân bằng giữa các quyền và tăng cường giám sát độc lập đối với nền tảng truyền thông số, thì có thể hoàn thiện mô hình pháp lý ở Việt Nam theo hướng bảo vệ hiệu quả hơn các quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

1.4.2. Câu hỏi nghiên cứu

Từ những giả thuyết nghiên cứu đã xác định, luận án tập trung giải quyết một số câu hỏi nghiên cứu trọng tâm sau:

- 1) Hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số đang đặt ra những thách thức như thế nào đối với bảo vệ quyền con người?
- 2) Khung pháp lý và cơ chế bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí cần được tiếp cận và cấu trúc như thế nào cho phù hợp với đặc thù thời kỳ chuyển đổi số?
- 3) Liên minh châu Âu giải quyết bài toán cân bằng giữa các quyền trong hoạt động báo chí số theo cách nào; những kinh nghiệm nào Việt Nam có thể vận dụng?
- 4) Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành đáp ứng ở mức độ nào yêu cầu bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số?
- 5) Cần hoàn thiện pháp luật và cơ chế thực thi ở Việt Nam ra sao để bảo vệ hiệu quả quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số?

Việc trả lời các câu hỏi trên không chỉ giúp kiểm chứng các giả thuyết nghiên cứu mà còn cung cấp cơ sở khoa học cho việc đề xuất giải pháp phù hợp, nhằm hoàn thiện khung pháp luật và chính sách bảo đảm quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ

2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

2.1.1. Khái niệm bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

2.1.1.1. Khái niệm bảo vệ quyền con người

Quyền con người (Human rights) là những quyền tự nhiên, vốn có, bất khả xâm phạm và bất khả chuyển nhượng, gắn liền với mỗi cá nhân. “Quyền con người” là một phạm trù pháp lý - chính trị cơ bản, phản ánh những giá trị, nhu cầu và lợi ích tự nhiên, vốn có của con người, được thừa nhận và bảo đảm bằng pháp luật quốc gia cũng như các chuẩn mực pháp lý quốc tế. Theo Từ điển Luật học, “*quyền con người là những quyền tự nhiên, vốn có của con người, được pháp luật quốc gia và quốc tế ghi nhận và bảo vệ*” [124, tr.763]. Cách hiểu này phù hợp với định nghĩa trong Tuyên ngôn phổ quát về quyền con người của LHQ năm 1948 (UDHR) “*Tất cả mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền*” (Điều 1), và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (ICCPR): quyền con người bao gồm quyền tự do ngôn luận, quyền được bảo vệ đời tư, danh dự, nhân phẩm, và các quyền này chỉ có thể bị giới hạn bởi luật pháp nhằm tôn trọng quyền của người khác hoặc bảo đảm trật tự công cộng [39].

Theo quan điểm của tác giả Trần Ngọc Đường, “*quyền con người là giá trị nhân văn phổ quát, thể hiện phẩm giá, tự do và bình đẳng vốn có của mỗi con người; đồng thời là nền tảng để xác lập các quyền cá nhân trong phạm vi quốc gia.*” [68, tr.12]. Như vậy, quyền con người không chỉ mang tính tự nhiên và phổ quát, mà còn có tính pháp lý, được cụ thể hóa thông qua hệ thống pháp luật quốc gia và các Công ước quốc tế.

Nói cách khác, có thể hiểu “*quyền con người là những quyền tự nhiên, vốn*

có, bất khả xâm phạm, thể hiện phẩm giá, tự do và bình đẳng của mỗi con người, được pháp luật quốc gia và quốc tế thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm thực hiện.” Đây là nền tảng pháp lý - đạo đức cốt lõi của mọi hệ thống pháp luật tiên bộ, đồng thời là mục tiêu cao nhất của Nhà nước pháp quyền và xã hội hiện đại.

Ở Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 đã quy định “*Quyền con người, quyền cá nhân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm*” (Điều 14) [52]. Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định rõ quyền nhân thân gắn liền với cá nhân như: quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín (Điều 34), quyền về đời sống riêng tư và bí mật cá nhân, gia đình (Điều 38).

Trong khoa học pháp lý, bảo vệ được hiểu là một hoạt động mang tính pháp lý - xã hội, do Nhà nước, cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có thẩm quyền thực hiện nhằm phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm, đồng thời khôi phục các quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể khi các quyền, lợi ích đó bị xâm hại hoặc bị đe dọa xâm hại. Theo Từ điển tiếng Việt, “*bảo vệ*” là “*giữ gìn, che chở, làm cho không bị xâm hại, không bị mất mát, hư hỏng*” [105, tr.67]. Ở góc độ pháp lý, Từ điển Luật học xác định: “*Bảo vệ là hoạt động của cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nhằm bảo đảm cho các quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân không bị xâm phạm, hoặc được khôi phục khi bị xâm hại*” [124, tr.55]. Từ các cách tiếp cận này có thể khái quát rằng, bảo vệ là khái niệm trung tâm phản ánh hoạt động tác động trực tiếp vào các quan hệ xã hội để chống lại sự xâm phạm hoặc nguy cơ xâm phạm đối với quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể, qua đó duy trì và phục hồi trạng thái pháp lý bình thường của các quyền đó.

Cần thấy rằng, “*bảo vệ*” và “*bảo đảm*” là hai khái niệm có liên hệ chặt chẽ nhưng không đồng nhất. Bảo đảm thường được hiểu là việc tạo lập các tiền đề, điều kiện, cơ chế và phương tiện cần thiết để quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể có thể được thực hiện trên thực tế. Nói cách khác, bảo đảm nhấn mạnh đến hệ thống điều kiện về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, tổ chức và thể chế làm cơ sở cho việc thực hiện quyền. Trong khi đó, bảo vệ nhấn mạnh đến hoạt động can thiệp mang tính pháp lý và thực tiễn nhằm ngăn ngừa, chấm dứt, xử lý hành vi vi phạm, cũng như khôi phục quyền khi đã xảy ra xâm phạm. Hai phạm trù này

không tách rời mà bổ sung cho nhau: không có bảo đảm thì hoạt động bảo vệ khó có cơ sở để triển khai; ngược lại, nếu chỉ có bảo đảm về mặt hình thức mà thiếu cơ chế bảo vệ hữu hiệu thì các quyền được ghi nhận vẫn có thể chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Vì vậy, trong nhận thức khoa học pháp lý, bảo vệ không thể được hiểu đơn thuần là sự thừa nhận hay tuyên bố về quyền, mà phải được nhìn nhận như một quá trình tác động tích cực, có tổ chức, bằng các công cụ pháp lý và thiết chế phù hợp, nhằm làm cho quyền trở thành hiện thực.

Từ góc độ đó, bảo vệ không chỉ là một quyền mà còn là trách nhiệm pháp lý của các chủ thể liên quan. Nhà nước, với tư cách là chủ thể trung tâm của quyền lực công, có trách nhiệm xây dựng pháp luật, tổ chức bộ máy, thiết lập cơ chế và áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ trật tự, kỷ cương pháp luật và lợi ích công cộng. Đồng thời, cơ quan, tổ chức và cá nhân cũng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, hoặc trong những trường hợp luật định, được tự mình thực hiện các biện pháp bảo vệ phù hợp.

Nói cách khác, *bảo vệ quyền con người là tổng hợp các biện pháp pháp lý, chính trị, kinh tế và xã hội do Nhà nước và xã hội thực hiện nhằm ngăn ngừa, chấm dứt, khắc phục hành vi xâm phạm và bảo đảm việc thực thi đầy đủ, hiệu quả các quyền con người trên thực tế.*

2.1.1.2. Khái niệm hoạt động báo chí

“Hoạt động báo chí” là một phạm trù thuộc lĩnh vực truyền thông đại chúng, có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống xã hội và trong việc thực hiện quyền tự do ngôn luận của con người. Theo Từ điển tiếng Việt, “báo chí” được hiểu là “*phương tiện thông tin đại chúng truyền tải tin tức, bài viết, hình ảnh, phản ánh tình hình xã hội và bày tỏ quan điểm về các vấn đề đời sống*” [106, tr.79].

Theo đó, hoạt động báo chí là một phạm trù đa chiều, vừa là quyền của cá nhân vừa là nghĩa vụ của nhà báo và cơ quan báo chí, đồng thời là một hoạt động mang tính pháp lý và xã hội, chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Về bản chất, hoạt động báo chí là một dạng hoạt động

xã hội - nghề nghiệp có tính sáng tạo và công vụ, được pháp luật điều chỉnh nhằm đảm bảo tính trung thực, khách quan, và định hướng đúng đắn của thông tin, vừa thể hiện quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận của con người, vừa chịu trách nhiệm trước pháp luật và xã hội về nội dung thông tin được đăng tải. Trong bối cảnh chuyển đổi số, khái niệm hoạt động báo chí được mở rộng, không chỉ giới hạn ở báo chí truyền thống mà còn bao gồm báo chí điện tử, báo chí mạng xã hội và các hình thức báo chí mới dựa trên nền tảng công nghệ số. Báo chí số không chỉ cung cấp thông tin nhanh chóng, đa dạng mà còn mở rộng phạm vi tương tác giữa nhà báo, cơ quan báo chí và người dân. Tuy nhiên, môi trường này cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về trách nhiệm, nghĩa vụ pháp lý và đạo đức nghề nghiệp, nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin chính xác, bảo vệ quyền con người và duy trì trật tự thông tin trong xã hội.

Về phương diện pháp lý, Luật Báo chí năm 2016 (Điều 3, khoản 2) định nghĩa: *“Hoạt động báo chí là hoạt động sáng tạo tác phẩm báo chí, sản xuất, cung cấp, truyền dẫn, phát sóng sản phẩm báo chí và các hoạt động khác có liên quan đến báo chí”* [53]. Từ định nghĩa này có thể thấy hoạt động báo chí không chỉ bao gồm quá trình sáng tạo nội dung (thu thập thông tin, viết bài, biên tập, sản xuất) mà còn bao trùm cả quá trình kỹ thuật và tổ chức để thông tin được truyền tải đến người dân một cách chính xác, kịp thời và có định hướng. Hoạt động này bao gồm nhiều công đoạn liên quan đến nghiệp vụ hoạt động báo chí, quản lý, kiểm duyệt nội dung; tuân thủ các nguyên tắc pháp luật, đạo đức nghề nghiệp. Nói cách khác, hoạt động báo chí không chỉ là quá trình truyền tải thông tin mà còn là một chức năng xã hội quan trọng, thể hiện quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí của cá nhân, đồng thời đóng vai trò “người gác cổng” (gatekeeper) trong việc giám sát quyền lực, bảo vệ lợi ích cộng đồng và thúc đẩy minh bạch trong đời sống xã hội.

Tóm lại, hoạt động báo chí được hiểu là *quá trình thu thập, xử lý và truyền tải thông tin đến người dân một cách trung thực, kịp thời và có trách nhiệm xã hội, nhằm phục vụ quyền được thông tin của cá nhân và lợi ích chung của xã hội.*

Hoạt động báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số có một số đặc điểm sau:

Thứ nhất, hoạt động báo chí bảo vệ quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số có tính đa dạng và tốc độ lan tỏa thông tin. Hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số sử dụng hệ thống kỹ thuật số, nền tảng mạng xã hội và các công cụ phân phối nội dung tự động để nhanh chóng đưa thông tin đến người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin, giúp cá nhân nhận được thông tin chính xác, kịp thời để tham gia vào đời sống xã hội. Tuy nhiên, tốc độ lan tỏa cũng đồng thời đặt ra nguy cơ lan truyền thông tin sai lệch, tin giả. Do đó, để bảo vệ quyền con người, hoạt động báo chí thời kỳ này cần thiết lập quy trình kiểm chứng thông tin (fact-checking), áp dụng Bộ tiêu chuẩn đạo đức nghề báo và tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

Thứ hai, hoạt động báo chí bảo vệ quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số có tính tương tác cao và tham gia của các cá nhân. Báo chí số không chỉ là kênh truyền tải thông tin một chiều mà còn cho phép người dân tham gia trao đổi, phản hồi, chia sẻ ý kiến. Đây vừa là biểu hiện của quyền tự do ngôn luận, vừa phản ánh nhu cầu mở rộng phạm vi chủ thể quyền trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số. Tuy nhiên, tính tương tác này cũng đặt ra yêu cầu đối với hoạt động báo chí trong việc kiểm chứng thông tin, bảo vệ quyền được biết của người dân, đồng thời tuân thủ nghĩa vụ hạn chế lan truyền tin giả, thông tin sai lệch.

Thứ ba, hoạt động báo chí bảo vệ quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số có sự đan xen giữa quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia. Trong môi trường báo chí số, quyền tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin và quyền bảo vệ đời tư, danh dự, nhân phẩm không tồn tại một cách tách biệt. Chúng luôn gắn liền với nghĩa vụ tương ứng: nghĩa vụ kiểm chứng thông tin, nghĩa vụ tôn trọng sự thật, nghĩa vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân, nghĩa vụ tuân thủ quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề báo. Việc thực hiện nghĩa vụ này là điều kiện cần để bảo đảm quyền con người trong hoạt động báo chí số.

Thứ tư, hoạt động báo chí bảo vệ quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số có sự chịu ảnh hưởng từ khung pháp luật quốc tế, khu vực và quốc gia, đồng thời phải thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số. Việc xây dựng và điều chỉnh khung pháp lý, cùng với các quy định về trách nhiệm của nền tảng số, là yếu tố then chốt để đảm bảo sự cân bằng giữa quyền tự do báo chí và

quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số. Cơ chế này vận hành thông qua việc luật hóa các nguyên tắc bảo vệ quyền con người, thiết lập trách nhiệm pháp lý của nhà báo, cơ quan báo chí và nền tảng công nghệ, đồng thời cập nhật điều chỉnh phù hợp với tiến bộ công nghệ.

2.1.1.3. Khái niệm bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Trong bối cảnh chuyển đổi số, hoạt động báo chí không chỉ giới hạn ở quá trình sản xuất và phổ biến thông tin, mà còn được mở rộng về nội hàm, phản ánh mối quan hệ hữu cơ giữa hoạt động báo chí và quyền con người. Sự phát triển của hoạt động báo chí dựa trên nền tảng công nghệ đã tạo điều kiện cho việc tiếp cận thông tin nhanh chóng, đa dạng và liên tục, đồng thời hình thành môi trường tương tác hai chiều giữa nhà báo, cơ quan báo chí và người dân. Điều này mở ra cơ hội quan trọng để hiện thực hóa quyền tiếp cận thông tin của người dân, song cũng đặt ra những thách thức mới trong việc bảo đảm và bảo vệ quyền con người, đặc biệt là quyền riêng tư, quyền được bảo vệ danh dự - nhân phẩm, và quyền được tiếp cận thông tin chính xác.

Từ góc độ lý luận, hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số cần được xem xét trong khung bảo vệ quyền con người, bao gồm ba nhóm quyền cơ bản: 1) Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và quyền được tiếp cận thông tin; 2) Quyền riêng tư, quyền nhân thân và bảo vệ dữ liệu cá nhân; 3) Quyền bình đẳng, bảo vệ danh dự và nhân phẩm.

Song song với các quyền, hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số cũng gắn liền với nghĩa vụ pháp lý và đạo đức nghề nghiệp của chủ thể báo chí, bao gồm: 1) Bảo đảm tính khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình hoạt động báo chí; 2) Tuân thủ quy định về quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân; 3) Tránh lan truyền thông tin sai lệch hoặc gây tổn hại đến uy tín, danh dự của cá nhân và tổ chức; 4) Bảo vệ quyền tiếp cận thông tin đa dạng, chính xác và kịp thời của người dân; 5) Thực hiện trách nhiệm xã hội trong việc ngăn chặn, phản bác tin giả và thông tin độc hại. Nói cách khác, trong môi trường báo chí số, hoạt động báo chí không còn đơn thuần là lĩnh vực truyền thông, mà trở thành một hoạt động pháp lý - xã hội mang tính hai chiều, vừa là quyền của nhà báo và cá nhân, vừa là

nghĩa vụ phải tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Việc điều chỉnh hoạt động báo chí trong khung pháp lý và chuẩn mực đạo đức là điều kiện tiên quyết để đảm bảo sự cân bằng giữa tự do báo chí và bảo vệ quyền con người, phù hợp với yêu cầu của xã hội và toàn cầu hóa thông tin.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, hoạt động báo chí, với đặc trưng của nền tảng công nghệ, cho phép tiếp cận thông tin nhanh chóng, đa dạng và liên tục, đồng thời tạo ra một môi trường tương tác hai chiều giữa nhà báo, cơ quan báo chí và người dân. Điều này vừa mở ra cơ hội lớn để thực hiện quyền tiếp cận thông tin, vừa đặt ra nhiều thách thức mới liên quan đến việc bảo vệ quyền con người, đặc biệt là quyền riêng tư, quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm và quyền tiếp cận thông tin chính xác.

Nói cách khác, *“bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số được hiểu là quá trình thiết lập và vận hành tổng thể các bảo đảm pháp lý và thể chế, thông qua hệ thống quy phạm pháp luật, cơ chế thực thi, giám sát, xử lý vi phạm và khắc phục hậu quả, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cùng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện, nhằm bảo đảm việc tôn trọng, thực hiện và bảo vệ các quyền con người trong hoạt động báo chí; đồng thời xử lý các hành vi xâm phạm quyền, qua đó duy trì sự cân bằng giữa quyền tự do báo chí và việc bảo vệ quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số”*.

2.1.2. Đặc điểm bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

2.1.2.1. Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số có tính pháp lý

Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số mang đặc tính pháp lý rõ nét, thể hiện ở mối quan hệ biện chứng giữa tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin và trách nhiệm pháp lý trong việc tôn trọng, bảo vệ các quyền khác của con người. Sự phát triển của công nghệ số đã làm thay đổi căn bản không gian hoạt động của báo chí, từ phạm vi quốc gia sang môi trường mạng mang tính toàn cầu, nơi các chuẩn mực pháp lý quốc tế, khu vực và quốc gia cùng tồn tại và tác động đan xen, hình thành một khuôn khổ pháp lý đa tầng

điều chỉnh hoạt động truyền thông. Trong khuôn khổ đó, đặc tính pháp lý của việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số được thể hiện trên ba phương diện cơ bản: (i) báo chí là chủ thể thực thi quyền con người thông qua việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, quyền tự do biểu đạt và chức năng giám sát quyền lực xã hội; (ii) báo chí là đối tượng chịu sự điều chỉnh của pháp luật, có trách nhiệm tôn trọng quyền riêng tư, danh dự, nhân phẩm và dữ liệu cá nhân; (iii) báo chí là công cụ pháp lý - xã hội góp phần thúc đẩy tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và bảo vệ công lý. Trong thời kỳ chuyển đổi số, những đặc tính này càng được củng cố khi báo chí vận hành trong môi trường pháp lý đa tầng, chịu ảnh hưởng đồng thời của chuẩn mực quốc tế, quy định khu vực và pháp luật quốc gia, hướng đến mục tiêu chung là đảm bảo tự do báo chí song hành với việc bảo vệ toàn diện các quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số.

2.1.2.2. Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số có tính đa chiều

Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số mang tính đa chiều, bởi nó diễn ra trong không gian truyền thông số hóa, nơi quyền con người vừa được mở rộng cơ hội thực thi, vừa đối mặt với những rủi ro xâm phạm mới.

Chuyển đổi số đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy các quyền cơ bản, đặc biệt là quyền tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin và quyền tham gia đời sống xã hội. Công nghệ số giúp những thông tin được lan tỏa nhanh chóng, đa dạng hóa chủ thể truyền thông, qua đó góp phần tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và giám sát quyền lực. Nói cách khác, báo chí số đóng vai trò tích cực trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người. Tuy nhiên, môi trường số cũng làm phát sinh nhiều nguy cơ xâm phạm quyền con người, nhất là quyền riêng tư, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân, tổ chức. Tốc độ lan truyền thông tin nhanh, khả năng sao chép và lưu trữ lâu dài khiến các sai sót báo chí, thông tin chưa được kiểm chứng hoặc mang tính xâm hại có thể gây hậu quả nghiêm trọng và khó khắc phục. Điều này đặt ra yêu cầu bảo vệ quyền con người không chỉ sau khi vi phạm xảy ra mà còn phải phòng

ngừa từ sớm.

Tính đa chiều của bảo vệ quyền con người trong báo chí thời kỳ chuyển đổi số còn thể hiện ở sự song hành giữa quyền và nghĩa vụ. Một mặt, nhà báo và cơ quan báo chí được bảo đảm quyền tự do báo chí, tự do biểu đạt, mặt khác họ phải tuân thủ các chuẩn mực pháp lý, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội. Việc bảo vệ quyền con người vì vậy không đồng nghĩa với hạn chế báo chí, mà là thiết lập sự cân bằng hợp lý giữa tự do báo chí và bảo vệ lợi ích chính đáng của cá nhân, cộng đồng và trật tự công cộng. Do đó, bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số đòi hỏi cách tiếp cận tổng thể, kết hợp giữa pháp luật, công nghệ, đạo đức nghề nghiệp và cơ chế tự điều chỉnh, nhằm bảo đảm các quyền con người được tôn trọng, bảo vệ và thực thi hiệu quả trong môi trường truyền thông hiện đại.

2.1.2.3. Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số có tính cân bằng quyền lợi

Một trong những đặc điểm của bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số là tính cân bằng quyền lợi giữa tự do báo chí và các quyền nhân thân của cá nhân, quyền riêng tư, quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm và an toàn cá nhân. Tự do báo chí không phải là một quyền tuyệt đối mà phải được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật và hài hòa với các quyền con người khác, nhằm đảm bảo rằng việc công khai thông tin cá nhân không gây tổn hại đến các giá trị nhân phẩm và đời sống riêng tư của họ.

Như tại Điều 19 ICCPR quy định rằng quyền tự do ngôn luận có thể bị hạn chế khi cần thiết để tôn trọng quyền hoặc danh dự của người khác, hoặc nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe hay đạo đức xã hội. Đây là cơ sở pháp lý quốc tế quan trọng cho nguyên tắc “*tự do đi đôi với trách nhiệm*” trong hoạt động báo chí. Trong khi đó tại khu vực châu Âu, Tòa án Nhân quyền châu Âu (ECtHR) đã phát triển một hệ thống án lệ phong phú thể hiện rõ nguyên tắc cân bằng giữa quyền tự do báo chí (Điều 10 - ECHR) và quyền được tôn trọng đời sống riêng tư và danh dự (Điều 8, ECHR). Pháp luật và các chính sách của EU đã nhấn mạnh yêu cầu báo chí phải cân bằng giữa lợi ích thông tin và quyền

bảo vệ đời tư, coi đây là nguyên tắc cốt lõi của tự do báo chí có trách nhiệm. Cùng với đó, Hiến pháp năm 2013 (Điều 25) khẳng định quyền tự do báo chí của cá nhân, nhưng đồng thời yêu cầu việc thực hiện các quyền này phải tuân thủ quy định của pháp luật; Luật Báo chí năm 2016 (Điều 9 và Điều 10) nghiêm cấm hành vi xuyên tạc, xúc phạm danh dự, nhân phẩm hoặc tiết lộ bí mật đời tư của cá nhân, trong khi BLDS năm 2015 (Điều 34 và Điều 38) bảo vệ cụ thể quyền về hình ảnh, danh dự và đời sống riêng tư...[53].

Nói cách khác, tính cân bằng quyền lợi trong hoạt động báo chí thể hiện ở việc đảm bảo sự hài hòa giữa quyền được biết và quyền được bảo vệ, giữa tự do biểu đạt của nhà báo và an toàn nhân thân của cá nhân được đưa tin. Nguyên tắc này phản ánh bản chất nhân văn của pháp luật hiện đại: báo chí vừa là công cụ của tự do dân chủ, vừa là lĩnh vực chịu trách nhiệm pháp lý khi quyền con người bị xâm phạm. Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc duy trì sự cân bằng này càng trở nên cấp thiết, nhằm bảo đảm rằng tự do báo chí phát triển cùng với sự tôn trọng và bảo vệ giá trị cốt lõi - con người.

2.1.2.4. Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số có tính thích ứng với công nghệ

Chuyển đổi số đã thay đổi sâu sắc bản chất, quy trình và phạm vi ảnh hưởng của hoạt động báo chí, khi công nghệ trở thành yếu tố trung tâm trong việc thu thập, xử lý, phân phối và tiếp nhận thông tin. Trong bối cảnh đó, việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí không thể dựa vào các khuôn khổ pháp lý truyền thống, mà phải được thích ứng linh hoạt với các thách thức mới của kỷ nguyên công nghệ số, bao gồm quản trị dữ liệu lớn (Big data), bảo mật thông tin trực tuyến, kiểm soát tin giả (fake news) và tác động của các thuật toán gợi ý nội dung (algorithmic curation).

Ở cấp độ quốc tế, nhiều tổ chức quốc tế đã thừa nhận sự cần thiết của việc điều chỉnh pháp lý phù hợp với bối cảnh công nghệ. Báo cáo của Cao ủy Nhân quyền LHQ năm 2021 về “*Tự do ngôn luận trong kỷ nguyên kỹ thuật số*” đã nhấn mạnh vấn đề các quốc gia cần bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của các nền tảng số và tôn trọng quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân của người dùng truyền thông trực tuyến. Đồng thời, Nghị quyết 45/95 năm 2020 của Hội

đồng Nhân quyền LHQ cũng kêu gọi xây dựng các khung pháp lý bảo vệ nhà báo, người làm truyền thông và người sử dụng Internet, trong đó chú trọng chống lại sự thao túng thông tin và lan truyền tin giả bằng các biện pháp phù hợp với chuẩn mực quốc tế về quyền con người.

Trong khuôn khổ pháp luật EU, nguyên tắc thích ứng công nghệ được thể hiện rõ trong các đạo luật nền tảng như: Quy định Bảo vệ Dữ liệu Chung (GDPR, 2016/679); Đạo luật Dịch vụ Kỹ thuật số (Digital Services Act - DSA, 2022); Đạo luật Thị trường Kỹ thuật số (Digital Markets Act - DMA, 2022). Những văn bản này thể hiện sự chuyển dịch từ pháp luật báo chí truyền thống sang pháp luật truyền thông kỹ thuật số, trong đó bảo vệ quyền con người được tích hợp với bảo vệ công nghệ và dữ liệu.

Tại Việt Nam, nguyên tắc thích ứng với công nghệ cũng được thể chế hóa trong Luật An ninh mạng năm 2025, Luật Bảo vệ Dữ liệu cá nhân năm 2025, cùng với các Chiến lược chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021-2030. Các quy định này nhấn mạnh nghĩa vụ của tổ chức báo chí, doanh nghiệp công nghệ và nhà quản lý trong việc bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân, ngăn chặn việc thu thập, chia sẻ trái phép thông tin người dùng; kiểm soát và xử lý thông tin sai lệch trên không gian mạng, đặc biệt là tin giả gây ảnh hưởng đến quyền con người và trật tự xã hội; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong hoạt động báo chí báo chí, đồng thời bảo đảm trách nhiệm pháp lý khi sử dụng trí tuệ nhân tạo hoặc thuật toán tự động trong sản xuất và phân phối tin tức.

Tính thích ứng với công nghệ trong bảo vệ quyền con người thể hiện ở việc pháp luật báo chí và truyền thông phải liên tục cập nhật để phản ứng kịp thời với đổi mới công nghệ, đồng thời duy trì nguyên tắc cốt lõi của quyền con người: tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền cơ bản của cá nhân trong mọi môi trường - kể cả thời kỳ chuyển đổi số.

2.1.2.5. Đặc điểm về tính trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể của hoạt động báo chí trong bảo vệ quyền con người

Trong thời kỳ chuyển đổi số, các chủ thể của hoạt động báo chí theo Luật Báo chí năm 2016, bao gồm cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, cơ quan báo chí,

nhà báo và công dân, vừa là chủ thể thực hiện quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận trên báo chí và quyền tiếp cận thông tin, vừa là chủ thể có nghĩa vụ pháp lý trong việc tôn trọng, bảo vệ quyền con người. Trong đó, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí có trách nhiệm bảo đảm khuôn khổ pháp lý, tổ chức thực thi và kiểm soát hoạt động báo chí trong môi trường số; cơ quan báo chí và nhà báo có nghĩa vụ tuân thủ các chuẩn mực pháp luật và đạo đức nghề nghiệp, không xâm phạm quyền về đời sống riêng tư, danh dự, nhân phẩm và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân; công dân, với tư cách là chủ thể thực hiện quyền tự do báo chí, có trách nhiệm sử dụng quyền này phù hợp với pháp luật, không lợi dụng hoạt động báo chí để xâm phạm quyền con người trong không gian số.

Cách tiếp cận này phù hợp với các chuẩn mực pháp lý quốc tế về quyền con người và tự do báo chí. Theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) và Bình luận chung số 34 của Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc, báo chí có “*nghĩa vụ xã hội đặc biệt*” trong việc cung cấp thông tin chính xác, khách quan và có trách nhiệm, tránh gây tổn hại đến quyền hoặc uy tín của người khác. Trong thực tiễn châu Âu, Tòa án Nhân quyền châu Âu (ECtHR) đã phát triển nguyên tắc “*báo chí có trách nhiệm*” (responsible journalism), theo đó quyền tự do báo chí luôn gắn liền với nghĩa vụ xác minh thông tin và tôn trọng đời sống riêng tư. Bên cạnh đó, Đạo luật Dịch vụ Kỹ thuật số (DSA) của Liên minh châu Âu còn mở rộng yêu cầu trách nhiệm sang môi trường trực tuyến, đặt ra các nghĩa vụ về minh bạch thuật toán, kiểm soát thông tin sai lệch và bảo vệ quyền của người dùng.

Ở Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 và Luật Báo chí năm 2016 khẳng định quyền tự do báo chí phải được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời quy định rõ trách nhiệm pháp lý của cơ quan báo chí và nhà báo đối với nội dung thông tin. Cùng với đó, Luật An ninh mạng năm 2025 và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân đã bổ sung các cơ chế pháp lý quan trọng nhằm bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ quyền riêng tư và ngăn chặn các hành vi xâm hại quyền con người trong không gian số. Như vậy, tính trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể báo chí là nền tảng bảo đảm cho hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số phát triển

lành mạnh và bền vững. Báo chí không chỉ thực hiện chức năng thông tin và phản ánh xã hội, mà còn đóng vai trò như một thiết chế pháp lý - đạo đức, góp phần duy trì sự cân bằng giữa quyền được thông tin của công chúng và quyền được bảo vệ của con người trong xã hội thời kỳ chuyển đổi số.

2.1.3. Vai trò bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

2.1.3.1. Vai trò bảo vệ quyền con người đối với hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số giữ vai trò đặc biệt quan trọng, thể hiện trên nhiều phương diện gắn với sự vận hành của môi trường truyền thông số.

Thứ nhất, bảo vệ quyền con người là cơ sở định hướng cho hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số phát triển đúng đắn. Khi thông tin được sản xuất, xử lý và lan truyền với tốc độ nhanh và phạm vi rộng, báo chí không chỉ đơn thuần truyền tải sự kiện mà còn tác động sâu sắc đến nhận thức, thái độ và hành vi xã hội. Việc tôn trọng và bảo đảm các quyền con người cơ bản như quyền tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin, quyền riêng tư và quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân giúp hoạt động báo chí thực hiện đúng vai trò xã hội của mình.

Trên nền tảng số, quyền tự do ngôn luận và quyền tiếp cận thông tin tạo điều kiện để báo chí phản ánh đa chiều đời sống xã hội, tăng cường tính minh bạch và khả năng giám sát quyền lực. Đồng thời, việc bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân đặt ra những giới hạn cần thiết trong quá trình thu thập, khai thác và công bố thông tin, qua đó ngăn ngừa các hành vi xâm phạm đời sống cá nhân, danh dự và nhân phẩm của chủ thể liên quan. Chính sự tôn trọng các quyền con người này góp phần định hướng nội dung và phương thức hoạt động của báo chí số theo hướng chuẩn mực, nhân văn và có trách nhiệm, hạn chế xu hướng thương mại hóa, giật gân, “*câu view*” hoặc chạy theo lợi ích kinh tế thuần túy. Qua đó, báo chí số không chỉ phát triển về công nghệ mà còn phát triển bền vững về giá trị xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

Thứ hai, bảo vệ quyền con người góp phần cân bằng giữa tự do báo chí và

trách nhiệm xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số. Không gian truyền thông số mở rộng đáng kể khả năng tự do biểu đạt, cho phép báo chí tiếp cận nhanh chóng công chúng và tham gia sâu hơn vào đời sống xã hội. Tuy nhiên, chính đặc điểm mở, tương tác cao và lan truyền nhanh của môi trường số cũng làm gia tăng nguy cơ lạm dụng quyền tự do báo chí, phổ biến thông tin sai lệch, xuyên tạc sự thật hoặc xâm phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân, tổ chức. Trong bối cảnh đó, việc bảo vệ quyền con người đóng vai trò như chuẩn mực định hướng và giới hạn cần thiết cho hoạt động báo chí. Các quyền con người, đặc biệt là quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm và đời sống riêng tư, đặt ra yêu cầu báo chí phải thận trọng trong quá trình thu thập, xử lý và công bố thông tin, bảo đảm tính chính xác, khách quan và nhân văn. Những giới hạn này không nhằm hạn chế tự do báo chí một cách tùy tiện, mà nhằm bảo đảm quyền tự do biểu đạt được thực thi gắn với trách nhiệm xã hội. Nhờ đó, báo chí số có thể phát huy vai trò phản biện, giám sát và định hướng dư luận, đồng thời vẫn tôn trọng lợi ích chung, giữ gìn trật tự xã hội và bảo vệ các giá trị cốt lõi của quyền con người trong môi trường truyền thông hiện đại.

Thứ ba, bảo vệ quyền con người là yếu tố quan trọng nâng cao uy tín và tính bền vững của hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số. Trong môi trường truyền thông số, nơi công chúng có khả năng phản hồi, đánh giá và lan truyền thông tin một cách nhanh chóng, uy tín của báo chí không chỉ được xây dựng bằng tốc độ đưa tin mà còn bằng mức độ tôn trọng và bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân và tổ chức liên quan. Sự tôn trọng này góp phần hình thành niềm tin xã hội, yếu tố cốt lõi quyết định khả năng tồn tại và phát triển lâu dài của báo chí trong môi trường cạnh tranh gay gắt của không gian số. Bên cạnh đó, việc bảo vệ quyền con người còn thúc đẩy sự tương tác tích cực và có trách nhiệm của công chúng đối với báo chí số. Khi cá nhân thấy được sự công bằng, minh bạch và nhân văn trong hoạt động báo chí, họ không chỉ tiếp nhận thông tin mà còn chủ động tham gia đối thoại, phản biện và chia sẻ nội dung. Qua đó, hoạt động báo chí vừa củng cố vị thế xã hội, vừa tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững dựa trên niềm tin và sự đồng hành của công chúng.

Thứ tư, bảo vệ quyền con người còn là động lực quan trọng thúc đẩy quá trình hoàn thiện pháp luật và chuẩn mực hoạt động báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số. Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng truyền thông mới đã làm xuất hiện nhiều thách thức chưa từng có đối với việc bảo đảm các quyền con người, đặc biệt là quyền riêng tư, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm. Những thách thức này đòi hỏi hệ thống pháp luật và các chuẩn mực nghề nghiệp báo chí phải liên tục được rà soát, cập nhật và điều chỉnh. Thông qua việc nhận diện và xử lý kịp thời các nguy cơ xâm phạm quyền con người trong môi trường số, những quy định về mặt pháp lý đối với hoạt động báo chí từng bước được hoàn thiện theo hướng bao quát hơn các hành vi vi phạm mới phát sinh, đồng thời tăng cường cơ chế phòng ngừa và bảo vệ quyền hiệu quả. Song song với đó, các quy tắc đạo đức nghề nghiệp báo chí cũng được nâng cao, yêu cầu người làm báo sử dụng công nghệ một cách có trách nhiệm, đặt quyền con người làm giá trị trung tâm trong mọi hoạt động tác nghiệp.

2.1.3.2. Vai trò của hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số đối với bảo vệ quyền con người

Hoạt động báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số giữ vai trò trung tâm trong việc bảo đảm quyền con người, vừa ở khía cạnh cung cấp thông tin, vừa ở khía cạnh giám sát quyền lực và thúc đẩy minh bạch xã hội. Báo chí không chỉ là kênh truyền tải thông tin mà còn là công cụ bảo vệ và thúc đẩy các quyền cơ bản như quyền tiếp cận thông tin, quyền tự do ngôn luận, quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, và quyền riêng tư.

Thứ nhất, hoạt động báo chí như một thiết chế thực thi quyền con người. Theo lý luận pháp luật quốc tế về quyền con người, Nhà nước có ba nhóm nghĩa vụ cơ bản đối với quyền con người, bao gồm nghĩa vụ tôn trọng (*to respect*), nghĩa vụ bảo vệ (*to protect*) và nghĩa vụ thực thi (*to fulfil*). Trong cơ chế thực hiện các nghĩa vụ này, hoạt động báo chí giữ vai trò quan trọng như một thiết chế hỗ trợ thực thi quyền, thông qua việc tác động gián tiếp nhưng hiệu quả đến cả ba nhóm nghĩa vụ nêu trên.

Trước hết, thông qua chức năng thông tin, phản biện và diễn đàn xã hội, báo chí góp phần bảo đảm nghĩa vụ tôn trọng quyền con người của Nhà nước, đặc biệt là quyền được thông tin, quyền tự do biểu đạt và quyền tham gia phản hồi, bày tỏ ý kiến của cá nhân đối với các vấn đề công. Cùng với đó, với vai trò giám sát xã hội, báo chí trở thành công cụ quan trọng trong việc phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn các hành vi lạm quyền, tham nhũng hoặc xâm phạm nhân phẩm con người, qua đó hỗ trợ Nhà nước thực hiện nghĩa vụ bảo vệ quyền con người. Bên cạnh đó, thông qua chức năng giáo dục và định hướng xã hội, báo chí góp phần phổ biến tri thức pháp luật, lan tỏa các giá trị nhân quyền và nâng cao nhận thức pháp lý của công chúng, từ đó thúc đẩy việc thực thi quyền con người trên thực tế bằng cách tăng cường năng lực tiếp cận thông tin và ý thức pháp luật của cá nhân. Với chức năng giám sát, phản biện và định hướng dư luận, báo chí giữ vị trí tương đồng với các thiết chế tư pháp và các cơ chế giám sát xã hội khác trong việc bảo đảm và thúc đẩy quyền con người trong xã hội hiện đại.

Thứ hai, hoạt động báo chí góp phần giám sát và cân bằng quyền lực trong xã hội pháp quyền. Theo học thuyết “*Fourth Estate*” (quyền lực thứ tư), báo chí là yếu tố bảo đảm cho cơ chế kiểm soát và cân bằng quyền lực trong một xã hội [144]. Báo chí không nắm quyền lực Nhà nước, nhưng có khả năng giám sát quyền lực bằng công luận, báo chí giúp đảm bảo trách nhiệm giải trình của cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, thúc đẩy sự minh bạch, công khai thông tin. Trong bối cảnh chuyển đổi số, báo chí còn mở rộng vai trò giám sát thông qua việc phân tích dữ liệu mở (*open data*), báo chí dữ liệu (*data journalism*) và điều tra số (*digital investigation*), qua đó nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người bằng công nghệ.

Về mặt pháp lý, cơ chế này được củng cố trong Điều 19 ICCPR và Điều 10 Công ước châu Âu về quyền con người (ECHR), coi báo chí là yếu tố cốt lõi của xã hội. Tòa án Nhân quyền châu Âu (ECtHR) nhiều lần khẳng định rằng báo chí là “*watchdog of democracy*” - người canh gác nền dân chủ [156]. Ở Việt Nam, nguyên tắc này được phản ánh trong Điều 4 và Điều 25 Hiến pháp năm 2013 cùng Luật Báo chí năm 2016, xác định báo chí là diễn đàn của nhân dân và phương tiện phản biện xã hội, góp phần bảo vệ công lý và quyền con người.

Thứ ba, hoạt động báo chí là công cụ pháp lý - xã hội bảo vệ quyền nhân thân trong thời kỳ chuyển đổi số. Trên thực tế các quyền con người không được coi là tuyệt đối, do đó, tự do báo chí phải được điều chỉnh trong giới hạn cần thiết để bảo vệ nhân phẩm và đời sống riêng tư. Tính đối trọng này được thể chế hóa trong Điều 8 và 10 ECHR của châu Âu, tạo nên cơ sở lý luận cho hàng loạt án lệ về cân bằng giữa lợi ích công cộng (public interest) và đời sống riêng tư (private life). Trong bối cảnh chuyển đổi số, báo chí còn gắn với vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân. Các quy định của GDPR (2016/679) ở EU và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 phản ánh xu thế pháp lý này, yêu cầu báo chí khi xử lý, đăng tải thông tin phải đảm bảo tính hợp pháp, minh bạch và có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu. Như vậy, báo chí hiện nay không chỉ bảo vệ quyền con người bằng ngôn từ, mà còn bằng cơ chế kỹ thuật và quản trị thông tin số.

Thứ tư, hoạt động báo chí góp phần cầu nối giữa nhà nước, xã hội và cá nhân trong việc thúc đẩy các giá trị về quyền con người. Hoạt động báo chí đóng vai trò trung gian truyền thông nhân quyền, kết nối giữa chính sách nhà nước, cộng đồng xã hội và cá nhân. Báo chí giúp truyền tải giá trị nhân quyền, nâng cao nhận thức về pháp luật và quyền cá nhân, đồng thời khuyến khích văn hóa tôn trọng quyền con người. Trong môi trường truyền thông số, vai trò này được mở rộng thông qua các chiến dịch truyền thông trực tuyến, nền tảng tương tác mạng xã hội và hoạt động báo chí đa phương tiện, giúp hình thành không gian đối thoại công khai, minh bạch và dân chủ hơn.

Thứ năm, hoạt động báo chí là nhân tố thúc đẩy thích ứng pháp luật và đạo đức trong thời kỳ chuyển đổi số. Hoạt động báo chí hiện nay được coi là tác nhân điều tiết đạo đức xã hội trong thời kỳ chuyển đổi số, bởi công nghệ thông tin đã góp phần thay đổi cấu trúc truyền thông, khi đó hoạt động báo chí không chỉ nhằm truyền tải tin tức mà còn định hình hành vi và giá trị của xã hội số. Do đó, báo chí trở thành cầu nối giữa pháp luật và công nghệ, góp phần kiến tạo khung pháp lý linh hoạt, bảo đảm quyền con người được tôn trọng ngay cả trong môi trường phi truyền thống.

Thông qua việc phản ánh thực tiễn và định hướng dư luận, báo chí góp phần

thúc đẩy quá trình hoàn thiện pháp luật về quyền con người, đặc biệt trong lĩnh vực an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và đạo đức truyền thông số. Báo chí cũng là lực lượng tiên phong trong việc cảnh báo, đấu tranh với các hành vi vi phạm nhân quyền trên không gian mạng, như tin giả, vu khống, kỳ thị hoặc phát ngôn thù ghét. Vai trò này phù hợp với định hướng của Nghị quyết 68/163 (2013) của Đại hội đồng LHQ về An toàn của nhà báo và chấm dứt tình trạng miễn trừ pháp, cũng như với mục tiêu của Chiến lược chuyển đổi số quốc gia Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 về phát triển báo chí số có trách nhiệm xã hội và định hướng nhân quyền. Theo đó, Chiến lược chuyển đổi số quốc gia Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và Đề án phát triển báo chí đến năm 2025 xác định nhiệm vụ của báo chí là “*bảo đảm định hướng tư tưởng, an toàn thông tin và bảo vệ quyền con người trong không gian mạng*”. Nói cách khác, báo chí không chỉ phản ánh thực tiễn pháp luật mà còn dẫn dắt quá trình thích ứng pháp lý trong kỷ nguyên dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và truyền thông xuyên biên giới.

2.2. Nguyên tắc, nội dung, phương thức bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

2.2.1. Nguyên tắc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

2.2.1.1. Nguyên tắc tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người trong hoạt động báo chí

Đây là nguyên tắc có tính nền tảng nhất vì toàn bộ cơ chế bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số đều phải được xây dựng trên cơ sở thừa nhận rằng con người là trung tâm của quá trình truyền thông. Về phương diện chuẩn mực quốc tế, Điều 19 UDHR khẳng định mọi người đều có quyền tự do quan điểm và biểu đạt, bao gồm quyền tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt thông tin qua bất kỳ phương tiện nào và không bị giới hạn bởi biên giới quốc gia. Đồng thời, Điều 17 ICCPR bảo vệ con người khỏi sự can thiệp tùy tiện hoặc trái pháp luật vào đời tư, gia đình, chỗ ở, thư tín cũng như các hành vi xâm hại danh dự, uy tín. Như vậy, ngay từ các văn kiện quốc tế cơ bản, tự do báo chí và các quyền nhân thân khác đã cùng được nhìn nhận là những quyền cần được tôn trọng và bảo vệ song hành.

Trong điều kiện chuyển đổi số, nguyên tắc này đòi hỏi không chỉ Nhà nước mà cả cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp công nghệ, nền tảng số và các chủ thể trung gian khác đều phải thực hiện ba tầng nghĩa vụ: tôn trọng quyền (không xâm phạm), bảo vệ quyền (ngăn ngừa chủ thể khác xâm phạm), và bảo đảm quyền (thiết lập điều kiện pháp lý, thể chế, kỹ thuật để quyền được thực hiện trên thực tế). Cách tiếp cận này cũng phù hợp với Điều 1 ECHR, theo đó các quốc gia thành viên có nghĩa vụ bảo đảm cho mọi người trong phạm vi quyền tài phán của mình các quyền và tự do được ghi nhận trong Công ước. Trong bối cảnh báo chí số, nơi thông tin được thu thập, xử lý, sao chép và lan truyền ở tốc độ rất cao, việc chỉ ghi nhận quyền trên văn bản là chưa đủ; điều cốt lõi là phải tổ chức được cơ chế thực thi hiệu quả để quyền không bị xâm phạm ngay từ quá trình sản xuất và phân phối nội dung. Vì vậy, đây phải được xác định là nguyên tắc xuất phát, chi phối việc xây dựng và áp dụng toàn bộ các nguyên tắc còn lại.

2.2.1.2. Nguyên tắc bảo đảm sự cân bằng giữa quyền tự do báo chí và các quyền con người khác có liên quan

Trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số, quyền tự do báo chí không tồn tại như một quyền tuyệt đối, mà luôn vận động trong tương quan với quyền riêng tư, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền về danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền không bị phân biệt đối xử và trong một số trường hợp là quyền được bảo vệ khỏi sự lan truyền thông tin sai lệch gây thiệt hại nghiêm trọng. Điều 19 ICCPR thừa nhận quyền tự do biểu đạt, nhưng khoản 3 của điều này cũng cho phép đặt ra những giới hạn do pháp luật quy định nhằm tôn trọng quyền hoặc uy tín của người khác, cũng như bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe hay đạo đức xã hội. Điều 10 ECHR bảo vệ quyền tự do biểu đạt, nhưng đồng thời nhấn mạnh việc thực hiện quyền này đi kèm “nghĩa vụ và trách nhiệm”, do đó có thể bị giới hạn vì mục đích bảo vệ danh tiếng hoặc quyền của người khác.

Ý nghĩa của nguyên tắc này trong báo chí số là thiết lập một phương pháp xử lý xung đột quyền theo hướng không tuyệt đối hóa bất kỳ quyền nào. Nhà báo và cơ quan báo chí có quyền phản ánh thông tin vì lợi ích công cộng, nhưng việc đưa tin không thể trở thành căn cứ hợp pháp để xâm nhập trái mức cần thiết vào

đời sống riêng tư hoặc khai thác dữ liệu cá nhân một cách thiếu kiểm soát. Ngược lại, việc bảo vệ đời tư hay dữ liệu cá nhân cũng không thể bị lạm dụng để làm suy giảm vai trò giám sát xã hội của báo chí đối với các vấn đề công. Do đó, “cân bằng quyền” cần được hiểu là xác định điểm giới hạn hợp lý giữa quyền đưa tin và quyền được bảo vệ của cá nhân trên cơ sở tính chất thông tin, mức độ ảnh hưởng đến lợi ích công cộng, địa vị của chủ thể bị đưa tin, và hậu quả có thể phát sinh trong môi trường số.

Từ góc độ đó, việc áp dụng nguyên tắc cân bằng quyền trong báo chí số cần dựa trên một số tiêu chí cơ bản: tiêu chí về lợi ích công cộng của thông tin; tiêu chí về địa vị và vai trò xã hội của chủ thể bị đưa tin; tiêu chí về tính cần thiết và mức độ xâm phạm; tiêu chí về tính chính xác, độ tin cậy và phương pháp kiểm chứng thông tin; tiêu chí về hậu quả thực tế và khả năng lan truyền trong môi trường số; tiêu chí về bối cảnh công nghệ và vai trò của nền tảng số.

2.2.1.3. Nguyên tắc hợp pháp, chính đáng, cần thiết và tương xứng trong việc hạn chế hoặc can thiệp vào quyền

Trong pháp luật quốc tế về quyền con người, các tiêu chí “do luật định”, “nhằm mục đích chính đáng”, “cần thiết” và “tương xứng” là bộ tiêu chuẩn phổ biến để đánh giá tính hợp hiến, hợp pháp của mọi biện pháp can thiệp vào quyền. Điều 8 ECHR quy định việc can thiệp của công quyền vào đời sống riêng tư chỉ được chấp nhận khi phù hợp với pháp luật và cần thiết trong một xã hội dân chủ nhằm bảo vệ những lợi ích được Công ước thừa nhận. Tương tự, Điều 10 ECHR cho phép hạn chế tự do biểu đạt nếu các hạn chế đó được pháp luật quy định và cần thiết trong một xã hội dân chủ vì các mục tiêu như bảo vệ quyền, danh tiếng của người khác hoặc ngăn ngừa rối loạn, tội phạm. Điều 17 ICCPR cũng cấm sự can thiệp “tùy tiện hoặc trái pháp luật” vào quyền riêng tư, qua đó đặt ra yêu cầu kiểm soát chặt chẽ tính hợp pháp của mọi hành vi thu thập, sử dụng và công bố thông tin cá nhân.

Trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số, nguyên tắc này có hai chiều tác động. Một mặt, nó giới hạn hoạt động báo chí, việc sử dụng dữ liệu cá nhân, hình ảnh riêng tư, thông tin nhạy cảm hoặc công nghệ theo dõi trong quá trình tác

nghiệp phải có cơ sở pháp lý rõ ràng, phục vụ mục đích chính đáng và không vượt quá phạm vi cần thiết cho lợi ích công cộng. Mặt khác, nó cũng giới hạn quyền lực quản lý nhà nước: mọi biện pháp kiểm soát, gỡ bỏ, chặn, xử phạt hoặc hạn chế nội dung báo chí trên môi trường số đều phải được thiết kế sao cho không trở thành công cụ can thiệp quá mức vào tự do báo chí. Nói cách khác, nguyên tắc này giúp ngăn ngừa đồng thời hai nguy cơ: lạm dụng quyền tự do báo chí để xâm phạm quyền con người, và lạm dụng danh nghĩa bảo vệ quyền con người để kiểm soát quá mức hoạt động báo chí. Với đặc trưng dữ liệu hóa và thuật toán hóa của môi trường số, đây là nguyên tắc bảo đảm tính chính danh của mọi quyết định can thiệp vào quyền.

2.2.1.4. Nguyên tắc phòng ngừa, minh bạch, trách nhiệm giải trình và bảo đảm quyền được tiếp cận biện pháp khắc phục hữu hiệu

Trong bối cảnh chuyển đổi số, bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí không thể chỉ diễn ra sau khi vi phạm đã xảy ra, bởi một nội dung sai lệch, một hình ảnh xâm phạm đời tư hay một thông tin cá nhân bị công khai trái phép có thể lan truyền trên diện rộng chỉ trong thời gian rất ngắn. Vì vậy, yêu cầu phòng ngừa như kiểm chứng nguồn tin, đánh giá rủi ro nhân quyền trước khi đăng tải, hạn chế xử lý dữ liệu vượt quá mục đích, và thiết lập quy trình biên tập nhạy cảm với quyền con người là cần thiết. Đi cùng với đó là minh bạch và trách nhiệm giải trình, tức cơ quan báo chí, nền tảng số và các chủ thể liên quan phải có khả năng giải thích căn cứ đăng tải, cách thức xử lý dữ liệu, quy trình gỡ bỏ/cải chính và cơ sở của các quyết định hạn chế nội dung khi có tranh chấp.

Về phương diện pháp lý quốc tế, Điều 2 khoản 3 ICCPR yêu cầu quốc gia thành viên bảo đảm cho bất kỳ ai có quyền bị vi phạm đều có biện pháp khắc phục hữu hiệu, được xem xét bởi cơ quan có thẩm quyền. Điều 13 ECHR cũng ghi nhận quyền được hưởng một biện pháp khắc phục hiệu quả trước cơ quan quốc gia khi các quyền theo Công ước bị xâm phạm. Các quy định này cho thấy bảo vệ quyền con người không dừng ở việc tuyên bố quyền hay xử phạt vi phạm, mà còn bao gồm quyền của nạn nhân được yêu cầu chấm dứt vi phạm, cải chính, xin lỗi, gỡ bỏ nội dung, bồi thường thiệt hại và các hình thức phục hồi thích hợp khác. Trong

báo chí số, nơi hậu quả thường lan rộng, kéo dài và khó đảo ngược, nguyên tắc này cần được quán triệt theo hướng phản ứng pháp lý phải nhanh, rõ và có khả năng phục hồi thực chất cho người bị xâm hại.

2.2.1.5. Nguyên tắc thích ứng với công nghệ và đổi mới pháp luật

Trong bối cảnh chuyển đổi số, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ truyền thông, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây và các nền tảng số đã làm thay đổi sâu sắc cấu trúc và phương thức vận hành của hoạt động báo chí. Nếu trước đây báo chí chủ yếu gắn với quy trình tuyến tính từ thu thập, xử lý, biên tập đến phát hành thông tin thông qua cơ quan báo chí truyền thống, thì nay hoạt động báo chí diễn ra trong một môi trường số đa tầng, nơi thông tin được sản xuất, phân phối, lan truyền và tiếp nhận với tốc độ tức thời, trên quy mô rộng lớn, thông qua sự tham gia của nhiều chủ thể trung gian như mạng xã hội, công cụ tìm kiếm, nền tảng chia sẻ video và các hệ thống phân phối nội dung tự động. Sự thay đổi này không chỉ mở rộng khả năng thực hiện quyền tự do ngôn luận và quyền tiếp cận thông tin, mà còn làm gia tăng nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền về danh dự, nhân phẩm và quyền được tiếp cận thông tin trung thực, chính xác. Trong điều kiện đó, nguyên tắc thích ứng với công nghệ và đổi mới pháp luật trở thành một yêu cầu tất yếu, nhằm bảo đảm hệ thống pháp luật có khả năng phản ứng kịp thời trước sự thay đổi của môi trường truyền thông số và tiếp tục thực hiện hiệu quả chức năng bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí.

Nội dung cốt lõi của nguyên tắc này là yêu cầu pháp luật không thể dừng lại ở mô hình điều chỉnh truyền thống, mà phải được xây dựng theo hướng mở, linh hoạt, có khả năng bao quát những hình thức, phương thức và chủ thể truyền thông mới phát sinh từ sự phát triển công nghệ. Trong môi trường báo chí số, một trong những vấn đề trung tâm cần được đặc biệt chú ý là dữ liệu cá nhân. Dữ liệu này có thể giúp cơ quan báo chí tối ưu hóa nội dung, cá nhân hóa trải nghiệm tiếp nhận thông tin và mở rộng khả năng tiếp cận công chúng, nhưng đồng thời cũng tạo ra nguy cơ xâm phạm nghiêm trọng đến quyền riêng tư nếu việc thu thập và xử lý dữ liệu thiếu căn cứ pháp lý, vượt quá phạm vi cần thiết, không minh bạch

hoặc bị lạm dụng vì mục đích thương mại. Đối với báo chí số, vấn đề không chỉ nằm ở việc bảo vệ dữ liệu cá nhân của công chúng, mà còn bao gồm cả dữ liệu của nguồn tin, người bị phản ánh và những chủ thể khác có liên quan đến nội dung báo chí. Vì vậy, nguyên tắc thích ứng với công nghệ đòi hỏi pháp luật phải xác định rõ giới hạn thu thập và sử dụng dữ liệu, trách nhiệm của chủ thể xử lý dữ liệu, cơ chế kiểm soát việc chia sẻ dữ liệu với bên thứ ba, cũng như các biện pháp khắc phục khi quyền riêng tư bị xâm phạm trong môi trường số.

Bên cạnh đó, trí tuệ nhân tạo (AI) đang đặt ra những thách thức pháp lý và đạo đức mới đối với hoạt động báo chí. AI không chỉ được sử dụng để hỗ trợ biên tập, tổng hợp tin tức, gợi ý tiêu đề, dịch thuật, phân tích xu hướng dư luận hay tự động hóa sản xuất nội dung, mà còn có thể tham gia trực tiếp vào quá trình tạo lập sản phẩm báo chí. Điều này làm gia tăng hiệu quả hoạt động báo chí, nhưng đồng thời cũng đặt ra hàng loạt vấn đề đáng lưu ý. Trước hết, việc sử dụng AI có thể làm mờ ranh giới giữa nội dung do con người tạo ra và nội dung do máy tạo ra, từ đó ảnh hưởng đến tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và niềm tin của công chúng đối với báo chí. AI vận hành trên cơ sở dữ liệu đầu vào và mô hình thuật toán nên có thể tái tạo hoặc khuếch đại thiên kiến, định kiến và sai lệch vốn có trong dữ liệu, dẫn đến nguy cơ xâm phạm quyền bình đẳng, quyền không bị phân biệt đối xử, cũng như quyền được tiếp cận thông tin khách quan, chính xác. Đặc biệt, sự xuất hiện của công nghệ deepfake, tổng hợp giọng nói, hình ảnh và video bằng AI đã làm gia tăng nguy cơ sản xuất, phát tán thông tin giả mạo có khả năng xâm hại nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức và làm suy giảm chất lượng không gian thông tin công cộng. Trong bối cảnh đó, nguyên tắc thích ứng với công nghệ và đổi mới pháp luật đòi hỏi phải xây dựng các chuẩn mực pháp lý rõ ràng về việc sử dụng AI trong hoạt động báo chí, bao gồm yêu cầu minh bạch về nguồn gốc nội dung, trách nhiệm của cơ quan báo chí khi sử dụng công cụ AI, cơ chế kiểm soát rủi ro thuật toán và trách nhiệm pháp lý khi AI tạo ra hoặc góp phần tạo ra nội dung xâm phạm quyền con người.

2.2.2. Nội dung quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số được quan tâm trong các văn kiện pháp lý quốc tế, khu vực và pháp luật của các quốc gia. Nhìn chung có thể chia nội dung này thành các nhóm quyền cơ bản của cá nhân như sau: 1) Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và quyền được tiếp cận thông tin của cá nhân; 2) Quyền riêng tư, quyền nhân thân, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân; 3) Quyền bình đẳng, chống phân biệt đối xử, bảo vệ nhân phẩm và danh dự.

2.2.2.1. Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và quyền được tiếp cận thông tin của cá nhân

Thứ nhất, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí.

Quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí là biểu hiện trực tiếp của quyền con người, đồng thời là nền tảng cho một xã hội. Trong thời kỳ chuyển đổi số, quyền này được mở rộng mạnh mẽ nhờ các nền tảng số, mạng xã hội và các công cụ truyền thông mới, giúp người dân tiếp cận đa dạng thông tin và tham gia trao đổi, phản biện. Tuy nhiên, quyền này không mang tính tuyệt đối, mà gắn với nghĩa vụ tuân thủ pháp luật và tôn trọng quyền nhân thân của người khác. Báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số phải cân bằng giữa tự do biểu đạt và trách nhiệm xã hội, hạn chế việc phát tán thông tin sai lệch, thông tin gây thù ghét hoặc vi phạm quyền riêng tư. Việc đảm bảo quyền tự do báo chí đồng thời bảo vệ quyền con người góp phần hình thành môi trường truyền thông minh bạch, trách nhiệm và công bằng.

Trong khung phân tích đa tầng về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số, tầng nền tảng phản ánh mối quan hệ cốt lõi giữa quyền và nghĩa vụ. Quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận được công nhận là trụ cột của nền dân chủ, song không mang tính tuyệt đối. Các văn kiện pháp lý quốc tế, khu vực và quốc gia đều khẳng định nguyên tắc: quyền đi kèm trách nhiệm, tự do gắn liền với giới hạn hợp pháp nhằm bảo đảm cân bằng giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng.

Ở cấp độ quốc tế, Điều 19 UDHR khẳng định quyền tự do quan điểm và biểu đạt, đồng thời Điều 29 nhấn mạnh mọi quyền đều phải chịu “*những hạn chế do pháp luật quy định nhằm bảo đảm sự thừa nhận và tôn trọng thích đáng*

các quyền và tự do của người khác” [38]. ICCPR tiếp tục quy định tại Điều 19 công nhận quyền tự do biểu đạt, nhưng khoản 3 cho phép áp đặt hạn chế nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe, đạo đức xã hội và quyền, uy tín của người khác [39]. Bình luận chung số 34 (2011) của Ủy ban Nhân quyền LHQ quy định ba tiêu chí đối với mọi giới hạn: phải được luật định, nhằm mục đích chính đáng và cần thiết, tương xứng trong một xã hội. Đây là nền tảng cho cơ chế pháp lý cân bằng quyền tự do báo chí và quyền nhân thân. Ở cấp độ khu vực, Điều 10 Công ước châu Âu về quyền con người (ECHR) ghi nhận quyền tự do ngôn luận nhưng đồng thời quy định các giới hạn hợp pháp.

Ở cấp độ quốc gia, Điều 25 Hiến pháp Việt Nam năm 2013 khẳng định quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận; Điều 21 bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Luật Báo chí năm 2016 quy định rõ báo chí phải thông tin trung thực, khách quan, không được xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của cá nhân; đồng thời nêu rõ trách nhiệm cải chính, xin lỗi khi đăng tải thông tin sai sự thật. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân thiết lập nghĩa vụ cho báo chí trong xử lý dữ liệu, quy định nguyên tắc “*2. Chỉ được thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân đúng phạm vi, mục đích cụ thể, rõ ràng, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật*” [57, Điều 3].

Từ góc độ so sánh, có thể xác định ba nguyên tắc cơ bản trong khung quyền và nghĩa vụ của báo chí: (i) thừa nhận quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận là quyền cơ bản cho xã hội; (ii) quyền này luôn đi kèm trách nhiệm, có thể bị giới hạn để bảo vệ các quyền và lợi ích khác; (iii) mọi giới hạn phải hợp pháp, cần thiết và tương xứng. Ba nguyên tắc này cấu thành nền tảng lý luận và pháp lý để xây dựng cơ chế bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí tại Việt Nam thời kỳ chuyển đổi số.

Thứ hai, quyền tiếp cận thông tin chính xác, kịp thời.

Quyền được tiếp cận thông tin chính xác, kịp thời là một trong những quyền cơ bản của con người, gắn liền với quyền tự do ngôn luận và quyền tham gia đời sống chính trị - xã hội. Về bản chất, đây là quyền của cá nhân trong việc tìm kiếm, tiếp nhận và sử dụng các thông tin khách quan, trung thực và có giá trị công, đặc biệt

là thông tin do các cơ quan nhà nước và phương tiện truyền thông cung cấp. Điều 19 ICCPR khẳng định mọi người có quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến thông tin, qua đó đặt nền tảng pháp lý quốc tế cho quyền tiếp cận thông tin chính xác và kịp thời như một yếu tố thiết yếu của xã hội dân chủ. Quyền này bao gồm hai nội dung cơ bản: tính chính xác và tính kịp thời của thông tin.

Tính chính xác đòi hỏi thông tin phải trung thực, được kiểm chứng và phản ánh đúng bản chất sự việc; trong khi tính kịp thời bảo đảm thông tin được công bố trong khoảng thời gian phù hợp, phục vụ nhu cầu nhận thức và giám sát xã hội của công dân. Việc cung cấp thông tin sai lệch hoặc chậm trễ có thể làm sai lệch dư luận, cản trở quyền tự do biểu đạt và làm suy giảm khả năng giám sát quyền lực công.

Quyền tiếp cận thông tin chính xác, kịp thời là một thành tố cơ bản của quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số. Báo chí số hóa, với tốc độ truyền tải nhanh và nguồn tin đa dạng, đã mở rộng không gian thông tin cho người dân, góp phần tăng cường minh bạch, giám sát xã hội và thúc đẩy quyền tham gia cá nhân vào đời sống chính trị - xã hội. Trong bối cảnh chuyển đổi số, quyền tiếp cận thông tin chính xác, kịp thời không chỉ là nghĩa vụ của Nhà nước mà còn là trách nhiệm xã hội của cơ quan báo chí và nền tảng truyền thông số trong việc bảo đảm tính minh bạch, kiểm chứng nguồn tin và ngăn chặn hành vi bóp méo, thao túng thông tin. Việc thực hiện đầy đủ quyền tiếp cận thông tin chính xác, kịp thời không chỉ bảo vệ quyền được thông tin của người dân mà còn củng cố nền tảng cho tự do báo chí, bảo đảm tính công bằng, minh bạch và tôn trọng quyền con người trong môi trường truyền thông số.

2.2.2.2. *Quyền riêng tư, quyền nhân thân, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân*

Quyền riêng tư, quyền nhân thân và quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân là những quyền cơ bản của con người, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, ngày càng được chú trọng trong bối cảnh hoạt động báo chí bước vào thời kỳ chuyển đổi số. Theo đó quyền riêng tư thể hiện ở việc cá nhân có quyền được bảo vệ đời sống cá nhân, bí mật thư tín, hình ảnh, thông tin cá nhân khỏi sự thu thập, sử dụng hoặc công bố trái phép; quyền nhân thân khẳng định giá trị pháp lý và đạo đức của

mỗi con người, bao gồm danh dự, nhân phẩm, uy tín và hình ảnh cá nhân; quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân là sự cụ thể hóa quyền riêng tư trong thời kỳ chuyển đổi số, bảo đảm cho mỗi người quyền kiểm soát thông tin liên quan đến mình.

Trong hoạt động báo chí, việc thu thập, lưu trữ và khai thác dữ liệu cá nhân thông qua công nghệ số, mạng xã hội và các công cụ phân tích hành vi người dùng tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ xâm phạm các quyền này nếu thiếu sự giám sát và cơ chế pháp lý rõ ràng. Theo Điều 17 ICCPR, không ai bị can thiệp tùy tiện hoặc trái pháp luật vào đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở hoặc thư tín của mình, và mọi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ khỏi sự can thiệp đó. Ở Liên minh châu Âu, Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR) là chuẩn mực quốc tế quan trọng, yêu cầu các cơ quan báo chí cân bằng giữa quyền được thông tin của công chúng và quyền riêng tư của cá nhân. Tại Việt Nam, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 cùng với Luật Báo chí năm 2016 và các quy định liên quan đến quyền nhân thân trong BLDS năm 2015 đã bước đầu thiết lập khung pháp lý bảo đảm việc thu thập, xử lý và công bố thông tin cá nhân trong hoạt động báo chí phải có cơ sở pháp lý, mục đích chính đáng và sự đồng ý của chủ thể dữ liệu. Như vậy, trong thời kỳ chuyển đổi số, bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân không chỉ là yêu cầu đạo đức nghề nghiệp mà còn là nghĩa vụ pháp lý của báo chí, nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa tự do thông tin và tôn trọng nhân phẩm, quyền con người.

2.2.2.3. Quyền bình đẳng, chống phân biệt đối xử, bảo vệ nhân phẩm và danh dự

Thứ nhất, quyền bình đẳng, chống phân biệt đối xử.

Quyền bình đẳng và chống phân biệt đối xử là một trong những nguyên tắc nền tảng của hệ thống nhân quyền quốc tế, được khẳng định rõ trong Điều 1 và Điều 2 UDHR cũng như Điều 26 ICCPR. Trong hoạt động báo chí, nguyên tắc này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi truyền thông là kênh định hình nhận thức xã hội, tác động trực tiếp đến cách người dân nhìn nhận các nhóm người khác nhau. Báo chí, do đó, có trách nhiệm đạo đức và pháp lý trong việc bảo đảm mọi cá nhân và cộng đồng được phản ánh một cách công bằng, tôn trọng và không

định kiến, không bị kỳ thị dựa trên giới tính, dân tộc, tôn giáo, xu hướng tính dục, quan điểm chính trị hay địa vị xã hội.

Việc tuân thủ quyền bình đẳng và chống phân biệt đối xử trong hoạt động báo chí không chỉ góp phần bảo vệ phẩm giá con người, mà còn giúp xây dựng môi trường truyền thông đa dạng và bao trùm (*inclusive media environment*). Trong thời kỳ chuyển đổi số hiện nay, nguyên tắc này còn mở rộng sang lĩnh vực công nghệ và dữ liệu, nơi các thuật toán, công cụ gợi ý và hệ thống phân phối nội dung có thể vô tình tạo ra sự thiên lệch thông tin (*algorithmic bias*), khiến một số nhóm xã hội bị thiệt thòi trong khả năng tiếp cận hoặc thể hiện tiếng nói của mình. Vì vậy, các cơ quan báo chí và nền tảng truyền thông số cần kiểm soát, đánh giá và điều chỉnh thuật toán để bảo đảm tính công bằng và đại diện cho mọi tầng lớp xã hội. Thực thi quyền bình đẳng và chống phân biệt đối xử trong hoạt động báo chí không chỉ là nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, mà còn là biểu hiện cụ thể của việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người trong không gian thông tin hiện đại.

Thứ hai, quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm.

Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm là một trong những giá trị cốt lõi của quyền con người, được thừa nhận rộng rãi trong hệ thống pháp luật quốc tế và quốc gia. Theo Điều 1 UDHR, “mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền” [38], cho thấy danh dự và nhân phẩm là nền tảng của mọi quyền con người khác. Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm là một nội dung trọng yếu của quyền con người trong hoạt động báo chí, thể hiện trách nhiệm của báo chí đối với cá nhân và xã hội. Trong thời kỳ chuyển đổi số, khi thông tin lan truyền nhanh chóng và không giới hạn không gian, nguy cơ xâm phạm danh dự, nhân phẩm cá nhân càng trở nên rõ nét, do đó hoạt động báo chí cần hạn chế các hình thức bôi nhọ, công kích cá nhân và phải tuân thủ nghiêm túc quy định pháp luật cũng như đạo đức nghề nghiệp khi phản ánh vụ việc. Việc tôn trọng và bảo vệ danh dự, nhân phẩm không chỉ bảo đảm quyền nhân thân của cá nhân, mà còn củng cố niềm tin xã hội vào hoạt động báo chí, góp phần bảo vệ môi trường truyền thông lành mạnh trong chuyển đổi số.

2.2.3. Phương thức bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

2.2.3.1. Bảo vệ quyền con người thông qua quy định về chủ thể trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Thứ nhất, chủ thể quyền.

Chủ thể của quyền con người là những cá nhân, tổ chức hoặc nhóm người có khả năng hưởng quyền và thực hiện quyền theo quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia. Trong lĩnh vực báo chí, chủ thể này được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm người làm báo (các nhà báo, phóng viên, biên tập viên, cơ quan báo chí) và người được báo chí tác động đến, bao gồm độc giả, cá nhân, tổ chức xã hội và cả Nhà nước. Sự tương tác giữa hai nhóm chủ thể này hình thành nên mối quan hệ hai chiều: một bên là người thực hiện quyền tự do biểu đạt, bên còn lại là người hưởng quyền được thông tin và quyền được bảo vệ nhân phẩm. Trong bối cảnh chuyển đổi số, phạm vi chủ thể quyền con người còn được mở rộng. Người sử dụng mạng xã hội, với tư cách cá nhân, vừa là người tiêu thụ vừa là người sản xuất nội dung, cũng trở thành chủ thể của quyền tự do biểu đạt. Tuy nhiên, họ đồng thời phải tuân thủ nghĩa vụ pháp lý không được lan truyền thông tin sai sự thật, tin giả, ngôn từ thù hận.

Nói cách khác, chủ thể quyền con người trong hoạt động báo chí bao gồm ba nhóm cơ bản: 1) cá nhân với quyền được thông tin và biểu đạt; 2) nhà báo và cơ quan báo chí với quyền hoạt động báo chí và truyền tải thông tin; 3) người dùng nền tảng số với quyền tự do biểu đạt trong môi trường trực tuyến. Việc xác định rõ phạm vi và nội dung của tầng chủ thể quyền là điều kiện quan trọng để thiết kế cơ chế pháp lý phù hợp, vừa bảo đảm tự do báo chí, vừa bảo vệ các quyền nhân thân trong xã hội số.

Một là, cá nhân. Cá nhân là chủ thể trung tâm của quyền con người trong hoạt động báo chí. Mọi cá nhân đều có quyền tiếp nhận, tìm kiếm và chia sẻ thông tin, quyền phát biểu quan điểm, phản biện xã hội, và quyền được bảo vệ khi thông tin báo chí xâm phạm đến đời tư, danh dự hoặc nhân phẩm. Thông qua hoạt động báo chí, cá nhân có thể thực hiện quyền giám sát, phản biện, đồng thời cũng có

thể trở thành đối tượng cần được bảo vệ khỏi các hành vi xâm phạm quyền con người thông qua truyền thông.

Hai là, nhà báo, phóng viên và cơ quan báo chí. Nhà báo là chủ thể thực hiện quyền tự do báo chí và đóng vai trò quan trọng trong việc lan tỏa thông tin, phản ánh đời sống xã hội, góp phần thực thi các quyền con người khác như quyền được biết, quyền tham gia, quyền giám sát xã hội. Tuy nhiên, nhà báo đồng thời cũng là chủ thể chịu trách nhiệm pháp lý và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình hoạt động báo chí. Họ vừa là người thực thi quyền con người, thông qua việc đưa tiếng nói của người dân và bảo vệ công lý, vừa có thể trở thành người xâm phạm quyền con người của người khác nếu vi phạm chuẩn mực pháp lý, đạo đức, hoặc sử dụng sai quyền tự do ngôn luận.

Ba là, người dùng nền tảng số. Trong bối cảnh chuyển đổi số và truyền thông mạng xã hội phát triển mạnh mẽ, người dùng nền tảng số đã trở thành một chủ thể mới nổi trong tầng cấu trúc quyền con người trong hoạt động báo chí. Nếu trước đây, hoạt động báo chí chủ yếu do nhà báo và cơ quan báo chí chuyên nghiệp đảm nhiệm, thì hiện nay, với sự xuất hiện của các nền tảng mạng xã hội, blog cá nhân, diễn đàn trực tuyến, podcast hay kênh YouTube, bất kỳ cá nhân nào cũng có thể trở thành người sản xuất, chia sẻ và lan tỏa thông tin. Sự thay đổi này đã mở rộng đáng kể quyền tự do biểu đạt của con người trong thời kỳ chuyển đổi số, đồng thời tạo ra “*không gian công trực tuyến*” (digital public sphere) nơi cá nhân có thể tham gia thảo luận, phản biện và giám sát xã hội một cách trực tiếp và bình đẳng hơn.

Thứ hai, chủ thể chịu trách nhiệm thực hiện quyền/chủ thể nghĩa vụ.

Đây là những chủ thể chịu trách nhiệm có vai trò then chốt, xác định đối tượng có nghĩa vụ bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số. Khác với chủ thể quyền tập trung vào cá nhân được thừa nhận và bảo vệ quyền, tầng này nhấn mạnh tới những cá nhân, tổ chức có nghĩa vụ pháp lý và trách nhiệm xã hội khi thực thi, quản lý và giám sát hoạt động báo chí.

Một là, Nhà nước là chủ thể có trách nhiệm pháp lý cao nhất trong việc bảo

đảm quyền con người, theo nghĩa vụ đã được quy định trong các văn kiện pháp lý quốc tế, pháp luật các quốc gia. Nhà nước phải xây dựng khung pháp luật và chính sách truyền thông minh bạch, công bằng, bảo đảm quyền tự do báo chí, quyền tự do biểu đạt và quyền được tiếp cận thông tin của cá nhân. Đồng thời, Nhà nước thiết lập cơ chế giám sát, khiếu nại và khắc phục vi phạm nhân quyền trong hoạt động báo chí, cũng như ban hành chính sách bảo vệ nhà báo, người cung cấp thông tin và nhóm yếu thế trước sự xâm phạm của truyền thông hoặc mạng xã hội.

Hai là, cơ quan báo chí và đội ngũ nhà báo là những chủ thể trực tiếp thực hiện quyền con người trong thực tiễn truyền thông. Họ có trách nhiệm phản ánh trung thực, khách quan, tôn trọng sự thật và phẩm giá con người, đồng thời tránh xâm phạm đời tư, kỳ thị hay lan truyền thông tin sai lệch. Báo chí vừa là công cụ bảo vệ quyền con người (thông qua phản biện, giám sát xã hội), vừa có thể trở thành tác nhân vi phạm nếu thiếu trách nhiệm nghề nghiệp. Do đó, các cơ quan báo chí phải xây dựng quy tắc đạo đức, cơ chế tự kiểm duyệt hợp lý và hệ thống giải trình nội bộ để bảo đảm hoạt động báo chí tuân thủ các chuẩn mực nhân quyền.

Ba là, các nền tảng số và doanh nghiệp công nghệ truyền thông ngày nay cũng là chủ thể mới có ảnh hưởng lớn đến việc thực thi quyền con người trong hoạt động báo chí. Với vai trò trung gian trong việc phân phối, kiểm duyệt và đề xuất nội dung, các nền tảng này phải chịu trách nhiệm minh bạch về thuật toán, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo đảm không tạo ra thiên lệch thông tin hoặc phân biệt đối xử. Cùng với Nhà nước, họ cần hợp tác trong việc chống tin giả, bảo vệ quyền riêng tư và quyền tiếp cận thông tin chính xác của người dùng.

Bốn là, xã hội và công chúng cũng là chủ thể có nghĩa vụ quan trọng trong việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và truyền thông tương tác. Việc sử dụng quyền tự do biểu đạt một cách có trách nhiệm là yêu cầu cốt lõi đối với công chúng khi tham gia vào không gian báo chí số. Công chúng không chỉ là người tiếp nhận thông tin mà còn trực tiếp tham gia bình luận, chia sẻ và tạo lập nội dung, do đó cần tôn trọng sự thật,

tránh lan truyền thông tin sai lệch, kích động, hoặc xâm phạm danh dự, nhân phẩm và quyền riêng tư của người khác.

Bên cạnh đó, công chúng giữ vai trò giám sát xã hội đối với hoạt động báo chí. Thông qua phản hồi, kiến nghị, khiếu nại hoặc phản biện công khai, công chúng góp phần phát hiện và cảnh báo kịp thời các sai sót, hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp hoặc xâm phạm quyền con người trong nội dung báo chí. Cơ chế giám sát này đặc biệt hiệu quả trong môi trường số, nơi tương tác diễn ra nhanh chóng và rộng khắp. Ngoài ra, việc phản ánh kịp thời các hành vi xâm phạm quyền con người tới cơ quan báo chí, cơ quan quản lý nhà nước hoặc các nền tảng truyền thông cũng là biểu hiện của trách nhiệm xã hội của công chúng. Sự tham gia tích cực và có ý thức của xã hội góp phần hình thành cơ chế bảo vệ quyền con người mang tính xã hội hóa, trong đó quyền và nghĩa vụ được phân bổ cho nhiều chủ thể khác nhau. Nhờ đó, việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí trở nên đa chiều, linh hoạt và hiệu quả hơn, phù hợp với đặc trưng của môi trường truyền thông số hiện đại.

2.2.3.2. Bảo vệ quyền con người thông qua cơ chế xử lý đối với hành vi vi phạm trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Trong hoạt động báo chí, vi phạm quyền con người được hiểu là những hành vi của tổ chức, cá nhân làm báo hoặc sử dụng sản phẩm báo chí xâm phạm đến các quyền và lợi ích cơ bản của con người được pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia bảo vệ. Các hành vi này có thể biểu hiện dưới nhiều hình thức, như đưa tin sai sự thật, xúc phạm danh dự và nhân phẩm, tiết lộ thông tin đời tư, kỳ thị giới tính, tôn giáo hoặc chủng tộc, lan truyền thông tin thù ghét hoặc vi phạm quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân. Đặc điểm của các hành vi vi phạm trong hoạt động báo chí là tác động trực tiếp đến nhận thức và dư luận xã hội, có thể gây hậu quả nghiêm trọng không chỉ cho cá nhân bị xâm hại mà còn làm suy giảm niềm tin của công chúng vào báo chí, ảnh hưởng đến quyền được thông tin trung thực của xã hội. Chính vì vậy, việc thiết lập cơ chế xử lý phù hợp là yếu tố then chốt để bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm và nhân quyền trong hoạt động báo chí.

Cơ chế xử lý vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí được xây

dựng dựa trên các nguyên tắc pháp quyền cơ bản: 1) Nguyên tắc thượng tôn pháp luật (rule of law - Mọi hành vi vi phạm quyền con người đều phải được xem xét và xử lý dựa trên quy định của pháp luật hiện hành, bảo đảm tín công bằng, minh bạch, và không bị chi phối bởi yếu tố chính trị, lợi ích nhóm hay áp lực xã hội); 2) Nguyên tắc cân bằng giữa tự do báo chí và bảo vệ nhân phẩm con người, theo đó tự do báo chí không thể được thực hiện một cách tuyệt đối mà phải bảo đảm quyền được bảo vệ đời tư, danh dự, nhân phẩm của cá nhân bị ảnh hưởng; 3) Nguyên tắc trách nhiệm kép (dual responsibility) - đối với cả cơ quan báo chí, nhà báo và các nền tảng truyền thông số đều có trách nhiệm pháp lý, đạo đức và xã hội đối với nội dung được công bố); 4) Nguyên tắc công khai (openness), minh bạch (transparency) và trách nhiệm giải trình (accountability).

Cơ chế xử lý vi phạm quyền con người trong lĩnh vực báo chí được thiết kế như một hệ thống đa tầng, phản ánh nguyên tắc tính tương xứng giữa mức độ vi phạm và hình thức chế tài. Về mặt lý luận, cơ chế này thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa quyền tự do báo chí và trách nhiệm pháp lý của báo chí đối với xã hội và cá nhân, nhằm bảo đảm rằng việc thực thi quyền tự do thông tin không dẫn đến sự xâm phạm các quyền cơ bản khác của con người, bao gồm:

Thứ nhất, cơ chế xử lý bằng pháp luật hành chính.

Cơ chế xử lý vi phạm quyền con người bằng pháp luật hành chính là cơ chế được áp dụng phổ biến và thường xuyên nhất đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động báo chí. Cơ chế này nhằm bảo đảm kỷ cương pháp luật trong hoạt động báo chí, đồng thời ngăn ngừa và hạn chế các hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong môi trường truyền thông, đặc biệt là môi trường số.

Trong thực tiễn, các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí có thể biểu hiện dưới nhiều hình thức, như đăng tải thông tin sai sự thật, thông tin chưa được kiểm chứng; xâm phạm quyền riêng tư, danh dự và nhân phẩm; tiết lộ trái phép dữ liệu cá nhân, bí mật đời sống riêng tư; hoặc khai thác, sử dụng thông tin vì mục đích thương mại hóa, giật gân, gây ảnh hưởng tiêu cực đến chủ thể liên quan. Trước những hành vi này, pháp luật hành chính cho phép áp dụng nhiều

biện pháp xử lý linh hoạt, phù hợp với tính chất và mức độ vi phạm. Ở cấp độ này, việc xử lý vi phạm phải dựa trên nguyên tắc hợp pháp, cần thiết và tương xứng, nghĩa là mọi biện pháp hạn chế tự do báo chí đều phải có căn cứ pháp luật rõ ràng, được áp dụng vì mục đích chính đáng và ở mức độ tối thiểu cần thiết để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân hoặc cộng đồng. Cơ chế hành chính không chỉ là công cụ thực thi quyền lực quản lý nhà nước mà còn là phương tiện bảo đảm quyền con người trong hoạt động truyền thông, hướng đến một nền báo chí có trách nhiệm, minh bạch và nhân văn trong xã hội.

Các biện pháp xử lý hành chính bao gồm cảnh cáo, phạt tiền, buộc cải chính thông tin sai lệch, xin lỗi công khai, gỡ bỏ nội dung vi phạm, tạm đình chỉ hoặc đình chỉ hoạt động báo chí trong những trường hợp nghiêm trọng. Những biện pháp này không chỉ nhằm trừng phạt chủ thể vi phạm mà còn hướng tới khắc phục hậu quả, bảo vệ kịp thời quyền con người bị xâm phạm, nhất là trong bối cảnh thông tin số có khả năng lan truyền nhanh và khó kiểm soát.

Thứ hai, cơ chế trách nhiệm dân sự.

Đây là một trong những cơ chế quan trọng nhằm xử lý các hành vi vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí, tập trung vào việc khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể bị xâm phạm. Khác với xử lý hành chính hay hình sự, trách nhiệm dân sự không đặt trọng tâm vào trừng phạt mà hướng tới việc bù đắp thiệt hại và bảo đảm công bằng cho người bị xâm hại.

Trong lĩnh vực báo chí, trách nhiệm dân sự phát sinh khi nội dung báo chí xâm phạm các quyền nhân thân hoặc quyền tài sản của cá nhân, tổ chức, như quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín; quyền riêng tư; quyền đối với dữ liệu cá nhân; hoặc gây thiệt hại về vật chất và tinh thần. Khi hành vi vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí gây thiệt hại nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm, tài sản hoặc quyền riêng tư, cá nhân bị xâm hại có quyền khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu bồi thường thiệt hại, cải chính công khai, hoặc xin lỗi.

Về phương diện lý luận, đây là cấp độ bảo vệ quyền con người bằng công lý, gắn liền với nguyên tắc quyền được xét xử công bằng, được ghi nhận tại Điều 14 ICCPR. Thông qua cơ chế này, Tòa án đóng vai trò trung gian độc lập, đảm

bảo rằng quyền của người bị xâm hại được khôi phục một cách công bằng, khách quan và phù hợp với quy định pháp luật. Người bị xâm hại có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc cơ quan báo chí hoặc nhà báo thực hiện các biện pháp khắc phục như cải chính công khai, xin lỗi, gỡ bỏ nội dung vi phạm và bồi thường thiệt hại vật chất, tinh thần. Ở Việt Nam, cơ sở pháp lý cho cơ chế này được quy định tại BLDS năm 2015 (Điều 34, 38 và 592) về bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Luật Báo chí năm 2016 quy định nghĩa vụ của cơ quan báo chí trong việc cải chính, xin lỗi khi đăng tải thông tin sai sự thật. Ngoài ra, trong trường hợp hành vi vi phạm có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, như vu khống hoặc xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác, có thể bị xử lý hình sự.

Theo cơ chế trách nhiệm dân sự, chủ thể vi phạm - có thể là nhà báo, cơ quan báo chí hoặc các chủ thể liên quan - có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, cải chính thông tin sai lệch, xin lỗi công khai và thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra. Việc xác định trách nhiệm dân sự dựa trên các yếu tố như hành vi trái pháp luật, thiệt hại thực tế, mối quan hệ nhân quả và lỗi của chủ thể vi phạm. Trong bối cảnh chuyên đổi số, cơ chế trách nhiệm dân sự có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi các vi phạm quyền con người trong báo chí số thường gây hậu quả lan rộng và kéo dài. Việc áp dụng hiệu quả trách nhiệm dân sự không chỉ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức bị xâm hại, mà còn góp phần nâng cao trách nhiệm xã hội của báo chí, thúc đẩy hoạt động báo chí phát triển lành mạnh, tôn trọng và bảo đảm quyền con người.

Thứ ba, cơ chế xử lý hình sự.

Cơ chế này được áp dụng trong trường hợp hành vi vi phạm quyền con người trong lĩnh vực báo chí đạt mức độ nguy hiểm cho xã hội, vượt quá giới hạn xử lý hành chính hoặc dân sự.

Cơ chế xử lý hình sự đối với hành vi vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí được đặt ra nhằm bảo vệ các quyền con người có ý nghĩa nền tảng, đồng thời duy trì trật tự xã hội trước những hành vi xâm hại có mức độ nguy hiểm cao. Dưới góc độ pháp luật quốc tế, các văn kiện quan trọng về quyền con người

như ICCPR thừa nhận quyền tự do ngôn luận, nhưng đồng thời cho phép các quốc gia thành viên áp dụng những hạn chế cần thiết bằng pháp luật nhằm bảo vệ danh dự, uy tín của người khác, trật tự công cộng và đạo đức xã hội. Trên cơ sở đó, việc hình sự hóa một số hành vi xâm phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm hoặc đời sống riêng tư thông qua hoạt động báo chí được coi là phù hợp với chuẩn mực quốc tế, miễn là việc áp dụng phải bảo đảm tính cần thiết, tương xứng và hợp pháp.

Trong pháp luật Việt Nam, cơ chế xử lý hình sự được ghi nhận nhằm bảo vệ các quyền nhân thân cơ bản của con người như quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín và quyền về đời sống riêng tư. Bộ luật Hình sự quy định các tội danh liên quan đến hành vi vu khống, xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm hoặc xâm phạm bí mật đời tư, trong đó hành vi được thực hiện thông qua phương tiện truyền thông, bao gồm báo chí, có thể được coi là tình tiết tăng nặng do mức độ lan truyền và hậu quả xã hội lớn. Về bản chất, cơ chế xử lý hình sự trong lĩnh vực báo chí không nhằm hạn chế quyền tự do báo chí một cách tùy tiện, mà hướng tới việc thiết lập ranh giới pháp lý cần thiết giữa tự do biểu đạt và bảo vệ quyền con người. Thông qua việc áp dụng có chọn lọc và thận trọng các biện pháp hình sự, Nhà nước vừa bảo đảm quyền tự do báo chí, vừa khẳng định nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ các quyền con người cơ bản trong môi trường truyền thông hiện đại.

Thứ tư, cơ chế tự điều chỉnh và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp báo chí.

Cơ chế tự điều chỉnh và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp báo chí là một bộ phận quan trọng trong hệ thống bảo vệ quyền con người, mang tính phòng ngừa và định hướng hơn là trừng phạt. Khác với các cơ chế pháp lý mang tính cưỡng chế của Nhà nước, cơ chế này dựa trên ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và các quy tắc đạo đức do chính cộng đồng báo chí xây dựng và tuân thủ, qua đó góp phần hạn chế nguy cơ xâm phạm quyền con người ngay từ khâu tác nghiệp.

Dưới góc độ pháp lý, nhiều văn kiện và khuyến nghị về quyền con người nhấn mạnh vai trò của báo chí tự do gắn với trách nhiệm xã hội. Các nguyên tắc quốc tế về tự do báo chí đều thừa nhận rằng việc bảo vệ quyền con người trong truyền thông không thể chỉ dựa vào chế tài pháp lý, mà cần được hỗ trợ bởi cơ chế tự kiểm soát nội bộ, tôn trọng sự thật, quyền riêng tư, danh dự và nhân phẩm

của cá nhân. Cơ chế tự điều chỉnh vì vậy được coi là công cụ mềm nhưng hiệu quả, góp phần cân bằng giữa tự do biểu đạt và bảo vệ quyền con người.

Ở Việt Nam, “*Quy định đạo đức nghề nghiệp người làm báo Việt Nam*” (ban hành năm 2016, sửa đổi năm 2023) do Hội Nhà báo Việt Nam ban hành là nền tảng của cơ chế tự điều chỉnh. Quy định này yêu cầu người làm báo tôn trọng sự thật, không xâm phạm đời tư, danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đồng thời nêu rõ trách nhiệm của cơ quan báo chí trong việc kiểm điểm, đình chỉ công tác, thu hồi thẻ nhà báo hoặc công khai xin lỗi khi xảy ra vi phạm. Ngoài Hội Nhà báo, các tòa soạn báo, đài phát thanh, truyền hình, cũng như nền tảng truyền thông trực tuyến đều xây dựng bộ quy tắc nội bộ nhằm duy trì chuẩn mực hành xử phù hợp với đạo đức nghề nghiệp và yêu cầu xã hội.

Về bản chất, cơ chế tự điều chỉnh và đạo đức nghề nghiệp góp phần xây dựng văn hóa báo chí nhân văn và có trách nhiệm, giảm sự phụ thuộc vào các biện pháp cưỡng chế của Nhà nước, đồng thời nâng cao tính bền vững và uy tín của hoạt động báo chí trong việc bảo vệ quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số. Mặc dù không mang tính cưỡng chế pháp lý, cơ chế đạo đức và tự điều chỉnh lại có ý nghĩa đặc biệt trong xây dựng văn hóa báo chí chuyên nghiệp, nhân văn và tôn trọng quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số.

2.3. Khuôn khổ pháp lý quốc tế và khu vực về bảo đảm quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

2.3.1. Cơ sở pháp lý quốc tế về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Quyền con người trong lĩnh vực báo chí được thừa nhận và bảo vệ bởi nhiều văn kiện pháp lý quốc tế mang tính nền tảng, có giá trị phổ quát và ràng buộc các quốc gia thành viên.

Trước hết, tại Điều 19 của Tuyên ngôn Thế giới về quyền con người (UDHR) ghi nhận: “*Mọi người đều có quyền tự do quan điểm và biểu đạt; quyền này bao gồm quyền không bị can thiệp vào quan điểm của mình, và quyền tìm kiếm, tiếp nhận, truyền đạt thông tin, ý tưởng bằng bất kỳ phương tiện thông tin nào, không kể biên giới*” [38]. Đây là văn kiện đầu tiên có tính toàn cầu khẳng

định quyền tự do báo chí và tự do biểu đạt như một quyền cơ bản, gắn liền với các quyền khác như quyền được giáo dục (Điều 26), quyền tham gia vào đời sống chính trị và xã hội (Điều 21). Điều 19 ICCPR đã kế thừa và cụ thể hóa tinh thần của UDHR, tại khoản 2 khẳng định quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt thông tin, trong khi khoản 3 đặt ra giới hạn hợp pháp, bao gồm bảo vệ quyền và uy tín của người khác, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức xã hội. Việt Nam là thành viên của ICCPR từ năm 1982, do đó có nghĩa vụ pháp lý trực tiếp trong việc nội luật hóa và thực thi các chuẩn mực này. Ủy ban Nhân quyền LHQ, trong Bình luận chung số 34(2011), đã nhấn mạnh rằng quyền tự do ngôn luận là điều kiện thiết yếu cho sự phát triển của xã hội, nhưng việc lạm dụng quyền này để phát tán thù hận, phân biệt đối xử hay xâm phạm nhân phẩm là không thể chấp nhận. Bình luận cũng yêu cầu các quốc gia thành viên thiết lập cơ chế pháp lý hiệu quả để bảo đảm quyền trả lời, quyền cải chính và cơ chế bồi thường cho nạn nhân khi quyền bị xâm phạm bởi báo chí hoặc truyền thông.

Ngoài UDHR và ICCPR, nhiều văn kiện quốc tế khác cũng có liên quan trực tiếp đến báo chí và quyền con người. Công ước về quyền trẻ em năm 1989 (CRC), tại Điều 13, khẳng định trẻ em có quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt thông tin; song Điều 17 yêu cầu các quốc gia bảo đảm quyền tiếp cận thông tin lành mạnh, đồng thời bảo vệ trẻ em khỏi những nội dung gây hại. Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979 (CEDAW) cũng gián tiếp liên quan đến báo chí khi quy định về quyền của phụ nữ được tiếp cận thông tin bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trên các phương tiện truyền thông.

Trong lĩnh vực chuyên biệt, nhiều nghị quyết của Đại hội đồng LHQ và Hội đồng Nhân quyền đã khẳng định vai trò của báo chí trong bảo vệ quyền con người. Nghị quyết 59 của Đại hội đồng năm 1946 đã nêu rõ tự do thông tin là “*viên đá tảng của mọi quyền tự do*” và là điều kiện không thể thiếu cho sự tiến bộ của nhân loại. Nghị quyết 33/2 năm 2016 của Hội đồng Nhân quyền về “*An toàn của nhà báo*” yêu cầu các quốc gia bảo đảm môi trường pháp lý an toàn, điều tra và xử lý nghiêm các hành vi xâm hại nhà báo, coi đó là điều kiện để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của

người dân. UNESCO, trong nhiều báo cáo như “*World Trends in Freedom of Expression and Media Development*”, liên tục cảnh báo về các thách thức từ tin giả, thông tin sai lệch và việc lạm dụng dữ liệu cá nhân trên thời kỳ chuyển đổi số, đồng thời kêu gọi xây dựng khung pháp lý toàn diện để bảo đảm báo chí vừa tự do vừa có trách nhiệm [37].

Cùng với đó, các cơ chế nhân quyền khu vực của LHQ, chẳng hạn Báo cáo viên đặc biệt về quyền tự do quan điểm và biểu đạt, thường xuyên đưa ra các báo cáo chuyên đề nhấn mạnh đến mối quan hệ biện chứng giữa tự do báo chí và các quyền khác. Báo cáo năm 2018 của Báo cáo viên đặc biệt đã chỉ ra rằng sự lan rộng của các nền tảng kỹ thuật số vừa tạo cơ hội cho quyền tự do biểu đạt, vừa đặt ra thách thức lớn đối với quyền riêng tư, yêu cầu các quốc gia phải có quy định rõ ràng về trách nhiệm của các nền tảng.

Như vậy, cơ sở pháp lý quốc tế về quyền con người trong hoạt động báo chí đã xác lập ba định hướng cơ bản: *Một*, quyền tự do báo chí và tự do biểu đạt là quyền cơ bản, mang tính phổ quát, không bị giới hạn bởi biên giới quốc gia; *Hai*, quyền này luôn đi kèm với trách nhiệm, có thể bị giới hạn hợp pháp để bảo vệ các quyền khác, lợi ích cộng đồng và trật tự xã hội; *Ba*, các quốc gia có nghĩa vụ tích cực trong việc bảo đảm môi trường pháp lý thuận lợi, thiết lập cơ chế cải chính, bồi thường, và bảo vệ an toàn cho nhà báo cũng như cá nhân trước những nguy cơ từ truyền thông số. Đây chính là nền tảng pháp lý và chuẩn mực quốc tế quan trọng để Việt Nam tiếp thu, nội luật hóa và phát triển cơ chế bảo đảm quyền con người trong hoạt động báo chí.

2.3.2. Cơ sở pháp lý khu vực về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

2.3.2.1. Cơ sở pháp lý khu vực Châu Mỹ

Ở châu Mỹ, hệ thống pháp lý về quyền con người trong hoạt động báo chí được xác lập vững chắc trong Công ước châu Mỹ về Nhân quyền (American Convention on Human Rights - ACHR), năm 1969, đặc biệt là Điều 13 về quyền tự do tư tưởng và biểu đạt. Quy định này khẳng định mọi cá nhân đều có quyền tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt thông tin, ý tưởng dưới bất kỳ hình thức nào, đồng

thời nghiêm cấm mọi hình thức kiểm duyệt trước. Trên cơ sở đó, Tòa án Nhân quyền liên Mỹ (Inter-American Court of Human Rights - IACtHR) đã phát triển một hệ thống án lệ quan trọng, trong đó khẳng định rằng báo chí đóng vai trò là “người canh giữ dân chủ” (*guardian of democracy*). Theo Tòa, quyền tự do báo chí không chỉ là quyền của các cơ quan truyền thông, mà còn là điều kiện tiên quyết để xã hội thực hiện quyền được thông tin, giám sát quyền lực nhà nước và thúc đẩy trách nhiệm giải trình công.

Tuy nhiên, quyền tự do báo chí trong khu vực này không phải là tuyệt đối. IACtHR cho rằng Nhà nước không được phép kiểm duyệt hay trừng phạt báo chí vì lý do chính trị, nhưng phải thực hiện nghĩa vụ tích cực (*positive obligations*) nhằm bảo đảm một môi trường truyền thông tự do, đa nguyên và có trách nhiệm, nơi các ý kiến khác biệt được tôn trọng và các nhà báo được bảo vệ khỏi bạo lực, đe dọa hoặc áp lực kinh tế. Cách tiếp cận này thể hiện rõ trong các án lệ như *Advisory Opinion OC-5/85* và *The Last Temptation of Christ v. Chile (năm 2001)*, nơi Tòa xác định rằng mọi hạn chế đối với tự do báo chí phải được quy định bằng luật, nhằm phục vụ mục đích chính đáng và tương xứng trong xã hội dân chủ. Trong bối cảnh truyền thông số, nhiều quốc gia châu Mỹ (tiêu biểu là Chile, Mexico và Brazil...) đã ban hành các đạo luật mới về tiếp cận thông tin công, bảo vệ dữ liệu cá nhân và chống tin giả (disinformation), nhằm thích ứng với sự phát triển của mạng xã hội và truyền thông trực tuyến. Những cải cách này cho thấy khu vực châu Mỹ đang chuyển từ mô hình bảo vệ “tự do báo chí truyền thống” sang mô hình “quản trị quyền con người trong truyền thông số”, trong đó Nhà nước, doanh nghiệp công nghệ và xã hội cùng chia sẻ trách nhiệm bảo đảm tính minh bạch, trung thực và nhân văn của thông tin trong thời kỳ chuyển đổi số.

2.3.2.2. Cơ sở pháp lý khu vực Châu Phi

Ở châu Phi, nền tảng pháp lý bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí được xây dựng chủ yếu dựa trên Hiến chương châu Phi về Quyền con người và Quyền của các dân tộc (*African Charter on Human and Peoples' Rights - ACHPR, 1981*) và Tuyên bố về Nguyên tắc Tự do ngôn luận và Tiếp cận thông tin ở châu

Phi (*Declaration of Principles on Freedom of Expression and Access to Information in Africa, 2019*) do Ủy ban châu Phi về Quyền con người và Quyền của các dân tộc (ACHPR Commission) ban hành.

Hiến chương năm 1981 khẳng định quyền tự do biểu đạt là một trong những trụ cột của dân chủ và phát triển, đồng thời yêu cầu các quốc gia thành viên phải bảo đảm quyền này không bị hạn chế một cách tùy tiện. Tuyên bố năm 2019 tiếp tục mở rộng phạm vi bảo vệ, đưa ra chuẩn mực khu vực hiện đại về tự do báo chí trong môi trường kỹ thuật số. Đây là lần đầu tiên một văn kiện khu vực của châu Phi ghi nhận rằng quyền tự do biểu đạt và quyền tiếp cận thông tin phải được bảo đảm đồng bộ trong không gian mạng, đồng thời yêu cầu các quốc gia thành viên không được áp dụng các biện pháp quản lý Internet, giám sát trực tuyến hoặc kiểm duyệt nội dung một cách vô căn cứ hoặc không tương xứng.

Đặc biệt, Tuyên bố 2019 nhấn mạnh nguyên tắc “*same rights, same protection online and offline*” (quyền con người phải được bảo vệ như nhau trong cả môi trường thực và thời kỳ chuyển đổi số). Các quốc gia châu Phi cũng được khuyến nghị thiết lập các cơ quan quản lý truyền thông độc lập, ban hành luật bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo vệ quyền riêng tư trên môi trường số nhằm thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu. Như vậy, cách tiếp cận của khu vực châu Phi thể hiện sự hội nhập giữa quyền tự do báo chí truyền thống và quyền con người trong thời kỳ chuyển đổi số, nhấn mạnh rằng việc ứng dụng công nghệ không thể trở thành lý do để thu hẹp quyền tự do ngôn luận hay quyền tiếp cận thông tin. Đây là bước tiến quan trọng của khu vực trong việc xây dựng môi trường truyền thông số minh bạch, an toàn và tôn trọng phẩm giá con người.

2.2.3.3. Cơ sở pháp lý khu vực Châu Âu

Trong số các tổ chức khu vực, Liên minh châu Âu và Hội đồng châu Âu là hai thiết chế tiên phong và có nhiều đóng góp quan trọng trong việc xây dựng cơ chế pháp lý bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí. Kinh nghiệm của châu Âu đặc biệt có ý nghĩa bởi khu vực này đã phát triển hệ thống pháp luật đa tầng, trong đó vừa bảo đảm quyền tự do báo chí, vừa thiết lập những giới hạn hợp lý nhằm bảo vệ các quyền cơ bản của con người, đồng thời phản ứng kịp thời trước

các thách thức của thời kỳ chuyển đổi số.

Ở châu Âu, quyền con người trong hoạt động báo chí được bảo đảm thông qua một hệ thống pháp lý đa tầng và linh hoạt. Trên nền tảng của Công ước châu Âu về quyền con người (ECHR) và Hiến chương quyền cơ bản của Liên minh châu Âu năm 2000, khu vực này đã thiết lập cơ chế bảo vệ toàn diện cho quyền tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin và quyền bảo vệ đời tư, dữ liệu cá nhân. Các văn bản pháp lý chuyên biệt như Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR, năm 2016), Đạo luật Dịch vụ số (DSA) và Đạo luật Tự do truyền thông châu Âu (EMFA) đã mở rộng phạm vi điều chỉnh, đặt ra các nguyên tắc về xử lý dữ liệu, trách nhiệm của nền tảng trực tuyến, cơ chế kiểm soát nội dung và bảo vệ nhà báo trước sự can thiệp chính trị. Qua đó, Liên minh châu Âu không chỉ bảo đảm tự do báo chí trong khuôn khổ pháp luật, mà còn xây dựng các công cụ pháp lý hiện đại nhằm bảo vệ danh dự, nhân phẩm và dữ liệu cá nhân trong thời kỳ chuyển đổi số. Hệ thống án lệ phong phú của Tòa án Nhân quyền châu Âu tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc giải thích, củng cố các quyền này, tạo nên chuẩn mực pháp lý tham chiếu toàn cầu. Kinh nghiệm của châu Âu cho thấy sự kết hợp hài hòa giữa tự do và trách nhiệm, giữa quyền tự do biểu đạt và nghĩa vụ bảo vệ quyền riêng tư - đây là hướng tiếp cận bền vững để bảo đảm quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số, có giá trị đặc biệt đối với các quốc gia đang hoàn thiện khung pháp luật về lĩnh vực này (bao gồm cả Việt Nam).

2.2.3.4. Cơ sở pháp lý khu vực Đông Nam Á

Ở Đông Nam Á, việc bảo đảm quyền con người trong hoạt động báo chí ở cấp độ khu vực chủ yếu được thể hiện thông qua các cơ chế pháp lý “mềm” mang tính khuyến nghị, thay vì các thiết chế cưỡng chế như ở châu Âu hay châu Mỹ. Tuyên bố Nhân quyền ASEAN (ASEAN Human Rights Declaration - AHRD, 2012) là văn kiện quan trọng nhất trong khu vực, trong đó Điều 23 khẳng định mọi người có quyền tự do ý kiến và biểu đạt, bao gồm quyền giữ quan điểm mà không bị can thiệp và quyền tìm kiếm, tiếp nhận, truyền đạt thông tin dưới mọi hình thức. Đồng thời, Điều 21 cũng quy định quyền được tôn trọng đời tư, danh dự và uy tín cá nhân, qua đó thể hiện sự cân bằng giữa quyền tự do báo chí và

quyền bảo vệ nhân phẩm con người. Trên cơ sở đó, Ủy ban Liên Chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR) được thành lập năm 2009 nhằm thúc đẩy đối thoại, tư vấn và hợp tác giữa các quốc gia thành viên trong lĩnh vực quyền con người, bao gồm quyền tự do ngôn luận và quyền tiếp cận thông tin. Tuy nhiên, khác với Tòa án Nhân quyền châu Âu hay châu Mỹ, Ủy ban Liên Chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR) không có thẩm quyền xét xử hay cơ chế giải quyết khiếu nại cá nhân, mà chủ yếu hoạt động như một diễn đàn chính trị - pháp lý thúc đẩy tiêu chuẩn chung trong khu vực.

Ủy ban Liên Chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR) đã tổ chức nhiều cuộc tham vấn khu vực về tự do ý kiến và biểu đạt trong thời kỳ chuyển đổi số, nhấn mạnh nghĩa vụ của các quốc gia ASEAN trong việc bảo đảm quyền con người trên không gian mạng, đồng thời tránh lạm dụng lý do an ninh mạng để hạn chế tự do báo chí. Bên cạnh đó, các tổ chức xã hội nghề nghiệp khu vực như Liên minh Báo chí Đông Nam Á (SEAPA) cũng góp phần thúc đẩy tiêu chuẩn đạo đức báo chí, bảo vệ nhà báo và phản đối các hình thức kiểm duyệt, hạn chế thông tin, và vận động các chính phủ tôn trọng quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí. SEAPA cũng tham gia vào các hoạt động vận động chính sách để cải thiện khung pháp lý cho báo chí, thúc đẩy sự minh bạch, và đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của công chúng. Tuy nhiên, cơ chế khu vực hiện nay chủ yếu mang tính định hướng chính trị và khuyến nghị, chưa hình thành một hệ thống ràng buộc pháp lý liên quan đến bảo vệ quyền con người, nhưng vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc định hình các giá trị chung về tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin và quyền riêng tư trong thời kỳ chuyển đổi số.

Nghiên cứu pháp luật quốc tế và pháp luật các khu vực về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam, giúp xác định cơ sở lý luận và chuẩn mực pháp lý toàn cầu trong việc bảo vệ quyền con người gắn với tự do báo chí. Qua đó, Việt Nam có thể tiếp thu kinh nghiệm lập pháp và cơ chế thực thi của các khu vực tiên tiến như EU, từ đó hoàn thiện khung pháp luật quốc gia, bảo đảm hài hòa giữa tự do ngôn luận, quyền riêng tư và trách nhiệm xã hội của báo chí trong kỷ nguyên số.

2.3.3. Đánh giá quy định pháp lý quốc tế và khu vực về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

2.3.3.1. Những kết quả đạt được trong bảo vệ quyền con người

Thứ nhất, khuôn khổ pháp lý quốc tế và khu vực đã khẳng định các nguyên tắc nền tảng về quyền con người trong hoạt động báo chí. Các văn kiện quốc tế cốt lõi về quyền con người đều thừa nhận quyền tự do ngôn luận, quyền tự do báo chí và quyền tiếp cận thông tin là những quyền cơ bản, giữ vai trò thiết yếu trong đời sống dân chủ và sự phát triển của xã hội hiện đại. Đặc biệt, các khuôn khổ pháp lý này không tiếp cận quyền tự do báo chí như một quyền tuyệt đối, mà luôn đặt quyền đó trong mối quan hệ song hành với nghĩa vụ và trách nhiệm xã hội. Theo đó, quyền tự do biểu đạt có thể bị hạn chế trong những trường hợp cần thiết nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của người khác, như danh dự, nhân phẩm, đời sống riêng tư, cũng như bảo đảm trật tự công cộng, an ninh quốc gia và đạo đức xã hội. Cách tiếp cận này thể hiện rõ tư duy cân bằng giữa tự do và trật tự - một nguyên tắc có ý nghĩa đặc biệt trong môi trường truyền thông số, nơi thông tin có khả năng lan truyền nhanh và tác động sâu rộng.

Ở cấp độ khu vực, nhiều hệ thống pháp lý khu vực đã phát triển các chuẩn mực cụ thể hơn nhằm hướng dẫn việc thực thi quyền tự do báo chí phù hợp với bối cảnh xã hội - văn hóa của từng khu vực, đồng thời vẫn bảo đảm tính tương thích với các chuẩn mực quốc tế. Những nguyên tắc này không chỉ có giá trị pháp lý mà còn đóng vai trò định hướng chính sách và thực tiễn quản lý báo chí.

Thứ hai, khuôn khổ pháp lý quốc tế và khu vực đã mở rộng phạm vi bảo vệ quyền con người sang môi trường truyền thông số. Trong bối cảnh chuyển đổi số, báo chí không còn giới hạn trong các phương tiện in ấn, phát thanh hay truyền hình, mà ngày càng phụ thuộc vào nền tảng số, dữ liệu lớn và các hệ thống phân phối nội dung trực tuyến. Trước sự thay đổi đó, các chuẩn mực quốc tế đã từng bước khẳng định rằng quyền con người phải được bảo đảm một cách liên tục và nhất quán, bất kể phương thức hay không gian truyền thông. Cách tiếp cận này thể hiện rõ quan điểm coi không gian số không phải là “vùng trống pháp lý” đối với quyền con người.

Ở cấp độ khu vực, một số khuôn khổ pháp lý đã quy định rõ nét hơn khi nhấn mạnh mối liên hệ giữa báo chí số và các quyền mới nổi, đặc biệt là quyền riêng tư và quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân. Việc ghi nhận các quyền này phản ánh sự thích ứng bước đầu của pháp luật trước những rủi ro mới phát sinh từ công nghệ số, như thu thập và khai thác dữ liệu quy mô lớn, theo dõi hành vi người dùng hay xâm phạm đời sống cá nhân thông qua nội dung truyền thông. Điều này đã đặt nền tảng cho việc tiếp tục hoàn thiện các cơ chế bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số, đồng thời khẳng định rằng chuyển đổi số không làm suy giảm giá trị của quyền con người, mà đòi hỏi các cơ chế bảo vệ quyền phải được nâng cao tương ứng.

Thứ ba, khuôn khổ pháp lý quốc tế và khu vực đã định hướng cân bằng giữa tự do báo chí và các lợi ích cần được bảo vệ. Theo đó, thay vì tuyệt đối hóa quyền tự do báo chí hoặc ưu tiên kiểm soát thông tin, các chuẩn mực quốc tế đều tiếp cận vấn đề này trên cơ sở cân bằng lợi ích, coi đó là điều kiện tiên quyết để bảo đảm quyền con người một cách bền vững. Theo cách tiếp cận này, quyền tự do báo chí được thừa nhận là công cụ quan trọng để thúc đẩy dân chủ, minh bạch và giám sát quyền lực. Tuy nhiên, việc thực thi quyền đó phải được đặt trong giới hạn nhằm bảo vệ các quyền con người khác, đặc biệt là danh dự, nhân phẩm, đời sống riêng tư của cá nhân, cũng như lợi ích công cộng và trật tự xã hội. Định hướng cân bằng này có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số, khi báo chí có khả năng tác động tức thời và trên diện rộng đến xã hội. Trong môi trường số, một thông tin sai lệch hoặc xâm hại quyền con người có thể lan truyền nhanh chóng và gây hậu quả nghiêm trọng, khó khắc phục. Do đó, việc nhấn mạnh nguyên tắc cân bằng giúp các quốc gia tránh được hai xu hướng cực đoan: hoặc buông lỏng quản lý dẫn đến xâm phạm quyền con người, hoặc siết chặt quá mức làm tổn hại tự do báo chí.

2.3.3.2. Những hạn chế

Thứ nhất, những quy định trong các văn kiện pháp lý quốc tế và khu vực còn mang tính nguyên tắc, chưa theo kịp sự phát triển của công nghệ số. Phần lớn các chuẩn mực pháp lý hiện hành được hình thành trong bối cảnh báo chí truyền

thống, khi hoạt động báo chí chủ yếu gắn với các phương tiện in ấn, phát thanh và truyền hình. Do đó, khi được áp dụng vào môi trường báo chí số, các quy định này bộc lộ khoảng trống nhất định về nội dung và phạm vi điều chỉnh.

Trong thời kỳ chuyển đổi số, hoạt động báo chí ngày càng phụ thuộc vào các nền tảng công nghệ, thuật toán phân phối nội dung, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn. Những yếu tố này làm thay đổi căn bản cách thức sản xuất, lan truyền và tiếp nhận thông tin báo chí, đồng thời làm phát sinh các nguy cơ mới đối với quyền con người, như xâm phạm dữ liệu cá nhân trên quy mô lớn, thao túng thông tin, hoặc khuếch đại thông tin sai lệch. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp lý quốc tế và khu vực hiện nay chưa có các quy định cụ thể để điều chỉnh trực tiếp những vấn đề này dẫn đến những khó khăn khi vận dụng chuẩn mực quốc tế vào xây dựng và thực thi pháp luật trong nước.

Thứ hai, cơ chế bảo đảm và thực thi quyền con người còn hạn chế. Trên thực tế, phần lớn các chuẩn mực quốc tế về quyền con người mang tính định hướng và khuyến nghị, trong khi cơ chế cưỡng chế và chế tài lại tương đối hạn chế. Việc bảo vệ quyền con người vì vậy phụ thuộc lớn vào ý chí chính trị, năng lực pháp lý và mức độ cam kết của từng quốc gia. Ở cấp độ khu vực, mặc dù đã hình thành một số cơ chế giám sát và giải thích pháp luật, song phạm vi tác động của các cơ chế này vẫn chưa bao phủ đầy đủ các thách thức mới do báo chí số đặt ra. Đặc biệt, các vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí số thường mang tính xuyên biên giới, liên quan đến nhiều chủ thể và nền tảng khác nhau, khiến việc xác định thẩm quyền và trách nhiệm trở nên phức tạp. Trong khi đó, khuôn khổ pháp lý quốc tế hiện chưa xây dựng được các cơ chế phối hợp hiệu quả để xử lý các vi phạm mang tính toàn cầu này. Hệ quả là khoảng cách giữa các chuẩn mực pháp lý quốc tế và thực tiễn bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí vẫn còn khá lớn. Nhiều trường hợp vi phạm quyền con người trong môi trường báo chí số không được xử lý kịp thời hoặc không đạt hiệu quả như mong muốn, làm suy giảm niềm tin vào khả năng bảo vệ quyền con người của các cơ chế quốc tế và khu vực.

Thứ ba, sự thiếu thống nhất trong cách tiếp cận giữa các khu vực và quốc gia

về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí. Mặc dù cùng dựa trên các nguyên tắc chung về quyền con người, nhưng việc giải thích và áp dụng các nguyên tắc này lại chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa và trình độ phát triển công nghệ của từng quốc gia. Sự khác biệt này dẫn đến tình trạng không đồng đều trong việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số. Ở một số khu vực, quyền tự do báo chí được ưu tiên mạnh mẽ, trong khi các cơ chế bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân còn hạn chế. Ngược lại, ở những khu vực khác, yêu cầu bảo vệ trật tự công cộng và an ninh có thể được đặt nặng hơn, dẫn đến nguy cơ hạn chế quá mức quyền tự do biểu đạt. Sự thiếu thống nhất này gây khó khăn cho việc xây dựng các chuẩn mực chung mang tính toàn cầu đối với báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số.

Kết luận Chương 2

Trên cơ sở hệ thống hóa và phân tích những vấn đề lý luận nền tảng về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số, luận án xây dựng khung lý thuyết làm cơ sở cho việc nghiên cứu thực tiễn và đề xuất giải pháp ở các chương sau. Trước hết, chương đã làm rõ khái niệm, nội hàm và đặc điểm của quyền con người trong lĩnh vực báo chí, nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và quyền nhân thân, đặc biệt là quyền riêng tư, danh dự, nhân phẩm và quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân. Trong môi trường truyền thông số, sự giao thoa giữa các quyền này đòi hỏi phải có cách tiếp cận cân bằng, nhằm bảo đảm tự do biểu đạt đi đôi với trách nhiệm xã hội và tôn trọng nhân phẩm con người.

Chương 2 đã phân tích cơ sở pháp lý quốc tế và khu vực về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí, tiêu biểu là Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, ICCPR, ECHR và Hiến chương quyền cơ bản của EU. Các văn kiện này xác lập nguyên tắc chung: tự do báo chí là quyền cơ bản nhưng không tuyệt đối, và việc giới hạn quyền phải dựa trên tiêu chí hợp pháp, cần thiết và tương xứng. Hệ thống pháp luật khu vực, đặc biệt là của Liên minh châu Âu, với các đạo luật như Quy định bảo vệ dữ liệu chung (GDPR), Đạo luật Dịch vụ số (DSA) và EMFA (2023), đã minh chứng cho mô hình quản trị đa tầng, kết hợp giữa pháp luật cứng và cơ

chế tự điều chỉnh nghề nghiệp - kinh nghiệm có giá trị tham khảo cho Việt Nam.

Từ những phân tích lý luận trên, có thể khẳng định rằng bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí không chỉ là vấn đề pháp lý mà còn là yêu cầu về đạo đức, chính trị và xã hội trong quản trị truyền thông hiện đại. Việc kế thừa và vận dụng có chọn lọc các giá trị pháp lý quốc tế, kết hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam, sẽ tạo nền tảng vững chắc cho quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU

3.1. Khái quát về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số của Liên minh châu Âu

3.1.1. *Quá trình hình thành quy chế pháp lý bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí của Liên minh châu Âu từ năm 1994 cho đến nay*

3.1.1.1. *Giai đoạn 1994 - 2000*

Liên minh châu Âu (EU) được thành lập chính thức năm 1993 theo Hiệp ước Maastricht, đánh dấu bước ngoặt trong tiến trình hội nhập của châu Âu sau Thế chiến II. Điều F của Hiệp ước Maastricht, năm 1992 nêu rõ: “*Liên minh tôn trọng các quyền cơ bản như được bảo đảm trong Công ước châu Âu về nhân quyền (ECHR) và như phát sinh từ các truyền thống hiến pháp chung của các quốc gia thành viên*”. Điều này đặt nền móng cho việc bảo vệ quyền con người, bao gồm quyền liên quan đến tự do ngôn luận và báo chí. Hiệp ước này hợp nhất các cộng đồng kinh tế trước đó, thiết lập cá nhân EU, và xây dựng khung hợp tác về kinh tế, chính trị, an ninh và pháp lý.

Giai đoạn 1994 - 2000 được xem là thời kỳ bản lề của châu Âu trong cả phương diện chính trị - pháp lý lẫn truyền thông - nhân quyền. Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, bức tường Berlin sụp đổ và Liên Xô tan rã, châu Âu bước vào thời kỳ tái thiết chính trị sâu rộng, với mục tiêu củng cố một không gian dân chủ - pháp quyền thống nhất. EU mở rộng về phía Đông, tiếp nhận nhiều quốc gia Trung và Đông Âu như Ba Lan, Hungary, Cộng hòa Séc, Slovakia..., kéo theo nhu cầu thống nhất về giá trị cốt lõi: tôn trọng nhân quyền, tự do ngôn luận và tự do báo chí.

Hiệp ước Amsterdam năm 1997 nhằm sửa đổi và bổ sung Hiệp ước Maastricht (1992) - văn bản đã sáng lập Liên minh châu Âu (EU), đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quá trình thể chế hóa các giá trị này. Lần đầu tiên, EU quy định rõ cơ chế đình chỉ quyền thành viên đối với các quốc gia vi phạm nghiêm

trọng quyền con người và các nguyên tắc dân chủ (sau này được củng cố thêm trong Hiệp ước Nice 2001 và Hiệp ước Lisbon 2009). Quy định này cho thấy EU không chỉ coi quyền con người là giá trị đạo lý mà còn là điều kiện pháp lý bắt buộc để các quốc gia duy trì tư cách thành viên.

Cùng với tiến trình mở rộng về chính trị và thể chế, châu Âu trong giai đoạn hậu Chiến tranh Lạnh cũng chứng kiến những biến đổi sâu sắc trong lĩnh vực báo chí và truyền thông. Ở các quốc gia Đông Âu nền báo chí tự do và đa nguyên bắt đầu hình thành, đánh dấu bước chuyển quan trọng trong quá trình dân chủ hóa đời sống xã hội. Tuy nhiên, quá trình tự do hóa truyền thông diễn ra nhanh chóng cũng kéo theo nhiều thách thức mới, như sự thương mại hóa nội dung, tập trung quyền sở hữu truyền thông, và thiếu vắng khung pháp lý vững chắc để bảo đảm quyền riêng tư, quyền nhân thân và các giá trị nhân quyền cơ bản trong môi trường thông tin ngày càng cạnh tranh và chịu ảnh hưởng của kinh tế thị trường.

Trong bối cảnh đó, Tòa án Nhân quyền châu Âu (European Court of Human Rights - ECtHR) trở thành cơ chế bảo vệ nhân quyền trung tâm, đặc biệt trong lĩnh vực báo chí. Dựa trên Công ước châu Âu về quyền con người (ECHR, 1950), Tòa án này liên tục đưa ra nhiều án lệ quan trọng nhằm cân bằng giữa hai quyền cơ bản: *tự do biểu đạt* (Điều 10) và *quyền được tôn trọng đời tư* (Điều 8). Một trong những án lệ nổi bật là *Fressoz và Roire kiện Pháp* (1999), trong đó ECtHR tuyên bố nhà báo có quyền công bố thông tin về lương của giám đốc doanh nghiệp vì phục vụ lợi ích công cộng, qua đó khẳng định vai trò giám sát xã hội của báo chí, nhưng đồng thời nhấn mạnh giới hạn khi đụng chạm tới dữ liệu cá nhân thuần túy. Các vụ như *Sunday Times kiện Vương quốc Anh* (1979) cũng đặt nền tảng cho nguyên tắc “cân bằng hợp lý” giữa lợi ích công và quyền riêng tư - một nguyên tắc xuyên suốt trong pháp lý báo chí châu Âu sau này.

Cũng trong giai đoạn này, sự phát triển của Internet và báo điện tử tại châu Âu đã làm thay đổi căn bản mô hình truyền thông truyền thống. Từ giữa thập niên 1990, các tờ báo lớn bắt đầu số hóa nội dung, mở rộng sang không gian mạng, khiến vấn đề quản trị dữ liệu, quyền riêng tư và trách nhiệm pháp lý của báo chí trực tuyến trở thành chủ đề nóng. Các cuộc tranh luận về “*trách nhiệm của nền tảng*” (platform

liability) và “*quyền bị lãng quên*” (right to be forgotten) bắt đầu xuất hiện trong chính giới, học thuật và tư pháp châu Âu - đặt nền móng cho các chính sách dữ liệu và quyền kỹ thuật số ra đời sau này, tiêu biểu là Quy định bảo vệ dữ liệu chung (GDPR) và Đạo luật Dịch vụ số (DSA).

Tổng thể, giai đoạn 1994-2000 là thời kỳ giao thoa giữa hai kỷ nguyên: một bên là sự củng cố hệ thống bảo vệ nhân quyền truyền thống thông qua Công ước ECHR và cơ chế án lệ ECtHR; bên kia là sự khởi đầu của những thách thức mới do công nghệ thông tin và truyền thông số mang lại. Trong giai đoạn này, EU tuy chưa ban hành một Hiến chương riêng về quyền cơ bản (phải đến năm 2000 mới có Charter of Fundamental Rights of the EU), nhưng đã hình thành nền tảng pháp lý và tư tưởng vững chắc cho việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí, bao gồm tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin, quyền riêng tư cá nhân và quyền được bảo vệ trước thông tin sai lệch. Nói cách khác, có thể coi thập niên 1990 là “*kỷ nguyên định hình*” của châu Âu hiện đại về nhân quyền và báo chí, nơi mà sự mở rộng chính trị, cải cách pháp lý và bùng nổ truyền thông kỹ thuật số cùng hòa quyện, tạo nên tiền đề cho hệ thống pháp luật nhân quyền và truyền thông mà EU áp dụng đến ngày nay.

3.1.1.2. *Giai đoạn từ năm 2000 đến nay*

Giai đoạn từ năm 2000 đến nay đánh dấu bước phát triển toàn diện của EU trong việc thiết lập khung pháp lý bảo vệ quyền con người gắn liền với hoạt động báo chí và truyền thông số.

Năm 2000, EU thông qua Hiến chương về các quyền cơ bản (Charter of Fundamental Rights of the European Union), văn kiện mang tính định hướng giá trị nhân quyền, đến Hiệp ước Lisbon (2009) chính thức trao cho Hiến chương giá trị pháp lý ràng buộc. Trong đó, Điều 11 khẳng định: “*Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận, bao gồm quyền giữ quan điểm và quyền nhận, truyền đạt thông tin, ý tưởng mà không bị can thiệp của cơ quan công quyền, bất kể biên giới*” [31]. Đồng thời, Điều 7 và Điều 8 bảo đảm quyền được tôn trọng đời tư và quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân, hai nền tảng quan trọng cho hoạt động báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số.

Bước ngoặt mang tính hệ thống là Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (General Data Protection Regulation - GDPR), ban hành năm 2016, có hiệu lực từ 2018). Đây là công cụ pháp lý toàn diện đầu tiên nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường kỹ thuật số. Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDP không chỉ điều chỉnh doanh nghiệp và cơ quan công quyền mà còn tác động trực tiếp đến báo chí, đặc biệt trong quá trình thu thập, xử lý và công bố thông tin cá nhân. Mặc dù báo chí được hưởng ngoại lệ vì mục đích báo chí, nhưng vẫn phải bảo đảm nguyên tắc minh bạch, hợp pháp và cân bằng giữa lợi ích công cộng với quyền riêng tư cá nhân [28]. Song song với đó, EU ban hành và điều chỉnh một loạt cơ chế pháp lý bổ trợ:

- Chỉ thị về Dịch vụ Truyền thông nghe nhìn (AVMSD, 2010, sửa đổi 2018), điều chỉnh hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ truyền thông xuyên biên giới, nhằm thống nhất chuẩn mực về nội dung, quảng cáo và bảo vệ người xem;

- Chiến lược chống tin giả năm 2018 và Đạo luật Dịch vụ số (Digital Services Act - DSA, năm 2022), hướng tới kiểm soát nội dung trực tuyến, xử lý thông tin sai lệch, ngôn từ thù ghét, đồng thời vẫn bảo đảm quyền tự do biểu đạt và quyền tiếp cận thông tin. Đạo luật Dịch vụ số là bước tiến mới của EU trong việc quản trị không gian trực tuyến. DSA quy định trách nhiệm của các nền tảng số lớn trong việc kiểm soát nội dung bất hợp pháp, thiết lập cơ chế báo cáo - gỡ bỏ minh bạch, yêu cầu đánh giá rủi ro hệ thống đối với thông tin sai lệch, ngôn từ thù ghét, thao túng bầu cử. Đồng thời, DSA trao quyền cho người dùng khiếu nại, khởi kiện và tiếp cận các cơ chế giải quyết tranh chấp độc lập. Đây là cách EU gắn tự do báo chí với trách nhiệm của các nền tảng xuyên biên giới, vốn ngày càng chi phối mạnh mẽ hoạt động truyền thông.

- Đạo luật Tự do truyền thông châu Âu đã được ban hành dưới hình thức Quy định (EU) 2024/1083 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng ngày 11/4/2024, với tên gọi đầy đủ là European Media Freedom Act (EMFA); văn bản này có hiệu lực từ ngày 7/5/2024 và các nghĩa vụ chính được áp dụng đầy đủ từ ngày 8/8/2025. Xét từ góc độ quyền con người, EMFA có ý nghĩa quan trọng vì nó chuyển trọng tâm bảo vệ từ việc chỉ xử lý các xâm phạm riêng lẻ đối với nhà báo hoặc cá nhân

bị đưa tin sang việc thiết lập các bảo đảm thể chế cho một môi trường truyền thông tự do, đa nguyên và có trách nhiệm trong không gian số.

Đạo luật Tự do truyền thông châu Âu (European Media Freedom Act là Regulation (EU) 2024/1083) xác lập ba nhóm chuẩn mực quan trọng trong bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số, gồm: độc lập biên tập, minh bạch sở hữu truyền thông và thiết chế giám sát. Trước hết, yêu cầu các quốc gia thành viên bảo đảm tự do biên tập thực chất của cơ quan truyền thông, bảo vệ nhà báo và nguồn tin báo chí, đồng thời hạn chế các hình thức can thiệp bất hợp pháp, đặc biệt là sự chi phối mang tính chính trị đối với nội dung biên tập. Bên cạnh đó, EMFA đặt ra nghĩa vụ tăng cường minh bạch về chủ sở hữu và cơ cấu kiểm soát của cơ quan truyền thông, qua đó hỗ trợ nhận diện xung đột lợi ích, hạn chế thao túng truyền thông và củng cố điều kiện để công chúng tiếp cận thông tin khách quan, đáng tin cậy. Đồng thời, việc thiết lập Hội đồng châu Âu về các dịch vụ truyền thông (European Board for Media Services) cho thấy xu hướng tăng cường phối hợp giám sát ở cấp độ khu vực nhằm bảo đảm áp dụng thống nhất các chuẩn mực truyền thông trong toàn Liên minh châu Âu.

- Các quy định về minh bạch của Luật Trí tuệ nhân tạo của Liên minh châu Âu (EU AI Act) - Quy định (EU) 2024/1689 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng ngày 13/6/2024, có hiệu lực từ 1/8/2024, có giá trị tham chiếu quan trọng đối với hoạt động báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số. Theo định hướng của Điều 50, nhà cung cấp AI sinh tạo phải bảo đảm nội dung do AI tạo ra có thể được nhận diện; đồng thời, deepfake và cả văn bản do AI tạo ra nhằm thông tin cho công chúng về các vấn đề lợi ích công phải được gắn nhãn rõ ràng, trừ trường hợp nội dung đó đã được con người rà soát và chịu trách nhiệm biên tập. Điểm đặc biệt quan trọng của đạo luật là nguyên tắc: AI chỉ có thể là công cụ hỗ trợ, còn trách nhiệm xác minh, lựa chọn và chịu trách nhiệm cuối cùng đối với thông tin vẫn phải thuộc về con người, bởi trong hoạt động báo chí, sai sót thông tin có thể tác động trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm, quyền riêng tư, quyền bình đẳng và khả năng hình thành ý kiến của công chúng.

Có thể thấy, từ năm 1994 cho đến nay, EU đã từng bước xây dựng một khung

pháp lý toàn diện, linh hoạt và thích ứng với chuyển đổi số, bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí trên nhiều phương diện: tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Điểm nổi bật là khả năng cân bằng giữa lợi ích công và quyền cá nhân, cùng sự chủ động trong điều chỉnh pháp luật để thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ và môi trường truyền thông hiện đại.

3.1.2. Đặc điểm pháp luật Liên minh châu Âu về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Pháp luật EU về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí hình thành từ nền tảng là Hiến chương Quyền cơ bản của Liên minh châu Âu (Charter of Fundamental Rights of the EU), trong đó các điều 7, 8 và 11 lần lượt khẳng định quyền được tôn trọng đời sống riêng tư, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền tự do ngôn luận, tự do thông tin. Trong bối cảnh chuyển đổi số, EU đã phát triển hệ thống pháp lý mang tính đa tầng, ràng buộc cao và thích ứng công nghệ, nhằm bảo đảm các quyền này không chỉ được ghi nhận mà còn được thực thi thực tế trong không gian truyền thông số.

3.1.2.1. Đặc điểm về tính ràng buộc và hiệu lực trực tiếp của các quy định pháp lý của Liên minh châu Âu

Một đặc điểm nổi bật của pháp luật EU là sử dụng các văn bản quy phạm có hiệu lực trực tiếp (Regulations) thay vì chỉ dựa vào các chỉ thị (Directives). Đây là đặc điểm tạo nên bản chất đặc thù của hệ thống pháp luật EU, thể hiện sự khác biệt của trật tự pháp lý này so với mô hình pháp luật quốc tế truyền thống. Nguyên tắc này được hiểu là các quy định của pháp luật EU có thể được cá nhân hoặc tổ chức trong quốc gia thành viên viện dẫn trực tiếp trước Tòa án quốc gia, mà không cần thông qua quy trình nội luật hóa hay ban hành văn bản chuyển hóa vào hệ thống pháp luật trong nước. Pháp luật EU tạo ra quyền và nghĩa vụ pháp lý trực tiếp cho cá nhân, và Tòa án quốc gia có trách nhiệm công nhận, bảo vệ những quyền và nghĩa vụ đó mà không cần chờ sự can thiệp của cơ quan lập pháp quốc gia. Các quy định như Quy định bảo vệ dữ liệu chung (GDPR), Đạo luật Dịch vụ Kỹ thuật số (DSA) và Đạo luật Tự do Truyền thông châu Âu (EMFA)

đều là văn bản quy phạm có hiệu lực trực tiếp, có hiệu lực bắt buộc và áp dụng trực tiếp tại tất cả các quốc gia thành viên mà không cần nội luật hóa. Điều này tạo nên tính thống nhất, tránh sự chậm trễ hoặc sai lệch trong việc thực hiện, đồng thời tạo nên một chuẩn mực pháp lý đồng bộ trong bảo vệ quyền con người và tự do báo chí trên toàn EU.

Về bản chất, nguyên tắc hiệu lực trực tiếp nhằm bảo đảm tính hiệu lực và tính thống nhất của pháp luật EU trên toàn Liên minh. Nguyên tắc này được Tòa án Công lý Liên minh châu Âu (CJEU) khẳng định lần đầu tiên trong *án lệ Van Gend en Loos (1963)*, khi Tòa tuyên bố rằng các quy định của Hiệp ước Rome có thể “*tạo ra quyền lợi cá nhân mà Tòa án quốc gia có nghĩa vụ bảo vệ*” [149]. Từ đó, Tòa án Công lý Liên minh châu Âu (CJEU) xác lập rằng EU không chỉ là một tổ chức quốc tế đơn thuần giữa các quốc gia, mà còn là một trật tự pháp lý mới (new legal order), trong đó cá nhân trở thành chủ thể trực tiếp của quyền và nghĩa vụ pháp lý phát sinh từ các hiệp ước của Liên minh.

Về phương diện áp dụng, nguyên tắc hiệu lực trực tiếp được chia thành hai dạng cơ bản, phản ánh mối quan hệ giữa cá nhân và chủ thể bị kiện trong quá trình thực thi pháp luật EU:

Thứ nhất, hiệu lực trực tiếp theo chiều dọc (*vertical direct effect*), được áp dụng khi một cá nhân hoặc tổ chức viện dẫn quy định của pháp luật EU để yêu cầu trách nhiệm từ quốc gia thành viên hoặc cơ quan có thẩm quyền. Trong trường hợp này, Nhà nước có nghĩa vụ tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật EU, trường hợp vi phạm, cá nhân có quyền dựa vào quy định của EU để yêu cầu Tòa án quốc gia bảo vệ quyền lợi của mình. Điều này phản ánh rõ ràng mối quan hệ thứ bậc giữa pháp luật EU và pháp luật quốc gia, khi pháp luật EU được áp dụng như một công cụ kiểm soát hành vi của cơ quan công quyền quốc gia.

Thứ hai, hiệu lực trực tiếp theo chiều ngang (*horizontal direct effect*), áp dụng trong trường hợp một cá nhân viện dẫn quy định của pháp luật EU để yêu cầu trách nhiệm từ một cá nhân hoặc tổ chức khác trong cùng một quốc gia thành viên. Hiệu lực này thể hiện rằng một số quy định của pháp luật EU có khả năng điều chỉnh quan hệ pháp lý giữa các chủ thể tư nhân mà không cần sự can thiệp

của Nhà nước. Tuy nhiên, không phải mọi nguồn pháp luật EU đều có hiệu lực trực tiếp theo chiều ngang.

Như vậy, nguyên tắc hiệu lực trực tiếp là công cụ pháp lý then chốt giúp bảo đảm sự thống nhất và tính hiệu lực thực tiễn của trật tự pháp lý EU, đồng thời mở rộng quyền năng pháp lý của cá nhân, cho phép họ trực tiếp bảo vệ quyền lợi phát sinh từ các quy định của EU tại Tòa án quốc gia. Nguyên tắc này không chỉ củng cố mối liên hệ giữa cá nhân và Liên minh, mà còn khẳng định bản chất siêu quốc gia (*supranational nature*) của pháp luật EU - một hệ thống trong đó pháp luật chung có hiệu lực ràng buộc và được thực thi đồng bộ trên toàn khối, vượt lên trên giới hạn của chủ quyền pháp lý truyền thống.

3.1.2.2. Đặc điểm về mối quan hệ giữa pháp luật Liên minh châu Âu và pháp luật các quốc gia thành viên

Liên minh châu Âu là một thực thể chính trị - pháp lý đặc thù, hình thành trên cơ sở hợp tác giữa các quốc gia có chủ quyền, nhưng lại vận hành như một cộng đồng pháp lý thống nhất trong nhiều lĩnh vực. Từ khi Hiệp ước Rome năm 1957 ra đời, hệ thống pháp luật của EU đã không ngừng phát triển, tạo nên một trật tự pháp lý mới tồn tại song song với hệ thống pháp luật quốc gia của các nước thành viên. Một trong những đặc điểm nổi bật của hệ thống này là mối quan hệ đặc biệt giữa pháp luật EU và pháp luật quốc gia thành viên. Khác với các tổ chức quốc tế thông thường, pháp luật EU có khả năng tác động trực tiếp đến cá nhân và tổ chức trong phạm vi nội địa của từng quốc gia thành viên.

Mối quan hệ này được hình thành và phát triển dựa trên một số nguyên tắc pháp lý nền tảng như: tính tối cao của pháp luật EU (*supremacy of EU law*), hiệu lực trực tiếp (*direct effect*), nguyên tắc trung thành (*principle of sincere cooperation*) và trách nhiệm quốc gia thành viên (*state liability*). Chính những nguyên tắc này đã xác lập vị thế đặc biệt của EU trong cấu trúc pháp lý thế giới, vừa không phải là một quốc gia liên bang, vừa vượt ra ngoài phạm vi của một tổ chức quốc tế thông thường. Hệ thống pháp luật EU được hình thành từ hai nguồn cơ bản: 1) pháp luật cơ bản (*primary law*) bao gồm các hiệp ước sáng lập và sửa đổi - nền tảng pháp lý tối cao quy định cơ cấu tổ chức, thẩm quyền và phạm vi

hoạt động của liên minh; 2) pháp luật thứ cấp (*secondary law*) được ban hành bởi các cơ quan của EU, chủ yếu là Nghị viện châu Âu (European Parliament), Hội đồng Liên minh châu Âu (Council of the EU) và Ủy ban châu Âu (European Commission) nhằm cụ thể hóa và thực thi các mục tiêu được quy định trong pháp luật cơ bản.

Pháp luật EU không chỉ ràng buộc các quốc gia thành viên mà còn tác động trực tiếp đến cá nhân và tổ chức trong phạm vi lãnh thổ một quốc gia thành viên, trao cho họ quyền và nghĩa vụ có thể được viện dẫn trước Tòa án quốc gia. Nguyên tắc tối cao của pháp luật Liên minh châu Âu là một trong những nền tảng cốt lõi bảo đảm cho tính thống nhất, hiệu lực và hiệu quả của toàn bộ hệ thống pháp luật EU. Đây là nguyên tắc khẳng định pháp luật EU có giá trị pháp lý cao hơn pháp luật của các quốc gia thành viên. Khi xảy ra mâu thuẫn giữa quy định của pháp luật EU và quy định nội địa, pháp luật EU phải được ưu tiên áp dụng, và Tòa án quốc gia có nghĩa vụ bỏ qua hoặc không thi hành các quy định nội địa trái với quy định của EU.

3.1.2.3. Đặc điểm về cơ chế bảo vệ và giám sát đa tầng của pháp luật Liên minh châu Âu về quyền con người trong hoạt động báo chí

Một trong những đặc điểm nổi bật của hệ thống pháp luật EU trong lĩnh vực quyền con người, đặc biệt liên quan đến hoạt động báo chí và tự do biểu đạt, là tính đa tầng (*multi-level*) của cơ chế bảo vệ và giám sát. Cấu trúc này phản ánh sự kết hợp chặt chẽ giữa ba tầng thể chế pháp lý - quốc gia, khu vực và liên minh nhằm đảm bảo việc thực thi quyền con người một cách toàn diện, hiệu quả và đồng bộ trong không gian truyền thông châu Âu.

- *Tầng thứ nhất*: Bảo vệ ở cấp quốc gia là nền tảng thực thi trực tiếp. Ở cấp độ quốc gia, các quốc gia thành viên EU có nghĩa vụ hiến định hóa và nội luật hóa các nguyên tắc về quyền con người, đặc biệt là quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và quyền bảo vệ đời tư. Mỗi nước đều có hệ thống pháp luật báo chí riêng (ví dụ: Press Law ở Đức, Freedom of the Press Act ở Thụy Điển, Ofcom Broadcasting Code ở Anh trước Brexit...) cùng Tòa án hiến pháp hoặc Tòa án tối cao có thẩm quyền xem xét tính hợp hiến của các quy định hạn chế tự do báo chí. Ở tầng này,

Nhà nước thành viên là chủ thể trực tiếp bảo vệ quyền con người thông qua việc giám sát hoạt động báo chí và xử lý vi phạm; đảm bảo nhà báo, cá nhân có quyền khởi kiện hoặc yêu cầu cải chính; thực hiện nghĩa vụ minh bạch thông tin nhà nước và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Cấp độ này thể hiện tính tự chủ quốc gia, đồng thời là tầng thực thi đầu tiên và gần gũi nhất với cá nhân.

- *Tầng thứ hai*: Bảo vệ ở cấp Liên minh. Theo đó, Liên minh châu Âu thiết lập cơ chế bảo vệ quyền con người riêng, song có tính bổ sung và tương thích với hệ thống của ECHR. Trong đó, cơ sở pháp lý nền tảng là Hiến chương Liên minh châu Âu về các Quyền Cơ bản CFR. Điều 11 của Hiến chương tái khẳng định quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí, đồng thời bổ sung yếu tố mới: “*tự do và đa dạng truyền thông phải được tôn trọng*”. Các thiết chế của EU như Tòa án Công lý Liên minh châu Âu (CJEU), Ủy ban châu Âu (European Commission), và Cơ quan quản lý truyền thông châu Âu (ERGA) có trách nhiệm giám sát việc thực thi quyền cơ bản trong các chính sách, luật và hoạt động truyền thông xuyên biên giới. Đặc biệt, các đạo luật mới như Đạo luật Dịch vụ Kỹ thuật số (DSA) và Đạo luật Tự do Truyền thông châu Âu (EMFA) đã hình thành khuôn khổ bảo vệ quyền con người trong môi trường báo chí số, quy định rõ nghĩa vụ của nền tảng số, cơ quan báo chí và Nhà nước thành viên trong việc ngăn chặn tin giả, bảo vệ dữ liệu cá nhân và duy trì tính độc lập của truyền thông.

Cơ chế bảo vệ nhân quyền của Liên minh châu Âu không tồn tại một cách biệt lập mà vận hành trong mối quan hệ tương tác chặt chẽ giữa các cấp thể chế, dựa trên hai nguyên tắc nền tảng: nguyên tắc bổ sung (*principle of subsidiarity*) và nguyên tắc tương thích pháp lý (*principle of consistency*). Theo đó, các quốc gia thành viên là chủ thể chịu trách nhiệm trước tiên trong việc bảo đảm và thực thi các quyền con người. Khi quyền của cá nhân bị xâm phạm mà quốc gia không có biện pháp khắc phục thích đáng, cá nhân có thể khởi kiện lên Tòa án Nhân quyền châu Âu (ECtHR) để yêu cầu bảo vệ. Đồng thời, trong phạm vi chính sách và pháp luật của Liên minh, Tòa án Công lý châu Âu (CJEU) có thẩm quyền xem xét hành vi của các thể chế EU hoặc của quốc gia thành viên nếu việc áp dụng luật EU dẫn đến vi phạm quyền con người.

- *Tầng thứ ba*: Bên cạnh tầng quốc gia và tầng Liên minh, cơ chế bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí tại châu Âu còn được củng cố bởi tầng Hội đồng châu Âu, vận hành trên nền tảng của Công ước châu Âu về quyền con người (ECHR) và cơ chế tài phán của Tòa án Nhân quyền châu Âu (ECtHR). Đây là một tầng bảo vệ khu vực có tính chất độc lập với EU nhưng có ảnh hưởng rất sâu rộng đối với các quốc gia thành viên EU, bởi toàn bộ các quốc gia thành viên EU đều đồng thời là thành viên của Hội đồng châu Âu và là bên tham gia ECHR. Về bản chất, ECHR thiết lập một bộ tiêu chuẩn nhân quyền tối thiểu có giá trị ràng buộc, trong đó Điều 10 ECHR giữ vai trò nền tảng đối với quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí, đồng thời cho phép đặt ra các giới hạn hợp pháp khi cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, đạo đức xã hội hoặc quyền và danh dự của người khác. Theo nguyên tắc bổ trợ, việc bảo vệ quyền theo ECHR trước hết thuộc trách nhiệm của các cơ quan quốc gia, đặc biệt là cơ quan lập pháp, hành pháp và tòa án trong nước; chỉ khi các cơ chế trong nước không bảo đảm được quyền hoặc không khắc phục được vi phạm thì cá nhân, nhà báo hoặc cơ quan báo chí mới có thể đưa vụ việc ra trước ECtHR.

Thông qua án lệ phong phú, ECtHR đã hình thành nên các chuẩn mực khu vực có ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động báo chí, đặc biệt là nguyên tắc chỉ được hạn chế tự do báo chí khi thật sự cần thiết trong một xã hội dân chủ, nguyên tắc cân bằng giữa tự do ngôn luận với quyền riêng tư, danh dự, uy tín, và nguyên tắc bảo vệ đặc biệt đối với nhà báo, nguồn tin báo chí cũng như những chủ thể công bố thông tin vì lợi ích công. Vì vậy, tầng Hội đồng châu Âu có thể được xem là tầng kiểm tra pháp lý khu vực, bổ sung cho cơ chế bảo vệ ở cấp quốc gia và góp phần định hình các chuẩn mực chung về quyền con người trong hoạt động báo chí ở châu Âu.

Có thể khẳng định rằng cơ chế bảo vệ và giám sát đa tầng của Liên minh châu Âu thể hiện một mô hình pháp lý tiên tiến và chặt chẽ, trong đó quyền con người trong lĩnh vực báo chí được bảo vệ đồng thời ở cả ba cấp độ. Mô hình này không chỉ đảm bảo tính thống nhất trong bảo vệ nhân quyền giữa các quốc gia thành viên, mà còn đặt ra khuôn mẫu toàn cầu về việc cân bằng giữa tự do báo

chí, an ninh thông tin và quyền nhân thân của con người trong kỷ nguyên truyền thông kỹ thuật số.

3.2. Kinh nghiệm của Liên minh châu Âu đối với bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

3.2.1. Nội dung quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số của Liên minh châu Âu

3.2.1.1. Nội dung về quyền riêng tư trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Ở châu Âu, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân được xem là một phần cốt lõi của quyền con người, đặc biệt trong bối cảnh hoạt động báo chí và truyền thông số phát triển mạnh. Trên nền tảng các chuẩn mực quốc tế như UDHR và Điều 17 ICCPR, Liên minh châu Âu đã phát triển khung pháp lý tiên tiến và có tính ràng buộc để bảo đảm quyền này. Trên thực tế, nhiều án lệ của Tòa án Nhân quyền châu Âu (EctHR) đã thiết lập nguyên tắc quyền tự do báo chí đặc biệt được bảo vệ khi đưa tin về vấn đề công ích, nhưng báo chí không được tùy tiện xâm phạm đời tư hoặc bịa đặt, vu khống.

Ví dụ trong vụ Von Hannover v. Đức (2004) và Von Hannover v. Đức (No. 2) (2012), ECtHR không chỉ xử lý một tranh chấp cụ thể về việc công bố hình ảnh đời tư của Công chúa Caroline của Monaco, mà còn xác lập nguyên tắc cân bằng giữa quyền riêng tư (Điều 8 ECHR) và quyền tự do biểu đạt, tự do báo chí (Điều 10 ECHR). Ở phán quyết năm 2004, Tòa cho rằng việc đăng tải các hình ảnh phản ánh sinh hoạt thường ngày, không gắn với chức năng công hoặc một cuộc tranh luận vì lợi ích công cộng, đã xâm phạm quyền được tôn trọng đời sống riêng tư của đương sự. Đến năm 2012, ECtHR tiếp tục làm rõ các tiêu chí cân bằng quyền, gồm: mức độ đóng góp của thông tin vào tranh luận vì lợi ích công, mức độ nổi tiếng của người bị đưa tin, nội dung và hệ quả của việc công bố, cũng như hoàn cảnh thu thập thông tin, hình ảnh. Từ đó có thể thấy, tư cách là người của công chúng không đồng nghĩa với việc mất đi vùng riêng tư được pháp luật bảo vệ. Án lệ này cũng cho thấy tòa án quốc gia là chủ thể cân bằng quyền trước hết, còn ECtHR là cơ chế giám sát sau cùng theo nguyên tắc bổ trợ; đồng thời, trong

bối cảnh số, các tiêu chí này còn có thể mở rộng để đánh giá trách nhiệm của nền tảng số khi khuếch đại hoặc duy trì nội dung xâm phạm đời tư. [18].

Công ước năm 1981 của Hội đồng châu Âu về bảo vệ cá nhân trong xử lý dữ liệu tự động, đặt ra nguyên tắc thu thập và sử dụng dữ liệu minh bạch, hợp pháp, giới hạn mục đích và bảo đảm tính chính xác. Tiếp đó, EU đã ban hành Hiến chương về các quyền cơ bản năm 2000, trong đó Điều 7 Hiến chương EU về các quyền cơ bản (2000/2009) quy định: “Mọi người đều có quyền được tôn trọng đời sống riêng tư và gia đình, nhà ở và thư tín”. Điều 8 Hiến chương lần đầu tiên trong lịch sử pháp lý quốc tế quy định cụ thể “quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân”, yêu cầu dữ liệu phải được xử lý công bằng, cho mục đích xác định rõ ràng, và dưới sự giám sát của cơ quan độc lập.

Đến Quy định 2016/679 về Bảo vệ dữ liệu chung (GDPR), được Nghị viện và Hội đồng châu Âu thông qua ngày 27/4/2016 và có hiệu lực từ 25/5/2018, là văn bản pháp lý có tính ràng buộc cao nhất về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong Liên minh châu Âu. Quy định 2016/679 về Bảo vệ dữ liệu chung (GDPR) không chỉ điều chỉnh hoạt động xử lý dữ liệu của các tổ chức công và tư trong EU mà còn áp dụng cả với các chủ thể ngoài EU nếu họ thu thập hoặc xử lý dữ liệu cá nhân của cá nhân EU. Đây là mốc pháp lý quan trọng, thể hiện cách tiếp cận lấy quyền con người làm trung tâm trong thời kỳ chuyển đổi số, đặc biệt trong bối cảnh báo chí, truyền thông và công nghệ thông tin ngày càng đan xen. Theo quy định của Quy định 2016/679 về Bảo vệ dữ liệu chung (GDPR), cá nhân, với tư cách là chủ thể dữ liệu, được trao bốn nhóm quyền cốt lõi mới nhằm bảo đảm khả năng kiểm soát thông tin cá nhân của mình:

- Quyền được biết (right to be informed), cá nhân có quyền được thông báo rõ ràng, minh bạch về mục đích, phạm vi và cách thức xử lý dữ liệu cá nhân trước khi dữ liệu được thu thập hoặc sử dụng. Đây là cơ sở của nguyên tắc minh bạch và đồng thuận có hiểu biết trong truyền thông và báo chí số.

- Quyền truy cập (right of access), cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức xử lý dữ liệu (bao gồm cả cơ quan báo chí) cung cấp bản sao dữ liệu cá nhân mà họ nắm giữ, qua đó tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong việc quản lý thông

tin cá nhân.

- Quyền được quên (right to be forgotten), cho phép cá nhân yêu cầu xóa bỏ dữ liệu cá nhân khi mục đích xử lý đã hoàn tất, hoặc khi dữ liệu được công bố gây tổn hại đến danh dự, đời tư, hay không còn phù hợp với lợi ích công. Quyền này có ý nghĩa đặc biệt trong hoạt động báo chí điện tử, khi thông tin được lưu trữ và lan truyền vĩnh viễn trên mạng.

Án lệ Google Spain năm 2014 là dấu mốc quan trọng xác lập “quyền được quên” (right to be forgotten) trong khuôn khổ bảo vệ dữ liệu cá nhân của EU. Trong vụ việc này, ông Mario Costeja González yêu cầu gỡ bỏ các liên kết dẫn đến thông tin đã cũ về việc đấu giá tài sản của mình, với lý do dữ liệu đó không còn phù hợp và gây ảnh hưởng đến đời sống cá nhân. CJEU phán quyết rằng công cụ tìm kiếm như Google là chủ thể xử lý dữ liệu cá nhân, do đó có thể bị yêu cầu gỡ bỏ liên kết đến các thông tin không còn thích đáng, không liên quan hoặc đã trở nên quá mức so với mục đích xử lý, trừ khi vẫn tồn tại lợi ích công cộng vượt trội trong việc tiếp cận thông tin. Từ đó, án lệ này không chỉ mở rộng quyền kiểm soát dữ liệu cho cá nhân mà còn xác lập một nguyên tắc cân bằng mới giữa quyền riêng tư, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân với quyền tiếp cận thông tin trong môi trường số. Đồng thời, Google Spain cũng có ý nghĩa về phương diện chủ thể khi cho thấy trách nhiệm bảo vệ quyền con người không còn chỉ đặt lên Nhà nước hay cơ quan báo chí, mà đã được mở rộng sang các nền tảng số và công cụ trung gian thông tin. Về lâu dài, phán quyết này trở thành nền tảng quan trọng cho sự phát triển của Điều 17 GDPR về quyền xóa dữ liệu. [7].

- Quyền phản đối việc xử lý dữ liệu (right to object), cho phép cá nhân từ chối việc dữ liệu của mình bị sử dụng cho mục đích quảng cáo hoặc các mục đích không phù hợp với lợi ích hợp pháp của họ. Trong lĩnh vực truyền thông, quyền này giúp ngăn chặn hành vi khai thác dữ liệu cá nhân vì mục đích thương mại hoặc định hướng dư luận. Điều 21 quy định, cá nhân có quyền phản đối việc xử lý dữ liệu cá nhân nếu dựa trên cơ sở lợi ích hợp pháp hoặc nhiệm vụ công cộng, trừ khi có lý do chính đáng vượt trội áp dụng đối với người điều khiển dữ liệu. Quy định 2016/679 về Bảo vệ dữ liệu chung (GDPR) đồng thời đặt ra nghĩa vụ

ngghiêm ngặt đối với các cơ quan, tổ chức báo chí và truyền thông khi xử lý dữ liệu cá nhân, bao gồm: (i) bảo đảm nguyên tắc hợp pháp, công bằng và minh bạch trong xử lý dữ liệu; (ii) chỉ thu thập dữ liệu cần thiết cho mục đích cụ thể; (iii) bảo đảm an ninh kỹ thuật và tổ chức nhằm ngăn ngừa rò rỉ, xâm nhập hoặc sử dụng sai mục đích. Mặc dù đặt ra những quy định nghiêm ngặt về bảo vệ dữ liệu cá nhân, Quy định 2016/679 về Bảo vệ dữ liệu chung (GDPR) đồng thời thừa nhận tính đặc thù của hoạt động báo chí trong xã hội. Điều 85 của Quy định cho phép các quốc gia thành viên ban hành những ngoại lệ hợp lý đối với việc xử lý dữ liệu phục vụ mục đích báo chí hoặc học thuật, với điều kiện việc xử lý đó vẫn tôn trọng bản chất của quyền tự do ngôn luận và quyền được thông tin. Cơ chế “*ngoại lệ vì mục đích báo chí*” phản ánh cách tiếp cận linh hoạt nhưng chặt chẽ của Liên minh châu Âu, bảo đảm rằng tự do báo chí không trở thành lý do để xâm phạm quyền riêng tư cá nhân.

3.2.1.2. Nội dung quyền bình đẳng, chống phân biệt đối xử trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Quyền bình đẳng là một trong những nguyên tắc cốt lõi trong hệ thống pháp luật EU, được khẳng định xuyên suốt trong nhiều văn kiện pháp lý khu vực. Hiệp ước Maastricht năm 1992 đã đặt nền tảng khẳng định EU dựa trên “*các nguyên tắc tự do, dân chủ, tôn trọng nhân quyền và các quyền tự do cơ bản, cùng với nguyên tắc pháp quyền*”. Hiến chương EU về các quyền cơ bản (2000/2009), Điều 20 quy định: “*Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật*”; Điều 21 cấm mọi hình thức phân biệt đối xử dựa trên giới tính, chủng tộc, màu da, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, đặc điểm di truyền, ngôn ngữ, tôn giáo hoặc tín ngưỡng, quan điểm chính trị hoặc ý kiến khác, tư cách thành viên nhóm thiểu số quốc gia, tài sản, nơi sinh, khuyết tật, tuổi tác hoặc xu hướng tính dục. Chỉ thị chống phân biệt đối xử trong việc làm (2000/78/EC) và Chỉ thị về bình đẳng chủng tộc (2000/43/EC) quy định cụ thể các biện pháp bảo vệ chống phân biệt đối xử trong việc làm, giáo dục, dịch vụ và truyền thông; Nghị quyết của Nghị viện châu Âu (2013/2089(INI)) cũng yêu cầu các phương tiện truyền thông trực tuyến và truyền thống chủ động ngăn ngừa, gỡ bỏ nội dung thù ghét hoặc kỳ thị.

Từ các văn bản pháp lý trên, có thể xác định nguyên tắc trong hoạt động báo chí EU về bình đẳng là không phân biệt đối xử trong thông tin, theo đó, báo chí không được mô tả hoặc đưa tin thiên kiến, định kiến về giới tính, chủng tộc, tôn giáo, khuyết tật hoặc xu hướng tính dục. EU khuyến khích các cơ quan báo chí xây dựng hình ảnh cân bằng, không gạt bỏ tiếng nói của nhóm thiểu số; ngăn ngừa ngôn từ thù ghét... Những nội hàm cốt lõi của quyền bình đẳng trong pháp luật EU như sau:

- Bình đẳng về pháp lý, mọi cá nhân và tổ chức đều được đối xử bình đẳng trước pháp luật, không ai bị phân biệt hay chịu bất lợi do đặc điểm cá nhân hoặc địa vị xã hội;

- Bình đẳng về cơ hội, mọi người đều có quyền tiếp cận công bằng với các dịch vụ, trong đó bao gồm cả lĩnh vực truyền thông và báo chí;

- Bình đẳng trong tiếp cận thông tin và tham gia đời sống công;

- Ngăn ngừa ngôn từ thù ghét và định kiến.

EU coi ngôn từ thù ghét (hate speech) là hành vi xâm phạm quyền bình đẳng và nhiều quốc gia thành viên đã hình sự hóa hành vi này trong lĩnh vực báo chí và truyền thông. EU đã ban hành Bộ Quy tắc ứng xử chống ngôn từ thù ghét trực tuyến (*Code of Conduct on Countering Illegal Hate Speech Online, năm 2016*) với sự tham gia của các nền tảng như Facebook, Twitter, YouTube. Nhiều quốc gia thành viên đã áp dụng Bộ quy tắc đạo đức nghề báo (*Code of Ethics for Journalists*) với điều khoản cụ thể chống kỳ thị, như ở Đức và Pháp, Hội đồng Báo chí quốc gia ban hành hướng dẫn về ngôn ngữ không phân biệt đối xử khi viết tin về nhập cư hoặc tôn giáo. Trong xã hội hiện đại, báo chí có vai trò phản ánh sự đa dạng xã hội, đấu tranh chống phân biệt đối xử và thúc đẩy bình đẳng. Điều 11 Hiến chương EU (2000/2009) bảo đảm quyền tự do báo chí, đồng thời gắn chặt với nguyên tắc bình đẳng đã nêu ở Điều 20 và 21. Nói cách khác, báo chí vừa được hưởng quyền tự do, vừa có nghĩa vụ tôn trọng và thúc đẩy bình đẳng.

Án lệ NH v. Rete Lenford (CJEU, 2020) là ví dụ tiêu biểu cho việc pháp luật EU xử lý xung đột giữa tự do ngôn luận và quyền bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong không gian truyền thông hiện đại. Trong vụ việc này, một luật sư

người Ý phát biểu trên chương trình phát thanh rằng ông sẽ không tuyển dụng người đồng tính. CJEU phán quyết rằng những phát ngôn như vậy, nếu được thực hiện bởi người có hoặc được nhìn nhận là có ảnh hưởng quyết định đến chính sách tuyển dụng, vẫn có thể thuộc phạm vi điều chỉnh của Chỉ thị 2000/78/EC về bình đẳng trong việc làm, dù được đưa ra trên phương tiện truyền thông và ngay cả khi không có đợt tuyển dụng cụ thể đang diễn ra. Từ đó, án lệ này xác lập một nguyên tắc quan trọng: tự do biểu đạt không bảo vệ các phát ngôn mang tính loại trừ, kỳ thị khi chúng tạo ra môi trường xã hội bất lợi và cản trở cơ hội tiếp cận việc làm của nhóm bị nhắm tới. Đồng thời, vụ việc cũng cho thấy bảo vệ quyền con người trong bối cảnh truyền thông số không chỉ là trách nhiệm của tòa án, mà còn gắn với trách nhiệm của các chủ thể truyền thông trong việc không tiếp tay cho sự lan truyền định kiến và diễn ngôn phân biệt đối xử [148].

Nói cách khác, quyền bình đẳng trong hoạt động báo chí EU không chỉ là “không phân biệt đối xử” về mặt pháp lý, mà còn là nguyên tắc thực hành nghề nghiệp, bảo đảm báo chí là tiếng nói cho mọi tầng lớp xã hội, kể cả nhóm yếu thế. Trong bối cảnh chuyên đổi số, nguyên tắc này ngày càng quan trọng để chống lại tình trạng ngôn từ thù ghét, phân biệt chủng tộc, bài ngoại và định kiến giới trên không gian mạng.

3.2.1.3. Nội dung quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí của con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Điều 11 Hiến chương EU về các quyền cơ bản khẳng định: “Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận. Quyền này bao gồm quyền tự do giữ quan điểm và nhận, truyền đạt thông tin, tư tưởng mà không bị cơ quan công quyền can thiệp và không kể biên giới”. Quy định này bổ sung và cụ thể hóa Điều 10 Công ước ECHR (1950) - một trong những nền tảng pháp lý quan trọng nhất cho tự do báo chí tại châu Âu. EU ban hành thêm Đạo luật Dịch vụ số (Digital Services Act - DSA, 2022), quy định trách nhiệm của các nền tảng trực tuyến trong việc kiểm soát nội dung bất hợp pháp, ngôn từ thù ghét, tin giả. DSA là bước tiến mới trong việc mở rộng bảo vệ quyền con người khỏi những nguy cơ do truyền thông số gây ra.

Vụ án Lingens v. Austria (1986) là một án lệ quan trọng của Tòa án Nhân

quyền châu Âu (ECtHR). Nhà báo Áo Peter Lingens bị kết án phỉ báng sau khi đăng bài chỉ trích Thủ tướng Áo vì có thái độ khoan dung với các chính trị gia cực hữu. Lingens bị buộc phải chứng minh “tính chân thực” của các đánh giá mang tính quan điểm, điều gần như không thể trong lĩnh vực bình luận chính trị. ECtHR phán quyết rằng việc kết án Lingens vi phạm Điều 10 ECHR. Tòa nhấn mạnh sự khác biệt giữa “thông tin về sự kiện” (*statements of fact*) và “ý kiến” (*value judgments*); trong khi sự kiện cần chứng minh, thì ý kiến được bảo vệ nếu dựa trên cơ sở thực tế hợp lý. Tòa khẳng định giới hạn phê bình đối với các chính trị gia phải rộng hơn người thường, vì họ tự nguyện tham gia đời sống công cộng và phải chấp nhận mức độ giám sát cao hơn. Án lệ *Lingens v. Austria* khẳng định rằng báo chí giữ vai trò “người gác cổng dân chủ” (*public watchdog*), có quyền tự do bình luận, phản biện và giám sát chính quyền, miễn là hành vi đó hướng đến lợi ích công và không vượt quá giới hạn đạo đức nghề nghiệp [15].

Tuy nhiên, Điều 10(2) ECHR cho phép đặt ra hạn chế hợp pháp đối với tự do ngôn luận, khi cần thiết nhằm bảo vệ danh dự, uy tín, quyền của người khác; bảo đảm An ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức xã hội. Trên thực tế, nhiều án lệ của Tòa án Nhân quyền châu Âu (ECtHR) đã thiết lập nguyên tắc: quyền tự do báo chí đặc biệt được bảo vệ khi đưa tin về vấn đề công ích, nhưng báo chí không được tùy tiện xâm phạm đời tư hoặc bịa đặt, vu khống. Vụ *Von Hannover v. Đức* (2004, 2012), ECtHR phán quyết rằng việc báo chí đăng tải hình ảnh đời tư của công chúa Monaco trong các hoạt động không liên quan đến chức vụ công là vi phạm quyền riêng tư [18].

Nói cách khác, tự do ngôn luận là quyền con người cơ bản, nhưng luôn phải có giới hạn trong khuôn khổ của pháp luật. Điều 19 ICCPR: “Việc thực hiện quyền tự do ngôn luận có thể phải chịu một số hạn chế nhất định và những hạn chế này cần được quy định bởi pháp luật, nhằm: a) Tôn trọng các quyền hoặc uy tín của người khác; b) Bảo vệ an ninh quốc gia hoặc trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức của xã hội”. Như vậy, quyền tự do ngôn luận không phải là tự do tuyệt đối. Trong một số trường hợp nhất định, tự do ngôn luận có thể xung đột với các giá trị hay quyền chính đáng khác. Đặc biệt, trong bối cảnh bùng nổ của internet

và mạng xã hội, thông tin càng trở nên phức tạp và khó kiểm soát. Thông qua các trang thông tin điện tử và mạng xã hội, người dùng có thể tự do bày tỏ ý kiến, quan điểm, đăng tải hay lan truyền bất cứ thông tin gì thông qua tài khoản cá nhân của mình mà không chịu bất kỳ giới hạn nào. Nhưng chính điều này cũng mang đến những nguy cơ khi quyền này bị lạm dụng, nhất là khi những người đăng tải thông tin trên không gian mạng có quan điểm sai trái, thái độ cực đoan, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ...

Ví dụ như vụ án Handyside v. The United Kingdom (1976) là một án lệ nền tảng của ECtHR về Điều 10 ECHR và giới hạn của quyền tự do biểu đạt. Vụ việc phát sinh khi nhà xuất bản Richard Handyside phát hành cuốn The Little Red Schoolbook, sau đó bị chính quyền Anh tịch thu và xử lý với lý do nội dung có tính chất “tục tĩu” và gây hại cho đạo đức công cộng. ECtHR kết luận rằng sự can thiệp này không vi phạm Điều 10, vì được pháp luật quy định, nhằm bảo vệ đạo đức và được coi là cần thiết trong một xã hội dân chủ. Tuy nhiên, giá trị cốt lõi của án lệ không nằm ở kết quả vụ kiện, mà ở việc Tòa xác lập hai nguyên tắc nền tảng: 1) tự do biểu đạt bảo vệ không chỉ những thông tin hoặc quan điểm được chấp nhận, mà cả những ý kiến có thể gây sốc, xúc phạm hoặc làm phiền; 2) quốc gia có một “biên độ đánh giá” (margin of appreciation) nhất định khi xác định các giới hạn cần thiết để bảo vệ đạo đức công cộng.

Án lệ khẳng định tự do biểu đạt không phải là tuyệt đối, mà phải được cân bằng với lợi ích công cộng và các giá trị đạo đức. Vụ Handyside đặt nền móng cho cách tiếp cận hiện đại của châu Âu trong việc bảo vệ tự do báo chí, thiết lập chuẩn mực về “cần thiết trong xã hội” và học thuyết “margin of appreciation” - hai nguyên tắc trung tâm của hệ thống bảo vệ quyền con người ở châu Âu. Từ đó, Handyside đặt nền móng cho học thuyết cân bằng giữa tự do biểu đạt và lợi ích công cộng, đồng thời cho thấy vai trò trung tâm của tòa án trong việc kiểm soát tính cần thiết và tính tương xứng của mọi biện pháp hạn chế quyền trong lĩnh vực truyền thông và báo chí [14].

3.2.2. Cơ chế thực thi bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số của Liên minh châu Âu

3.2.2.1. Chủ thể bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số của Liên minh châu Âu

Trong bối cảnh chuyển đổi số, EU đã thiết lập một hệ thống cơ chế pháp lý và thể chế nhằm bảo đảm các quyền con người cơ bản, đặc biệt là quyền tự do biểu đạt, quyền được thông tin và quyền bảo vệ đời tư của nhà báo. Các cơ chế này được thực thi thông qua sự phối hợp giữa nhiều thiết chế giám sát và điều phối chuyên biệt.

Thứ nhất, Cơ quan Giám sát Bảo vệ Dữ liệu châu Âu (European Data Protection Supervisor - EDPS). Cơ quan Giám sát Bảo vệ Dữ liệu châu Âu - EDPS là cơ quan độc lập chịu trách nhiệm bảo đảm việc tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong toàn bộ hệ thống các cơ quan và thể chế EU. Trong hoạt động báo chí, Cơ quan Giám sát Bảo vệ Dữ liệu châu Âu (EDPS) đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn ngừa lạm dụng dữ liệu cá nhân của nhà báo, nguồn tin và cá nhân, đặc biệt là trong môi trường kỹ thuật số - nơi dữ liệu có thể bị thu thập, phân tích và lan truyền với tốc độ nhanh chóng. Cơ quan này cũng giám sát việc sử dụng công nghệ giám sát, trí tuệ nhân tạo, và thuật toán lọc nội dung để bảo đảm rằng các biện pháp kỹ thuật không xâm phạm quyền tự do ngôn luận và quyền riêng tư.

Ví dụ, Vụ việc Pegasus spyware điển hình cho thấy mối liên hệ trực tiếp giữa bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo vệ tự do báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số. Theo EDPS, Pegasus là công cụ giám sát có khả năng xâm nhập toàn bộ thiết bị, kể cả bằng hình thức “zero-click”, nên đe dọa nghiêm trọng quyền riêng tư, dữ liệu cá nhân và bí mật liên lạc. Điều đặc biệt quan trọng đối với hoạt động báo chí là Pegasus đã bị cáo buộc được sử dụng để theo dõi nhà báo và qua đó làm lộ hoặc triệt tiêu nguồn tin báo chí. Trên cơ sở đó, trong Opinion 24/2022 về dự thảo European Media Freedom Act, EDPS yêu cầu tăng cường bảo vệ nhà báo, hạn chế rất chặt việc dùng spyware và nhấn mạnh mọi can thiệp chỉ có thể được chấp nhận khi thật sự cần thiết và tương xứng. Case này cho thấy ở EU, cơ chế

bảo vệ quyền con người trong báo chí số không chỉ bảo vệ nội dung thông tin, mà còn bảo vệ thiết bị, dữ liệu và nguồn tin của nhà báo.

Thứ hai, hệ thống các Hội đồng Báo chí quốc gia (National Press Councils). Tại các quốc gia thành viên, các Hội đồng Báo chí (Press Councils) là cơ chế tự điều chỉnh (self-regulation mechanism) quan trọng nhằm duy trì chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, bảo vệ quyền tự do báo chí và xử lý khiếu nại liên quan đến nội dung trong hoạt động báo chí. Các Hội đồng này thường bao gồm đại diện của giới báo chí, cá nhân và các chuyên gia pháp lý, hoạt động độc lập với nhà nước. Trong thời kỳ chuyển đổi số, hệ thống các hội đồng báo chí đang mở rộng phạm vi giám sát sang báo chí trực tuyến và nền tảng mạng xã hội, phối hợp với Đạo luật Tự do truyền thông châu Âu (EMFA) để bảo đảm rằng các nguyên tắc trung thực, khách quan và minh bạch vẫn được duy trì. Nhờ đó, quyền được thông tin chính xác của người dân được củng cố trong môi trường truyền thông số.

Điển hình như vụ Hibbert v Birmingham Live do IPSO giải quyết năm 2024. Người khiếu nại cho rằng bài báo trực tuyến đã vi phạm các chuẩn mực về độ chính xác, quyền riêng tư, quá rối và phân biệt đối xử theo Editors' Code of Practice. Sau khi xem xét, Ủy ban Khiếu nại của IPSO kết luận có vi phạm và yêu cầu cơ quan báo chí thực hiện biện pháp khắc phục phù hợp. Vụ việc cho thấy Hội đồng Báo chí không chỉ bảo vệ tự do báo chí, mà còn là cơ chế tự điều chỉnh giúp bảo vệ các quyền con người liên quan như quyền riêng tư, danh dự, nhân phẩm và quyền không bị đối xử bất công trong nội dung báo chí số. Trong bối cảnh chuyển đổi số, cơ chế này đặc biệt quan trọng vì cho phép xử lý nhanh khiếu nại đối với báo chí trực tuyến, góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

Thứ ba, Cơ chế kiểm soát nội dung số và xử lý tin giả (Disinformation Control Mechanisms). Liên minh châu Âu cũng thiết lập một chuỗi cơ chế pháp lý và kỹ thuật nhằm ngăn chặn, phát hiện và xử lý thông tin sai lệch (disinformation) mà vẫn tôn trọng quyền tự do biểu đạt. Hai công cụ trung tâm của cơ chế này là Đạo luật Dịch vụ số (DSA) và Bộ Quy tắc ứng xử về tin giả (Code of Practice on Disinformation). Theo đó, các nền tảng trực tuyến lớn

(VLOPs) phải thực hiện đánh giá rủi ro hệ thống liên quan đến việc lan truyền thông tin sai lệch, công bố báo cáo minh bạch và hợp tác với cơ quan chức năng để hạn chế tác động tiêu cực đối với tiến trình dân chủ và hoạt động báo chí độc lập. Đặc biệt, cơ chế này không cho phép kiểm duyệt nội dung tùy tiện, mà thay vào đó thúc đẩy một mô hình trách nhiệm giải trình (*accountability-based model*) nhằm khuyến khích nền tảng số phối hợp với tổ chức báo chí, cơ quan kiểm chứng tin tức (*fact-checking*), và xã hội để bảo đảm sự cân bằng giữa chống tin giả và bảo vệ quyền tự do ngôn luận.

Thứ tư, hệ thống các Tòa án. Đây là một trong những chủ thể bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí của Liên minh châu Âu thời kỳ chuyển đổi số. Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí không chỉ là vấn đề lập pháp hay quản lý hành chính, mà trước hết và trên hết là vấn đề bảo vệ tư pháp, trong đó hệ thống Tòa án giữ vai trò trung tâm.

Trước hết, tòa án quốc gia của các quốc gia thành viên EU là chủ thể bảo vệ quyền con người ở cấp độ trực tiếp và ban đầu. Các tòa án này có trách nhiệm áp dụng đồng thời hiến pháp quốc gia, Công ước Nhân quyền châu Âu và pháp luật EU để kiểm soát các biện pháp can thiệp của nhà nước vào hoạt động báo chí số. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy không ít trường hợp tòa án quốc gia đã đánh giá chưa đầy đủ nguyên tắc cân xứng và “nhu cầu xã hội cấp thiết”, dẫn đến việc hợp pháp hóa các biện pháp giám sát, thu thập dữ liệu hoặc buộc tiết lộ nguồn tin, qua đó làm suy giảm mức độ bảo vệ quyền con người của nhà báo.

Ở cấp độ khu vực, Tòa án Nhân quyền Châu Âu (ECtHR) giữ vai trò tối thượng trong việc giải thích và bảo đảm hiệu lực của Công ước Nhân quyền châu Âu. Thông qua hệ thống án lệ phong phú, ECtHR đã phát triển các chuẩn mực pháp lý cốt lõi về tự do báo chí và bảo vệ nguồn tin trong kỷ nguyên số, đồng thời đóng vai trò như một cơ chế tư pháp sửa sai đối với các phán quyết hoặc thực tiễn vi phạm của cơ quan tư pháp quốc gia.

Điển hình như: Trong vụ Telegraaf Media Nederland Landelijke Media B.V. và các nhà báo liên quan kiện Hà Lan, được Tòa án Nhân quyền Châu Âu (ECtHR) xét xử và ra phán quyết ngày 22/11/2012, các cơ quan an ninh Hà Lan

đã áp dụng biện pháp nghe lén, giám sát và thu thập dữ liệu nhằm truy tìm nguồn tin báo chí, đồng thời tòa án quốc gia còn ra lệnh buộc tòa soạn giao nộp tài liệu có khả năng làm lộ nguồn tin. ECtHR xác định các biện pháp này xâm phạm nghiêm trọng quyền của nhà báo, cấu thành vi phạm Điều 8 Công ước Nhân quyền châu Âu (quyền tôn trọng đời sống riêng tư và thư tín) do thiếu các bảo đảm pháp lý đầy đủ, cũng như vi phạm Điều 10 (quyền tự do biểu đạt) vì làm suy yếu nguyên tắc bảo vệ nguồn tin báo chí. Tòa nhấn mạnh rằng bảo vệ nguồn tin là yếu tố cốt lõi của tự do báo chí trong xã hội dân chủ, và sự can thiệp không tương xứng của nhà nước có thể gây ra “hiệu ứng làm lạnh”, cản trở quyền tiếp cận và truyền đạt thông tin [16].

Cùng với với đó, Tòa án Công lý Liên minh châu Âu (CJEU) là thiết chế bảo vệ quyền con người trong trật tự pháp lý EU, đặc biệt quan trọng trong bối cảnh số hóa. Thông qua việc diễn giải Hiến chương Quyền cơ bản EU và kiểm soát tính hợp pháp của các biện pháp liên quan đến dữ liệu, nền tảng số và thuật toán, CJEU góp phần định hình giới hạn pháp lý đối với sự can thiệp của nhà nước và các chủ thể tư nhân vào tự do báo chí.

Điển hình như thực tiễn xét xử của Tòa án Công lý Liên minh châu Âu (CJEU), vụ án *Google Spain SL và Google Inc. kiện Cơ quan Bảo vệ dữ liệu Tây Ban Nha (AEPD) và Mario Costeja González (C-131/12, phán quyết ngày 13/5/2014)* được xem là án lệ điển hình phản ánh vai trò của Tòa trong bảo vệ quyền con người trong báo chí và truyền thông số. Vụ việc đặt ra xung đột trực tiếp giữa quyền tự do thông tin, tự do báo chí với quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường số do thuật toán và công cụ tìm kiếm chi phối. CJEU khẳng định công cụ tìm kiếm là chủ thể xử lý dữ liệu theo pháp luật EU và cá nhân có thể yêu cầu gỡ bỏ liên kết đến thông tin báo chí đã lỗi thời, trừ trường hợp việc duy trì liên kết là cần thiết vì lợi ích công cộng. Qua đó, Tòa thiết lập chuẩn mực pháp lý về việc cân bằng giữa quyền riêng tư và tự do thông tin, đồng thời kiểm soát tác động của xử lý dữ liệu và thuật toán đối với báo chí số, với phán quyết có hiệu lực ràng buộc trực tiếp đối với các quốc gia thành viên EU [7].

Những chủ thể trên tạo nên một hệ thống bảo vệ đa tầng cho quyền con

người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số. Sự phối hợp này thể hiện mô hình tiếp cận toàn diện của EU, cân bằng giữa bảo vệ quyền cá nhân, quyền xã hội và tính minh bạch của không gian truyền thông kỹ thuật số, qua đó củng cố nền tảng dân chủ và niềm tin người dân đối với hoạt động báo chí.

3.2.2.2. Cơ chế xử lý vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí của Liên minh châu Âu thời kỳ chuyển đổi số

Thứ nhất, các cấp độ xử lý vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí của Liên minh châu Âu thời kỳ chuyển đổi số

Một là, cơ chế xử lý vi phạm ở cấp độ liên minh.

Ở cấp độ Liên minh, Ủy ban châu Âu (European Commission) giữ vai trò trung tâm trong việc giám sát và bảo đảm các quốc gia thành viên tuân thủ đầy đủ pháp luật EU, đặc biệt trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người và tự do báo chí. Theo Điều 258 của Hiệp ước về Hoạt động của Liên minh châu Âu (Treaty on the Functioning of the European Union), Ủy ban có quyền khởi động thủ tục vi phạm (infringement procedure) khi phát hiện một quốc gia không thực hiện đúng hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ phát sinh từ luật EU.

Quy trình này được tiến hành theo ba giai đoạn: 1) Thông báo vi phạm (Letter of Formal Notice) - Ủy ban gửi văn bản chính thức cho quốc gia bị cáo buộc, nêu rõ hành vi vi phạm và yêu cầu giải trình; 2) Ý kiến có lý do (Reasoned Opinion) - nếu phản hồi không thỏa đáng, Ủy ban ban hành ý kiến yêu cầu quốc gia khắc phục trong thời hạn nhất định; 3) Nếu quốc gia vẫn không tuân thủ, vụ việc sẽ được chuyển đến Tòa án Công lý Liên minh châu Âu (CJEU) để xét xử. Tòa án Công lý Liên minh châu Âu có quyền tuyên bố quốc gia thành viên vi phạm nghĩa vụ theo hiệp ước, buộc chấm dứt hành vi, và trong trường hợp nghiêm trọng, áp dụng chế tài tài chính như phạt tiền hoặc phạt theo ngày cho đến khi khắc phục xong vi phạm. Ngoài ra, nếu hành vi vi phạm gây thiệt hại cho cá nhân, cá nhân có thể yêu cầu bồi thường trực tiếp theo nguyên tắc được thiết lập trong án lệ *Francovich and Bonifaci v. Italy* (C-6/90 và C-9/90, 1991).

Án lệ Francovich and Bonifaci v. Italy (CJEU, 1991) là một trong những phán quyết nền tảng của Tòa án Công lý Liên minh châu Âu (CJEU), thiết lập

nguyên tắc trách nhiệm của quốc gia thành viên khi vi phạm luật EU (*State liability principle*). Vụ việc xuất phát từ việc Ý không chuyển hóa (*transposition*) Chỉ thị 80/987/EEC về bảo vệ quyền lợi người lao động khi doanh nghiệp phá sản. Hai cá nhân, Francovich và Bonifaci, không nhận được tiền lương do công ty phá sản nên khởi kiện Nhà nước Ý. Tòa CJEU phán quyết rằng quốc gia thành viên phải bồi thường thiệt hại cho cá nhân nếu ba điều kiện được đáp ứng: (1) chỉ thị bị vi phạm nhằm trao quyền cho cá nhân; (2) nội dung quyền có thể xác định được; và (3) có quan hệ nhân quả giữa vi phạm và thiệt hại. Phán quyết này đặt nền móng cho cơ chế trách nhiệm quốc gia (*State liability*), bảo đảm tính hiệu lực và tính thống nhất của pháp luật EU, cũng như quyền được bảo vệ pháp lý của cá nhân [9].

Bên cạnh cơ chế tố tụng truyền thống, EU đã thiết lập các thiết chế chuyên biệt để tăng cường giám sát và phản ứng kịp thời trong lĩnh vực truyền thông. Cụ thể, European Board for Media Services (Hội đồng châu Âu về Dịch vụ Truyền thông - EBMS), được thành lập theo *European Media Freedom Act* (Đạo luật Tự do Truyền thông châu Âu - EMFA) năm 2024), là cơ quan đóng vai trò điều phối giữa Ủy ban châu Âu và các cơ quan quản lý truyền thông quốc gia. Hội đồng châu Âu về Dịch vụ Truyền thông (EBMS) có nhiệm vụ giám sát việc tuân thủ Đạo luật Tự do Truyền thông châu Âu (EMFA), đánh giá mức độ độc lập, minh bạch và đa dạng của môi trường truyền thông trong các quốc gia thành viên, đồng thời tư vấn cho Ủy ban khi phát hiện dấu hiệu can thiệp chính trị vào cơ quan báo chí.

Cùng với đó, cơ chế *Media Freedom Rapid Response* (Cơ chế phản ứng nhanh về tự do báo chí - MFRR) được EU tài trợ và phối hợp với các tổ chức xã hội, hoạt động như một mạng lưới cảnh báo sớm, theo dõi các vụ đe dọa, tấn công hoặc can thiệp vào nhà báo, đồng thời cung cấp hỗ trợ pháp lý, truyền thông và bảo vệ khẩn cấp. Cơ chế phản ứng nhanh về tự do báo chí - MFRR đóng vai trò cầu nối giữa cơ quan EU và tổ chức báo chí độc lập, bảo đảm rằng các vụ xâm phạm tự do báo chí được phát hiện, công khai và phản ứng kịp thời.

Ngoài ra, EU còn sử dụng công cụ *Rule of Law Conditionality Regulation* (Cơ chế điều kiện hóa pháp quyền - 2020/2092) như một biện pháp chế tài tài

chính. Theo đó, Liên minh có thể đình chỉ hoặc cắt giảm ngân sách, viện trợ hoặc quỹ phục hồi kinh tế đối với quốc gia thành viên nếu có căn cứ cho thấy nước đó vi phạm nghiêm trọng các giá trị cơ bản của EU, bao gồm tự do báo chí, bình đẳng, và quyền con người. Cơ chế này đã được vận dụng trong các trường hợp của Ba Lan và Hungary, nơi chính phủ bị cáo buộc can thiệp vào hệ thống tư pháp và gây áp lực lên truyền thông độc lập.

Như vậy, cơ chế xử lý vi phạm ở cấp Liên minh không chỉ dừng lại ở biện pháp tư pháp truyền thống mà còn mở rộng thành một hệ thống giám sát và chế tài đa tầng, kết hợp giữa cưỡng chế pháp lý, giám sát thể chế và ràng buộc tài chính, nhằm bảo đảm rằng tự do báo chí và quyền con người được tôn trọng như những giá trị cốt lõi trong trật tự pháp lý của Liên minh châu Âu.

Hai là, cơ chế xử lý vi phạm ở cấp quốc gia.

Cơ chế xử lý vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí tại các quốc gia thành viên EU được thiết kế theo mô hình đa tầng và tích hợp, bảo đảm vừa duy trì tự do báo chí, vừa bảo vệ các quyền nhân thân, quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân trong bối cảnh truyền thông số. Nhìn chung, cơ chế này kết hợp giữa biện pháp - tư pháp, biện pháp hành chính, và cơ chế tự điều chỉnh nghề nghiệp, thể hiện đặc trưng “tự do trong khuôn khổ pháp quyền” [65]. Theo đó, các quốc gia đã thiết lập hệ thống các cơ chế pháp lý về hành chính, dân sự và hình sự, cũng như cơ chế đạo đức và tự điều chỉnh nghề nghiệp.

Theo quy định, Tòa án quốc gia của các nước thành viên EU có thẩm quyền xét xử các vụ việc vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí dựa trên Hiến pháp quốc gia, Công ước châu Âu về quyền con người (ECHR) và Hiến chương quyền cơ bản của EU, năm 2000. Các cá nhân bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm hoặc quyền riêng tư có quyền khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bồi thường, cải chính hoặc gỡ bỏ thông tin sai sự thật, đồng thời có thể khiếu kiện lên Tòa án Nhân quyền châu Âu (ECtHR) sau khi đã sử dụng hết các biện pháp trong nước. Quốc gia thành viên EU áp dụng hệ thống cơ quan quản lý báo chí độc lập hoặc bán độc lập, có quyền xử phạt vi phạm, yêu cầu cải chính, đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi giấy phép trong trường hợp báo chí vi phạm quy định về đạo đức, tính xác

thực thông tin, hay xâm phạm dữ liệu cá nhân.

Các Hội đồng báo chí quốc gia (Press Councils) hoặc cơ quan tự quản lý truyền thông ban hành bộ quy tắc đạo đức báo chí, tiếp nhận khiếu nại từ công chúng, và có quyền yêu cầu xin lỗi, cải chính hoặc gỡ bỏ bài viết sai lệch. Cơ chế này giúp duy trì chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, tăng tính minh bạch và củng cố niềm tin xã hội đối với báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số.

Nói cách khác, các quốc gia thành viên EU vận hành một cơ chế xử lý vi phạm đa tầng, tương tác giữa pháp luật quốc gia, pháp luật khu vực và cơ chế nghề nghiệp, qua đó bảo đảm tự do báo chí đi đôi với trách nhiệm xã hội và tôn trọng quyền con người trong môi trường truyền thông kỹ thuật số.

Thứ hai, hình thức xử lý đối với vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

Hệ thống pháp luật EU thiết lập một khung chế tài đa tầng, kết hợp giữa chế tài hành chính, tài chính, dân sự, tư pháp và chính trị, tùy thuộc vào tính chất và mức độ vi phạm. Mục tiêu của cơ chế này không chỉ nhằm xử lý hành vi vi phạm, mà còn để ngăn ngừa, răn đe và khôi phục quyền lợi của cá nhân bị xâm hại trong lĩnh vực báo chí - truyền thông, nhất là trong thời kỳ chuyển đổi số. Cụ thể như sau:

Một là, chế tài hành chính và tài chính. Ở cấp độ EU, các văn bản quy phạm mang tính ràng buộc trực tiếp như GDPR (2016/679), Đạo luật Dịch vụ số (DSA) và Đạo luật Tự do truyền thông châu Âu (EMFA) năm 2023 đều quy định rõ mức phạt hành chính và tài chính cụ thể đối với tổ chức hoặc cá nhân vi phạm.

- Theo quy định của Quy định chung về bảo vệ dữ liệu của Liên minh châu Âu (GDPR), các cơ quan báo chí, truyền thông, hoặc nền tảng trực tuyến vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, như thu thập hoặc công bố thông tin mà không có căn cứ pháp lý, sẽ bị phạt tiền với mức tối đa lên đến 20 triệu euro hoặc 4% doanh thu toàn cầu hằng năm (tùy mức nào cao hơn. Ngoài ra, có thể bị đình chỉ hoạt động xử lý dữ liệu, buộc xóa thông tin hoặc bồi thường cho cá nhân bị ảnh hưởng (Điều 82 GDPR).

- Theo quy định của Đạo luật Dịch vụ số (DSA) thì các nền tảng trực tuyến, mạng xã hội, hoặc nhà xuất bản nội dung số không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ

kiểm soát nội dung độc hại, phát ngôn thù ghét, hoặc tin giả có thể bị phạt tối đa tới 6% doanh thu toàn cầu, kèm với đó là chế tài bổ sung gồm yêu cầu gỡ nội dung, hạn chế quyền truy cập, hoặc tạm đình chỉ dịch vụ. Trong trường hợp nghiêm trọng, Ủy ban châu Âu có thể khởi động điều tra chính thức và áp dụng biện pháp khắc phục bắt buộc.

- Theo quy định của Đạo luật Tự do truyền thông châu Âu (EMFA) thì các vi phạm về can thiệp chính trị vào tòa soạn, áp lực biên tập, xâm phạm quyền bảo mật nguồn tin hoặc thiếu minh bạch sở hữu truyền thông có thể dẫn đến phạt hành chính trực tiếp do cơ quan quản lý truyền thông quốc gia hoặc Hội đồng châu Âu về Dịch vụ Truyền thông (EBMS) đề xuất; hoặc cắt giảm hoặc đình chỉ tài trợ truyền thông công đối với cơ quan báo chí vi phạm. Đồng thời với đó, cơ quan vi phạm còn bị yêu cầu cải chính, công khai minh bạch sở hữu và quan hệ tài chính.

Hai là, chế tài dân sự và bồi thường cá nhân. Cá nhân bị xâm phạm quyền con người trong hoạt động báo chí có thể khởi kiện tại Tòa án quốc gia, viện dẫn trực tiếp Hiến chương Quyền cơ bản của EU, GDPR, hoặc án lệ của CJEU để yêu cầu bồi thường thiệt hại vật chất và tinh thần.

Ví dụ như Án lệ Francovich and Bonifaci v. Italy (1991) đặt nền tảng cho nguyên tắc trách nhiệm quốc gia (State Liability), cho phép cá nhân yêu cầu bồi thường từ Nhà nước nếu vi phạm xuất phát từ việc không thực hiện hoặc thực hiện sai pháp luật EU [8]. Trong hoạt động báo chí, cơ chế này đặc biệt quan trọng khi quốc gia không bảo vệ đầy đủ quyền tự do ngôn luận, hoặc dung túng hành vi xâm phạm dữ liệu, đời tư, hoặc an toàn của nhà báo.

Ba là, chế tài tư pháp và hình sự. Ở cấp quốc gia, các hành vi vi phạm nghiêm trọng (như phát ngôn thù ghét, kích động bạo lực, xâm phạm đời tư bằng công nghệ hoặc đe dọa an toàn nhà báo) có thể bị xử lý theo luật hình sự quốc gia, với căn cứ từ các chuẩn mực nhân quyền EU. Các Tòa án quốc gia có thể yêu cầu Tòa án Công lý Liên minh châu Âu (CJEU) giải thích pháp luật thông qua thủ tục giải thích sơ bộ (*preliminary ruling*) theo Điều 267 TFEU, nhằm bảo đảm rằng chế tài áp dụng phù hợp với chuẩn mực nhân quyền và tự do báo chí của EU. Ngoài ra, nếu vi phạm xuất phát từ chính cơ quan công quyền (ví dụ: theo dõi trái phép nhà báo hoặc sử

dụng phần mềm gián điệp Pegasus), quốc gia đó có thể bị Ủy ban châu Âu khởi kiện theo thủ tục vi phạm (*infringement procedure*), và bị CJEU phán quyết buộc chấm dứt hành vi, cải chính, và nộp phạt tài chính định kỳ.

Bốn là, chế tài chính trị và tài trợ. Theo Quy định về điều kiện hóa pháp quyền (*Rule of law conditionality regulation - 2020/2092*), EU có thể đình chỉ, cắt giảm hoặc thu hồi nguồn tài chính đối với quốc gia thành viên nếu phát hiện hành vi vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc pháp quyền, tự do báo chí, hoặc nhân quyền. Cơ chế này đã được áp dụng trong các trường hợp Hungary và Ba Lan, khi hai quốc gia này bị cáo buộc kiểm soát truyền thông và gây sức ép lên nhà báo độc lập, dẫn đến tạm ngưng hàng tỷ euro tài trợ từ quỹ phục hồi hậu COVID-19.

Nói cách khác, hệ thống chế tài của EU thể hiện mô hình kiểm soát đa tầng, linh hoạt và hiệu quả, trong đó quốc gia, tổ chức truyền thông, và cá nhân đều có thể là chủ thể chịu trách nhiệm. Các biện pháp phạt hành chính, tài chính, bồi thường dân sự, chế tài hình sự và điều kiện hóa tài trợ được thiết kế theo nguyên tắc cân bằng giữa tự do báo chí và bảo vệ quyền con người, qua đó đảm bảo rằng tự do truyền thông trong thời kỳ chuyển đổi số luôn gắn liền với trách nhiệm pháp lý và đạo đức xã hội.

3.3. Nghiên cứu điển hình quy định của một số quốc gia thuộc Liên minh châu Âu trong bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số

Trong nghiên cứu điển hình quy định của một số quốc gia thuộc EU, Nghiên cứu sinh lựa chọn Cộng hòa Séc và Cộng hòa Pháp để phân tích quy định bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số. Điều này xuất phát từ sự khác biệt về bối cảnh lịch sử - pháp lý nhưng lại có giá trị bổ sung cho nhau trong khuôn khổ Liên minh châu Âu. Hai quốc gia này đại diện cho hai mô hình tiếp cận khác nhau đối với vấn đề tự do báo chí và bảo vệ quyền con người trong môi trường truyền thông số.

Nếu như Cộng hòa Séc tiêu biểu cho nhóm quốc gia Trung - Đông Âu trải qua quá trình chuyển đổi sâu sắc từ mô hình quản lý truyền thông tập trung sang bảo đảm tự do báo chí gắn với các chuẩn mực quyền con người của EU. Pháp luật

báo chí của Séc chú trọng bảo vệ tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin và an toàn của nhà báo, đồng thời từng bước điều chỉnh để ứng phó với các thách thức do truyền thông số và nền tảng trực tuyến đặt ra. Trong khi đó, Cộng hòa Pháp là quốc gia có truyền thống pháp lý lâu đời và hệ thống pháp luật báo chí phát triển, đóng vai trò tiên phong trong việc cụ thể hóa các chuẩn mực của EU về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư và quản lý báo chí trong không gian số. Cách tiếp cận của Cộng hòa Pháp thể hiện rõ sự cân bằng giữa tự do báo chí và yêu cầu bảo vệ quyền con người thông qua các cơ chế pháp lý và quản lý hiện đại.

Việc nghiên cứu điển hình quy định pháp luật của hai quốc gia này giúp rút ra những kinh nghiệm có giá trị tham khảo cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện pháp luật và chính sách về hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số theo hướng tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người.

3.3.1. Cộng hòa Séc

Cộng hòa Séc gia nhập Liên minh châu Âu năm 2004, do đó phải nội luật hóa và triển khai toàn diện các chuẩn mực pháp lý của EU về nhân quyền và báo chí. Cơ sở pháp lý quốc gia gồm: Hiến pháp Cộng hòa Séc năm 1993 và Hiến chương các quyền và tự do cơ bản (*Charter of Fundamental Rights and Freedoms*), quy định quyền tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin, đồng thời bảo vệ danh dự, nhân phẩm và đời tư của cá nhân. Luật Báo chí (*Press Law*) năm 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2010, quy định trách nhiệm của cơ quan báo chí trong việc bảo đảm tính chính xác, quyền đính chính và quyền phản hồi của cá nhân bị đưa tin. Sau khi EU ban hành GDPR năm 2016, Cộng hòa Séc đã thông qua Đạo luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, năm 2019 để nội luật hóa các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động báo chí và truyền thông.

3.3.1.1. Quy định của pháp luật Cộng hòa Séc về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Trong chính sách bảo vệ quyền con người ở Cộng hòa Séc, có bảy ưu tiên được đề ra bao gồm: 1) Hỗ trợ xã hội, bao gồm cả những người bảo vệ nhân quyền; 2) Thúc đẩy quyền tự do ngôn luận và thông tin, bao gồm cả quyền tự do báo chí; 3) Thúc đẩy sự tham gia bình đẳng và đầy đủ về chính trị của người dân; 4) Hỗ trợ xây dựng thể

chế trong lĩnh vực pháp quyền; 5) Thúc đẩy bình đẳng và không phân biệt đối xử; 6) Thúc đẩy quyền con người trong các điều kiện công việc khác nhau và trong một môi trường đảm bảo các điều kiện sống và làm việc an toàn, lành mạnh và bền vững; 7) Hỗ trợ các cơ chế nhân quyền quốc tế và xu hướng nhân quyền.

Ở cấp độ quốc gia, Cộng hòa Séc chủ trương xem xét một cách nghiêm túc tình hình thực hiện quyền con người, kể cả những tác động từ các chính sách đối nội có liên quan. Trong việc xây dựng chính sách về quyền con người, Cộng hòa Séc đề ra các nguyên tắc cởi mở và đáng tin cậy để đảm bảo việc thực hiện tốt chính sách này, đặc biệt là những cam kết đã đề ra. Trong Chiến lược phát triển đất nước giai đoạn 2021-2025, Chính phủ Cộng hòa Séc khẳng định “*Chương trình số hóa Cộng hòa Séc là một tập hợp các chiến lược nhằm tạo điều kiện cho sự thịnh vượng lâu dài của đất nước trong cuộc cách mạng kỹ thuật số. Điều này bao gồm sự tiến bộ của nhận dạng điện tử, hành chính công kỹ thuật số và chính phủ điện tử, thúc đẩy ngân hàng điện tử và thiết lập các Trung tâm đổi mới kỹ thuật số để phổ biến kiến thức và kỹ năng*”. Đồng thời với quá trình chuyển đổi số, Chính phủ Cộng hòa Séc cũng đề cao việc bảo đảm các quyền dân sự của cá nhân, không phân biệt đối xử [126]. Ngoài ra, Cộng hòa Séc là một thành viên của EU nên có nghĩa vụ thực hiện các đề xuất chính sách của Ủy ban châu Âu thông qua các chương trình hoặc dự án cụ thể như đề xuất với tên gọi là “*Con đường đi tới Chương trình chính sách Kỷ nguyên số*”. Đề xuất này đặt ra các mục tiêu mà các nước thành viên EU sẽ đạt được vào năm 2030 để chuyển đổi kỹ thuật số toàn diện và bền vững trên tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế các nước thành viên EU [131]. Chính phủ Séc coi chuyển đổi số là một động lực trung tâm cho tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và thúc đẩy các giá trị dân chủ, trong đó bảo đảm quyền tự do ngôn luận, quyền riêng tư cá nhân và quyền bình đẳng trong tiếp cận thông tin là những nội dung cốt lõi. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, quyền tự do ngôn luận và tiếp cận thông tin

Trong lĩnh vực báo chí, quyền tự do ngôn luận và tiếp cận thông tin được pháp luật Séc bảo đảm tương đối toàn diện. Cộng hòa Séc bảo đảm quyền tự do ngôn luận như một nguyên tắc hiến định, được thể chế hóa trong Luật Báo chí và

các văn bản về quyền cá nhân. Báo chí được thừa nhận là kênh thiết yếu để cá nhân thực hiện quyền tiếp cận thông tin nhà nước và tham gia vào đời sống công. Luật Báo chí của Séc không áp đặt kiểm duyệt trước, đồng thời tôn trọng quyền biểu đạt trên cả phương tiện truyền thông truyền thống và nền tảng số. Bên cạnh lĩnh vực báo chí truyền thống, môi trường Internet tại Cộng hòa Séc được đánh giá là tương đối tự do, với chính sách mở trong việc truy cập, chia sẻ và biểu đạt quan điểm cá nhân. Nhà nước không áp đặt cơ chế kiểm duyệt hoặc hạn chế đáng kể đối với người dùng mạng, thể hiện sự tôn trọng quyền tự do thông tin và ngôn luận của cá nhân trong không gian số. Tuy nhiên, tính mở và tự do đó cũng dẫn đến những rủi ro nhất định, đặc biệt là việc các cơ quan truyền thông nước ngoài hoặc tổ chức phi chính phủ lợi dụng nền tảng số để lan truyền thông tin sai lệch, tuyên truyền có định hướng chính trị hoặc gây bất ổn xã hội. Những thông tin này đôi khi bị đánh giá là đe dọa đến an ninh quốc gia, ổn định chính trị và trật tự xã hội của Séc.

Chính phủ Séc đã tăng cường cơ chế giám sát và phản ứng truyền thông nhanh, phối hợp giữa các cơ quan báo chí, tổ chức truyền thông và cơ quan an ninh mạng nhằm phát hiện, ngăn chặn và phản bác kịp thời các thông tin xuyên tạc. Đây được xem là biện pháp cân bằng hợp lý giữa bảo vệ quyền tự do biểu đạt và duy trì an ninh thông tin quốc gia trong thời kỳ chuyển đổi số. Tuy nhiên, trong bối cảnh số hóa, sự lan truyền nhanh của thông tin sai lệch đã đặt ra thách thức mới cho việc bảo đảm quyền tự do ngôn luận gắn liền với trách nhiệm pháp lý. Các cơ quan chức năng như Viện Nghiên cứu An ninh Prague (PSSI) thực hiện giám sát nội dung trực tuyến, đặc biệt trong các kỳ bầu cử, nhằm phát hiện và ngăn ngừa các chiến dịch thông tin sai lệch gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia. Điều này phản ánh cách tiếp cận “tự do đi đôi với trách nhiệm”, là nguyên tắc cốt lõi của quyền con người trong hoạt động báo chí hiện đại.

Thứ hai, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các dịch vụ công trực tuyến, Chính phủ Séc đặc biệt chú trọng tới bảo vệ quyền riêng tư của cá nhân. Kế hoạch hành động an ninh mạng giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược An ninh mạng quốc gia của Séc

đã đặt trọng tâm vào việc bảo mật dữ liệu cá nhân trên nền tảng số. Việc triển khai hệ thống nhận dạng điện tử, hồ sơ y tế điện tử và ứng dụng chứng minh nhân dân kỹ thuật số được thực hiện song song với các biện pháp bảo vệ dữ liệu theo chuẩn của Liên minh châu Âu (GDPR). Điều này thể hiện cách tiếp cận toàn diện của Séc, vừa thúc đẩy chính phủ điện tử, vừa bảo đảm quyền kiểm soát thông tin cá nhân của mỗi cá nhân.

Thứ ba, quyền bình đẳng trong tiếp cận thông tin và truyền thông

Quyền bình đẳng trong hoạt động báo chí và truyền thông được Cộng hòa Séc bảo đảm thông qua cả chính sách và khuôn khổ pháp lý. Việc ban hành và sửa đổi Đạo luật số 159/2006 về Xung đột lợi ích, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã hạn chế quyền sở hữu phương tiện truyền thông của các quan chức, nhằm ngăn ngừa tình trạng lạm dụng quyền lực và đảm bảo sự công bằng trong tiếp cận thông tin giữa các nhóm xã hội. Bên cạnh đó, các chính sách chuyển đổi số như Kế hoạch phục hồi nhanh (RRP) của Séc từ tháng 9/2021 nhấn mạnh đến việc thu hẹp khoảng cách số, đảm bảo mọi cá nhân, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em và người khuyết tật đều có cơ hội bình đẳng trong tiếp cận Internet và các dịch vụ công trực tuyến. Đó là học sinh, sinh viên và giáo viên trong ngành giáo dục, là các nhà kinh doanh và sản xuất trong các doanh nghiệp, và đặc biệt là người dân khi tham gia các dịch vụ trong lĩnh vực hành chính công của Chính phủ điện tử. Nhờ đó, tiến trình số hóa ở Cộng hòa Séc không chỉ mang tính công nghệ mà còn gắn chặt với mục tiêu dân chủ hóa thông tin và bảo đảm quyền bình đẳng truyền thông cho mọi tầng lớp nhân dân.

Một trong những vấn đề trong bảo đảm quyền tự do ngôn luận và quyền tiếp cận thông tin tại Cộng hòa Séc là tình trạng tập trung quyền sở hữu phương tiện truyền thông vào tay các nhà tài phiệt. Trên thực tế, phần lớn các cơ quan báo chí - truyền thông tại Séc thuộc quyền kiểm soát của các tập đoàn tư nhân hoặc cá nhân có tiềm lực tài chính mạnh, những người đồng thời có ảnh hưởng đáng kể trong lĩnh vực kinh doanh và chính trị. Các chủ sở hữu này thường sử dụng phương tiện truyền thông như công cụ phục vụ lợi ích cá nhân, chẳng hạn như quảng bá thương hiệu, định hướng dư luận, hoặc gây ảnh hưởng đến kết quả các cuộc vận động bầu cử. Tuy nhiên, về mặt pháp lý, các hành vi đó không bị coi là

vi phạm luật báo chí, do Luật Báo chí của Séc không quy định yêu cầu về sự cân bằng trong quan điểm thông tin. Nói cách khác, luật không cấm các bài viết hoặc tin tức mang tính thiên lệch quan điểm. Dù vậy, dư luận xã hội lại xem đây là vấn đề nghiêm trọng về đạo đức báo chí, khi quyền sở hữu truyền thông bị lợi dụng để thao túng thông tin, tạo nên sự bất bình đẳng trong việc tiếp cận phương tiện truyền thông của người dân. Trước thực trạng đó, năm 2017, Quốc hội Cộng hòa Séc đã sửa đổi Đạo luật số 159/2006 về Xung đột lợi ích, với mục tiêu hạn chế việc tập trung quyền lực truyền thông vào tay giới chính trị và quan chức nhà nước, theo đó các công chức, viên chức, thành viên Chính phủ và Nghị sĩ không được phép sở hữu hoặc kiểm soát các cơ quan truyền thông, cũng như không được nắm giữ cổ phần trong các công ty truyền thông.

Có thể nói, chính sách bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí ở Séc thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa tự do - an toàn - bình đẳng trong thời kỳ chuyển đổi số. Quốc gia này vừa tạo điều kiện cho tự do ngôn luận phát triển, vừa đảm bảo các cơ chế bảo vệ quyền riêng tư và thúc đẩy tiếp cận thông tin công bằng. Tuy vẫn còn thách thức về chênh lệch kỹ năng số và nguy cơ thông tin sai lệch, kinh nghiệm của Cộng hòa Séc cho thấy vai trò tích cực của Nhà nước trong việc định hướng và điều tiết quyền con người trong môi trường báo chí kỹ thuật số.

3.3.1.2. Quy định về chủ thể bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Cộng hòa Séc

Về chủ thể bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số, pháp luật Cộng hòa Séc xác lập cơ chế đa chủ thể với sự tham gia của Nhà nước, các cơ quan độc lập, chủ thể báo chí và xã hội dân sự.

Thứ nhất, Nhà nước Cộng hòa Séc là chủ thể giữ vai trò nền tảng trong việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thông qua việc ban hành và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Thông qua Hiến chương các quyền và tự do cơ bản, Nhà nước ghi nhận và bảo đảm quyền tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin, đồng thời đặt ra giới hạn pháp lý nhằm bảo vệ quyền riêng tư, danh dự, nhân phẩm và dữ liệu cá nhân của cá nhân trong môi trường truyền thông số. Nhà nước cũng có trách nhiệm nội luật hóa và thực thi các chuẩn mực của Liên minh châu Âu liên

quan đến báo chí số và bảo vệ quyền con người.

Thứ hai, các cơ quan quản lý và giám sát độc lập là chủ thể có vai trò trực tiếp và chuyên môn trong việc bảo vệ quyền con người trước các nguy cơ xâm phạm từ hoạt động báo chí số. Tiêu biểu là *Office for Personal Data Protection* - cơ quan có thẩm quyền giám sát việc thu thập, xử lý và công bố dữ liệu cá nhân của cơ quan báo chí theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và GDPR. Cơ quan này có quyền thanh tra, xử phạt vi phạm và ban hành hướng dẫn nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa tự do báo chí và quyền bảo vệ đời sống riêng tư trong môi trường số.

Thứ ba, các cơ quan tư pháp độc lập là chủ thể bảo đảm quyền con người thông qua cơ chế bảo vệ tư pháp. Tòa án Séc có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa quyền tự do báo chí và các quyền nhân thân, áp dụng các biện pháp khắc phục như buộc cải chính, xin lỗi, bồi thường thiệt hại. Đặc biệt, Tòa án Hiến pháp Cộng hòa Séc (*Constitutional Court of the Czech Republic*) đóng vai trò bảo vệ hiến định các quyền con người, kiểm soát tính hợp hiến của các quy định hạn chế tự do báo chí và bảo đảm sự phù hợp với các chuẩn mực châu Âu.

Thứ tư, cơ quan báo chí và nhà báo là chủ thể trực tiếp thực hiện và đồng thời có nghĩa vụ bảo vệ quyền con người trong quá trình tác nghiệp. Pháp luật Cộng hòa Séc yêu cầu báo chí tôn trọng quyền riêng tư, danh dự, nhân phẩm, dữ liệu cá nhân của cá nhân; thực hiện nghĩa vụ cải chính, quyền trả lời; và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Trong bối cảnh chuyển đổi số, trách nhiệm này còn bao gồm việc sử dụng dữ liệu, thuật toán và nền tảng số một cách thận trọng, minh bạch và có trách nhiệm.

Thứ năm, xã hội dân sự và công chúng được thừa nhận là chủ thể tham gia bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thông qua cơ chế giám sát xã hội. Cá nhân, tổ chức xã hội, hội nghề nghiệp báo chí có quyền phản ánh, khiếu nại, khởi kiện hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền can thiệp khi quyền con người bị xâm phạm. Vai trò của xã hội dân sự góp phần tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả bảo vệ quyền con người trong môi trường báo chí số.

3.3.1.3. Cơ chế xử lý vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số theo pháp luật Cộng hòa Séc

Trong pháp luật Cộng hòa Séc, cơ chế xử lý các hành vi vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số được thiết lập trên cơ sở kết hợp giữa pháp luật báo chí, pháp luật dân sự, hình sự và pháp luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, phù hợp với chuẩn mực của Liên minh châu Âu.

Thứ nhất, cơ chế xử lý hành chính được áp dụng đối với các vi phạm pháp luật báo chí và pháp luật về thông tin. Đạo luật Báo chí số 46/2000 Coll. (*Press Act*) quy định nghĩa vụ của cơ quan báo chí trong việc bảo đảm tính chính xác của thông tin và bảo vệ quyền nhân thân. Theo Điều 10 và Điều 11, cá nhân bị ảnh hưởng bởi thông tin sai sự thật hoặc xâm phạm danh dự, nhân phẩm có quyền yêu cầu cải chính, phản hồi và xin lỗi công khai. Việc không thực hiện các nghĩa vụ này có thể dẫn đến các biện pháp xử lý hành chính theo pháp luật liên quan.

Thứ hai, cơ chế trách nhiệm dân sự được áp dụng trên cơ sở Bộ luật Dân sự Séc năm 2012 (*Civil Code - Act No. 89/2012 Coll.*). Các quy định tại Điều 81 đến Điều 90 bảo vệ quyền nhân thân, bao gồm danh dự, nhân phẩm, đời sống riêng tư và hình ảnh cá nhân. Khi hoạt động báo chí xâm phạm các quyền này, chủ thể bị xâm hại có quyền yêu cầu Tòa án buộc chấm dứt hành vi vi phạm, cải chính, xin lỗi công khai và bồi thường thiệt hại, kể cả thiệt hại tinh thần.

Thứ ba, cơ chế xử lý hình sự được áp dụng trong các trường hợp vi phạm nghiêm trọng theo Bộ luật Hình sự Séc (*Act No. 40/2009 Coll.*). Các tội danh liên quan trực tiếp đến hoạt động báo chí bao gồm tội vu khống (Điều 184) và các hành vi xâm phạm nghiêm trọng quyền riêng tư. Việc thực hiện hành vi thông qua phương tiện truyền thông có thể được coi là tình tiết làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội.

Bên cạnh đó, đối với các vi phạm liên quan đến dữ liệu cá nhân trong báo chí số, Đạo luật số 110/2019 Coll. về xử lý dữ liệu cá nhân, được ban hành để thực thi GDPR của EU, trao thẩm quyền cho Cơ quan Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân (*Office for Personal Data Protection*) xử phạt hành chính, yêu cầu khắc phục và bảo vệ quyền dữ liệu cá nhân của cá nhân bị xâm hại.

Như vậy, pháp luật Cộng hòa Séc thiết lập cơ chế xử lý vi phạm đa tầng, rõ ràng và có căn cứ pháp lý cụ thể, bảo đảm bảo vệ hiệu quả quyền con người trong

hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số, đồng thời duy trì sự cân bằng giữa tự do báo chí và trách nhiệm pháp lý.

3.3.2. Cộng hòa Pháp

Luật Tự do Báo chí (Law on the Freedom of the Press) năm 1881 là nền tảng pháp lý cổ điển và quan trọng nhất trong hệ thống pháp luật Pháp về bảo vệ quyền tự do báo chí và quyền tự do biểu đạt. Được ban hành trong bối cảnh sau Cách mạng Pháp, đạo luật này phản ánh tư tưởng của Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền năm 1789, đặc biệt là Điều 11, trong đó khẳng định: *“Tự do truyền đạt tư tưởng và ý kiến là một trong những quyền quý giá nhất của con người”*. Với tinh thần đó, Luật năm 1881 thiết lập cơ chế bảo đảm tự do xuất bản và giới hạn hợp pháp đối với hành vi lạm dụng quyền này, trở thành chuẩn mực tham chiếu cho mọi hoạt động báo chí tại Pháp. Đặc biệt, dù ra đời trước thời đại Internet, án lệ của các Tòa án Pháp đã mở rộng phạm vi áp dụng Luật 1881 cho báo điện tử, nền tảng mạng xã hội và xuất bản trực tuyến. Khi một cá nhân đăng tải thông tin có tính chất phỉ báng hoặc kích động hận thù trên Internet, Tòa án vẫn có thể viện dẫn Luật 1881 như căn cứ pháp lý xử lý hành vi *“xuất bản công khai”* (publication publique). Điều này thể hiện sự thích ứng linh hoạt của pháp luật truyền thống với chuyển đổi số, đảm bảo nguyên tắc pháp quyền được duy trì cả trong không gian mạng.

Mặc dù có giá trị lịch sử, Luật 1881 hiện nay đối mặt với giới hạn khi điều chỉnh hoạt động báo chí số. Các quy định về xuất bản tư liệu tố tụng trước khi xét xử (Article 38) gây tranh cãi do có thể xung đột với quyền tự do ngôn luận được bảo đảm bởi Article 10 ECHR. Ví dụ như án lệ: *Tourancheau & July v. France (2005)* là minh chứng điển hình. Tòa án Nhân quyền châu Âu (ECtHR) nhận định việc Pháp kết tội hai nhà báo vì công bố chi tiết vụ án đang điều tra là sự can thiệp vào quyền tự do báo chí, nhưng có thể được biện minh nếu *“cần thiết trong xã hội”* nhằm bảo vệ quyền được xét xử công bằng của bị cáo [17].

Dưới góc độ nguyên tắc hiến định, Pháp coi tự do, bình đẳng và nhân phẩm con người là nền tảng cho mọi quyền cơ bản, trong đó quyền báo chí là biểu hiện điển hình của quyền tự do ngôn luận. Tòa án Hiến pháp Pháp (Conseil

constitutionnel) nhiều lần khẳng định tự do ngôn luận là “*một trong những nền tảng thiết yếu của nền dân chủ*”. Nguyên tắc bình đẳng bảo đảm mọi cá nhân được tiếp cận và phổ biến thông tin không bị phân biệt đối xử; trong khi nguyên tắc trách nhiệm xã hội yêu cầu báo chí phải tôn trọng danh dự, nhân phẩm và quyền riêng tư của người khác, theo tinh thần Điều 4 Tuyên ngôn 1789: “*Tự do của mỗi người chỉ bị giới hạn bởi tự do của người khác*”.

3.3.2.1. Nội dung quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số theo pháp luật Cộng hòa Pháp

Trong bối cảnh chuyển đổi số, pháp luật Cộng hòa Pháp xác lập khuôn khổ bảo đảm quyền con người trong hoạt động báo chí trên cơ sở hài hòa giữa quyền tự do báo chí với các quyền con người khác, đặc biệt là quyền riêng tư, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền được tiếp cận thông tin chính xác trong môi trường truyền thông số.

Thứ nhất, quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí được pháp luật Cộng hòa Pháp ghi nhận là nền tảng của trật tự dân chủ. Quyền này được khẳng định trong Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền năm 1789 và tiếp tục được cụ thể hóa trong các đạo luật về hoạt động báo chí. Trong điều kiện chuyển đổi số, phạm vi bảo đảm của quyền tự do báo chí được mở rộng đối với báo chí điện tử, báo chí đa nền tảng và các hình thức truyền thông số mới, bảo đảm cho nhà báo và cơ quan báo chí quyền thu thập, xử lý và phổ biến thông tin mà không bị kiểm duyệt trước.

Song song với việc bảo đảm tự do báo chí, pháp luật Pháp cũng quy định các giới hạn hợp pháp của quyền này thông qua hệ thống luật chống thù hận và chống phân biệt đối xử. Luật Gayssot năm 1990 là đạo luật tiêu biểu, hình sự hóa hành vi phủ nhận tội ác chống lại loài người như được xác định trong Hiến chương Tòa án Nuremberg năm 1945, nhằm ngăn chặn sự lan truyền của chủ nghĩa cực đoan, phân biệt chủng tộc và xuyên tạc lịch sử. Dưới góc độ nhân quyền, đạo luật này thể hiện sự cân bằng giữa quyền tự do ngôn luận theo Điều 10 ECHR và nghĩa vụ quốc gia trong việc bảo vệ phẩm giá con người theo Điều 17 ECHR về “cấm lạm dụng quyền”. Trong vụ *Garaudy v. France (2003)*, Tòa án Nhân quyền châu Âu đã khẳng định rằng hành vi phủ nhận Holocaust không được bảo vệ bởi quyền tự do biểu đạt, vì đó

là hành vi lạm dụng quyền đi ngược lại các giá trị dân chủ [159].

Ngoài Gayssot Act, Pháp còn ban hành Luật Pleven năm 1972 về chống kích động hận thù chủng tộc, Luật chống khủng bố năm 2015 hạn chế công bố thông tin có thể đe dọa an ninh quốc gia, và Luật Avia năm 2020 buộc các nền tảng trực tuyến phải gỡ bỏ nội dung thù hận trong vòng 24 giờ. Các quy định này cho thấy tự do báo chí ở Pháp được đặt trong khuôn khổ nhân quyền tổng thể, nơi việc bảo vệ danh dự, nhân phẩm và an ninh xã hội được coi là mục tiêu chính đáng để giới hạn quyền biểu đạt theo tiêu chí “cần thiết trong xã hội” của Điều 10(2) ECHR. Nhìn chung, Pháp là một trong những quốc gia tiên phong trong việc kết hợp giữa tự do báo chí và bảo vệ phẩm giá con người, tuy nhiên trong bối cảnh truyền thông số, việc áp dụng các giới hạn này cần được thực hiện cẩn trọng để tránh lạm dụng, đảm bảo duy trì sự cân bằng giữa quyền tự do thông tin và quyền được bảo vệ nhân phẩm.

Thứ hai, quyền tiếp cận thông tin của công chúng được thừa nhận là bộ phận cấu thành của quyền tự do ngôn luận. Pháp luật Pháp đặt ra yêu cầu đối với hoạt động báo chí trong việc cung cấp thông tin trung thực, khách quan và đa chiều, đặc biệt trong môi trường số - nơi thông tin lan truyền nhanh và có nguy cơ bị thao túng. Quyền tiếp cận thông tin gắn liền với trách nhiệm của báo chí trong việc kiểm chứng nguồn tin, bảo đảm chất lượng thông tin và góp phần bảo vệ nền tảng dân chủ trước các hiện tượng thông tin sai lệch.

Thứ ba, quyền bảo vệ đời sống riêng tư và các quyền nhân thân được xác định là giới hạn pháp lý quan trọng đối với hoạt động báo chí số. Pháp luật Pháp bảo vệ nghiêm ngặt quyền riêng tư, quyền về hình ảnh, danh dự và uy tín của cá nhân trước nguy cơ xâm phạm từ hoạt động báo chí điện tử và truyền thông số. Việc can thiệp của báo chí vào đời sống riêng tư chỉ được chấp nhận khi có lợi ích công cộng rõ ràng và phải tuân thủ nguyên tắc cân xứng giữa mục đích đưa tin và mức độ xâm phạm quyền con người.

Trong thời kỳ chuyển đổi số, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trở thành nội dung trung tâm của quyền con người trong hoạt động báo chí. Pháp luật Pháp áp dụng trực tiếp các chuẩn mực của Liên minh châu Âu về bảo vệ dữ liệu cá nhân,

cho phép xử lý dữ liệu vì mục đích báo chí nhưng yêu cầu bảo đảm sự cân bằng hợp lý giữa tự do ngôn luận và quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân. Việc sử dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, thuật toán và trí tuệ nhân tạo trong hoạt động báo chí phải tuân thủ các nguyên tắc hợp pháp, minh bạch, tối thiểu hóa dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin, dưới sự giám sát của *Commission nationale de l'informatique et des libertés* (Ủy ban Quốc gia về Tin học và Tự do).

Một trong những văn bản tiêu biểu là Luật “*Pour une République numérique*” (Luật vì Cộng hòa số), được thông qua ngày 7/10/2016. Đây là đạo luật có ảnh hưởng sâu rộng đến các lĩnh vực liên quan đến báo chí, quyền truy cập thông tin và quyền dữ liệu cá nhân. Trước hết, luật quy định về mở dữ liệu công (open data) và chia sẻ thông tin công, cho phép các cơ quan truyền thông được tiếp cận và khai thác cơ sở dữ liệu do Nhà nước quản lý, qua đó tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động công quyền. Tiếp đến, đạo luật đặt trọng tâm vào bảo vệ cá nhân trong thời kỳ chuyển đổi số, quy định rõ việc xử lý, lưu trữ và xóa dữ liệu cá nhân (right to be forgotten), đồng thời thừa nhận quyền kiểm soát dữ liệu của cá nhân, một yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động báo chí và thu thập thông tin của nhà báo. Ngoài ra, Luật Cộng hòa số cũng áp dụng cho mã nguồn, giao thức kỹ thuật và phần mềm mã nguồn mở, nhằm bảo đảm tính minh bạch trong hoạt động số mà báo chí có thể khai thác để phục vụ điều tra thông tin.

Ngoài ra, pháp luật Pháp từng bước ghi nhận quyền được bảo vệ trước thông tin sai lệch và các hành vi thao túng thông tin trong môi trường số như một nội dung mới của quyền con người. Quyền này gắn liền với quyền được tiếp cận thông tin chính xác, đáng tin cậy và đặc biệt có ý nghĩa trong các giai đoạn nhạy cảm như bầu cử, trưng cầu ý dân. Trách nhiệm bảo vệ quyền này không chỉ đặt ra đối với cơ quan báo chí mà còn đối với các nền tảng số trung gian.

Cuối cùng, quyền được bảo vệ tư pháp hiệu quả được pháp luật bảo đảm như một cơ chế bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí số. Cá nhân có quyền yêu cầu cải chính, gỡ bỏ nội dung vi phạm, yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc khởi kiện trước tòa án khi quyền con người bị xâm phạm. Thông qua hoạt

động xét xử độc lập, tòa án Pháp đóng vai trò cân bằng giữa quyền tự do báo chí và các quyền con người khác, góp phần bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và phù hợp với các chuẩn mực nhân quyền châu Âu trong bối cảnh chuyển đổi số.

3.3.2.2. *Chủ thể bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số*

Trong pháp luật Pháp, bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số được thực hiện thông qua cơ chế đa chủ thể, với sự phân định tương đối rõ ràng giữa Nhà nước, cơ quan quản lý độc lập, chủ thể báo chí và xã hội.

Thứ nhất, Nhà nước giữ vai trò thiết lập khuôn khổ pháp lý nền tảng thông qua các đạo luật về báo chí, quyền con người và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Quyền tự do báo chí được ghi nhận sớm và có vị trí trung tâm trong Luật Tự do Báo chí ngày 29/7/1881 (Loi du 29 juillet 1881 sur la liberté de la presse), đồng thời được đặt trong mối quan hệ cân bằng với việc bảo vệ danh dự, nhân phẩm và đời sống riêng tư của cá nhân.

Cộng hòa Pháp xem tự do báo chí là nền tảng của nền dân chủ và là điều kiện để bảo đảm các quyền con người khác. Theo quan điểm chính sách, Nhà nước không kiểm soát nội dung báo chí mà bảo đảm môi trường tự do và đa dạng thông tin. Báo chí được coi là “quyền lực thứ tư” có vai trò giám sát quyền lực công, phản ánh tiếng nói xã hội và bảo vệ lợi ích của cá nhân. Chính phủ Pháp khẳng định vai trò của mình là bảo vệ, không kiểm duyệt báo chí, đồng thời tôn trọng quyền tự do biểu đạt và tiếp cận thông tin của mọi người dân. Pháp quan niệm tự do ngôn luận không phải là tuyệt đối và mọi hoạt động báo chí phải được thực hiện trong khuôn khổ tôn trọng nhân phẩm, danh dự và đời tư của con người. Nhà nước khuyến khích báo chí thực hiện đạo đức nghề nghiệp, trung thực và khách quan khi đưa tin. Các cơ quan truyền thông được yêu cầu tránh lan truyền thông tin sai lệch, kích động hận thù hay phân biệt đối xử, nhằm bảo vệ quyền con người của các nhóm yếu thế trong xã hội.

Chính phủ Pháp bảo đảm quyền an toàn nghề nghiệp và quyền bảo mật nguồn tin cho các nhà báo. Đây được xem là điều kiện thiết yếu để bảo vệ quyền con người, đặc biệt là quyền tiếp cận thông tin trung thực. Pháp xây dựng các cơ

chế hỗ trợ pháp lý, an ninh và đạo đức cho giới báo chí thông qua các tổ chức độc lập như Hội đồng Đạo đức Báo chí và Hòa giải (CDJM) và các hiệp hội bảo vệ nhà báo. Nhà nước Pháp duy trì quan điểm tự do báo chí phải đi đôi với trách nhiệm xã hội, bởi báo chí không chỉ được quyền phê phán, phản biện, mà còn phải góp phần xây dựng xã hội, tôn trọng sự thật và thúc đẩy bình đẳng. Các chính sách truyền thông công cộng của Pháp khuyến khích đa dạng tiếng nói xã hội, chống lại tin giả, phân biệt đối xử và bảo vệ quyền con người trong không gian truyền thông.

Thứ hai, Pháp đặc biệt nhấn mạnh vai trò của các cơ quan quản lý độc lập. Tiêu biểu là *Commission nationale de l'informatique et des libertés* (CNIL) - Cơ quan có thẩm quyền giám sát và bảo vệ quyền dữ liệu cá nhân, bao gồm cả hoạt động xử lý dữ liệu trong lĩnh vực báo chí số theo GDPR và pháp luật quốc gia. Ngoài ra, các cơ quan tư pháp độc lập giữ vai trò trọng tâm trong việc bảo vệ quyền con người thông qua xét xử các tranh chấp báo chí.

Bên cạnh đó, Pháp có các cơ quan độc lập giám sát việc thực thi quyền con người, như Cơ quan Bảo vệ quyền (Défenseur des droits) một thiết chế hiến định độc lập có chức năng bảo vệ quyền cơ bản, chống phân biệt đối xử và tiếp nhận khiếu nại liên quan đến tự do báo chí. Ngoài ra, cơ quan ARCOM cũng giữ vai trò quan trọng trong việc bảo đảm tính đa dạng và độc lập của truyền thông, đặc biệt trong môi trường kỹ thuật số. Như vậy, có thể thấy rằng Hiến pháp và các nguyên tắc hiến định của Pháp không chỉ công nhận mà còn bảo đảm thực thi quyền con người trong hoạt động báo chí, thông qua sự kết hợp giữa cơ chế pháp lý quốc gia và chuẩn mực nhân quyền châu Âu.

Thứ ba, cơ quan báo chí và nhà báo là chủ thể trực tiếp có nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ quyền con người trong quá trình tác nghiệp, đặc biệt là quyền riêng tư, quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm và nguồn tin. Cuối cùng, công chúng và xã hội dân sự tham gia giám sát, phản biện và thúc đẩy trách nhiệm giải trình của báo chí trong môi trường số. Mặc dù sở hữu khung pháp lý tương đối toàn diện, hệ thống pháp luật Pháp trong giai đoạn chuyển đổi số vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Sự tập trung quyền sở hữu truyền thông vào các tập đoàn kinh

tế lớn làm giảm tính đa dạng và độc lập của báo chí, trong khi tình trạng kiện tụng mang tính trả đũa (SLAPPs) vẫn phổ biến, gây tổn hại đến vai trò giám sát của truyền thông. Ngoài ra, bạo lực và đe dọa đối với nhà báo, đặc biệt trong các cuộc biểu tình, vẫn là vấn đề đáng lo ngại. Trong môi trường kỹ thuật số, các yếu tố như tin giả, thuật toán nền tảng, quảng cáo định hướng và kiểm duyệt tự động tiếp tục thách thức quyền tự do báo chí và quyền tiếp cận thông tin, buộc pháp luật phải không ngừng thích ứng để duy trì sự cân bằng giữa tự do biểu đạt, an ninh thông tin và quyền riêng tư cá nhân.

3.3.2.3. Cơ chế xử lý vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Pháp luật Pháp thiết lập cơ chế xử lý vi phạm đa tầng, kết hợp giữa hành chính, dân sự và hình sự nhằm bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

Thứ nhất, cơ chế xử lý hình sự chiếm vị trí nổi bật trong lĩnh vực báo chí. Luật Tự do Báo chí năm 1881 quy định cụ thể các hành vi vi phạm như phỉ báng (diffamation) và xúc phạm (injure) tại Điều 29, đồng thời xác định trách nhiệm hình sự của chủ thể báo chí khi xâm phạm danh dự, nhân phẩm cá nhân thông qua phương tiện truyền thông, bao gồm báo chí điện tử.

Thứ hai, cơ chế trách nhiệm dân sự được áp dụng trên cơ sở Bộ luật Dân sự Pháp (Code civil), đặc biệt là Điều 9, quy định quyền được tôn trọng đời sống riêng tư. Cá nhân bị xâm hại bởi nội dung báo chí có thể yêu cầu Tòa án áp dụng các biện pháp như buộc chấm dứt hành vi vi phạm, cải chính, xin lỗi công khai và bồi thường thiệt hại, kể cả thiệt hại tinh thần.

Thứ ba, cơ chế xử phạt hành chính đối với các vi phạm liên quan đến dữ liệu cá nhân trong báo chí số, Luật Bảo vệ dữ liệu ngày 6/1/1978 (Loi Informatique et Libertés), được sửa đổi để phù hợp với GDPR, trao thẩm quyền cho CNIL, yêu cầu khắc phục và bảo đảm quyền dữ liệu cá nhân, đồng thời áp dụng các ngoại lệ cần thiết cho hoạt động báo chí nhưng không làm phương hại đến bản chất của quyền con người.

Như vậy, pháp luật Pháp xây dựng cơ chế xử lý vi phạm rõ ràng, có tính

răn đe cao nhưng vẫn linh hoạt, thể hiện rõ cách tiếp cận cân bằng giữa bảo vệ quyền con người và bảo đảm tự do báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số.

3.3.4. Ý nghĩa nghiên cứu đối với báo chí Việt Nam trong thời kỳ chuyển đổi số

3.3.1. Về phương diện lý luận khoa học

Nghiên cứu bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số của EU và một số quốc gia điển hình (Cộng hòa Séc và Pháp) mang ý nghĩa lý luận sâu sắc, góp phần bổ sung và phát triển cơ sở khoa học về quyền con người ở Việt Nam, thể hiện ở nhiều khía cạnh, cụ thể như sau:

Thứ nhất, nghiên cứu góp phần làm rõ sự mở rộng và biến đổi nội hàm quyền con người trong lĩnh vực báo chí dưới tác động của chuyển đổi số. Ở cấp độ EU, quyền tự do ngôn luận và tự do thông tin được ghi nhận tại Article 11 Hiến chương các quyền cơ bản của Liên minh châu Âu (EU Charter of Fundamental Rights), trong khi quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân được xác lập như một quyền độc lập tại Article 8 của Hiến chương này. Việc song song ghi nhận hai quyền trên ở cùng cấp độ hiến định cho thấy sự phát triển về mặt lý luận: quyền con người trong báo chí số không chỉ dừng ở tự do biểu đạt, mà còn bao hàm quyền kiểm soát thông tin cá nhân trong môi trường công nghệ số.

Thứ hai, nghiên cứu làm sâu sắc lý luận về mối quan hệ và sự xung đột giữa quyền tự do báo chí và các quyền con người khác, đặc biệt là quyền riêng tư. Thực tiễn pháp luật Pháp cho thấy, mặc dù Luật Báo chí năm 1881 bảo đảm mạnh mẽ quyền tự do báo chí, nhưng quyền này bị giới hạn bởi các quy định bảo vệ danh dự và đời sống riêng tư, được củng cố bởi Article 9 Bộ luật Dân sự Pháp, theo đó mọi cá nhân đều có quyền được tôn trọng đời sống riêng tư. Tương tự, tại Cộng hòa Séc, Điều 17 Hiến chương các quyền và tự do cơ bản bảo đảm tự do ngôn luận và báo chí, trong khi Điều 7 và Điều 10 của Hiến chương này bảo vệ đời sống riêng tư, nhân phẩm và dữ liệu cá nhân. Cách tiếp cận này góp phần phát triển lý luận về nguyên tắc cân xứng và hài hòa quyền trong khoa học pháp lý hiện đại.

Thứ ba, nghiên cứu góp phần phát triển lý luận về mô hình bảo vệ quyền con người đa chủ thể trong hoạt động báo chí số. Việc EU và các quốc gia thành

viên trao thẩm quyền giám sát bảo vệ dữ liệu cá nhân cho các cơ quan độc lập thể hiện rõ xu hướng phân tán quyền lực nhằm tăng cường bảo vệ quyền con người. Cụ thể, Article 51 GDPR quy định mỗi quốc gia thành viên phải thiết lập cơ quan giám sát độc lập về bảo vệ dữ liệu cá nhân; tại Cộng hòa Séc là *Office for Personal Data Protection*, còn tại Pháp là *Commission nationale de l'informatique et des libertés*. Việc trao quyền thanh tra, xử phạt và hướng dẫn cho các cơ quan này đã góp phần bổ sung lý luận về bảo vệ quyền con người thông qua các thiết chế độc lập ngoài Nhà nước truyền thống.

Thứ tư, nghiên cứu làm rõ lý luận về bảo vệ quyền con người gắn với bảo vệ lợi ích công cộng và nền dân chủ trong môi trường báo chí số. Ở cấp độ EU, Article 34 Đạo luật Dịch vụ số (DSA) yêu cầu các nền tảng trực tuyến rất lớn phải đánh giá và giảm thiểu rủi ro hệ thống, bao gồm rủi ro lan truyền thông tin sai lệch ảnh hưởng đến tiến trình dân chủ và quyền cơ bản của công dân. Cách tiếp cận này là bước phát triển mới trong lý luận bảo vệ quyền con người khi chuyển từ xử lý vi phạm cá biệt sang phòng ngừa rủi ro mang tính cấu trúc của hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

Nghiên cứu đồng thời cung cấp cơ sở lý luận so sánh quan trọng cho khoa học pháp lý Việt Nam. Việc phân tích các quy định cụ thể như Article 11 EU Charter, Article 8 GDPR, Article 9 Bộ luật Dân sự Pháp hay Điều 17 Hiến chương các quyền và tự do cơ bản của Cộng hòa Séc cho thấy các hệ thống pháp luật châu Âu đều tiếp cận quyền con người trong báo chí số theo hướng cân bằng, đa chiều và thích ứng với công nghệ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu góp phần làm phong phú lý luận về tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm nước ngoài trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam.

3.3.2. Về phương diện xây dựng và hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Nghiên cứu kinh nghiệm của Liên minh châu Âu, và hai quốc gia điển hình (Cộng hòa Pháp và Cộng hòa Séc) về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số cung cấp những luận cứ quan trọng cho quá trình

xây dựng và hoàn thiện pháp luật. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số, Việt Nam cần tham khảo kinh nghiệm của Liên minh châu Âu theo hướng tiếp thu nguyên tắc, tiêu chí và kỹ thuật lập pháp, nhưng không sao chép nguyên trạng các mô hình thể chế như EDPS hay khung EMFA. Sở dĩ như vậy vì các thiết chế này được hình thành trên nền tảng pháp lý siêu quốc gia, mức độ độc lập tư pháp cao, cơ chế phối hợp xuyên biên giới chặt chẽ và điều kiện phát triển đặc thù của EU, trong khi Việt Nam có mô hình quản lý báo chí, tổ chức quyền lực nhà nước và năng lực thực thi pháp luật khác biệt. Do đó, yêu cầu đặt ra là phải nội luật hóa có chọn lọc, phù hợp với điều kiện chính trị, pháp lý và thực tiễn Việt Nam.

Theo hướng đó, pháp luật Việt Nam cần được hoàn thiện theo ba trọng tâm: một là, cụ thể hóa cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân và nguồn tin báo chí trong môi trường số, nhất là đối với dữ liệu nhạy cảm, dữ liệu liên lạc điện tử và thông tin có khả năng làm lộ nguồn tin; hai là, bổ sung quy định về trách nhiệm của nền tảng số trong việc gỡ bỏ, hạn chế lan truyền và phối hợp xử lý thông tin xâm phạm quyền con người; ba là, xây dựng các tiêu chí pháp lý rõ ràng để cân bằng giữa quyền tự do báo chí với quyền riêng tư, danh dự, nhân phẩm và các quyền con người khác có liên quan. Đồng thời, cần hoàn thiện cơ chế tự điều chỉnh nghề nghiệp của báo chí nhằm hỗ trợ thực thi pháp luật, nâng cao trách nhiệm giải trình và bảo đảm xử lý kịp thời các vi phạm phát sinh trong không gian số. Trên phương diện lập pháp, có thể rút ra một số kinh nghiệm cốt lõi sau:

Thứ nhất, kinh nghiệm về xây dựng chính sách pháp luật dựa trên nguyên tắc cân bằng quyền. Pháp luật EU, Pháp và Séc đều tiếp cận bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí trên cơ sở cân bằng giữa quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí với các quyền nhân thân như quyền riêng tư, danh dự và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Cách tiếp cận này được thể hiện rõ qua việc đồng thời ghi nhận các quyền này ở cấp độ hiến định và luật định, đồng thời thiết lập cơ chế giới hạn hợp pháp dựa trên nguyên tắc cần thiết và tương xứng. Kinh nghiệm này cho thấy, trong xây dựng pháp luật, không nên tuyệt đối hóa tự do báo chí, mà cần đặt quyền này trong mối quan hệ hài hòa với các quyền con người khác trong môi trường số.

Thứ hai, kinh nghiệm về xây dựng khung pháp luật chuyên biệt cho hoạt động báo chí trong môi trường chuyển đổi số. Từ thực tiễn EU không chỉ dựa vào các đạo luật báo chí truyền thống, mà còn ban hành các văn bản pháp luật mới để điều chỉnh những vấn đề phát sinh từ chuyển đổi số, như bảo vệ dữ liệu cá nhân, trách nhiệm của nền tảng số và kiểm soát rủi ro lan truyền thông tin sai lệch. Cộng hòa Pháp và Séc đều có những sửa đổi, bổ sung pháp luật hiện hành để bảo đảm tính áp dụng thống nhất đối với báo chí điện tử và truyền thông đa nền tảng. Kinh nghiệm này cho thấy pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí cần được xây dựng theo hướng mở, linh hoạt và có khả năng thích ứng với sự phát triển nhanh của công nghệ truyền thông.

Thứ ba, kinh nghiệm về tăng cường thiết chế bảo vệ quyền con người thông qua cơ quan độc lập. Điểm nổi bật trong kinh nghiệm của EU, Pháp và Séc là việc trao vai trò quan trọng cho các cơ quan giám sát độc lập, đặc biệt trong lĩnh vực bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong hoạt động báo chí số. Các cơ quan này có thẩm quyền thanh tra, xử lý vi phạm và hướng dẫn áp dụng pháp luật, góp phần bảo đảm tính khách quan và hạn chế sự can thiệp hành chính trực tiếp vào hoạt động báo chí. Đây là kinh nghiệm lập pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người trong môi trường truyền thông số.

Thứ tư, kinh nghiệm về kết hợp pháp luật và “pháp luật mềm” trong điều chỉnh báo chí số. Pháp luật EU và các quốc gia như Pháp, Séc không chỉ dựa vào các quy định mang tính cưỡng chế, mà còn thừa nhận vai trò của các bộ quy tắc đạo đức nghề báo, cơ chế tự điều chỉnh và đồng điều chỉnh. Việc kết hợp giữa luật định và chuẩn mực nghề nghiệp giúp tăng tính linh hoạt của hệ thống pháp luật, đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội của hoạt động báo chí trong bảo vệ quyền con người.

Thứ năm, kinh nghiệm về tiếp cận lập pháp dựa trên quản lý rủi ro thay vì kiểm duyệt nội dung. Pháp luật của EU và các quốc gia thành viên không hình sự hóa hay kiểm duyệt trực tiếp nội dung báo chí dưới danh nghĩa chống tin giả, mà tập trung vào việc yêu cầu các chủ thể liên quan đánh giá, phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro hệ thống trong môi trường số. Cách tiếp cận này góp phần bảo vệ

quyền tiếp cận thông tin của công chúng, đồng thời tránh nguy cơ xâm phạm tự do báo chí.

Từ những kinh nghiệm trên, có thể rút ra nhận định rằng việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số cần dựa trên các trụ cột: bảo đảm cân bằng quyền, xây dựng khung pháp luật thích ứng với công nghệ, tăng cường thiết chế độc lập, kết hợp pháp luật cứng với pháp luật mềm và áp dụng tư duy quản lý rủi ro. Đây là những giá trị lập pháp có ý nghĩa tham khảo quan trọng đối với Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

3.3.3. Về phương diện hội nhập quốc tế trong bảo vệ quyền con người

Thứ nhất, nghiên cứu giúp Việt Nam thực hiện hiệu quả các cam kết nhân quyền quốc tế. Việt Nam là thành viên của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR, 1982) và nhiều công ước nhân quyền khác, đồng thời đã trúng cử Hội đồng Nhân quyền LHQ nhiệm kỳ 2023-2025. Trong các phiên đối thoại định kỳ phổ quát (UPR), nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế thường xuyên khuyến nghị Việt Nam tăng cường bảo đảm quyền tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin, cũng như cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân. Việc nghiên cứu khung phân tích đa tầng sẽ cung cấp luận cứ khoa học để Việt Nam báo cáo, giải trình và chứng minh những nỗ lực trong thực hiện cam kết quốc tế, đồng thời định hướng cải thiện những điểm còn hạn chế.

Thứ hai, nghiên cứu tạo điều kiện cho Việt Nam học hỏi và vận dụng kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt từ EU, bởi đây được coi là khu vực đi đầu trong việc xây dựng khung pháp lý về nhân quyền và truyền thông số. Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR) đã trở thành “chuẩn mực vàng” toàn cầu, ảnh hưởng đến pháp luật của nhiều nước, trong đó có Việt Nam. Đạo luật Dịch vụ số (DSA) và Đạo luật Tự do truyền thông châu Âu (EMFA) cũng là những mô hình tiên tiến để cân bằng giữa tự do báo chí và trách nhiệm xã hội trong môi trường truyền thông số. Việc tham khảo và vận dụng các kinh nghiệm này sẽ giúp Việt Nam vừa bảo đảm quyền con người, vừa tạo khung pháp lý thuận lợi cho báo chí phát triển và hội nhập.

Thứ ba, nghiên cứu góp phần đáp ứng yêu cầu của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Trong Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) và Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), các điều khoản về lao động, môi trường và nhân quyền được đề cập gián tiếp hoặc trực tiếp. Đối với báo chí, yêu cầu bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, minh bạch và bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày càng được coi là tiêu chuẩn quan trọng. Nếu Việt Nam không nâng cao tiêu chuẩn bảo vệ nhân quyền trong hoạt động báo chí, sẽ khó đáp ứng các cam kết quốc tế, từ đó ảnh hưởng đến quá trình hội nhập kinh tế - chính trị.

Thứ tư, nghiên cứu góp phần nâng cao hình ảnh và vị thế quốc tế của Việt Nam. Trong bối cảnh thông tin toàn cầu hóa, việc một quốc gia có hệ thống pháp luật báo chí minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người sẽ là minh chứng rõ nét cho cam kết xây dựng một xã hội, nhân văn. Nhiều báo cáo quốc tế, như Chỉ số Tự do báo chí của Tổ chức Phóng viên không biên giới (RSF) hay Báo cáo Tự do trên thế giới của Freedom House, luôn thu hút sự quan tâm của dư luận toàn cầu. Nếu Việt Nam có những cải thiện rõ rệt trong việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí, điều đó sẽ trực tiếp nâng cao hình ảnh quốc gia, đồng thời tạo thuận lợi cho quan hệ đối tác chiến lược với các nước.

Kết luận Chương 3

Thực tiễn bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí của EU cho thấy sự kết hợp hài hòa giữa tự do báo chí, trách nhiệm xã hội và bảo vệ nhân phẩm con người, được thể chế hóa trong một hệ thống pháp lý đa tầng, linh hoạt và có tính ràng buộc cao. Trên nền tảng của Công ước châu Âu về quyền con người (ECHR) và Hiến chương quyền cơ bản của EU, các quốc gia thành viên đã phát triển khuôn khổ pháp luật toàn diện nhằm bảo đảm quyền tự do biểu đạt đi đôi với bảo vệ quyền riêng tư, danh dự và dữ liệu cá nhân.

Cơ chế bảo vệ này được củng cố bằng nhiều văn bản pháp lý hiện đại như Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR, 2016), Đạo luật Dịch vụ số (DSA, 2022) và Đạo luật Tự do truyền thông châu Âu (EMFA, 2023). Những văn bản

này không chỉ xác lập quyền của cá nhân trong việc kiểm soát thông tin cá nhân mà còn quy định rõ trách nhiệm của nền tảng số và cơ quan báo chí trong việc đảm bảo minh bạch, xử lý nội dung bất hợp pháp, ngăn chặn tin giả và bảo vệ nhà báo trước sự can thiệp chính trị. EU còn chú trọng các cơ chế tự điều chỉnh nghề nghiệp như hội đồng báo chí, quy tắc đạo đức và các hiệp ước nghề nghiệp. Đây là nền tảng giúp duy trì tính độc lập, trung thực và nhân văn trong hoạt động truyền thông, đồng thời hỗ trợ cho cơ chế tư pháp và hành chính trong bảo vệ quyền con người. Bên cạnh đó, hệ thống án lệ phong phú của Tòa án Nhân quyền châu Âu (ECtHR), đã định hình nguyên tắc cân bằng giữa quyền tự do báo chí và quyền được tôn trọng đời sống riêng tư, trở thành chuẩn mực tham chiếu cho các quốc gia thành viên.

Kinh nghiệm của EU là bài học cho Việt Nam trong việc xây dựng khung pháp lý hiện đại, bảo đảm hài hòa giữa tự do báo chí - an ninh thông tin và bảo vệ quyền nhân thân trong kỷ nguyên truyền thông số.

CHƯƠNG 4

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM - KINH NGHIỆM TỪ LIÊN MINH CHÂU ÂU

4.1. Thực trạng bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam

4.1.1. Thực trạng quy định về nội dung quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam

4.1.1.1. Quyền tiếp cận thông tin và tính chính xác của thông tin trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Quyền tiếp cận thông tin được Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam ghi nhận tại Điều 25 và được cụ thể hóa trong Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, khẳng định cá nhân có quyền được tiếp cận những thông tin do cơ quan nhà nước nắm

giữ, đồng thời có quyền được hưởng lợi từ một hệ thống báo chí trung thực, chính xác và khách quan. Theo khoản 3 Điều 2 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 thì tiếp cận thông tin được hiểu là “việc đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp thông tin”. Trong môi trường báo chí thời kỳ chuyển đổi số, quyền tiếp cận thông tin gắn chặt với yêu cầu bảo đảm tính chính xác, bởi chỉ khi thông tin được cung cấp đầy đủ, minh bạch và đúng sự thật thì cá nhân mới có thể thực hiện các quyền khác như quyền tham gia chính trị, quyền giám sát xã hội, hay quyền hưởng an sinh một cách hiệu quả.

Tính chính xác của thông tin trong hoạt động báo chí không chỉ phụ thuộc vào quy trình nghiệp vụ, mà còn gắn chặt với đạo đức nghề nghiệp của người làm báo. Quy định đạo đức nghề nghiệp người làm báo Việt Nam năm 2016 (sửa đổi, bổ sung năm 2022) của Hội Nhà báo Việt Nam nhấn mạnh trách nhiệm của nhà báo trong việc kiểm chứng thông tin trước khi đăng tải và tôn trọng sự thật khách quan. Trong bối cảnh chuyển đổi số, yêu cầu này càng trở nên chặt chẽ hơn khi trí tuệ nhân tạo ngày càng được ứng dụng trong hoạt động báo chí. Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đã bổ sung cơ sở pháp lý mới khi đặt ra các yêu cầu về minh bạch đối với nội dung do AI tạo ra hoặc chỉnh sửa, trong đó bao gồm nghĩa vụ gắn nhãn đối với hình ảnh, âm thanh, video do AI tạo ra và thông báo rõ đối với những nội dung có khả năng gây nhầm lẫn về tính xác thực. Đối với hoạt động báo chí, các quy định này có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ quyền được tiếp cận thông tin trung thực của công chúng, đồng thời bảo vệ cá nhân trước nguy cơ bị mạo danh, xuyên tạc hình ảnh hoặc bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm thông qua deepfake và các sản phẩm truyền thông tổng hợp. Cùng với đó, Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 còn xác lập một số hành vi bị nghiêm cấm, như sử dụng yếu tố giả mạo hoặc mô phỏng người thật, sự kiện thật để đánh lừa hoặc thao túng nhận thức; khai thác điểm dễ bị tổn thương của các nhóm yếu thế; sử dụng dữ liệu trái pháp luật; hoặc che giấu những thông tin bắt buộc phải công khai, minh bạch. Những quy định này tạo ra cơ sở pháp lý trực tiếp để kiểm soát việc ứng dụng AI trong hoạt động báo chí, nhất là đối với các biểu hiện sử dụng công nghệ theo hướng giật gân, dẫn dắt cảm xúc công chúng, xâm phạm dữ liệu cá nhân hoặc xâm hại

quyền nhân thân của các chủ thể liên quan. Vì vậy, trong điều kiện báo chí số ngày càng phụ thuộc vào công nghệ, bảo đảm tính chính xác của thông tin không còn chỉ là vấn đề tuân thủ quy trình nghiệp vụ truyền thông, mà còn là vấn đề kiểm soát trách nhiệm đạo đức và trách nhiệm pháp lý trong việc sử dụng AI.

4.1.1.2. Quyền riêng tư và quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động báo chí

Quyền được bảo đảm đời sống riêng tư và dữ liệu cá nhân là một trong những quyền nhân thân cơ bản, đã được Hiến pháp năm 2013 quy định tại Điều 21, khẳng định “*mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình*”. Bộ luật Dân sự năm 2015 tiếp tục cụ thể hóa quyền này bằng việc trao cho cá nhân quyền yêu cầu bồi thường, xin lỗi, cải chính khi bị xâm phạm. Đặc biệt, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 được thông qua đã đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc thiết lập một khung pháp lý tương đối toàn diện cho Việt Nam, thể hiện xu hướng tiệm cận với chuẩn mực quốc tế như Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR) của EU.

Luật Dữ liệu cá nhân năm 2025 đã thiết lập cơ sở pháp lý quan trọng cho việc nhận diện và bảo vệ dữ liệu cá nhân ở Việt Nam khi xác định dữ liệu cá nhân là dữ liệu số hoặc thông tin dưới dạng khác có khả năng xác định hoặc hỗ trợ xác định một cá nhân cụ thể [57, Điều 2]. Trên cơ sở đó, pháp luật phân chia dữ liệu cá nhân thành hai nhóm là dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm, đồng thời loại trừ dữ liệu đã được xử lý khỏi phạm vi dữ liệu cá nhân. Cách tiếp cận này cho thấy sự chuyển biến trong tư duy lập pháp theo hướng tiếp cận dựa trên mức độ rủi ro và mức độ tác động đến quyền con người, đặc biệt là quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và quyền kiểm soát thông tin liên quan đến bản thân. Việc phân định giữa dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm không chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật pháp lý, mà còn là cơ sở để xác lập mức độ bảo vệ khác nhau đối với từng loại thông tin, phù hợp với tính chất và khả năng gây tổn hại khi thông tin bị xâm phạm hoặc bị sử dụng trái pháp luật.

Bên cạnh việc xác định phạm vi và đối tượng bảo vệ, Điều 4 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 đã ghi nhận tương đối đầy đủ các quyền của chủ thể dữ

liệu, bao gồm quyền được biết về hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân; quyền đồng ý, không đồng ý và rút lại sự đồng ý; quyền xem, chỉnh sửa hoặc yêu cầu chỉnh sửa dữ liệu; quyền yêu cầu cung cấp, xóa, hạn chế xử lý hoặc phản đối việc xử lý dữ liệu; cùng với quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại và yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo vệ. Việc ghi nhận hệ thống quyền này cho thấy pháp luật Việt Nam đã từng bước tiếp cận với xu hướng hiện đại của pháp luật quốc tế về bảo vệ dữ liệu cá nhân, theo đó cá nhân không còn chỉ là đối tượng bị tác động bởi hoạt động xử lý dữ liệu, mà trở thành chủ thể có quyền tự quyết, quyền kiểm soát và quyền yêu cầu bảo vệ đối với thông tin của mình.

4.1.1.3. Quyền nhân thân trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, quyền nhân thân được xác định là một trong những quyền cơ bản của con người, gắn liền với danh dự, nhân phẩm, uy tín, đời sống riêng tư và bí mật cá nhân, được quy định chủ yếu tại Điều 34, 38 và 39 BLDS năm 2015. Theo đó cá nhân có quyền được tôn trọng và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín; việc thu thập, lưu giữ, công bố thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân phải được sự đồng ý của người đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, hoạt động báo chí ở Việt Nam được vận hành trên nền tảng đa phương tiện, tốc độ lan truyền thông tin nhanh, phạm vi ảnh hưởng rộng, khiến nguy cơ xâm phạm quyền nhân thân ngày càng lớn. Việc đăng tải hình ảnh, thông tin về đời sống cá nhân, đặc biệt trong các vụ án hình sự, vụ việc nhạy cảm hay các trường hợp liên quan đến trẻ em, nếu không có sự đồng ý của các chủ thể, có thể vi phạm nghiêm trọng quyền nhân thân và bị xử lý theo quy định tại Điều 9, khoản 5 Luật Báo chí 2016: “*Không được đăng, phát thông tin gây tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của tổ chức, cá nhân*” [53]. Cùng với đó, sự ra đời của Luật Dữ liệu cá nhân năm 2025 đã mở rộng phạm vi bảo vệ quyền nhân thân trong thời kỳ chuyển đổi số. Trong đó quy định rõ nguyên tắc thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân phải có sự đồng ý, đúng mục đích và minh bạch; nghiêm cấm hành vi chia sẻ, tiết lộ dữ liệu mà không được phép của chủ thể thông tin. Trong hoạt động báo chí điện tử, quy định này buộc các tòa soạn phải rà soát quy trình

biên tập và bảo mật thông tin nhằm tránh rò rỉ dữ liệu hoặc khai thác trái phép hình ảnh, thông tin cá nhân.

Đặc biệt, Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 của Việt Nam, được thông qua ngày 10/12/2025 và có hiệu lực từ 01/3/2026, là đạo luật chuyên ngành đầu tiên điều chỉnh tương đối toàn diện các hoạt động nghiên cứu, phát triển, cung cấp, triển khai và sử dụng hệ thống AI ở Việt Nam. Dù không ban hành riêng cho lĩnh vực báo chí, luật này tạo ra nền tảng pháp lý quan trọng để bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyên đổi số. Theo định hướng chung của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025, AI phải phục vụ con người, không thay thế trách nhiệm của con người, đồng thời phải bảo đảm giám sát, kiểm soát và trách nhiệm giải trình; AI chỉ có thể là công cụ hỗ trợ kỹ thuật, trách nhiệm cuối cùng đối với tính chính xác của thông tin, cũng như hậu quả xâm phạm danh dự, nhân phẩm, đời tư hoặc quyền tiếp cận thông tin của công chúng, vẫn phải thuộc về nhà báo, biên tập viên và cơ quan báo chí.

Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đặt ra các yêu cầu về minh bạch đối với nội dung do AI tạo ra hoặc chỉnh sửa, trong đó có yêu cầu gắn nhãn đối với hình ảnh, âm thanh, video do AI tạo ra và thông báo rõ khi nội dung có khả năng gây nhầm lẫn về tính xác thực. Đối với hoạt động báo chí, quy định này có giá trị rất lớn trong việc bảo vệ quyền được tiếp cận thông tin trung thực của công chúng, đồng thời bảo vệ cá nhân trước nguy cơ bị mạo danh, xuyên tạc hình ảnh hoặc xâm phạm danh dự bằng deepfake và các sản phẩm truyền thông tổng hợp.

4.1.1.4. Quyền bình đẳng và chống phân biệt đối xử trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Bên cạnh các quyền nhân thân, quyền bình đẳng và không bị phân biệt đối xử là một trong những nội dung cốt lõi của bảo đảm quyền con người trong pháp luật Việt Nam. Nguyên tắc này được ghi nhận tại Điều 16 Hiến pháp năm 2013, theo đó mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và không ai bị phân biệt đối xử vì lý do giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội, địa vị hoặc hoàn cảnh kinh tế. Trên cơ sở đó, quyền bình đẳng tiếp tục được cụ thể hóa trong nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật Bình đẳng giới năm 2006, Luật Người

khuyết tật năm 2010 và Luật Báo chí năm 2016. Khoản 2 Điều 9 Luật Báo chí năm 2016 nghiêm cấm hành vi kích động bạo lực, kỳ thị, phân biệt đối xử vì lý do dân tộc, giới tính, tôn giáo.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, yêu cầu bảo đảm quyền bình đẳng trong hoạt động báo chí càng trở nên cấp thiết, bởi không gian mạng đang làm gia tăng nguy cơ lan truyền các biểu đạt mang tính định kiến, kỳ thị và loại trừ xã hội. Vì vậy, báo chí không chỉ dừng lại ở chức năng phản ánh thông tin, mà còn phải thực hiện trách nhiệm xã hội trong việc định hướng dư luận, góp phần xây dựng diễn ngôn bình đẳng, tôn trọng sự khác biệt và bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương. Yêu cầu này cũng được thể hiện trong các chuẩn mực nghề nghiệp trên môi trường số. Theo Quyết định số 1005/QĐ-BTTTT ngày 10/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội, các cơ quan báo chí được yêu cầu không sử dụng ngôn ngữ kỳ thị, phân biệt đối xử hoặc miệt thị đối với người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người LGBTQ+ hoặc nạn nhân bạo lực. Ngoài ra, sự lan truyền của ngôn ngữ thù ghét và nội dung phân biệt đối xử trên mạng xã hội đang tác động trực tiếp đến nguyên tắc bình đẳng trong không gian thông tin. Khi một cá nhân hoặc một nhóm xã hội bị gắn với các khuôn mẫu tiêu cực, bị xúc phạm hoặc bị loại trừ khỏi diễn ngôn truyền thông, thì quyền bình đẳng của họ không chỉ bị ảnh hưởng ở phương diện danh dự, nhân phẩm mà còn ở khả năng tiếp cận thông tin và tham gia vào đời sống công cộng. Trong bối cảnh đó, báo chí số có vai trò quan trọng trong việc xây dựng không gian truyền thông an toàn, nhân văn, bảo đảm mọi cá nhân được phản ánh một cách công bằng, không bị định kiến, xúc phạm hoặc loại trừ. Do đó, bảo đảm quyền bình đẳng trong hoạt động báo chí số cần được nhìn nhận như một yêu cầu pháp lý và đạo đức nghề nghiệp, gắn trực tiếp với mục tiêu bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trong xã hội thông tin hiện đại.

4.1.1.5. Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm và uy tín cá nhân trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Danh dự, nhân phẩm và uy tín là những giá trị nhân thân thiêng liêng của con người, được pháp luật Việt Nam ghi nhận là bất khả xâm phạm và được bảo vệ bằng nhiều thiết chế pháp lý khác nhau. Hiến pháp năm 2013, tại Điều 20, quy

định: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm.” Bên cạnh đó, Điều 21 Hiến pháp cũng khẳng định: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền được bảo vệ danh dự, uy tín của mình.” Thể chế hóa quy định này, Điều 34 BLDS năm 2015 nêu rõ: “Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ”, nói cách khác cá nhân có quyền yêu cầu cải chính, xin lỗi công khai và bồi thường thiệt hại nếu bị thông tin sai sự thật gây tổn hại đến danh dự, nhân phẩm hoặc uy tín của mình. Bên cạnh đó, Điều 37 và Điều 38 BLDS 2015 quy định quyền được bảo vệ về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và thông tin cá nhân, cấm việc thu thập, công bố hoặc sử dụng thông tin liên quan đến đời sống riêng tư mà không có sự đồng ý của chủ thể.

Trong hoạt động báo chí, các nguyên tắc bảo vệ danh dự, nhân phẩm và uy tín được thể chế hóa tại Luật Báo chí năm 2016. Theo đó, khoản 5 Điều 9 của Luật nghiêm cấm hành vi “đưa tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân”, còn Điều 38 quy định cơ quan báo chí phải đăng, phát cải chính và xin lỗi công khai khi thông tin sai sự thật gây ảnh hưởng đến tổ chức, cá nhân. Ngoài ra, Nghị định số 119/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản còn quy định mức phạt tiền từ 50.000.000 đến 70.000.000 đồng, kèm biện pháp khắc phục là buộc gỡ bỏ, cải chính và xin lỗi công khai đối với hành vi đăng tin sai sự thật gây hậu quả nghiêm trọng [49].

Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm và uy tín cá nhân không chỉ mang ý nghĩa đạo đức nghề nghiệp mà còn là nghĩa vụ pháp lý bắt buộc của cơ quan báo chí và nhà báo. Hệ thống pháp luật Việt Nam phân nào đã hình thành một cơ chế bảo vệ đa tầng, cho phép cá nhân bị xâm hại danh dự, nhân phẩm được yêu cầu cải chính, xin lỗi, bồi thường và được Nhà nước bảo hộ bằng biện pháp pháp lý, góp phần bảo đảm quyền con người được tôn trọng và bảo vệ trong không gian báo chí và truyền thông số hiện nay.

4.1.1.6. Quyền tự do ngôn luận và quyền tự do báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Pháp luật Việt Nam thừa nhận quyền tự do ngôn luận và quyền tự do báo chí là hai trong những quyền cơ bản của cá nhân, được ghi nhận tại Điều 25 Hiến pháp năm 2013 và cụ thể hóa trong Luật Báo chí năm 2016. Theo đó, cá nhân có quyền tự do sáng tạo, cung cấp, tiếp cận và phản hồi thông tin báo chí (Điều 10), cũng như quyền phát biểu ý kiến về tình hình đất nước, góp ý xây dựng chính sách, và thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo hoặc phê bình trên báo chí (Điều 11). Các quy định này thể hiện rõ quan điểm của Nhà nước ta về việc tạo điều kiện để người dân tham gia vào đời sống chính trị - xã hội thông qua báo chí, coi báo chí là cầu nối giữa Nhà nước và nhân dân, đồng thời là công cụ thực hiện quyền dân chủ và giám sát xã hội.

Tuy nhiên, quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí ở Việt Nam không mang tính tuyệt đối, mà được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật. Điều 13 của Luật Báo chí năm 2016 đã khẳng định, Nhà nước bảo đảm các quyền này, song đồng thời yêu cầu mọi hoạt động báo chí, phát ngôn phải “*trong khuôn khổ pháp luật*” và không được lạm dụng để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác. Điều này phản ánh nguyên tắc chung của pháp luật Việt Nam về việc các quyền cơ bản của cá nhân được thừa nhận và bảo đảm, nhưng có thể bị giới hạn hợp lý nhằm bảo vệ An ninh quốc gia, trật tự công cộng, đạo đức xã hội và quyền, lợi ích của người khác, tương tự như quy định trong Điều 29 UDHR. Thực tiễn áp dụng cũng cho thấy ranh giới giữa quyền tự do biểu đạt và hành vi vi phạm pháp luật luôn được giám sát chặt chẽ. Các hành vi lợi dụng tự do ngôn luận để tuyên truyền xuyên tạc, xúc phạm uy tín tổ chức hoặc danh dự cá nhân, hoặc tiết lộ thông tin bí mật Nhà nước đều có thể bị xử lý theo quy định của Bộ luật Hình sự, Luật An ninh mạng năm 2025, và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản. Như vậy, trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam, quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận vừa được bảo đảm, vừa được giới hạn hợp pháp, cho thấy quan điểm pháp lý của Việt Nam hướng tới cân bằng giữa tự do và trật tự, giữa quyền con người và trách nhiệm cá nhân trong môi trường truyền thông hiện đại.

4.1.2. Thực trạng chủ thể bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam

Trong thời kỳ chuyển đổi số, Việt Nam đã từng bước xác lập các chủ thể tham gia bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí. Những chủ thể này đã được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật, cũng như nội dung về thẩm quyền, trách nhiệm của họ.

4.1.2.1. Các cơ quan Nhà nước - chủ thể bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí

Đây là những cơ quan có thẩm quyền trong quản lý Nhà nước với các hoạt động báo chí. Theo đó, tại Điều 7 Luật Báo chí năm 2017 quy định: Cơ quan quản lý nhà nước về báo chí bao gồm Chính phủ - với thẩm quyền thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động báo chí; Bộ Thông tin và Truyền thông - là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động báo chí; Các bộ, cơ quan ngang bộ khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động báo chí; còn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động báo chí tại địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Nói cách khác, Nhà nước giữ vai trò trung tâm trong việc bảo vệ quyền con người thông qua việc ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật. Hiến pháp năm 2013 ghi nhận đồng thời quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin (Điều 25) và quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình (Điều 21), tạo cơ sở hiến định cho việc cân bằng giữa tự do báo chí và các quyền nhân thân trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số.

Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ về quản lý nhà nước trong lĩnh vực báo chí, có nhiệm vụ ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch và cấp phép hoạt động báo chí, cũng như kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm. Cơ quan này đồng thời là đầu mối phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong công tác tuyên truyền, định hướng thông tin và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin chính xác, an toàn của công dân. Trong đó, Cục Báo chí được giao nhiệm vụ trực tiếp giám sát nội dung thông tin, xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động báo

chí và thực hiện chế độ kiểm định thông tin theo quy định tại Nghị định số 119/2020/NĐ-CP. Nghị định này quy định mức phạt từ 10 đến 100 triệu đồng đối với hành vi “*thông tin sai sự thật, xuyên tạc, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức*”, đồng thời buộc cơ quan báo chí phải gỡ bỏ, cải chính, xin lỗi công khai [49, Điều 8, 9]. Ngoài ra, Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông có quyền tiến hành thanh tra đột xuất khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động báo chí, đồng thời phối hợp với Cục An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (Bộ Công an) trong việc gỡ bỏ và ngăn chặn thông tin xâm phạm danh dự, nhân phẩm, bí mật đời tư trên mạng xã hội.

Đồng thời, Luật Báo chí năm 2016 quy định những yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền quản lý trong hoạt động báo chí phải tôn trọng quyền con người, không được xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín và đời sống riêng tư của cá nhân (Điều 4, Điều 9). Trong bối cảnh báo chí thời kỳ chuyển đổi số phát triển mạnh, vai trò của Nhà nước vẫn chủ yếu thể hiện thông qua quản lý hành chính, trong khi các cơ chế bảo vệ quyền con người mang tính phòng ngừa và giám sát độc lập còn hạn chế.

4.1.2.2. Cơ quan báo chí và nhà báo

Thứ nhất, cơ quan báo chí được pháp luật xác định là chủ thể trực tiếp có trách nhiệm bảo vệ quyền con người trong quá trình sản xuất và phổ biến thông tin. Luật Báo chí năm 2016 quy định cơ quan báo chí phải bảo đảm tính chính xác của thông tin, thực hiện quyền cải chính, xin lỗi khi đăng tải thông tin sai sự thật, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin do mình công bố (Điều 13, Điều 42). Trong môi trường số, nghĩa vụ này còn bao hàm trách nhiệm kiểm soát nội dung trên các nền tảng điện tử, song pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của cơ quan báo chí khi sử dụng dữ liệu cá nhân, thuật toán hoặc công nghệ số trong hoạt động báo chí.

Thứ hai, nhà báo - là chủ thể tác nghiệp trực tiếp, vừa là người thực hiện quyền tự do báo chí, vừa có nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Luật Báo chí năm 2016 quy định nhà báo phải tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, không được lợi dụng hoạt động báo chí để xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp

của tổ chức, cá nhân (Điều 25). Ngoài ra, Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp người làm báo Việt Nam năm 2016 nhấn mạnh trách nhiệm của nhà báo trong việc bảo vệ danh dự, nhân phẩm, đời sống riêng tư của cá nhân, đặc biệt trong quá trình tác nghiệp trên môi trường mạng. Tuy nhiên, do cơ chế xử lý vi phạm đạo đức nghề nghiệp còn chủ yếu mang tính nội bộ, hiệu quả bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số hiện nay vẫn chưa thật sự hiệu quả.

4.1.2.3. Cá nhân

Pháp luật Việt Nam quy định cá nhân vừa là chủ thể thụ hưởng quyền con người, vừa là chủ thể tham gia bảo vệ quyền thông qua các cơ chế pháp lý trong hoạt động báo chí.

Theo đó, cá nhân có quyền yêu cầu cải chính, xin lỗi, bồi thường thiệt hại khi quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm bởi hoạt động báo chí, theo quy định của Luật Báo chí năm 2016 và Bộ luật Dân sự năm 2015. Đặc biệt, Điều 4 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 đã xác lập quyền và nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu cá nhân, tạo cơ sở pháp lý để cá nhân yêu cầu báo chí số tôn trọng quyền riêng tư trong quá trình thu thập và xử lý thông tin.

Cá nhân không chỉ là người thụ hưởng quyền được thông tin, mà còn trở thành chủ thể tích cực trong quá trình sản xuất và lan tỏa thông tin. Thông qua các hành vi như chia sẻ, bình luận, quay video, viết blog hay đăng tải nội dung trên mạng xã hội, mỗi cá nhân đều có thể trở thành “người sản xuất nội dung”, mở rộng không gian thực thi quyền tự do ngôn luận được ghi nhận tại Điều 25 Hiến pháp năm 2013. Theo Luật An ninh mạng năm 2025 và Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội năm 2022, người sử dụng mạng xã hội có nghĩa vụ không đăng tải, chia sẻ thông tin sai sự thật, xuyên tạc, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác, cũng như phải chịu trách nhiệm về nội dung do mình đăng tải. Điều này cho thấy, cá nhân không chỉ là đối tượng được Nhà nước bảo vệ trong việc bảo đảm quyền được thông tin chính xác trong hoạt động báo chí mà còn là chủ thể có nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ quyền con người của người khác trong quá trình sử dụng quyền tự do ngôn luận của mình.

Cá nhân còn thực hiện vai trò phản biện và giám sát xã hội để bảo vệ

quyền con người trong hoạt động báo chí. Thông qua bình luận, kiến nghị và phản hồi trực tuyến, cá nhân có thể tham gia giám sát hoạt động của báo chí, phát hiện và lên tiếng trước những hành vi đưa tin sai lệch hoặc xâm phạm đến quyền con người.

4.1.2.4. Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp

Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đặc biệt là Hội Nhà báo Việt Nam, giữ vai trò xây dựng và giám sát đạo đức nghề nghiệp. Trong hệ thống báo chí Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam giữ vai trò nòng cốt trong việc xây dựng, duy trì và phát triển nền báo chí nhân văn, chuyên nghiệp, hiện đại, qua đó trực tiếp góp phần bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trong lĩnh vực thông tin, truyền thông.

Theo Điều 8 Luật Báo chí năm 2016, Hội Nhà báo Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về hội. Tổ chức này không chỉ đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của đội ngũ nhà báo, mà còn là thiết chế xã hội bảo đảm việc thực hiện nguyên tắc tôn trọng nhân phẩm, danh dự, quyền riêng tư và quyền được tiếp cận thông tin chính xác của công chúng. Với chức năng và nhiệm vụ được pháp luật quy định, Hội Nhà báo Việt Nam có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện Quy định về đạo đức nghề nghiệp người làm báo, đóng vai trò như một “bộ quy tắc ứng xử” trong hoạt động nghề nghiệp. Bộ quy định này đặt trọng tâm vào việc bảo vệ quyền con người thông qua yêu cầu nhà báo phải “*tôn trọng sự thật, không xâm phạm đời tư, không xúc phạm danh dự, nhân phẩm của tổ chức, cá nhân*”, đồng thời nghiêm cấm việc lợi dụng nghề nghiệp để trục lợi hoặc gây tổn hại tinh thần cho người khác. Hội Nhà báo Việt Nam cũng đã tích cực thực hiện vai trò giám sát xã hội và tự điều chỉnh nội bộ, thông qua việc xử lý các trường hợp vi phạm đạo đức nghề nghiệp, tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên đề về “báo chí và quyền con người”, và phát động các giải thưởng báo chí nhân văn, khuyến khích tác phẩm phản ánh giá trị con người, công bằng xã hội và quyền con người.

4.1.3. Thực trạng cơ chế xử lý đối với hành vi vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Để đánh giá hiệu lực, hiệu quả cơ chế bảo vệ quyền con người trong hoạt

động báo chí, cần phân tích một cách chi tiết việc thực thi pháp luật ở ba lĩnh vực: dân sự, hành chính và hình sự. Mỗi lĩnh vực phản ánh một khía cạnh của hệ thống bảo vệ quyền, từ cơ chế khắc phục hậu quả, răn đe vi phạm, cho tới xử lý trách nhiệm hình sự trong những trường hợp đặc biệt nghiêm trọng.

Thứ nhất, cơ chế xử lý hành chính được áp dụng phổ biến đối với các hành vi vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí. Luật Báo chí năm 2016 quy định cơ quan báo chí và nhà báo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã đăng tải; nghiêm cấm việc đăng tải thông tin sai sự thật, xuyên tạc, xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín và đời sống riêng tư của cá nhân (Điều 9), đồng thời xác lập trách nhiệm pháp lý của cơ quan báo chí trong việc cải chính, xin lỗi khi có vi phạm (Điều 42). Trên cơ sở đó, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) cung cấp khung pháp lý chung cho việc áp dụng các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm trong hoạt động báo chí.

Cụ thể, các hành vi vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí được xử phạt theo Nghị định số 119/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản. Nghị định này quy định rõ các hành vi như thông tin sai sự thật, thông tin xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân; tiết lộ đời sống riêng tư khi chưa được sự đồng ý của người có liên quan; không thực hiện cải chính, xin lỗi theo quy định, cùng với các mức phạt tiền và biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng, bao gồm buộc cải chính thông tin sai sự thật và buộc xin lỗi công khai. Bên cạnh đó, đối với các hành vi vi phạm phát sinh trong môi trường báo chí số và thông tin điện tử, Nghị định số 15/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 14/2022/NĐ-CP) quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử cũng được áp dụng. Nghị định này cho phép xử phạt các hành vi cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, thông tin xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân trên môi trường mạng, đồng thời áp dụng các biện pháp buộc gỡ bỏ thông tin vi phạm. *Điển hình như trường hợp Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông xử phạt vi phạm hành chính đối với Tạp chí điện tử Tri thức trực*

tuyến (Zing News) trong năm 2023. Theo thông tin công khai, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành Quyết định số 84/QĐ-XPHC ngày 30/6/2023 và Quyết định số 88/QĐ-XPHC ngày 14/7/2023, xác định cơ quan báo chí này có các vi phạm trong hoạt động báo chí, bao gồm việc đăng tải thông tin sai sự thật, thông tin vi phạm quy định pháp luật, đồng thời thực hiện không đúng tôn chỉ, mục đích ghi trong giấy phép hoạt động báo chí. Trên cơ sở đó, cơ quan quản lý đã áp dụng hình thức xử phạt tiền, buộc cải chính, xin lỗi, gỡ bỏ thông tin vi phạm; đồng thời áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động báo chí trong thời hạn 03 tháng [171].

Trong thực tiễn áp dụng, hệ thống nghị định xử phạt nêu trên tạo ra cơ sở pháp lý tương đối đầy đủ cho việc xử lý hành chính các hành vi vi phạm quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyên đổi số. Tuy nhiên, cơ chế này vẫn chủ yếu dựa vào xử phạt tiền và các biện pháp khắc phục mang tính hậu quả, trong khi chưa kiểm soát hiệu quả việc lan truyền, sao chép và tái phát tán thông tin vi phạm trên không gian số, dẫn đến việc quyền con người của cá nhân bị xâm phạm có thể chịu tác động kéo dài và khó khắc phục hoàn toàn.

Thứ hai, cơ chế xử lý dân sự. Đây là công cụ pháp lý quan trọng nhằm khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân khi bị xâm phạm bởi thông tin báo chí. Cơ chế này được thiết lập chủ yếu trên cơ sở BLDS năm 2015 và Luật Báo chí năm 2016. Theo đó, danh dự, nhân phẩm, uy tín và đời sống riêng tư của cá nhân là các quyền nhân thân được pháp luật bảo vệ tuyệt đối (Điều 34, Điều 38 BLDS năm 2015). Khi các quyền này bị xâm phạm bởi việc đăng tải thông tin sai sự thật, thông tin chưa được kiểm chứng hoặc thông tin liên quan đến đời sống riêng tư trên báo chí, các cá nhân có quyền yêu cầu Tòa án buộc chủ thể vi phạm chấm dứt hành vi xâm phạm, cải chính công khai, xin lỗi và bồi thường thiệt hại, bao gồm cả thiệt hại vật chất và thiệt hại tinh thần (Điều 592 BLDS năm 2015). Đồng thời, Luật Báo chí năm 2016 ghi nhận quyền của cá nhân, tổ chức được báo chí đăng tải thông tin phản hồi, cải chính khi bị đưa tin sai sự thật, tạo cơ sở pháp lý cho việc giải quyết tranh chấp bằng con đường dân sự (Điều 42).

Thực tiễn xét xử dân sự cho thấy, trong thời gian qua đã xuất hiện nhiều vụ

việc cá nhân khởi kiện cơ quan báo chí yêu cầu cải chính, xin lỗi công khai và bồi thường thiệt hại do đăng tải thông tin sai sự thật trên báo điện tử. Trong các vụ việc này, Tòa án thường căn cứ vào nguyên tắc suy đoán vô tội, nghĩa vụ kiểm chứng thông tin của cơ quan báo chí và mức độ lan truyền của thông tin trên môi trường mạng để xác định hành vi xâm phạm quyền nhân thân, từ đó buộc cơ quan báo chí phải cải chính, xin lỗi công khai và bồi thường tổn thất tinh thần cho người bị xâm phạm. Những phán quyết này cho thấy cơ chế dân sự ở Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc khôi phục danh dự, uy tín cho cá nhân bị ảnh hưởng bởi báo chí số.

Điển hình là vụ nữ ca sĩ nổi tiếng tại TP. Hồ Chí Minh kiện một cơ quan báo chí vì công khai hồ sơ bệnh án của mình năm 2019. Theo phán quyết của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh, hành vi đăng tải thông tin y tế của cá nhân mà không có sự đồng ý đã xâm phạm nghiêm trọng quyền bí mật đời tư, vi phạm quy định tại Điều 38 BLDS năm 2015. Tòa án buộc cơ quan báo chí phải xin lỗi công khai và bồi thường thiệt hại tinh thần cho đương sự, khẳng định rõ rằng “bí mật đời tư là bất khả xâm phạm” [167]. Việc Tòa án buộc cơ quan báo chí phải cải chính, xin lỗi và bồi thường tạo ra một tiền lệ quan trọng về trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực truyền thông, góp phần răn đe và nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các tòa soạn, phóng viên. Đồng thời góp phần thúc đẩy quá trình chuẩn hóa đạo đức nghề nghiệp báo chí và hài hòa mối quan hệ giữa tự do ngôn luận và quyền nhân thân trong bối cảnh truyền thông số hiện nay.

Thứ ba, cơ chế xử lý hình sự. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025) có những tội danh có thể áp dụng đối với các hành vi báo chí gây thiệt hại nghiêm trọng cho quyền con người, như “Tội vu khống” (Điều 156), “Tội làm nhục người khác” (Điều 155). Trong thực tiễn, số lượng vụ việc liên quan đến hoạt động báo chí bị xử lý hình sự là rất ít. Một phần do cơ quan chức năng thường ưu tiên xử lý bằng biện pháp hành chính hoặc dân sự để bảo đảm nguyên tắc cân bằng giữa trách nhiệm và quyền tự do báo chí; một phần khác là do nạn nhân ngại va chạm với báo chí, không yêu cầu khởi tố vụ án. Ví dụ, trong vụ việc Lê Duy Phong, sau khi bị khởi tố năm 2017, bị cáo đã bị TAND TP Yên Bái tuyên

phạt 3 năm tù giam tại bản án sơ thẩm ngày 20/4/2018 về tội Cố gắng đoạt tài sản, đồng thời phải hoàn trả 250 triệu đồng đã chiếm đoạt. Phán quyết này cho thấy khi nhà báo lợi dụng vị trí nghề nghiệp để gây sức ép nhằm trục lợi, hành vi đó không còn thuộc phạm vi tác nghiệp báo chí hợp pháp mà đã chuyển hóa thành hành vi phạm tội, qua đó đặt ra yêu cầu siết chặt đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong hoạt động báo chí [168]. Như vậy, có thể thấy pháp luật hình sự được áp dụng rất hạn chế đối với hoạt động báo chí, chủ yếu trong các trường hợp cá nhân nhà báo lợi dụng nghề nghiệp để trục lợi hoặc xúc phạm nghiêm trọng người khác. Điều này nhằm tránh hình sự hóa hoạt động báo chí, nhưng đồng thời cũng cho thấy tính răn đe chưa cao khi có những vi phạm nghiêm trọng đến quyền con người.

Thứ tư, cơ chế tự điều chỉnh và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp báo chí.

Cơ chế tự điều chỉnh và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp báo chí là một bộ phận quan trọng trong hệ thống bảo vệ quyền con người, mang tính phòng ngừa và định hướng hơn là trừng phạt. Khác với các cơ chế pháp lý mang tính cưỡng chế của Nhà nước, cơ chế này dựa trên ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và các quy tắc đạo đức do chính cộng đồng báo chí xây dựng và tuân thủ, qua đó góp phần hạn chế nguy cơ xâm phạm quyền con người ngay từ khâu tác nghiệp. “*Quy định đạo đức nghề nghiệp người làm báo Việt Nam*” (ban hành năm 2016, sửa đổi năm 2023) do Hội Nhà báo Việt Nam ban hành là nền tảng của cơ chế tự điều chỉnh. Quy định này yêu cầu người làm báo tôn trọng sự thật, không xâm phạm đời tư, danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đồng thời nêu rõ trách nhiệm của cơ quan báo chí trong việc kiểm điểm, đình chỉ công tác, thu hồi thẻ nhà báo hoặc công khai xin lỗi khi xảy ra vi phạm. Ngoài Hội Nhà báo, các tòa soạn báo, đài phát thanh, truyền hình, cũng như nền tảng truyền thông trực tuyến đều xây dựng bộ quy tắc nội bộ nhằm duy trì chuẩn mực hành xử phù hợp với đạo đức nghề nghiệp và yêu cầu xã hội.

Đồng thời, trong hoạt động báo chí nước ta còn xây dựng cơ chế tự điều chỉnh thông qua kiểm chứng, biên tập, tiếp nhận và cải chính thông tin trong hoạt động báo chí đã góp phần bảo vệ quyền con người

Một là, cơ chế kiểm chứng, biên tập. Trong hoạt động báo chí, quy trình kiểm chứng và biên tập giữ vai trò “*lá chắn đầu tiên*” để bảo đảm tính chính xác của thông tin, đồng thời bảo vệ các quyền nhân thân của cá nhân, tổ chức liên quan. Tại Việt Nam, hầu hết các cơ quan báo chí lớn như Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nhân Dân, Vietnam News Agency, VnExpress, Tuổi Trẻ, Thanh Niên đều đã thiết lập quy trình xuất bản nhiều tầng: *phóng viên thu thập thông tin - biên tập viên rà soát - thư ký tòa soạn và ban biên tập phê duyệt trước khi công bố*. Một số tòa soạn như VnExpress thậm chí còn có bộ phận kiểm chứng độc lập (fact-check) nhằm hạn chế sai sót trong môi trường thông tin số.

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, cơ chế kiểm chứng, biên tập, gỡ - sửa thông tin được xem là công cụ quan trọng nhằm bảo đảm báo chí thực hiện đúng chức năng thông tin, đồng thời bảo vệ các quyền con người cơ bản như quyền được thông tin chính xác, quyền được tôn trọng danh dự, nhân phẩm và đời sống riêng tư. Theo Luật Báo chí năm 2016, mọi cơ quan báo chí và nhà báo có nghĩa vụ xác minh tính xác thực của thông tin trước khi công bố. Điều 9 của Luật nghiêm cấm hành vi “*đưa tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân*”, còn Điều 38 quy định cụ thể nghĩa vụ cải chính thông tin: khi cơ quan báo chí đăng tin sai sự thật gây ảnh hưởng đến tổ chức hoặc cá nhân, họ phải đăng hoặc phát cải chính, xin lỗi công khai trên cùng loại hình, vị trí và thời lượng tương đương với thông tin sai trước đó. Quy định này thể hiện rõ nguyên tắc trách nhiệm xã hội của báo chí, khi thông tin gây thiệt hại, cơ quan báo chí có nghĩa vụ khắc phục để bảo đảm quyền được bảo vệ nhân phẩm và quyền tiếp cận thông tin trung thực của cá nhân.

Hai là, cơ chế bảo vệ nguồn tin, dữ liệu cá nhân và quyền ẩn danh nhân vật được quy định và thực hiện như một nguyên tắc cốt lõi để bảo đảm quyền con người trong hoạt động báo chí. Điều 38 Luật Báo chí 2016 quy định rõ: nhà báo có quyền giữ bí mật nguồn tin, trừ trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của Viện trưởng Viện Kiểm sát, Chánh án Tòa án hoặc Thủ trưởng Cơ quan điều tra. Quy định này nhằm bảo vệ người cung cấp thông tin khỏi sự trả thù, kỳ thị hoặc áp lực xã hội, đồng thời củng cố vai trò giám sát xã hội của báo chí.

Trong thực tiễn, nhiều tòa soạn đã áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để bảo vệ nguồn tin. Ví dụ loạt phóng sự điều tra về vi phạm đất đai ở Đồng Nai năm 2020, báo Tuổi Trẻ đã sử dụng hình thức phỏng vấn ẩn danh và giấu mặt nhân chứng, qua đó vừa bảo đảm tính xác thực của thông tin, vừa bảo vệ sự an toàn cho người cung cấp; một số phóng viên điều tra về tham nhũng, buôn lậu đã áp dụng kỹ thuật mã hóa khi trao đổi thông tin qua email hoặc ứng dụng nhắn tin, cho thấy sự nâng cao ý thức bảo mật trong hoạt động báo chí số [166].

Ba là, cơ chế tiếp nhận, xử lý khiếu nại và cải chính thông tin trong hoạt động báo chí - là khía cạnh cốt lõi để bảo đảm quyền con người trong hoạt động báo chí là việc thiết lập cơ chế tiếp nhận, xử lý khiếu nại và cải chính thông tin một cách rõ ràng, minh bạch và có tính ràng buộc pháp lý. Hệ thống này giúp bảo vệ quyền được thông tin chính xác, đồng thời bảo đảm danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân, tổ chức khi bị thông tin sai lệch hoặc xuyên tạc. Điều 38 Luật Báo chí năm 2016 quy định cụ thể nghĩa vụ cải chính thông tin như sau: “Cơ quan báo chí có nghĩa vụ đăng, phát cải chính thông tin khi đăng, phát sai sự thật, gây ảnh hưởng xấu hoặc thiệt hại cho tổ chức, cá nhân. Việc cải chính phải được thực hiện trên cùng loại hình báo chí, cùng chuyên mục, thời lượng, vị trí, cỡ chữ tương ứng với thông tin sai sự thật” [53]. Quy định này không chỉ là một nghĩa vụ nghề nghiệp, mà còn là nghĩa vụ pháp lý bắt buộc, thể hiện cơ chế “tự khắc phục” của báo chí nhằm bảo đảm quyền được thông tin chính xác và quyền được bảo vệ nhân phẩm, danh dự của cá nhân. Bên cạnh đó, Điều 42 của Luật Báo chí năm 2016 khẳng định quyền của tổ chức, cá nhân bị xâm hại do thông tin sai sự thật. Theo đó, người bị thiệt hại có thể khiếu nại trực tiếp tới cơ quan báo chí hoặc khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu cải chính, xin lỗi công khai và bồi thường thiệt hại (nếu có). Cơ chế này giúp thiết lập một kênh pháp lý hai chiều: cá nhân có quyền phản hồi và yêu cầu khắc phục, trong khi cơ quan báo chí có nghĩa vụ tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả cải chính.

4.1.3. Những vấn đề đặt ra đối với bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam

4.1.3.1. Những tồn tại trong bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam

Thứ nhất, hạn chế đối với bảo vệ quyền cụ thể trong hoạt động báo chí

Một là, hoạt động báo chí số vẫn còn tồn tại không ít vi phạm liên quan đến quyền nhân thân, quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân. Hoạt động báo chí số ở Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều vi phạm liên quan đến quyền nhân thân, quyền riêng tư và quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân. Không ít cơ quan báo chí, trang thông tin điện tử và các kênh truyền thông số vẫn chưa tuân thủ nghiêm ngặt các giới hạn pháp lý và đạo đức nghề nghiệp khi đăng tải thông tin về cá nhân, đặc biệt trong các vụ án, vụ việc tiêu cực hoặc sự kiện thu hút sự chú ý của dư luận. Việc công khai họ tên, địa chỉ, số điện thoại, hình ảnh rõ mặt của nạn nhân, nhân chứng hoặc người có liên quan vẫn diễn ra, gây tổn hại trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm, đời sống riêng tư và an toàn cá nhân. Điển hình, năm 2018 đã xuất hiện trường hợp thông tin cá nhân của nạn nhân trong các vụ việc lừa đảo, trong đó có vụ việc liên quan đến kinh doanh đa cấp, bị đăng tải vượt quá phạm vi cần thiết, dẫn đến việc người bị hại tiếp tục bị quấy rối, xâm phạm đời tư và chịu thêm áp lực trong đời sống xã hội [169].

Vấn đề này trở nên nghiêm trọng hơn trong bối cảnh báo chí chính thống ở Việt Nam ngày càng gắn chặt với mạng xã hội như một kênh lan truyền và khuếch đại nội dung. Khi thông tin từ báo chí được chia sẻ lại trên Facebook, YouTube, TikTok hoặc các nền tảng xuyên biên giới khác, mức độ lan truyền vượt xa phạm vi kiểm soát ban đầu của tòa soạn, khiến hậu quả xâm phạm quyền con người trở nên sâu rộng và khó khắc phục hơn. Trong nhiều trường hợp, chỉ cần một nội dung báo chí chứa thông tin riêng tư hoặc dữ liệu cá nhân được đăng tải thiếu thận trọng, thông tin đó có thể nhanh chóng bị cắt ghép, bình luận, xuyên tạc và tiếp tục phát tán trên mạng xã hội. Đáng chú ý, sự xuất hiện của tin giả, deepfake và nội dung do AI tạo sinh đã làm gia tăng nguy cơ xâm phạm quyền con người trong hoạt động báo chí số. Hình ảnh, giọng nói hoặc video giả mạo có thể bị sử dụng

đề tạo dựng thông tin sai lệch, bôi nhọ cá nhân, xâm hại danh dự, nhân phẩm và gây nhầm lẫn nghiêm trọng cho công chúng. Trong khi đó, trách nhiệm của các nền tảng xuyên biên giới trong việc phát hiện, cảnh báo, gỡ bỏ hoặc hạn chế lan truyền các nội dung xâm phạm quyền con người vẫn chưa được xác lập đầy đủ và hiệu quả trong thực tiễn Việt Nam. Điều này cho thấy, trong môi trường báo chí số hiện nay, việc bảo vệ quyền con người không còn chỉ phụ thuộc vào trách nhiệm của cơ quan báo chí và nhà báo, mà còn gắn chặt với cơ chế kiểm soát nội dung trên mạng xã hội, trách nhiệm của nền tảng số và khả năng ứng phó trước các rủi ro mới do AI và công nghệ số tạo ra.

Trong lĩnh vực hình sự, việc đưa hình ảnh rõ mặt của nghi phạm khi chưa có bản án có hiệu lực pháp luật cũng là vi phạm đáng lo ngại. *Năm 2021, vụ việc một số báo đăng ảnh nghi phạm trộm cắp ở Bình Dương khi người này vẫn đang trong giai đoạn điều tra đã đi ngược lại nguyên tắc “suy đoán vô tội” được quy định tại Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 14 ICCPR. Mặc dù cơ quan điều tra sau đó xác định người bị nghi là vô tội, danh dự và hình ảnh của cá nhân đã bị ảnh hưởng không thể khắc phục hoàn toàn [172].* Dù Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân đã có hiệu lực, nhưng hiện nay nhiều cơ quan báo chí vẫn chưa có quy trình bảo mật, lưu trữ và xử lý dữ liệu người dùng rõ ràng, dẫn đến rủi ro xâm phạm quyền riêng tư ngày càng tăng. Những hạn chế này phản ánh khoảng cách giữa quy định pháp luật và thực tiễn thực thi. Trong khi một số Tòa soạn lớn đã áp dụng nguyên tắc ẩn danh, làm mờ hình ảnh hoặc thay đổi tên nhân vật để bảo vệ nhóm yếu thế, như loạt bài của Báo Lao Động năm 2022 về nạn nhân bạo lực gia đình, thì nhiều cơ quan nhỏ vẫn thiếu cơ chế kiểm duyệt phù hợp. Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc hoàn thiện quy trình bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư không chỉ là yêu cầu pháp lý, mà còn là thước đo đạo đức và nhân văn của báo chí hiện đại.

Hai là, trong bối cảnh truyền thông số phát triển mạnh mẽ, quyền được tiếp cận thông tin chính xác chưa được bảo đảm, nhiều thông tin được lan truyền là tin giả trong không gian mạng. Nghiên cứu công bố năm 2025 trên Scientific Reports cho thấy 68,8% thanh thiếu niên và người trẻ tại Việt Nam ít nhất thỉnh thoảng

tiếp xúc với tin giả trên mạng xã hội, và mức độ phơi nhiễm cao hơn có liên quan tiêu cực đến sức khỏe tâm thần và hành vi ứng phó. Điều này phản ánh mức độ phổ biến của thông tin sai lệch, đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với báo chí chính thống trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin chính thống và kiểm chứng nguồn tin. Báo cáo công tác quản lý thông tin trên mạng giai đoạn 2024-2025 của Bộ Thông tin và Truyền thông cho biết, chỉ trong năm 2024, cơ quan chức năng đã gỡ bỏ trên 15.000 nội dung vi phạm, xử lý 8.558 website có hành vi phát tán tin giả hoặc vi phạm pháp luật, và trong giai đoạn từ tháng 9/2024 đến tháng 4/2025 đã chặn truy cập hơn 17.000 website và tài khoản xuyên biên giới. Số liệu này cho thấy quy mô và tốc độ lan truyền của thông tin sai lệch lớn, đặt báo chí trước áp lực phải vừa nhanh, vừa chính xác để tránh việc quyền được tiếp cận thông tin đúng đắn của người dân sẽ bị xói mòn nghiêm trọng. *Điển hình, trong quá trình đưa tin về vụ bé gái N.V.T.A. (8 tuổi) bị bạo hành tử vong tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022, đã xuất hiện tranh luận về giới hạn công khai thông tin liên quan đến trẻ em trên báo chí và không gian mạng. Vụ việc cho thấy, khi đưa tin về các vụ xâm hại trẻ em, nếu cơ quan báo chí công bố thông tin nhận diện vượt quá phạm vi cần thiết, thì không chỉ xâm phạm quyền bí mật đời sống riêng tư của trẻ mà còn có nguy cơ gây tổn thương thứ cấp cho nạn nhân và gia đình. Từ góc độ pháp lý, điều này đặt ra yêu cầu phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Luật Trẻ em năm 2016 về bảo vệ bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và thông tin của trẻ em, đặc biệt trong hoạt động báo chí điện tử. [170].*

Ba là, các vụ việc xâm phạm quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm và uy tín cá nhân vẫn xuất hiện với tần suất khá lớn, cho thấy khoảng cách giữa quy định pháp luật và hành vi nghề nghiệp.

Nhiều tờ báo khai thác quá mức đời tư của nghệ sĩ, doanh nhân, chính khách nhằm mục đích thương mại hóa thông tin. Những bài viết giật tít về “ly hôn của nghệ sĩ nổi tiếng”, “bệnh tình của người nổi tiếng” hay “nợ nần của doanh nhân” thường được đăng tải mà chưa qua kiểm chứng, xâm phạm nghiêm trọng quyền riêng tư và nhân phẩm. *Điển hình như vụ nữ ca sĩ kiện một tờ báo năm 2019 vì công khai hồ sơ bệnh án của mình mà không được phép, dẫn đến tổn hại uy tín và*

sức khỏe tinh thần, buộc cơ quan báo chí phải cải chính và bồi thường thiệt hại. Hệ quả của những hành vi xâm phạm trong thời kỳ chuyển đổi số càng trở nên nghiêm trọng bởi tốc độ lan truyền của thông tin. Một bài viết sai lệch có thể bị sao chép và chia sẻ hàng trăm lần trên mạng xã hội, khiến việc gỡ bỏ hoặc cải chính gần như bất khả thi. *Thực tiễn cho thấy đã có trường hợp người nổi tiếng bị báo điện tử đăng tải thông tin sai sự thật với nội dung xúc phạm nghiêm trọng đến lối sống cá nhân. Dù sau đó thông tin được cải chính, nhưng một khi nội dung sai lệch đã lan truyền rộng rãi trên không gian mạng, thiệt hại đối với danh dự, hình ảnh và uy tín nghề nghiệp của cá nhân thường không thể được khắc phục đầy đủ.* Điều này cho thấy cơ chế cải chính, xin lỗi trong báo chí tuy cần thiết nhưng chưa phải lúc nào cũng đủ để bảo vệ hiệu quả quyền nhân thân trong môi trường truyền thông số. Những trường hợp trên phản ánh thách thức lớn trong việc bảo đảm quyền được tôn trọng nhân phẩm và danh dự cá nhân trong môi trường truyền thông số, do đó cùng với việc tăng cường chế tài xử phạt theo Nghị định 119/2020/NĐ-CP, việc xây dựng văn hóa nghề nghiệp tôn trọng quyền nhân thân cần được coi là giải pháp cốt lõi để báo chí Việt Nam thực sự trở thành công cụ bảo vệ, chứ không xâm hại quyền con người.

Bốn là, việc bảo đảm và thực thi quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí vẫn đối diện nhiều ràng buộc pháp lý, thể chế và kỹ thuật trong thời kỳ chuyển đổi số. Theo quy định, quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận chỉ được thực hiện “*theo quy định của pháp luật*”, nghĩa là không mang tính tuyệt đối mà bị giới hạn bởi các yếu tố như an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, và quyền của người khác. Chính nguyên tắc này dù cần thiết để duy trì ổn định xã hội nhưng cũng dẫn đến tình trạng tự kiểm duyệt hoặc hạn chế tiếng nói phản biện trong môi trường báo chí và truyền thông. Việc giải thích những khái niệm như “lợi ích quốc gia”, “xúc phạm”, hay “gây ảnh hưởng tiêu cực” còn thiếu c thống nhất, gây ra những khó khăn cho các chủ thể thực hiện quyền.

Thứ hai, cơ chế bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí còn rời rạc, thiếu tính hệ thống.

Một là, mặc dù Hội Nhà báo Việt Nam đã ban hành “10 điều quy định đạo

đức nghề nghiệp của người làm báo Việt Nam” năm 2016, nhấn mạnh yêu cầu nhà báo phải trung thực, khách quan, không đưa tin sai sự thật, không xâm phạm đời tư, danh dự, nhân phẩm của cá nhân, đồng thời phải tôn trọng quyền lợi của nhóm yếu thế như trẻ em và nạn nhân. Cùng với đó, Ban Kiểm tra Hội Nhà báo có thẩm quyền giám sát việc thực hiện quy tắc, hàng năm đã xử lý hàng chục trường hợp phóng viên vi phạm đạo đức nghề nghiệp, từ nhắc nhở, cảnh cáo đến thu hồi thẻ hội viên. Tuy nhiên, biện pháp của Hội vẫn mang tính đạo đức - kỷ luật nội bộ, chưa đủ sức răn đe so với các thiệt hại thực tế về quyền con người mà vi phạm gây ra.

Hai là, cơ chế xử lý vi phạm đối với quyền con người trong hoạt động báo chí chưa thực sự hiệu quả, khả năng tiếp cận công lý của người dân vẫn còn nhiều hạn chế. Họ có thể khiếu nại trực tiếp đến tòa soạn, gửi đơn đến cơ quan quản lý báo chí (như Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông ở địa phương), hoặc khởi kiện ra Tòa án theo thủ tục dân sự.

Ba là, cơ chế thông qua cơ quan quản lý nhà nước. Mặc dù cá nhân có thể gửi đơn đến Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc Sở Thông tin và Truyền thông. Một số vụ việc đã được xử lý nhanh chóng, *điển hình như vụ việc một Tạp chí điện tử ở TP. Hồ Chí Minh bị xử phạt 35 triệu đồng vì đăng hình ảnh nhạy cảm của trẻ em mà không được sự đồng ý của gia đình năm 2022*. Đây là minh chứng cho việc cơ quan quản lý có thể can thiệp để bảo vệ quyền lợi của nhóm yếu thế, nhưng cơ chế này lại phụ thuộc nhiều vào ý chí hành chính. Người dân thường không biết phải gửi đơn ở đâu, hoặc e ngại thủ tục rườm rà, dẫn đến quyền bị vi phạm nhưng không được bảo vệ thỏa đáng.

Bốn là, cơ chế khởi kiện ra Tòa án còn kéo dài, thủ tục phức tạp. Đây là con đường pháp lý quan trọng nhất để bảo vệ quyền con người, được sử dụng để bảo vệ quyền trong các hoạt động báo chí hiện nay, như vụ ca sĩ kiện báo năm 2019 về việc công khai hồ sơ bệnh án là một trường hợp thành công, giúp khẳng định quyền đời tư; hay vụ một doanh nghiệp ở miền Trung thắng kiện một báo điện tử vì đăng tin sai sự thật gây thiệt hại uy tín năm 2020. Tuy nhiên, hầu hết các cá nhân ít lựa chọn cơ chế khởi kiện này vì nhiều lý do như thủ tục tố tụng

kéo dài, chi phí luật sư cao, trong khi tác động tiêu cực từ thông tin báo chí thường đến rất nhanh và lan rộng trên mạng xã hội, dẫn đến việc nhiều người chấp nhận im lặng thay vì đi kiện.

Nếu như cơ chế của Liên minh châu Âu, ngoài Tòa án, cá nhân còn có thể khiếu nại đến Hội đồng báo chí độc lập - một thiết chế phi nhà nước có thẩm quyền yêu cầu báo cải chính, đăng xin lỗi, hoặc đưa ra cảnh báo công khai, giúp cho cá nhân có kênh bảo vệ nhanh chóng, ít tốn kém, thì ở nước ta hiện mới chỉ có Hội Nhà báo Việt Nam với Ban Kiểm tra, nhưng chủ yếu mang tính đạo đức nghề nghiệp, không có quyền cưỡng chế pháp lý. Một đặc điểm quan trọng trong bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí là sự tham gia của các cơ chế tự quản - những thiết chế nghề nghiệp do chính giới báo chí xây dựng và vận hành. Trên thế giới, các Hội đồng báo chí độc lập đã trở thành công cụ quan trọng để duy trì đạo đức nghề nghiệp và xử lý những vi phạm liên quan đến quyền con người. Ở Việt Nam, cơ chế này mới ở giai đoạn ban đầu, chủ yếu thông qua Hội Nhà báo Việt Nam và các quy tắc nội bộ trong từng tòa soạn.

Thứ ba, cơ chế tự quản ở Việt Nam còn nhiều hạn chế: 1) các quy định đạo đức nghề nghiệp chưa có giá trị pháp lý ràng buộc, nên hiệu quả phụ thuộc vào thiện chí của từng tòa soạn; 2) không phải tất cả các báo đều có bộ phận tiếp nhận phản hồi, khiến cá nhân bị xâm phạm quyền lợi không biết dựa vào đâu để yêu cầu cải chính; 3) sự phối hợp giữa Hội Nhà báo và các cơ quan quản lý nhà nước còn mờ nhạt, dẫn đến tình trạng nhiều vi phạm chỉ bị xử lý hành chính mà không gắn liền với trách nhiệm nghề nghiệp. So với các chuẩn mực của pháp luật quốc tế và quy định của một số quốc gia thuộc EU, các quy định hiện hành vẫn còn tồn tại những khoảng trống nhất định. Tại Đức, Hội đồng Báo chí có cơ chế tiếp nhận và xử lý hàng nghìn đơn khiếu nại mỗi năm, với các quyết định mang giá trị định hướng đạo đức cao và được xã hội thừa nhận, qua đó tạo dựng được niềm tin rộng rãi từ công chúng. Ngược lại, tại Việt Nam, cá nhân và tổ chức trên thực tế ít lựa chọn cơ chế khiếu nại thông qua tổ chức nghề nghiệp báo chí, do cơ chế này còn hạn chế về thẩm quyền, hiệu lực và mức độ tín nhiệm trong việc bảo đảm giải quyết kịp thời, hiệu quả các xâm phạm quyền con người.

Có thể khẳng định rằng, cơ chế tự quản báo chí và hội nghề nghiệp ở nước ta bước đầu đã góp phần duy trì chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, song hiệu quả bảo vệ quyền con người vẫn còn hạn chế. Các quy định hiện nay chủ yếu dừng lại ở vai trò định hướng và điều chỉnh hành vi mang tính đạo đức, chưa hình thành một cơ chế đủ mạnh để bảo vệ quyền con người trong thực tiễn.

Thứ tư, quy trình tiếp nhận, xử lý khiếu nại, gỡ - sửa thông tin và cải chính thông tin còn chưa hiệu quả.

Thực tiễn cho thấy, quy trình tiếp nhận khiếu nại, gỡ - sửa và cải chính thông tin trong hoạt động báo chí ở Việt Nam vẫn chưa thực sự hiệu quả, dù đã được quy định khá rõ trong Luật Báo chí 2016. Nhiều cơ quan báo chí chưa tuân thủ nghiêm quy định về thời hạn cải chính (trong vòng 48 giờ) và nghĩa vụ xin lỗi công khai. Thay vì công bố cải chính, không ít tòa soạn chỉ lặng lẽ gỡ bài viết sai, khiến công chúng không thể phân biệt đâu là thông tin chính xác. Hành vi này vừa thiếu minh bạch, vừa làm xói mòn niềm tin vào báo chí chính thống. Điển hình là vụ việc năm 2020, khi một số báo điện tử đăng tin sai về một vụ án mạng ở Hà Nội, liên quan đến một cá nhân vô tội, dù các bài viết sau đó bị gỡ bỏ, song không có bất kỳ thông báo hay lời xin lỗi chính thức nào được công bố. Hậu quả là người bị hiểu lầm phải chịu tổn thương tinh thần, trong khi công chúng vẫn không được cập nhật thông tin đúng. Trường hợp này cho thấy quy trình xử lý khủng hoảng truyền thông và bảo vệ quyền nhân thân vẫn mang tính hình thức. *Các vụ việc báo chí và truyền thông số khai thác thông tin về những “đường dây bán dâm nghìn đô” liên quan đến người mẫu, MC hoặc người đẹp trong giai đoạn 2017–2018 cũng cho thấy nguy cơ xung đột giữa quyền được thông tin của công chúng và nguyên tắc suy đoán vô tội. Khi thông tin về cá nhân bị lan truyền ở giai đoạn đầu của quá trình điều tra, đặc biệt kèm theo các yếu tố nhận diện như hình ảnh, nghề nghiệp hoặc danh hiệu, thì dù chưa có kết luận chính thức của cơ quan tiến hành tố tụng, danh dự và uy tín của họ vẫn có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Điều này cho thấy cơ chế cải chính, gỡ bỏ thông tin trong môi trường số tuy cần thiết nhưng thường không đủ để khắc phục toàn bộ thiệt hại đối với quyền nhân*

thân, do tác động lan truyền nhanh và kéo dài của thông tin trên không gian mạng.

Bên cạnh đó, quy trình tiếp nhận, giải quyết khiếu nại báo chí phụ thuộc nhiều vào Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc Hội Nhà báo Việt Nam, khiến việc xử lý kéo dài, thiếu tính chủ động tại cấp tòa soạn. Trong khi đó, Việt Nam chưa có một cơ quan trung gian độc lập như *Press Council* ở nhiều nước châu Âu để giải quyết khiếu nại báo chí nhanh chóng, minh bạch và mang tính phục hồi danh dự cho nạn nhân. Hạn chế còn nằm ở năng lực kiểm chứng nội dung khi theo Báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, năm 2025, phần lớn vi phạm về đưa tin sai sự thật thuộc về báo điện tử địa phương hoặc quy mô nhỏ, nơi chưa có bộ phận kiểm chứng thông tin độc lập. Trong môi trường truyền thông số, không ít Tòa soạn chấp nhận “*đăng trước - sửa sau*”, coi gỡ bài là giải pháp xử lý hậu quả thay vì ngăn ngừa sai phạm.

4.1.3.2. Nguyên nhân của những tồn tại

Thứ nhất, nhận thức về quyền con người của chủ thể nghĩa và chủ thể quyền vẫn còn nhiều hạn chế. Trong bối cảnh chuyển đổi số, hạn chế về nhận thức quyền con người của cả chủ thể nghĩa vụ (cơ quan quản lý báo chí) và chủ thể quyền (đội ngũ nhà báo, cá nhân nói chung) bộc lộ trên nhiều tầng nấc. Ở phía quản lý, tư duy quản trị rủi ro bằng biện pháp hành chính còn lấn át cách tiếp cận dựa trên quyền, dẫn đến xu hướng ưu tiên trật tự - an ninh hơn là bảo đảm các quyền tự do ngôn luận, quyền riêng tư và quyền tiếp cận thông tin trong hoạt động báo chí. Sự nhận thức chưa đầy đủ về quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số, cũng như xác định những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của chuyển đổi số trong công tác bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí của các chủ thể quản lý cũng khiến cho hoạt động này chưa thực sự hiệu quả, đúng hướng.

Ở phía đội ngũ nhà báo, nhận thức về quyền con người trong hoạt động tác nghiệp của một bộ phận nhà báo còn hạn chế, thực hành tác nghiệp đôi khi xem nhẹ nguyên tắc đồng thuận, tối thiểu hóa dữ liệu, bảo vệ nguồn tin. Đồng thời, hiểu biết về cơ chế khiếu nại, khắc phục vi phạm trong hoạt động báo chí trên nền tảng số còn chưa đầy đủ. Một bộ phận phóng viên, biên tập viên chưa được đào tạo đầy đủ về quyền con người và đạo đức nghề báo trong bối cảnh số. Áp lực

“chạy theo view” và doanh thu quảng cáo khiến họ ưu tiên tin bài giật gân, khai thác đời tư nhân vật thay vì tuân thủ nguyên tắc nhân quyền. Ví dụ, nhiều trường hợp báo chí đăng ảnh rõ mặt trẻ em là nạn nhân xâm hại tình dục, bất chấp Luật Trẻ em năm 2016 đã có quy định nghiêm cấm hành vi này. Đây không chỉ là sai phạm pháp lý mà còn phản ánh sự thiếu hiểu biết hoặc xem nhẹ chuẩn mực nghề nghiệp.

Với cá nhân người dùng, sự thiếu hiểu biết về vấn đề quyền con người, về bảo vệ quyền của mình cũng như các cá nhân khác trong hoạt động báo chí số đã góp phần làm gia tăng các hành vi xâm phạm quyền con người như: hành vi chia sẻ thông tin xâm phạm đời tư, phát tán thù ghét, hoặc tiếp tay cho thao túng thông tin mà không ý thức được hậu quả pháp lý - đạo đức. *Ba là*, năng lực tòa soạn. Nhiều cơ quan báo chí, đặc biệt là báo địa phương và tạp chí ngành, thiếu nhân lực và công nghệ để đáp ứng chuẩn mực hoạt động báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số. Không ít tòa soạn không có bộ phận fact-check độc lập, phóng viên thường xuyên phải chạy đua với tốc độ đưa tin, dẫn tới sai sót trong kiểm chứng. *Vụ việc một báo địa phương đăng tin “một trường hợp tử vong do vaccine” ở Thanh Hóa năm 2021, sau đó phải gỡ bỏ và cải chính, là minh chứng cho hạn chế năng lực kiểm chứng thông tin.* Ngoài ra, nhiều tòa soạn chưa đầu tư vào hệ thống kiểm soát bình luận, khiến ngôn từ thù ghét và tin giả lan tràn trên nền tảng của chính mình, làm xói mòn quyền được tiếp cận thông tin chính xác của công chúng.

Thứ hai, vẫn còn những khoảng trống pháp luật, chồng chéo thẩm quyền, năng lực tòa soạn và nhận thức nghề nghiệp. Mặc dù hệ thống pháp luật và cơ chế bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng, nhưng hiệu lực, hiệu quả thực thi vẫn còn nhiều hạn chế.

Một là, một số lĩnh vực then chốt của quyền con người trong hoạt động báo chí số chưa có quy định đầy đủ và chặt chẽ. Đáng chú ý nhất là vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 đã được thông qua, chính thức có hiệu lực đã đánh dấu bước tiến lớn, nhưng chỉ dừng ở mức văn bản dưới luật, thiếu tính ổn định và hiệu lực ràng buộc như một đạo luật chuyên biệt. So sánh với EU, nơi có Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR) với tầm ảnh hưởng

lớn, có thể thấy Việt Nam còn thiếu một khuôn khổ pháp lý đủ mạnh. Hậu quả là trong nhiều vụ việc báo chí công khai số điện thoại, địa chỉ của bị hại trong các vụ án hình sự, cơ quan chức năng khó xử lý triệt để do thiếu căn cứ pháp lý rõ ràng. Ngoài ra, pháp luật chưa điều chỉnh đầy đủ trách nhiệm của báo chí khi sử dụng nội dung do người dùng tạo, dẫn tới việc nhiều báo điện tử trích dẫn hình ảnh từ Facebook, TikTok... mà không kiểm chứng, gây vi phạm quyền riêng tư và quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm.

Hai là, mặc dù mới được thông qua và có giá trị nền tảng, Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 vẫn còn khoảng trống đáng kể khi áp dụng vào hoạt động báo chí. Đây là đạo luật khung về AI, nên chưa thiết kế các quy tắc chuyên biệt cho hoạt động báo chí như: trường hợp nào tòa soạn được phép sử dụng AI sinh tạo để viết, biên tập, dựng hình; mức độ nào phải công khai cho độc giả biết; và trong trường hợp nội dung do AI hỗ trợ gây sai lệch, trách nhiệm giữa nhà báo, ban biên tập, cơ quan báo chí và đơn vị cung cấp công cụ AI sẽ được phân định ra sao.

Cùng với đó, đạo luật này chưa điều chỉnh trực tiếp rủi ro từ thuật toán khuyến nghị và cơ chế phân phối nội dung trên nền tảng số trong mối liên hệ riêng với báo chí. Trong thực tế, nguy cơ xâm phạm quyền con người hiện nay không chỉ phát sinh từ nội dung bài báo, mà còn từ cách nội dung được Facebook, TikTok, YouTube và các nền tảng khác sắp xếp, khuếch đại, ưu tiên hoặc lặp lại. Tuy nhiên, luật hiện chủ yếu tập trung vào hệ thống AI và chủ thể triển khai theo nghĩa chung, chưa đi sâu vào trách nhiệm phối hợp giữa cơ quan báo chí và nền tảng trong việc ngăn chặn lan truyền nội dung xâm phạm danh dự, nhân phẩm, quyền riêng tư hoặc kích động phân biệt đối xử. Đồng thời chưa có hướng dẫn chuyên ngành cho tòa soạn về quy trình kiểm chứng bắt buộc, lưu vết biên tập, đánh giá tác động quyền con người, hay cơ chế gỡ bỏ khẩn cấp đối với nội dung deepfake trong hoạt động báo chí; chưa có hướng dẫn đầy đủ việc khắc phục hậu quả đối với quyền nhân thân trong môi trường số. Trong báo chí điện tử, một nội dung sai lệch do AI hỗ trợ tạo ra hoặc bị nền tảng khuếch đại có thể lan truyền rất nhanh; khi đó, việc gỡ bài hoặc đính chính thường không đủ để phục hồi đầy đủ danh dự, uy tín và đời sống riêng tư của người bị xâm hại. Do đó, xét từ góc độ bảo vệ quyền con người, vẫn cần tiếp tục hoàn thiện pháp

luật báo chí và pháp luật liên quan theo hướng thiết lập cơ chế phản ứng nhanh, đỉnh chính ở vị trí tương đương, lưu giữ chứng cứ số và bồi thường hiệu quả hơn.

Ba là, sự chồng chéo thẩm quyền. Hoạt động quản lý báo chí hiện nay do nhiều cơ quan cùng thực hiện: Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông ở địa phương, Hội Nhà báo Việt Nam, và trong một số trường hợp là Bộ Công an (khi liên quan đến an ninh mạng). *Ví dụ*, vụ việc một tạp chí điện tử đăng tin sai về vaccine Covid-19 năm 2021 phải mất hơn hai tuần mới được xử lý dứt điểm, do cùng lúc có thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông, cơ quan y tế và UBND địa phương cùng tham gia nhưng không phối hợp hiệu quả. Sự chồng chéo này không chỉ làm giảm tính kịp thời trong xử lý vụ việc mà còn khiến quyền con người của cá nhân bị kéo dài thời gian xâm phạm.

Thứ ba, cơ chế giám sát thực thi chính sách, pháp luật về quyền con người trong hoạt động báo chí gắn với bối cảnh chuyển đổi số còn chưa đáp ứng và phù hợp với yêu cầu trong bối cảnh mới đầy mạnh sâu rộng hội nhập quốc tế, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI), truyền thông đa phương tiện và mạng xã hội,..., thiếu cơ chế giám sát độc lập và hiệu quả trong bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người nói chung và quyền con người trong hoạt động báo chí nói riêng.

Trên thực tế, vấn đề cấp thiết giai đoạn gần đây không chỉ nằm ở nội dung giả mạo do AI tạo ra, mà còn ở việc AI sinh tạo đã bắt đầu được tích hợp ngày càng sâu vào quy trình sản xuất tin tức, từ tìm kiếm, phân tích thông tin, hỗ trợ viết, biên tập, dịch tin cho đến sản xuất sản phẩm báo chí đa phương tiện. Từ góc độ bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí, việc ứng dụng AI sinh tạo trong báo chí đã đặt ra những rủi ro: 1) rủi ro đối với quyền được tiếp cận thông tin chính xác và quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm của cá nhân, bởi AI có thể tạo ra nội dung sai lệch, suy diễn, gán ghép hoặc tái tạo hình ảnh, giọng nói, văn bản mà người tiếp nhận khó phân biệt với thông tin thật. Đối với deepfake, rủi ro không chỉ dừng ở hành vi bịa đặt, mà còn mở rộng sang khả năng thao túng nhận thức công chúng, làm sai lệch đánh giá xã hội về một cá nhân hoặc sự kiện; 2) rủi ro đối với quyền riêng tư và quyền kiểm soát dữ liệu cá nhân, bởi AI sinh tạo trong tòa soạn thường được huấn luyện, gợi ý hoặc tối ưu hóa trên cơ sở lượng lớn dữ liệu đầu vào, trong

đó có thể bao gồm dữ liệu cá nhân, dữ liệu nhạy cảm hoặc dữ liệu được thu thập từ môi trường mạng mà chưa được kiểm chứng đầy đủ về tính hợp pháp. Trong hoạt động báo chí, điều này làm gia tăng nguy cơ tái sử dụng trái mục đích các thông tin đời tư, tự động tổng hợp hồ sơ số của cá nhân, hoặc khuếch đại những nội dung gây tổn thương thứ cấp cho nạn nhân của các vụ việc hình sự, bạo lực, xâm hại trẻ em; 3) rủi ro phát sinh từ các thuật toán khuyến nghị và từ quá trình chọn lọc, tổ chức, trình bày nội dung có chủ đích trên các nền tảng lớn như Facebook, TikTok, YouTube. Trong thực tế, phần lớn công chúng hiện nay không tiếp cận sản phẩm báo chí theo mô hình “độc giả chủ động tìm đến tờ báo”, mà thông qua luồng phân phối do nền tảng quyết định. Nghĩa là quyền được tiếp cận thông tin, quyền hình thành ý kiến và thậm chí khả năng tham gia vào không gian công cộng của người dùng ngày càng bị chi phối bởi các hệ thống xếp hạng, gợi ý và khuếch đại nội dung mà bản thân người dùng không thể kiểm soát. Về bản chất, đây là một dạng “biên tập bằng thuật toán”, trong đó các tiêu chí ưu tiên thường nghiêng về mức độ giữ chân người dùng, khả năng lan truyền và hiệu quả thương mại, thay vì giá trị xã hội, độ chính xác hay mức độ tôn trọng quyền con người của thông tin. Do đó, những nội dung giật gân, gây phẫn nộ, xúc phạm, phân biệt đối xử hoặc thông tin chưa được kiểm chứng thường có khả năng được lan truyền mạnh hơn, qua đó trực tiếp tác động đến quyền được thông tin trung thực, quyền bình đẳng trong tiếp cận thông tin và quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm của các chủ thể bị nhắc tới.

Các nguyên nhân này không tồn tại riêng lẻ mà tương tác, cộng hưởng: khi tòa soạn thiếu năng lực, phóng viên thiếu ý thức, cơ quan quản lý chậm trễ, và pháp luật chưa đủ mạnh, thì quyền con người rất dễ bị tổn thương. Đây là những thách thức cần nhận diện rõ ràng để làm cơ sở cho việc hoàn thiện chính sách và cải cách hệ thống báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số.

4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay từ kinh nghiệm Liên minh Châu Âu

4.2.1. Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số phải được xây dựng trên tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, lập trường, chính sách của Đảng, pháp luật quốc tế và trong nước về quyền con người

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, báo chí không chỉ thay đổi về phương thức sản xuất, truyền tải thông tin mà còn đặt ra nhiều vấn đề mới liên quan đến bảo vệ quyền con người. Việc bảo đảm quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ này cần được đặt trên nền tảng vững chắc là tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, lập trường, chính sách nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam và hệ thống pháp luật của Nhà nước về quyền con người.

Thứ nhất, trong hệ thống tư tưởng của Hồ Chí Minh, quyền con người không được nhìn nhận thuần túy như một phạm trù pháp lý - chính trị mang tính phổ quát, mà được đặt trong mối quan hệ gắn bó hữu cơ với quyền dân tộc tự quyết. Quan điểm này mang tính sáng tạo, vừa gắn bó với hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam, vừa mở rộng phạm vi tiếp cận quyền con người sang chiều kích cộng đồng - dân tộc, qua đó khẳng định sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân và lợi ích dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí như một phần thiết yếu của quyền con người và quyền dân chủ. Hồ Chí Minh luôn khẳng định báo chí là bộ phận khăng khít trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của Nhân dân, của dân tộc và của Đảng Cộng sản Việt Nam. Báo chí là bộ phận hữu cơ, gắn liền công tác chính trị, tư tưởng của Đảng, phục vụ mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng và dân tộc. Báo chí là diễn đàn rộng rãi, dân chủ, phục vụ lợi ích của dân tộc, của cách mạng, của Nhân dân. Người nhấn mạnh: Mục đích của tờ báo là “*cốt làm cho dân ta biết, biết các việc, biết đoàn kết, đặng đánh Tây, đánh Nhật làm cho Việt Nam độc lập, bình đẳng tự do*” [75, tr.510]. Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tư cách Trưởng Ban soạn thảo Hiến pháp năm 1946, đã khẳng định: “*Có quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội, biểu tình, có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào*”. Trong lĩnh vực báo chí, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người gắn liền với quyền dân tộc tự quyết có ý nghĩa đặc biệt. Báo chí không chỉ là phương tiện để nhân dân thực hiện quyền tự do biểu đạt và tiếp cận thông tin, mà còn là công cụ bảo vệ và củng cố nền độc lập dân tộc, bảo đảm điều kiện căn bản để

các quyền cá nhân được tôn trọng và phát huy. Như vậy, tư tưởng của Người đã hình thành nền tảng lý luận cho cách tiếp cận quyền con người trong hoạt động báo chí ở Việt Nam, nhấn mạnh sự kết hợp chặt chẽ giữa tự do cá nhân và độc lập dân tộc, giữa trách nhiệm xã hội của báo chí và quyền lợi của nhân dân.

Thứ hai, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền con người được hình thành và phát triển trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh, phản ánh sự nhất quán trong nhận thức và hành động của Đảng đối với vấn đề này. Trong toàn bộ tiến trình cách mạng, Đảng luôn khẳng định quyền con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong các văn kiện Đại hội Đảng, đặc biệt từ Đại hội VI khởi xướng công cuộc đổi mới đến Đại hội XIII, quan điểm về quyền con người ngày càng được bổ sung và hoàn thiện. Đảng xác định rằng tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang xây dựng. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: *“Tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền cá nhân; chăm lo hạnh phúc, ấm no của nhân dân là trọng tâm của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”*. Tuyên bố này không chỉ thể hiện cam kết chính trị mạnh mẽ mà còn khẳng định sự tiếp nối trực tiếp tư tưởng Hồ Chí Minh về việc đặt con người vào vị trí trung tâm của mọi chính sách phát triển.

Trong lĩnh vực báo chí, Đảng coi báo chí cách mạng là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống chính trị, đồng thời là công cụ để nhân dân thực hiện quyền dân chủ. Báo chí vừa là phương tiện truyền tải đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, vừa là diễn đàn dân chủ để nhân dân bày tỏ ý kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền giám sát xã hội. Quan điểm này thể hiện rõ sự thống nhất giữa chức năng chính trị và chức năng xã hội của báo chí. Báo chí cách mạng không chỉ dừng lại ở vai trò thông tin, tuyên truyền mà còn được giao nhiệm vụ tham gia trực tiếp vào quá trình bảo đảm và bảo vệ quyền con người, nhất là quyền tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin và quyền giám sát quyền lực. Quan điểm của Đảng về quyền con người trong hoạt động báo chí đã được Nhà nước Việt Nam cụ thể hóa thành các quy định pháp luật và chính sách. Đây là bước phát triển quan trọng, bảo đảm sự thống nhất giữa chủ trương chính trị và thực tiễn pháp lý, đồng thời khẳng định cam kết của Việt Nam trong việc thực hiện các

chuẩn mực nhân quyền quốc tế.

Thứ ba, pháp luật quốc tế và quốc gia về quyền con người.

Quan điểm bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số phải được đặt trên nền tảng tôn trọng, bảo vệ và thực thi các quyền theo chuẩn mực của luật nhân quyền quốc tế, với hạt nhân là Tuyên ngôn phổ quát về quyền con người UDHR năm 1948 và các công ước cốt lõi như ICCPR. Theo đó, quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí (Điều 19), quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân (Điều 17), quyền tiếp cận thông tin, quyền được bảo vệ khỏi kỳ thị và bạo lực trực tuyến phải được xác lập như chuẩn tham chiếu để thiết kế chính sách, pháp luật và thực thi nghề nghiệp. Mọi hạn chế liên quan đến nội dung, quy trình thu thập - xử lý dữ liệu, hay cơ chế kiểm duyệt nền tảng đều phải tuân nguyên tắc hợp pháp, nhằm mục đích chính đáng, cần thiết và tương xứng; đồng thời gắn với trách nhiệm giải trình, minh bạch và cơ chế khiếu nại - khắc phục hiệu quả.

Hiến pháp năm 2013 là mốc thể chế hóa quan trọng nhất. Điều 14 khẳng định rõ: *“Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền con người, quyền cá nhân được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”* [52]. Điều 25 quy định cá nhân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền được tiếp cận thông tin. Đồng thời, Điều 21 bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình. Sự kết hợp này thể hiện rõ nguyên tắc cân bằng giữa quyền tự do biểu đạt và quyền nhân thân, một nguyên tắc phù hợp với chuẩn mực quốc tế như Điều 19 và Điều 17 ICCPR, mà Việt Nam là thành viên từ năm 1982.

Bên cạnh Hiến pháp, một loạt văn bản pháp luật chuyên ngành đã được ban hành. Luật Báo chí năm 2016 lần đầu tiên quy định chi tiết hơn về quyền và nghĩa vụ của cơ quan báo chí, nhà báo và cá nhân, đồng thời đặt ra cơ chế cải chính, phản hồi và xin lỗi công khai đối với các thông tin sai sự thật. Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 khẳng định cá nhân có quyền tiếp cận thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra, qua đó thể chế hóa quyền được thông tin, vốn là nền tảng để thực hiện các quyền khác. Luật An ninh mạng năm 2025 quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc ngăn chặn, xử lý thông tin xấu độc, tin giả, đồng thời đặt ra yêu

cầu đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xuyên biên giới, bảo đảm an ninh thông tin và trật tự xã hội. Đặc biệt, Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân, sau là Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân là những văn bản đầu tiên ở Việt Nam thiết lập khung nguyên tắc toàn diện về xử lý dữ liệu, tiếp cận gần với Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR) của Liên minh châu Âu, thể hiện bước tiến quan trọng trong việc nội luật hóa chuẩn mực quốc tế về bảo vệ quyền riêng tư.

Ngoài ra, các chính sách quản lý báo chí cũng ngày càng nhấn mạnh đến yếu tố quyền con người. Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025 đặt mục tiêu xây dựng nền báo chí “*chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại*”, trong đó nhân văn được hiểu là tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân [58]. Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Báo chí cũng quy định rõ trách nhiệm của cơ quan báo chí trong việc tôn trọng quyền trả lời, quyền yêu cầu cải chính, cũng như nghĩa vụ bảo vệ bí mật đời tư của cá nhân trong quá trình hoạt động báo chí.

Tuy vậy, thực tiễn cho thấy vẫn còn những khoảng trống. Việc xử lý vi phạm trong lĩnh vực báo chí nhiều khi mới dừng ở mức hành chính, chưa tạo được cơ chế bồi thường thỏa đáng cho cá nhân bị xâm hại. Quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân mới dừng ở nghị định, chưa có giá trị pháp lý tương đương luật, nên hiệu lực thực thi còn hạn chế. Cơ chế giám sát hoạt động báo chí chủ yếu do cơ quan quản lý nhà nước thực hiện, thiếu sự tham gia của các tổ chức xã hội độc lập, trong khi kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt là Liên minh châu Âu, đã cho thấy vai trò quan trọng của các cơ quan giám sát độc lập trong bảo đảm tự do báo chí và bảo vệ quyền con người.

Như vậy, có thể thấy sự thể chế hóa trong pháp luật và chính sách của Nhà nước Việt Nam đã bước đầu tạo lập hành lang pháp lý quan trọng cho việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ truyền thông số và những thách thức mới đặt ra đòi hỏi hệ thống pháp luật phải tiếp tục hoàn thiện, đặc biệt là trong các lĩnh vực bảo vệ dữ liệu cá nhân, cơ chế cải chính - bồi thường và giám sát độc lập.

4.2.2. Hoàn thiện pháp luật về hoạt động báo chí và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động báo chí

Thứ nhất, cần hoàn thiện pháp luật về hoạt động báo chí, quyền và nghĩa vụ của chủ thể trong hoạt động báo chí.

Pháp luật luôn được xem là công cụ cơ bản và quan trọng nhất để bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí. Ở Việt Nam, khung pháp lý hiện hành đã ghi nhận tương đối đầy đủ các quyền liên quan như quyền tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin, quyền nhân thân, quyền về đời sống riêng tư và quyền đối với dữ liệu cá nhân. Các văn bản pháp lý trọng yếu gồm Hiến pháp năm 2013, BLDS năm 2015, Luật Báo chí năm 2016, Luật An ninh mạng năm 2025, cùng hệ thống nghị định và thông tư chuyên ngành, đã hình thành nền tảng pháp lý cơ bản để hoạt động báo chí diễn ra trong khuôn khổ pháp luật.

Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của thời kỳ chuyển đổi số đã làm xuất hiện nhiều vấn đề pháp lý mới, đặc biệt liên quan đến việc bảo vệ dữ liệu cá nhân, danh dự, nhân phẩm và quyền riêng tư của công dân. Trước đây, quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân chủ yếu được điều chỉnh ở cấp nghị định, dẫn đến hiệu lực pháp lý còn hạn chế. Việc ban hành Luật Bảo vệ Dữ liệu cá nhân năm 2025 đã khắc phục khoảng trống này, tạo cơ sở pháp lý mang tính ràng buộc cao hơn, tương thích với các chuẩn mực quốc tế như Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR) của EU. Luật mới quy định rõ nguyên tắc thu thập, xử lý, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu; trách nhiệm của cơ quan báo chí khi khai thác thông tin cá nhân; cũng như các quyền của cá nhân như quyền được thông báo, quyền phản đối, quyền chỉnh sửa và quyền yêu cầu xóa dữ liệu.

Bên cạnh đó, Luật Báo chí năm 2016 tuy đã có quy định về trách nhiệm bảo vệ quyền lợi của tổ chức, cá nhân, song chưa thật sự cụ thể trong việc xử lý thông tin đời tư, hình ảnh và nhân thân. Trong thực tiễn, vẫn còn tình trạng một số cơ quan báo chí công bố quá mức thông tin cá nhân trong các vụ án, tai nạn hoặc sự kiện xã hội mà chưa có sự đồng ý của người liên quan, gây tổn hại đến danh dự và nhân phẩm. Do vậy, việc sửa đổi Luật Báo chí cần hướng tới việc bổ sung nguyên tắc bảo vệ dữ liệu và thông tin cá nhân trong tác nghiệp báo chí,

đồng thời thiết lập các chế tài nghiêm khắc đối với hành vi xâm phạm. Cụ thể:

- Quy định rõ về hoạt động báo chí trên không gian mạng. Nghiên cứu sinh đề xuất bổ sung vào Luật Báo chí năm 2016 khái niệm “*kênh nội dung báo chí trên không gian mạng*”, được hiểu là kênh thông tin chính thức do cơ quan báo chí thiết lập và vận hành trên các nền tảng số hoặc mạng xã hội nhằm truyền tải, chia sẻ và tương tác với công chúng. Các kênh này cần có dấu hiệu nhận diện thống nhất, chịu sự điều chỉnh của pháp luật về báo chí, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Đồng thời, cơ quan báo chí phải đăng ký hoạt động với cơ quan quản lý nhà nước, chịu trách nhiệm về nội dung, bản quyền và việc lưu trữ dữ liệu theo quy định về lưu trữ báo chí điện tử. Để tăng cường hiệu quả quản lý cần xây dựng nền tảng số quốc gia dành cho báo chí, vừa hỗ trợ đo kiểm xu hướng thông tin, vừa giúp bảo đảm minh bạch, an toàn và tôn trọng quyền riêng tư của người dùng.

- Hoàn thiện khung pháp lý về sở hữu nội dung và thỏa thuận khai thác thông tin sử dụng tin, bài của cơ quan báo chí. Điều này nhằm bảo vệ quyền tác giả và lợi ích kinh tế hợp pháp của cơ quan báo chí, đồng thời ngăn chặn hành vi khai thác trái phép hoặc bóp méo thông tin.

- Bổ sung mô hình tổ hợp báo chí truyền thông chủ lực đa phương tiện nhằm cho phép cơ quan báo chí được vận hành nhiều loại hình (in, điện tử, phát thanh, truyền hình) và có các đơn vị trực thuộc. Việc thể chế hóa mô hình này giúp tăng tính chuyên nghiệp, quy mô và sức lan tỏa, góp phần định hướng dư luận xã hội và bảo đảm quyền được tiếp cận thông tin đa dạng, chính xác, nhân văn của cá nhân trong hoạt động báo chí.

- Cần mở rộng và minh bạch hóa nguồn thu báo chí, theo đó Nghiên cứu sinh đề xuất bổ sung quy định cho phép cơ quan báo chí tạo thêm nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh tế, vốn góp, phản biện khoa học và dịch vụ số, song song với cơ chế công khai tài chính để tránh thương mại hóa nội dung. Điều này bảo đảm quyền tiếp cận thông tin khách quan của công chúng và duy trì độc lập nghề nghiệp cho nhà báo.

- Cần ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết về trách nhiệm pháp lý của

các nền tảng trực tuyến xuyên biên giới trong việc lan truyền thông tin sai lệch, tin giả hoặc nội dung xâm phạm quyền cá nhân. Kinh nghiệm từ Đạo luật Dịch vụ Số (Digital Services Act) của Liên minh châu Âu cho thấy việc quy định nghĩa vụ minh bạch, cơ chế gỡ bỏ nội dung vi phạm và chế tài mạnh mẽ đối với doanh nghiệp công nghệ là biện pháp hiệu quả để bảo vệ quyền con người trong không gian mạng.

Thứ hai, cần bổ sung những quy định pháp lý có liên quan trực tiếp đến việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động báo chí.

Trước sự gia tăng của AI sinh tạo, deepfake và cơ chế phân phối nội dung dựa trên thuật toán của các nền tảng số, việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí không thể chỉ dừng ở cách tiếp cận truyền thống là kiểm soát nội dung sau khi đăng tải, mà cần được mở rộng sang kiểm soát cả công nghệ tạo nội dung, cơ chế phân phối nội dung và trách nhiệm giải trình của các chủ thể tham gia vào chuỗi truyền thông số. Mặc dù Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 được thông qua, có hiệu lực từ 01/3/2026, là đạo luật chuyên ngành đầu tiên điều chỉnh tương đối toàn diện các hoạt động nghiên cứu, phát triển, cung cấp, triển khai và sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo; xác lập quyền, nghĩa vụ của các chủ thể liên quan và cơ chế quản lý nhà nước đối với AI nhưng lại không có quy định riêng cho lĩnh vực báo chí.

Trong bối cảnh đó, cần hoàn thiện pháp luật về hoạt động báo chí theo hướng bổ sung các quy định chuyên biệt về việc sử dụng AI trong lĩnh vực này. Trọng tâm là xác lập nghĩa vụ minh bạch đối với nội dung do AI hỗ trợ tạo ra, nhất là các sản phẩm có nguy cơ làm sai lệch nhận thức công chúng như hình ảnh, âm thanh, video tổng hợp hoặc nội dung mô phỏng phát ngôn của cá nhân. Kinh nghiệm của EU cho thấy yêu cầu minh bạch hóa đối với nội dung do AI tạo ra và nội dung deepfake là một kinh nghiệm có giá trị tham khảo. Đối với việc hoàn thiện những quy định của pháp luật Việt Nam:

- Cần xây dựng cơ chế pháp lý buộc cơ quan báo chí khi sử dụng AI sinh tạo phải công khai ở mức độ phù hợp việc có sử dụng AI trong quá trình sản xuất nội dung, đặc biệt đối với tin bài điều tra, thông tin liên quan đến danh dự, nhân

phẩm, quyền riêng tư, trẻ em và các nhóm dễ bị tổn thương. Việc gắn nhãn hoặc thông báo về nội dung do AI hỗ trợ không chỉ nhằm bảo đảm quyền được tiếp cận thông tin trung thực của công chúng, mà còn tạo cơ sở để xác định trách nhiệm biên tập khi phát sinh thông tin sai lệch. Giải pháp này cần được đặt trong mối liên hệ với khuôn khổ pháp luật mới về bảo vệ dữ liệu cá nhân của Việt Nam, phù hợp với những quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025.

- Cần bổ sung quy định về trách nhiệm kiểm chứng bắt buộc riêng biệt đối với nội dung do AI tạo ra trước khi được sử dụng làm sản phẩm báo chí. Về bản chất, AI sinh tạo chỉ có thể là công cụ hỗ trợ kỹ thuật, không thể thay thế trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm pháp lý của nhà báo, biên tập viên và cơ quan báo chí. Do đó, cần xác lập rõ nguyên tắc về việc mọi nội dung do AI đề xuất, tổng hợp, biên tập hoặc mô phỏng đều phải được con người kiểm tra, xác minh và chịu trách nhiệm trước khi công bố. Đối với các nội dung có nguy cơ xâm phạm quyền con người cao, như thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, tó tụng hình sự, bạo lực giới, xâm hại trẻ em hoặc phát ngôn có khả năng gây tổn hại danh dự cá nhân, cần áp dụng cơ chế kiểm duyệt tăng cường và lưu vết quá trình biên tập để bảo đảm khả năng truy xuất trách nhiệm khi xảy ra vi phạm.

- Cần quy định hướng yêu cầu các nền tảng có nghĩa vụ minh bạch hơn về tiêu chí đề xuất nội dung, cơ chế hạn chế lan truyền đối với thông tin sai lệch, nội dung xâm phạm quyền riêng tư, danh dự, nhân phẩm hoặc mang tính phân biệt đối xử trong hoạt động báo chí. Về phía cơ quan báo chí, cần có nghĩa vụ đánh giá rủi ro khi phân phối nội dung trên nền tảng, thay vì chỉ coi nền tảng là kênh kỹ thuật trung lập. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh các quy định mới của EU đã nhấn mạnh quản trị rủi ro theo mức độ tác động của hệ thống AI, thay vì chỉ xử lý hậu quả sau khi vi phạm xảy ra.

- Cần thiết lập cơ chế phản ứng nhanh đối với nội dung báo chí có sử dụng AI hoặc bị thuật toán khuếch đại mà gây xâm phạm quyền con người. Cơ chế này nên bao gồm: quyền yêu cầu gắn cảnh báo, tạm ẩn, gỡ bỏ nhanh; quyền yêu cầu đính chính ở vị trí tương đương với thông tin gốc; và cơ chế lưu giữ bản sao điện tử, nhật ký chỉnh sửa để phục vụ việc xác định trách nhiệm. Đối với các trường

hợp deepfake hoặc nội dung giả mạo bằng AI xâm phạm danh dự, nhân phẩm, đời sống riêng tư, cần bổ sung thủ tục xử lý rút gọn nhằm bảo đảm khắc phục kịp thời, bởi trong môi trường số, tốc độ lan truyền thường nhanh hơn rất nhiều so với tốc độ xử lý của cơ chế cải chính truyền thống. Nói cách khác, muốn bảo vệ hiệu quả quyền con người trong báo chí số, cơ chế khắc phục phải được thiết kế theo logic “ngăn chặn sớm, xử lý nhanh, truy vết rõ”, thay vì chỉ dựa vào chế tài hậu kiểm.

- Cần xây dựng bộ quy tắc nghề nghiệp chuyên biệt về sử dụng AI trong báo chí. Bộ quy tắc này nên quy định tối thiểu các nguyên tắc: không sử dụng AI để ngụy tạo hiện trường, ngụy tạo phát ngôn hoặc tạo dựng chi tiết không có thật; không sử dụng AI để tái tạo hình ảnh, giọng nói của cá nhân khi chưa có căn cứ pháp lý và đạo đức nghề nghiệp rõ ràng; không khai thác AI để tự động hóa việc gắn nhãn, mô tả hoặc suy diễn về các nhóm dễ bị tổn thương theo hướng định kiến; và bắt buộc đánh giá tác động quyền con người đối với các quy trình biên tập có ứng dụng AI. Đây là giải pháp đặc biệt cần thiết trong bối cảnh Việt Nam đang thúc đẩy sử dụng AI có trách nhiệm trong truyền thông số và đã bắt đầu đặt ra các yêu cầu về sử dụng AI an toàn, minh bạch trong khuôn khổ pháp luật mới về công nghiệp công nghệ số.

4.2.3. Nâng cao hiệu quả thực thi về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

4.2.3.1. Nâng cao năng lực và nhận thức của chủ thể chịu trách nhiệm bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay, việc nâng cao năng lực và nhận thức của chủ thể quản lý hoạt động báo chí trở thành yêu cầu cấp thiết nhằm bảo vệ quyền con người một cách hiệu quả. Trước hết, chuyển đổi số đang làm thay đổi sâu sắc môi trường truyền thông, từ mô hình báo chí truyền thống sang nền tảng số, nơi thông tin lan truyền nhanh, khó kiểm soát và dễ bị thao túng. Các chủ thể đó bao gồm cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, tổ chức nghề nghiệp báo chí, cơ quan báo chí, đội ngũ người làm báo và các chủ thể tham gia sản xuất, phân phối nội dung báo chí trên nền tảng số.

Trước hết, cần nâng cao nhận thức của các cơ quan quản lý nhà nước về

báo chí đối với những thách thức mới đặt ra cho quyền con người trong môi trường truyền thông số. Chuyển đổi số làm mờ ranh giới giữa báo chí truyền thống và các nền tảng truyền thông mới, gia tăng nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư, quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm và quyền tiếp cận thông tin chính xác. Do đó, cơ quan quản lý cần được trang bị đầy đủ kiến thức chuyên môn về quyền con người, công nghệ số và quản trị truyền thông hiện đại, nhằm kịp thời ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực thi các chính sách, quy định phù hợp với thực tiễn phát triển của báo chí số.

Thứ hai, việc nâng cao năng lực của các tổ chức nghề nghiệp báo chí có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Các thiết chế tự quản nghề nghiệp cần được củng cố cả về chuyên môn, uy tín và khả năng thực thi chức năng giám sát đạo đức nghề nghiệp. Điều này không chỉ giúp tăng cường vai trò định hướng hành vi của người làm báo, mà còn góp phần hình thành cơ chế bảo vệ quyền con người mang tính phòng ngừa, bổ trợ cho cơ chế pháp luật nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số.

Thứ ba, đối với các cơ quan báo chí và đội ngũ người làm báo, cần đặt trọng tâm vào việc nâng cao nhận thức về quyền con người như một nguyên tắc xuyên suốt trong toàn bộ quy trình sản xuất nội dung báo chí. Người làm báo không chỉ cần nắm vững pháp luật và quy tắc đạo đức nghề nghiệp, mà còn phải có năng lực đánh giá tác động xã hội của sản phẩm báo chí đối với các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, đặc biệt là các nhóm yếu thế. Việc đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về đạo đức báo chí, quyền con người và kỹ năng tác nghiệp trong môi trường số là yêu cầu tất yếu.

Thứ tư, nâng cao nhận thức và năng lực của cá nhân trong bảo vệ quyền con người trước hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số. Trong thời kỳ chuyển đổi số, cá nhân không chỉ là đối tượng thụ hưởng quyền con người trong hoạt động báo chí mà còn trở thành một chủ thể tham gia trực tiếp vào quá trình bảo vệ quyền thông qua việc tiếp nhận, phản hồi, chia sẻ và giám sát thông tin báo chí trên không gian mạng. Do đó, cần:

- Nâng cao nhận thức pháp lý của cá nhân về quyền con người trong lĩnh vực báo chí. Cá nhân cần hiểu rõ các quyền cơ bản của mình như quyền được tiếp

cận thông tin chính xác, quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, đời sống riêng tư, quyền yêu cầu cải chính, xin lỗi khi bị đưa tin sai sự thật. Khi có nhận thức đầy đủ, cá nhân có thể chủ động sử dụng các công cụ pháp lý và cơ chế xã hội phù hợp để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình, thay vì thụ động chấp nhận hoặc phản ứng cảm tính trên mạng xã hội.

- Được trang bị năng lực tiếp nhận và đánh giá thông tin báo chí một cách đầy đủ. Việc thiếu kỹ năng phân tích, kiểm chứng thông tin khiến cá nhân dễ trở thành đối tượng bị tổn hại bởi tin giả, tin sai sự thật, đồng thời vô tình tiếp tay cho các hành vi xâm phạm quyền con người thông qua việc chia sẻ, bình luận hoặc lan truyền thông tin chưa được kiểm chứng.

- Cần được khuyến khích tham gia giám sát xã hội đối với hoạt động báo chí một cách có trách nhiệm. Thông qua việc phản ánh, khiếu nại, góp ý đối với các nội dung báo chí có dấu hiệu vi phạm quyền con người, cá nhân có thể góp phần nâng cao chất lượng thông tin và thúc đẩy trách nhiệm xã hội của cơ quan báo chí, nhà báo. Tuy nhiên, sự tham gia này cần được định hướng dựa trên chuẩn mực pháp lý và đạo đức, tránh biến giám sát xã hội thành hành vi công kích, bôi nhọ hoặc xâm phạm quyền của người khác.

4.2.3.2. Thiết lập cơ chế phản hồi, cải chính và bồi thường hiệu quả để bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí

Một trong những điều kiện quan trọng để bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí là thiết lập cơ chế phản hồi, cải chính và bồi thường thiệt hại hiệu quả khi có thông tin sai sự thật hoặc nội dung xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân được công bố. Đây là khâu then chốt thể hiện tính trách nhiệm, minh bạch và nhân văn của nền báo chí trong xã hội pháp quyền. Tại Việt Nam, mặc dù Luật Báo chí năm 2016 và BLDS năm 2015 đã ghi nhận quyền của cá nhân được yêu cầu cải chính, xin lỗi công khai và bồi thường thiệt hại khi bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, song hiệu quả thực thi vẫn còn hạn chế.

Một là, quy trình phản hồi và yêu cầu cải chính còn phức tạp, thiếu tính khả thi. Nhiều trường hợp, người dân gặp khó khăn trong việc xác định cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc gặp trở ngại trong việc chứng minh thiệt hại, trong khi

thủ tục xử lý kéo dài. Điều này khiến quyền được bảo vệ không được thực thi kịp thời, nhất là trong bối cảnh thông tin lan truyền nhanh chóng trên môi trường mạng, gây tổn hại tức thời đến danh dự và hình ảnh cá nhân. Sự chậm trễ trong cải chính làm cho hậu quả xã hội của thông tin sai lệch trở nên nghiêm trọng hơn và làm suy giảm niềm tin của công chúng vào báo chí.

Hai là, mức bồi thường thiệt hại hiện nay chưa tương xứng với mức độ tổn hại thực tế. Trên thực tế, các khoản bồi thường thường chỉ mang tính biểu trưng, không phản ánh đầy đủ thiệt hại về tinh thần, uy tín và cơ hội xã hội mà cá nhân phải chịu. Điều này làm giảm tính răn đe đối với hành vi vi phạm, khiến cơ quan báo chí và nhà báo chưa thật sự cẩn trọng trong quy trình thu thập, kiểm chứng và đăng tải thông tin. Để khắc phục hạn chế này, cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp:

- Quy định rõ thời hạn bắt buộc để cơ quan báo chí thực hiện cải chính, gỡ bỏ hoặc xin lỗi công khai sau khi nhận được yêu cầu hợp pháp từ cá nhân bị ảnh hưởng, đảm bảo tính khẩn trương và kịp thời.

- Xác định hình thức cải chính tương xứng với phạm vi và mức độ lan tỏa của thông tin sai lệch, bảo đảm công chúng được tiếp cận thông tin chính xác ở cùng phương tiện, vị trí hoặc mức độ phổ biến như nội dung ban đầu.

- Điều chỉnh mức bồi thường thiệt hại theo hướng phản ánh đầy đủ giá trị vật chất và tinh thần của cá nhân bị xâm hại, đồng thời nâng cao tính răn đe và trách nhiệm nghề nghiệp của cơ quan báo chí.

Ba là, cần thiết lập cơ chế hòa giải hoặc trọng tài báo chí độc lập, đóng vai trò trung gian trong việc xử lý nhanh các tranh chấp giữa cá nhân và cơ quan báo chí. Mô hình này đã được nhiều quốc gia châu Âu và châu Mỹ áp dụng, giúp giảm tải cho hệ thống Tòa án, tăng cường đối thoại và tạo điều kiện cho các bên giải quyết tranh chấp trên tinh thần hợp tác và minh bạch, qua đó củng cố niềm tin vào cơ chế bảo vệ quyền con người ngoài tố tụng.

Nhìn chung, cơ chế phản hồi, cải chính và bồi thường hiệu quả không chỉ bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân được khôi phục kịp thời, mà còn góp phần nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp

của báo chí, hướng tới xây dựng một nền báo chí nhân văn, chuyên nghiệp và pháp quyền trong thời kỳ chuyển đổi số.

4.2.3.3. Nâng cao năng lực thực thi và năng lực số nói riêng của đội ngũ nhà báo, cải thiện kinh tế báo chí gắn với bảo vệ quyền con người

Đội ngũ nhà báo giữ vai trò trung tâm trong việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí, bởi họ là chủ thể trực tiếp sáng tạo, xử lý và truyền tải thông tin đến công chúng. Trong bối cảnh chuyển đổi số, nếu thiếu bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp vững vàng và năng lực số toàn diện, nhà báo rất dễ bị chi phối bởi các yếu tố thương mại, áp lực lượt xem, hay những cám dỗ của “tin nhanh” mà bỏ qua yêu cầu về tính chính xác, khách quan và nhân văn.

Thứ nhất, về đạo đức nghề nghiệp, việc tôn trọng sự thật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân cần được coi là chuẩn mực cốt lõi trong hoạt động báo chí. Quy định đạo đức nghề nghiệp người làm báo Việt Nam đã xác lập những nguyên tắc cơ bản như trung thực, khách quan, nhân văn và tôn trọng quyền con người. Tuy nhiên, thực tiễn vẫn cho thấy tồn tại tình trạng một bộ phận nhà báo thiếu chuẩn mực nghề nghiệp, chạy theo xu hướng giật gân, khai thác quá mức đời tư cá nhân, hoặc sử dụng ngôn ngữ phản cảm, vi phạm quyền nhân thân và danh dự người khác. Để khắc phục, cần tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát và chế tài đạo đức, gắn việc đánh giá phẩm chất nghề nghiệp với quy trình cấp, gia hạn và thu hồi thẻ nhà báo. Hội Nhà báo Việt Nam cần phát huy tốt hơn vai trò tự quản nghề nghiệp, thiết lập các cơ chế xử lý kịp thời và công khai đối với hành vi vi phạm, đồng thời đẩy mạnh công tác giáo dục đạo đức và trách nhiệm xã hội cho người làm báo.

Thứ hai, về năng lực số, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ truyền thông, trí tuệ nhân tạo và nền tảng số đòi hỏi nhà báo phải làm chủ các kỹ năng mới của thời đại kỹ thuật số. Nhiều vụ việc cho thấy hạn chế trong việc kiểm chứng nguồn tin, khai thác dữ liệu mạng xã hội, hoặc thiếu hiểu biết về bảo mật thông tin cá nhân, dẫn đến rủi ro pháp lý và vi phạm quyền con người. Vì vậy, cần thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho nhà báo, trong đó tập trung vào các nội dung: kỹ năng nhận diện và kiểm chứng tin giả; an toàn dữ liệu và bảo vệ thông tin nguồn

tin; khai thác và sử dụng trí tuệ nhân tạo một cách có đạo đức; ứng xử truyền thông đa nền tảng; và bảo đảm tuân thủ các chuẩn mực pháp lý quốc tế về quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân. Các cơ sở đào tạo báo chí - truyền thông cần cập nhật giáo trình theo hướng tích hợp giữa kiến thức pháp luật, nhân quyền, đạo đức báo chí và kỹ năng số, giúp nhà báo trẻ được chuẩn bị đầy đủ cả về tri thức, kỹ năng và giá trị nghề nghiệp ngay từ đầu. Ngoài ra, cần xây dựng cơ chế hỗ trợ phát triển chuyên môn liên tục cho đội ngũ nhà báo, thông qua các quỹ đào tạo, chương trình trao đổi quốc tế, hợp tác với các tổ chức báo chí nước ngoài, hoặc khóa học về báo chí dữ liệu, báo chí điều tra và bảo mật kỹ thuật số. Việc học hỏi kinh nghiệm quốc tế sẽ giúp nhà báo Việt Nam tiếp cận chuẩn mực nghề nghiệp toàn cầu, đồng thời vận dụng linh hoạt trong điều kiện văn hóa - pháp lý trong nước.

Về phía cơ quan quản lý, cần sớm ban hành hướng dẫn chuyên ngành về nhận diện, gắn nhãn, kiểm chứng và xử lý nội dung do AI tạo ra trong hoạt động báo chí. Về phía tòa soạn, cần thiết lập quy trình nội bộ về phê duyệt công cụ AI, phân loại mức độ rủi ro, đào tạo biên tập viên về kiểm chứng nội dung tổng hợp, bảo vệ dữ liệu cá nhân và phòng ngừa thiên lệch thuật toán. Về phía nhà báo, cần coi năng lực số, năng lực kiểm chứng và ý thức bảo vệ quyền con người là một bộ phận của đạo đức nghề nghiệp trong thời kỳ chuyển đổi số. Chỉ khi kết hợp đồng bộ giữa hoàn thiện pháp luật, nâng cấp chuẩn mực nghề nghiệp và tăng cường trách nhiệm giải trình của cả báo chí lẫn nền tảng số, việc ứng dụng AI trong báo chí mới có thể vừa thúc đẩy đổi mới sáng tạo, vừa bảo đảm được các quyền cơ bản của con người trong không gian truyền thông hiện đại.

Như vậy, việc hoàn thiện pháp luật về báo chí và bảo vệ dữ liệu cá nhân không chỉ dừng lại ở sửa đổi các quy định hiện hành mà còn đòi hỏi một tầm nhìn pháp lý mang tính dự báo, linh hoạt, đáp ứng sự biến đổi nhanh của truyền thông số. Đây là nền tảng để xây dựng một hành lang pháp lý vững chắc cho báo chí phát triển bền vững, đồng thời bảo đảm quyền con người được tôn trọng, bảo vệ và thực thi đầy đủ trong mọi hoạt động báo chí tại Việt Nam.

Thứ ba, cân bằng giữa kinh tế báo chí và trách nhiệm xã hội trong bảo vệ quyền con người. Thực tiễn những năm gần đây cho thấy, nhiều cơ quan báo chí

phải đối mặt với áp lực thương mại hóa nội dung, chạy theo chỉ số lượt xem, hợp đồng quảng cáo và tài trợ truyền thông, dẫn đến xu hướng giật tít, khai thác đời tư và ưu tiên tin giải trí. Điều này không chỉ làm suy giảm chất lượng thông tin và giá trị nhân văn của báo chí, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến quyền được tiếp cận thông tin chính xác, đa chiều và có ích của công chúng, đồng thời làm suy yếu vai trò định hướng dư luận của báo chí chính thống. Để khắc phục tình trạng này và thiết lập cơ chế cân bằng giữa kinh tế báo chí và đạo đức nghề nghiệp, cần triển khai một số giải pháp mang tính hệ thống.

Một là, Nhà nước cần hoàn thiện chính sách hỗ trợ báo chí công ích, thông qua ngân sách, quỹ hỗ trợ phát triển báo chí, các ưu đãi về thuế, tín dụng, và đầu tư đào tạo nguồn nhân lực báo chí chất lượng cao. Đây là nguồn lực nền tảng giúp cơ quan báo chí duy trì nhiệm vụ phục vụ lợi ích công cộng, giảm lệ thuộc vào thị trường quảng cáo và bảo đảm tính độc lập biên tập.

Hai là, các tòa soạn cần chuyển đổi mô hình kinh tế báo chí theo hướng đa dạng, hiện đại và bền vững. Bên cạnh quảng cáo truyền thống, có thể phát triển mô hình thuê bao trả phí, sản phẩm dữ liệu, nền tảng truyền thông số, dịch vụ đào tạo và tư vấn thông tin, nhằm tạo ra nhiều nguồn thu hợp pháp, ổn định và gắn liền với chất lượng nội dung; việc phân bổ quảng cáo và ngân sách truyền thông của Nhà nước cần được tiến hành minh bạch, công bằng và dựa trên tiêu chí nhất định. Kinh nghiệm của Liên minh châu Âu cho thấy, nhiều quốc gia đã áp dụng cơ chế trợ cấp báo chí công ích, hỗ trợ báo chí điều tra, khuyến khích bảo vệ nhóm yếu thế và công khai hóa quy trình phân bổ nguồn lực, qua đó nâng cao niềm tin xã hội đối với báo chí chính thống. Việt Nam có thể kế thừa kinh nghiệm này để xây dựng mô hình quản trị báo chí cân bằng giữa lợi ích kinh tế và nghĩa vụ xã hội, phù hợp với điều kiện trong nước.

4.2.4. Xây dựng Hội đồng Báo chí độc lập nhằm tăng cường bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí

Trước yêu cầu bảo đảm quyền con người trong hoạt động báo chí và phù hợp với xu thế quản trị truyền thông hiện đại, Việt Nam cần nghiên cứu thiết lập một Hội đồng Báo chí độc lập (Independent Press Council), được trao thẩm

quyền khuyến nghị, yêu cầu báo chí cải chính, đăng xin lỗi công khai, hoặc đưa ra cảnh báo đạo đức truyền thông, mà không cần qua thủ tục tố tụng tư pháp kéo dài. Điều này giúp người dân có một kênh khiếu nại độc lập, nhanh chóng, ít tốn kém, đồng thời góp phần giảm tải cho cơ quan quản lý nhà nước và hệ thống tòa án. Đồng thời, Nhà nước cần quy định rõ trách nhiệm pháp lý của cơ quan báo chí khi không thực hiện yêu cầu cải chính hoặc xin lỗi, qua đó tăng tính ràng buộc và củng cố niềm tin xã hội vào báo chí chính thống. Song song, cần tăng cường đào tạo nghiệp vụ đạo đức báo chí và kỹ năng xử lý khiếu nại cho phóng viên, biên tập viên, giúp họ hiểu rõ ranh giới giữa quyền đưa tin và quyền bảo vệ đời tư của công dân. Cơ chế này cần được phối hợp chặt chẽ với Luật Báo chí năm 2016 và Luật Bảo vệ Dữ liệu cá nhân 2025, bảo đảm sự đồng bộ giữa quyền tự do báo chí và quyền được bảo vệ thông tin cá nhân, hướng tới một môi trường truyền thông số minh bạch, nhân văn và tôn trọng quyền con người.

Bên cạnh việc thành lập Hội đồng Báo chí độc lập ở cấp quốc gia, cần khuyến khích mỗi tòa soạn xây dựng cơ chế kiểm chứng thông tin nội bộ (fact-checking unit) và bộ quy tắc ứng xử về bảo vệ quyền cá nhân trong quá trình xuất bản. Quy trình xử lý khiếu nại, gỡ bài, cải chính thông tin cần được chuẩn hóa và công khai, bảo đảm mọi trường hợp xâm phạm danh dự, nhân phẩm hoặc quyền riêng tư đều được khắc phục kịp thời và minh bạch. Cần có sự ứng dụng công nghệ trong kiểm chứng thông tin và bảo vệ quyền cá nhân, bởi trong bối cảnh bùng nổ thông tin hiện nay, sự lan truyền nhanh chóng của tin giả, tin sai sự thật và ngôn từ thù ghét trên không gian mạng đã trở thành thách thức nghiêm trọng đối với quyền được tiếp cận thông tin chính xác, quyền về danh dự, nhân phẩm và quyền an toàn cá nhân. Báo chí, với vai trò là “người gác cửa công cộng”, chỉ có thể hoàn thành sứ mệnh bảo vệ quyền con người nếu chủ động ứng dụng các công nghệ hiện đại để kiểm chứng thông tin, phát hiện và loại bỏ nội dung độc hại, đồng thời bảo đảm an toàn cho dữ liệu cá nhân.

4.2.5. Thiết lập cơ chế giám sát độc lập, minh bạch và trách nhiệm giải trình đối với các hoạt động báo chí liên quan đến quyền con người

Thứ nhất, ở Việt Nam, công tác quản lý báo chí chủ yếu do cơ quan nhà nước

đảm nhiệm, còn vai trò tự quản nghề nghiệp của Hội Nhà báo mới dừng lại ở mức quy tắc đạo đức và xử lý kỷ luật nội bộ. Cơ chế này chưa đủ mạnh để bảo đảm cá nhân có thể khiếu nại và được bảo vệ một cách nhanh chóng, minh bạch. Do đó, việc thiết lập một cơ chế giám sát độc lập, với sự tham gia của nhiều chủ thể xã hội, là yêu cầu cấp bách. Kinh nghiệm từ Liên minh châu Âu cho thấy, việc thiết lập cơ chế giám sát độc lập, như Ofcom (Anh) hay các hội đồng báo chí ở Bắc Âu, đã góp phần quan trọng trong việc cân bằng giữa tự do báo chí và bảo vệ quyền con người. Việt Nam có thể tham khảo và điều chỉnh mô hình này để phù hợp với điều kiện chính trị, pháp lý và xã hội trong nước.

Trước hết, có thể tham khảo thành lập Hội đồng truyền thông quốc gia hoạt động độc lập tương đối, có sự tham gia của đại diện cơ quan nhà nước, hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, giới học giả và cả đại diện người dân. Hội đồng này có chức năng tiếp nhận và xử lý khiếu nại của cá nhân liên quan đến thông tin báo chí, đưa ra khuyến nghị hoặc quyết định mang tính ràng buộc về cải chính, xin lỗi và bồi thường.

Thứ hai, về trách nhiệm giải trình, các cơ quan báo chí phải công khai cơ chế nội bộ về kiểm chứng thông tin, quy trình xử lý sai sót và hình thức bồi thường, xin lỗi công khai khi có vi phạm. Báo cáo minh bạch hằng năm về chất lượng nội dung, số lượng khiếu nại, tỷ lệ cải chính, cũng như kết quả xử lý vi phạm cần được công bố rộng rãi, tạo điều kiện để người dân giám sát. Đây vừa là biện pháp răn đe, vừa là công cụ nâng cao niềm tin của xã hội đối với báo chí. Các cơ quan báo chí cần có nghĩa vụ công bố báo cáo minh bạch hằng năm về các khiếu nại đã tiếp nhận, cách thức xử lý và mức độ hài lòng của cá nhân. Báo cáo này không chỉ tăng cường trách nhiệm giải trình mà còn giúp xã hội theo dõi và giám sát hiệu quả hoạt động của báo chí. Ngoài ra, cần có quy định pháp lý rõ ràng về việc cơ quan báo chí và nhà báo phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các hành vi vi phạm quyền con người. Trách nhiệm giải trình không thể chỉ dừng lại ở mức xử lý hành chính hoặc kỷ luật nội bộ, mà cần gắn với các chế tài dân sự và hình sự tương ứng.

Thứ ba, cơ chế giám sát độc lập phải song hành với việc phát huy vai trò

của các tổ chức xã hội nghề nghiệp như Hội Nhà báo Việt Nam. Bên cạnh quy định về đạo đức nghề nghiệp, Hội cần tham gia sâu hơn vào công tác giám sát, tự quản, và xử lý vi phạm, qua đó tạo thành “lưới lọc kép” giữa giám sát nhà nước, giám sát độc lập và giám sát xã hội.

Thứ tư, sự giám sát và trách nhiệm giải trình cần được nâng cao bằng công nghệ số. Hệ thống cơ sở dữ liệu công khai về vi phạm, cải chính và khiếu nại báo chí có thể được xây dựng trên nền tảng trực tuyến, cho phép cá nhân dễ dàng tra cứu và giám sát. Đồng thời, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong theo dõi, phân tích nội dung báo chí có thể hỗ trợ phát hiện sớm các dấu hiệu vi phạm quyền con người. Kinh nghiệm quốc tế được phân tích ở chương trên, có thể tham khảo mô hình Ủy ban Nhân quyền quốc gia chuyên trách về bảo vệ, thúc đẩy và giám sát thực thi quyền con người nói chung, quyền con người trong hoạt động báo chí nói riêng.

4.2.6. Giải pháp hội nhập và hợp tác quốc tế trong bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số

Liên minh châu Âu là một trong những khu vực đi đầu trong việc xây dựng khung pháp lý toàn diện cho báo chí và truyền thông số, với các đạo luật mang tính tiên phong như Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR), Đạo luật Dịch vụ số (DSA) và Đạo luật Tự do truyền thông châu Âu (EMFA). Đồng thời, nhiều tổ chức quốc tế như LHQ, UNESCO, Hội đồng châu Âu đã liên tục thúc đẩy các nguyên tắc về tự do báo chí gắn liền với bảo vệ nhân quyền. Đây là những nguồn kinh nghiệm quý báu để Việt Nam tham khảo trong quá trình hoàn thiện chính sách và pháp luật. Những giải pháp này, nếu được triển khai đồng bộ và có lộ trình rõ ràng, sẽ góp phần không chỉ nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí, mà còn khẳng định vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế trong chuyển đổi số.

Thứ nhất, nghiên cứu và tiếp thu những điểm phù hợp trong các quy định pháp lý quốc tế và EU về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số. Một trong những giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí số ở Việt Nam là chủ động tiếp thu

có chọn lọc các chuẩn mực pháp lý quốc tế và kinh nghiệm lập pháp của EU, đồng thời từng bước nội luật hóa những nguyên tắc phù hợp vào hệ thống pháp luật quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa thông tin và hội nhập truyền thông quốc tế, các chuẩn mực này không chỉ góp phần định hình phương thức bảo đảm quyền con người trong hoạt động báo chí, mà còn tạo nên luật chơi chung trong quan hệ quốc tế và trong quản trị không gian truyền thông xuyên biên giới.

Đặc biệt, kinh nghiệm từ EU mang lại những giá trị tham khảo có tính hệ thống. Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR) thiết lập khuôn khổ toàn diện cho việc xử lý dữ liệu cá nhân, dựa trên các nguyên tắc minh bạch, đồng thuận rõ ràng và “quyền được quên”. Đạo luật Dịch vụ số (DSA) quy định trách nhiệm pháp lý của các nền tảng trực tuyến trong kiểm soát nội dung sai lệch, tin giả và thông tin độc hại, từ đó gợi mở cho Việt Nam hướng xây dựng khung pháp lý buộc các nền tảng xuyên biên giới chịu trách nhiệm rõ ràng hơn tại thị trường nội địa. Trong khi đó, Đạo luật Tự do Truyền thông châu Âu (EMFA) nhấn mạnh yêu cầu về tính độc lập biên tập, minh bạch sở hữu báo chí và phân bổ công bằng quảng cáo công, là nguồn kinh nghiệm quan trọng giúp Việt Nam tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động báo chí. Quá trình nghiên cứu, chọn lọc và tiếp thu các quy định pháp luật của EU cần được thực hiện theo lộ trình phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế và xã hội của Việt Nam, bảo đảm sự hài hòa giữa tính tương thích quốc tế và đặc thù hệ thống pháp luật trong nước. Việc tham khảo kinh nghiệm quốc tế không có nghĩa là sao chép nguyên mẫu, mà là vận dụng linh hoạt, sáng tạo nhằm hình thành cơ chế pháp lý hiện đại, nhân văn, vừa phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số, vừa bảo đảm các giá trị cốt lõi của quyền con người trong hoạt động báo chí Việt Nam.

Thứ hai, tăng cường hợp tác chính sách truyền thông với các quốc gia phát triển hợp tác kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực báo chí thời kỳ chuyển đổi số. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số mạnh mẽ, việc tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực báo chí không chỉ nhằm thúc đẩy phát triển công nghệ và quản trị truyền thông hiện đại, mà còn góp phần trực tiếp vào việc bảo đảm quyền con người trong môi trường truyền thông số. Đối với Việt

Nam, hợp tác chính sách với các quốc gia phát triển, đặc biệt là EU, có ý nghĩa quan trọng trong việc tiếp thu kinh nghiệm về xây dựng khung pháp lý, cơ chế giám sát và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong hoạt động báo chí. Cơ chế Đối thoại nhân quyền thường niên giữa Việt Nam và EU là nền tảng thích hợp để lồng ghép các vấn đề liên quan đến báo chí số, quản trị thông tin và chống tin giả vào chương trình nghị sự, qua đó giúp Việt Nam tiếp cận các giá trị tiên bộ, đồng thời khẳng định cam kết bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực truyền thông.

Trong thời kỳ chuyển đổi số, công nghệ trở thành yếu tố then chốt quyết định chất lượng và tốc độ phát triển của báo chí. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), blockchain hay các công cụ phân tích mạng xã hội đã làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất và phân phối thông tin. Tuy nhiên, hạ tầng công nghệ và năng lực kỹ thuật của nhiều cơ quan báo chí ở Việt Nam vẫn còn hạn chế, chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của báo chí toàn cầu. Vì vậy, hợp tác kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực báo chí số là giải pháp quan trọng, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và bảo vệ quyền con người trong môi trường truyền thông số. Trước hết, cần tăng cường hợp tác với các quốc gia và tổ chức quốc tế trong lĩnh vực hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ. Liên minh châu Âu, với thế mạnh về quản trị truyền thông số và các sáng kiến kiểm chứng thông tin, có thể là đối tác chiến lược của Việt Nam. Thông qua các chương trình hợp tác song phương hoặc dự án tài trợ của EU, báo chí Việt Nam có thể tiếp cận những công nghệ hiện đại như hệ thống fact-checking tự động, phần mềm bảo vệ dữ liệu cá nhân, hay nền tảng phân tích nội dung độc hại.

Thứ ba, phát triển mạng lưới kiểm chứng thông tin xuyên quốc gia và chống tin giả toàn cầu. Trong bối cảnh truyền thông số phát triển mạnh mẽ, tin giả, thông tin sai lệch và ngôn từ thù ghét đã trở thành vấn đề toàn cầu, vượt khỏi khả năng kiểm soát của từng quốc gia riêng lẻ. Việt Nam, với vị trí là một quốc gia đang hội nhập sâu rộng vào không gian thông tin quốc tế, không thể đứng ngoài các nỗ lực chung nhằm ngăn chặn và xử lý hiện tượng này. Việc phát triển mạng lưới kiểm chứng thông tin xuyên quốc gia và tham gia các sáng kiến chống

tin giả toàn cầu vừa là nhu cầu nội tại, vừa là yêu cầu tất yếu để bảo vệ quyền con người, đặc biệt là quyền được tiếp cận thông tin chính xác và an toàn.

Cần phát triển hạ tầng công nghệ và hệ thống cảnh báo sớm về tin giả. Các công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), học máy và phân tích dữ liệu lớn có thể được ứng dụng để phát hiện nhanh chóng những nội dung bất thường, những tài khoản lan truyền tin giả theo mô hình mạng lưới, từ đó kịp thời cảnh báo cho người dân. Cùng với đó, cần tăng cường hợp tác xuyên quốc gia trong chống tin giả phải đi đôi với cơ chế pháp lý quốc tế. Việt Nam cần tham gia tích cực vào việc xây dựng các quy tắc ứng xử chung, trong đó xác định rõ trách nhiệm của các nền tảng số xuyên biên giới như Facebook, Google, TikTok trong việc kiểm soát và gỡ bỏ nội dung sai lệch. Kinh nghiệm của Liên minh châu Âu với Đạo luật Dịch vụ số (DSA, 2022) cho thấy, việc ràng buộc trách nhiệm pháp lý đối với doanh nghiệp công nghệ là yếu tố quan trọng để bảo đảm hiệu quả trong phòng chống tin giả. Như vậy, việc phát triển mạng lưới kiểm chứng thông tin xuyên quốc gia và chống tin giả toàn cầu không chỉ giúp Việt Nam ứng phó hiệu quả với những thách thức của truyền thông số, mà còn góp phần xây dựng một môi trường thông tin minh bạch, an toàn và nhân văn, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân thực hiện quyền con người một cách đầy đủ và thực chất.

Thứ tư, tham gia các sáng kiến, cam kết quốc tế về bảo vệ quyền con người trên nền tảng số. Thực tiễn báo chí số ở Việt Nam cho thấy quyền riêng tư vẫn thường xuyên bị xâm phạm, thông qua việc công khai thông tin cá nhân của nạn nhân trong các vụ án, khai thác hình ảnh trẻ em mà không có sự đồng ý của cha mẹ, hoặc thu thập dữ liệu người dùng trực tuyến để phục vụ mục đích thương mại. Điều này đặt ra yêu cầu bức thiết về việc hoàn thiện cơ chế bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân trong hoạt động báo chí.

Một là, cần nâng cấp quy định hiện hành về bảo vệ dữ liệu cá nhân thành một đạo luật chuyên biệt, tương tự mô hình Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR) của Liên minh châu Âu. Luật này phải quy định rõ nguyên tắc thu thập, xử lý, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu cá nhân trong hoạt động báo chí; đồng thời xác định các quyền cơ bản của cá nhân như quyền được thông báo, quyền đồng ý,

quyền phản đối, quyền truy cập, quyền chỉnh sửa và quyền xóa dữ liệu.

Hai là, cơ quan báo chí phải được ràng buộc trách nhiệm pháp lý rõ ràng trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân. Khi đưa tin, đặc biệt về các vụ việc liên quan đến trẻ em, nạn nhân hoặc người bị cáo buộc, báo chí phải tuân thủ nguyên tắc “*giới hạn thông tin cần thiết*”, chỉ công bố thông tin khi thực sự phục vụ lợi ích công cộng và không gây tổn hại không cần thiết đến danh dự, nhân phẩm của cá nhân. Việc vi phạm cần gắn liền với chế tài nghiêm khắc, từ phạt hành chính đến bồi thường dân sự.

Ba là, cần thiết lập cơ chế giám sát độc lập về bảo vệ dữ liệu trong hoạt động báo chí. Một cơ quan chuyên trách hoặc hội đồng độc lập có thể được thành lập để tiếp nhận khiếu nại, kiểm tra việc tuân thủ, đồng thời có thẩm quyền xử lý vi phạm. Mô hình này có thể tham khảo Hội đồng Bảo vệ Dữ liệu châu Âu (EDPB), bảo đảm sự minh bạch và khách quan trong giám sát.

Tiểu kết Chương 4

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ, vấn đề bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí ở Việt Nam trở thành yêu cầu vừa cấp bách, vừa có tính chiến lược. Báo chí không chỉ là phương tiện thông tin đại chúng mà còn là công cụ quan trọng để bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do ngôn luận và quyền tham gia đời sống xã hội của công dân. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của truyền thông số, những nguy cơ xâm phạm quyền con người - như vi phạm đời tư, lan truyền tin giả, công kích danh dự, thao túng thông tin - ngày càng phức tạp, đòi hỏi khung pháp lý và cơ chế quản trị phải được hoàn thiện tương ứng.

Thực tiễn pháp luật Việt Nam thời gian qua đã có nhiều bước tiến đáng ghi nhận. Hiến pháp năm 2013 khẳng định rõ quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận và quyền được bảo vệ đời sống riêng tư, danh dự, nhân phẩm của cá nhân. Luật Báo chí (2016), Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, Luật An ninh mạng năm 2025 và Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân đã bước đầu thiết lập cơ sở pháp lý quan trọng cho việc điều chỉnh mối quan hệ giữa tự do biểu đạt và bảo vệ quyền nhân thân. Tuy nhiên, việc thực thi vẫn còn hạn chế, nhất là ở khâu giám sát, cải chính và bồi thường thiệt hại, trong khi cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân và xử lý vi phạm đạo đức nghề nghiệp báo chí chưa thực sự hiệu quả. Để nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp: (1) hoàn thiện khung pháp lý theo hướng minh bạch, có tính ràng buộc và thích ứng với thời kỳ chuyển đổi số; (2) củng cố cơ chế thực thi thông qua tăng cường vai trò của cơ quan tư pháp, hành chính và hội đồng đạo đức nghề nghiệp; (3) xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức báo chí và nền tảng công nghệ nhằm kiểm soát thông tin sai lệch mà không xâm phạm quyền tự do ngôn luận; và (4) đẩy mạnh giáo dục, bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, ý thức nhân quyền và trách nhiệm xã hội cho đội ngũ nhà báo.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số cho thấy đây là một vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, phản ánh sự vận động của xã hội hiện đại trong việc dung hòa giữa tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin và trách nhiệm tôn trọng nhân phẩm, đời tư của con người. Ở cấp độ lý luận, việc phân tích nền tảng triết học, pháp lý và đạo đức của quyền con người trong hoạt động báo chí đã giúp xác định rõ vị trí của báo chí như một thiết chế xã hội đặc biệt - vừa thực hiện quyền tự do biểu đạt, vừa có nghĩa vụ bảo đảm các giá trị nhân quyền phổ quát. Sự cân bằng giữa quyền tự do báo chí và quyền nhân thân không chỉ là nguyên tắc pháp lý, mà còn là thước đo mức độ dân chủ, minh bạch và nhân văn của một nền truyền thông hiện đại.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa thông tin, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các điều ước quốc tế như Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền (1948), Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR, 1966), Công ước châu Âu về quyền con người (ECHR, 1950) và Hiến chương quyền cơ bản của Liên minh châu Âu (2000) đã định hình khuôn khổ pháp lý nền tảng cho quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí, đồng thời thiết lập giới hạn hợp pháp để bảo vệ các quyền nhân thân. Trong đó, kinh nghiệm của Liên minh châu Âu (EU) nổi bật bởi mô hình quản trị đa tầng, kết hợp giữa “pháp luật cứng” - như Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR, 2016), Đạo luật Dịch vụ số (DSA, 2022), Đạo luật Tự do truyền thông châu Âu (EMFA, 2023) và “pháp luật mềm” như bộ quy tắc đạo đức, cơ chế tự điều chỉnh nghề nghiệp và các hội đồng báo chí độc lập. EU không chỉ thiết lập khung pháp lý bảo đảm quyền con người mà còn tạo môi trường truyền thông minh bạch, an toàn và tôn trọng nhân phẩm cá nhân. Thực tiễn của EU cũng chứng minh rằng bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí không đồng nghĩa với việc hạn chế tự do biểu đạt, mà là tạo dựng một môi trường pháp lý có trách nhiệm, nhân văn và bảo đảm tính công bằng cho cả người làm báo và người được phản ánh.

Từ góc nhìn kinh nghiệm quốc tế, nghiên cứu đã khẳng định rằng mô hình

bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí của EU mang lại nhiều giá trị tham khảo cho Việt Nam. Đó là sự kết hợp hài hòa giữa tự do và pháp quyền, giữa nghĩa vụ xã hội của báo chí và quyền nhân thân của công dân. Việc áp dụng cơ chế quản trị đa tầng, gồm pháp lý, hành chính và đạo đức nghề nghiệp - giúp tăng cường hiệu quả bảo vệ quyền con người, đặc biệt trong không gian truyền thông số, nơi thông tin lan truyền nhanh và ranh giới giữa công khai và riêng tư ngày càng mờ nhạt.

Đối với Việt Nam, vấn đề bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số đang đặt ra nhiều cơ hội và thách thức. Hiến pháp năm 2013 cùng các đạo luật chuyên ngành như Luật Báo chí (2016), Luật Tiếp cận thông tin (2016), Luật An ninh mạng (2018) và Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân đã tạo khung pháp lý cơ bản để điều chỉnh hoạt động báo chí và truyền thông. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật vẫn còn thiếu tính đồng bộ, thiếu cơ chế giám sát độc lập và thiếu các công cụ pháp lý cụ thể để xử lý hành vi xâm phạm quyền nhân thân hoặc vi phạm đạo đức nghề nghiệp trong thời kỳ chuyển đổi số. Việc áp dụng quy định về quyền riêng tư, quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm hay quyền dữ liệu cá nhân còn hạn chế trong thực tế, do chưa có chế tài đủ mạnh và cơ chế phối hợp hiệu quả giữa cơ quan báo chí, cơ quan quản lý và nền tảng công nghệ.

Từ kinh nghiệm của EU, có thể rút ra ba định hướng chính cho Việt Nam như cần tiếp tục thể chế hóa nguyên tắc cân bằng giữa quyền tự do báo chí và quyền nhân thân, bảo đảm việc thực thi quyền tự do ngôn luận không xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, đời sống riêng tư của công dân, phù hợp với tinh thần của ICCPR và ECHR; hoàn thiện pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quy định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể xử lý thông tin, cũng như cơ chế khiếu nại, bồi thường và khắc phục hậu quả vi phạm; đa dạng hóa cơ chế giám sát báo chí, mở rộng vai trò của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hình thành hội đồng báo chí độc lập có thẩm quyền đạo đức và giải quyết khiếu nại, tương tự mô hình của châu Âu, nhằm bảo đảm tính khách quan, minh bạch và tăng cường trách nhiệm giải trình của báo chí.

Bên cạnh đó, việc nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người trong hoạt động

báo chí ở Việt Nam cần gắn với nâng cao năng lực thể chế và nhận thức nghề nghiệp. Nhà báo không chỉ là người truyền tải thông tin, mà còn là chủ thể thực thi quyền tự do biểu đạt một cách có trách nhiệm. Việc tăng cường đào tạo về đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng bảo mật thông tin, bảo vệ nguồn tin và dữ liệu cá nhân, cũng như thúc đẩy tự điều chỉnh nội bộ trong các cơ quan báo chí, là yếu tố quyết định để bảo đảm tính bền vững của quyền con người trong truyền thông. Ngoài ra, Việt Nam cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa Nhà nước - doanh nghiệp công nghệ - cơ quan báo chí - tổ chức xã hội trong việc quản lý thông tin trên không gian mạng. Kinh nghiệm từ Đạo luật Dịch vụ số (DSA) cho thấy việc ràng buộc trách nhiệm của nền tảng xuyên biên giới như Facebook, YouTube hay TikTok trong việc gỡ bỏ nội dung sai lệch, bảo vệ dữ liệu và minh bạch thuật toán là hướng đi hiệu quả để bảo vệ người dùng mà không xâm phạm quyền tự do ngôn luận. Đây cũng là vấn đề cấp thiết đối với Việt Nam khi truyền thông số đang chiếm ưu thế trong đời sống thông tin xã hội.

Việc học hỏi kinh nghiệm của EU không chỉ giúp Việt Nam củng cố cơ sở pháp lý về nhân quyền trong hoạt động báo chí, mà còn định hướng xây dựng một nền truyền thông nhân văn, minh bạch và có trách nhiệm xã hội, nơi quyền tự do ngôn luận được thực thi trong khuôn khổ pháp quyền, và quyền con người được bảo đảm trong mọi hình thức biểu đạt. Đây chính là điều kiện tiên quyết để báo chí Việt Nam vừa phát huy vai trò là “quyền lực thứ tư” trong xã hội, vừa đáp ứng các chuẩn mực nhân quyền toàn cầu trong kỷ nguyên chuyển đổi số.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

Các công trình về Bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí thời kỳ chuyển đổi số - kinh nghiệm từ Liên minh châu Âu và giá trị tham khảo cho Việt Nam:

1. Lê Hoàng Anh Tuấn (2022) (chủ biên) “Quan hệ Cộng hòa Séc – Mỹ giai đoạn 1993-2016”, *Nhà xuất bản Thế giới (Sách chuyên khảo)*.
2. Lê Hoàng Anh Tuấn, Nguyễn Chiến Thắng (2022) (đồng chủ biên) “Chuyển đổi số tại các nước châu Âu và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông (Sách chuyên khảo)*.
3. Lê Hoàng Anh Tuấn (2023) “Đại sứ Nhân quyền: Kinh nghiệm một số quốc gia ở châu Âu”. *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 15/7/2023.
4. Lê Hoàng Anh Tuấn (2023) “Vấn đề quyền con người trong bối cảnh chuyển đổi số ở Séc”. *Tạp chí Cộng sản điện tử*, ngày 31/8/2023.
5. Lê Hoàng Anh Tuấn (2022) “Solutions For Exporting vietnamese agricultural products to the EU under the EVFTA”. *Tạp chí Journal of European law and Economics*, no 02, (pp.04-16).
6. Lê Hoàng Anh Tuấn (2022) “Czech USA relations in politics and diplomacy”. *Tạp chí Journal of European law and Economics*, no 02 (pp.75-92).
7. Lê Hoàng Anh Tuấn (2022) “Tác động của Hiệp định EVFTA đối với quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và Cộng hòa Séc”. *Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương*, số 612 (tr. 10-13).
8. Lê Hoàng Anh Tuấn (2023) “Vấn đề bảo đảm quyền con người trong luật pháp của Liên minh châu Âu”. *Tạp chí Luật sư Việt Nam điện tử*, ngày 10/2/2023.
9. Lê Hoàng Anh Tuấn (2023) “Vận dụng quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người”. *Tạp chí Luật sư Việt Nam điện tử*, ngày 22/5/2023.
10. Lê Hoàng Anh Tuấn (2025) “Tòa soạn hội tụ - Mô hình báo chí hiệu quả trong bối cảnh chuyển đổi số”. *Tạp chí Luật sư Việt Nam điện tử*, ngày 20/5/2025.
11. Lê Hoàng Anh Tuấn (2025) “Tòa án Nhân quyền châu Âu: Pháo đài bảo vệ quyền con người tại châu Âu”. *Tạp chí Luật sư Việt Nam điện tử*, ngày 04/7/2025.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Văn kiện pháp luật quốc tế và Liên minh châu Âu

11. Committee of Ministers (2011). Declaration on the Protection of Journalistic Sources. Strasbourg.
12. Council of Europe (1950). Convention for the Protection of Human Rights and Fundamental Freedoms (European Convention on Human Rights - ECHR). Rome.
13. Council of Europe (2016). Recommendation CM/Rec(2016)4 on the Protection of Journalism and Safety of Journalists. Strasbourg.
14. Council of Europe (2018). Recommendation CM/Rec(2018)1 on Media Pluralism and Transparency of Media Ownership. Strasbourg.
15. Council of Europe (2021). Recommendation CM/Rec(2021)1 on the Impact of Digital Technologies on Freedom of Expression. Strasbourg.
16. Council of Europe. (2021). Guide on Article 10 of the European Convention on Human Rights – Freedom of Expression. Strasbourg: European Court of Human Rights.
17. Court of Justice of the European Union (CJEU) (2014). Google Spain SL and Google Inc. v. Agencia Española de Protección de Datos (AEPD), Case C-131/12, Judgment of 13 May 2014 (“Right to be Forgotten”).
18. Court of Justice of the European Union (CJEU) (1991). Francovich and Bonifaci v. Italy., EUECJ C-6/90.
19. EU Agency for Fundamental Rights (FRA) (2022). Fundamental Rights Report 2022. Vienna.
20. European Broadcasting Union (EBU) (2022). Public Service Media in the Digital Age: Trends and Challenges. Geneva.
21. European Commission (2020). European Democracy Action Plan. Brussels.
22. European Commission (2021). EU Digital Strategy: Shaping Europe’s Digital Future. Brussels.
23. European Commission (2022). Digital Services Act (Regulation EU 2022/2065). Brussels.

24. European Court of Human Rights (ECHR) (1976). *Handyside v. the United Kingdom*, Application no. 5493/72, Judgment of 7 December 1976.

25. European Court of Human Rights (ECHR) (1986). *Lingens v. Austria*, Application no. 9815/82, Judgment of 8 July 1986.

26. European Court of Human Rights (ECHR) (2012). *Financial Times Ltd, cit., § 63 and 66; Telegraaf Media Nederland Landelijke Media B.V. and Others v. The Netherlands*, app. 39315/06.

27. European Court of Human Rights (ECHR) (2005). *Tourancheau & July v. France*, app. 53886/00.

28. European Court of Human Rights (ECHR) (2004). *Von Hannover v. Germany*, Application no. 59320/00, Judgment of 24 June 2004.

29. European Court of Human Rights (ECHR) (2007). *Stoll v. Switzerland*, Application no. 69698/01, Judgment of 10 December 2007.

30. European Court of Human Rights (ECHR) (2012). *Axel Springer AG v. Germany*, Application no. 39954/08, Judgment of 7 February 2012.

31. European Court of Human Rights (ECHR) (2015). *Delfi AS v. Estonia*, Application no. 64569/09, Judgment of 16 June 2015.

32. European Court of Human Rights (ECHR) (2018). *Sekmadienis Ltd. v. Lithuania*, Application no. 69317/14, Judgment of 30 January 2018.

33. European Court of Human Rights (ECHR) (2019). *Big Brother Watch and Others v. the United Kingdom*, Application nos. 58170/13, 62322/14, 24960/15, Judgment of 13 September 2018.

34. European Court of Human Rights (ECHR) (2020). *E.S. v. Austria*, Application no. 38450/12, Judgment of 25 October 2018.

35. European Court of Human Rights (ECHR) (2022). *Hurbain v. Belgium*, Application no. 57292/16, Judgment of 22 June 2021.

36. European Data Protection Supervisor (EDPS) (2021). *Opinion 1/2021 on Digital Services Act Proposal*. Brussels.

37. European Parliament (2020). *Resolution on Media Freedom and Pluralism in the EU*. Brussels.

38. European Parliament and Council (2016). General Data Protection Regulation (EU) 2016/679 (GDPR). Brussels.
39. European Parliament and Council (2018). Audiovisual Media Services Directive (AVMSD) 2018/1808. Brussels.
40. European Parliament and Council (2019). Directive (EU) 2019/790 on Copyright in the Digital Single Market. Brussels.
41. European Union (2000). Charter of Fundamental Rights of the European Union. Official Journal of the European Communities, 18 December 2000.
42. Freedom House (2022). Freedom on the Net 2022: Countering an Authoritarian Overhaul of the Internet. Washington, D.C.
43. Organization for Security and Co-operation in Europe (OSCE) (2019). Safety of Journalists Guidebook (6th Edition). Vienna.
44. UN Educational, Scientific and Cultural Organization (2020). Human Rights and Artificial Intelligence: An Overview of Opportunities and Risks. Paris.
45. UN Human Rights Council (2020). Report on the Right to Freedom of Opinion and Expression in the Digital Age. Geneva.
46. UNESCO (2021). Guidelines for Regulating Digital Platforms. Paris.
47. UNESCO (2022). World Trends in Freedom of Expression and Media Development. Paris.
48. United Nations (1948). Universal Declaration of Human Rights (UDHR). New York.
49. United Nations (1966). International Covenant on Civil and Political Rights (ICCPR). New York.
50. United Nations (1989). Convention on the Rights of the Child (CRC). New York.
51. United Nations (2006). Convention on the Rights of Persons with Disabilities (CRPD). New York.
52. United Nations (2015). Sustainable Development Goals Report 2015. New York.
53. United Nations (2022). Our Common Agenda: Strengthening Multilateralism for the Digital Era. New York

54. United Nations Human Rights Council (2012). Resolution 20/8 on the Promotion, Protection and Enjoyment of Human Rights on the Internet. Geneva.

II. Văn kiện, nghị quyết của Đảng và Nhà nước Việt Nam

55. Ban Bí thư (2018), Kết luận số 23-KL/TW về tăng cường công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới, Hà Nội.

56. Bộ Thông tin và truyền thông (2020), Thông tư 41/2020/TT-BTTTT hướng dẫn về việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san, Hà Nội.

57. Chính phủ (2018), Nghị định 13/2018/NĐ-CP về hướng dẫn Luật tiếp cận thông tin, Hà Nội.

58. Chính phủ (2020), Chiến lược chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Hà Nội.

59. Chính phủ (2022), Nghị định 119/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản (sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 14/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 15/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định 119/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản), Hà Nội.

60. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Chỉ thị số 52-CT/TW về phát triển công nghệ thông tin trong thời kỳ cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Hà Nội.

61. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, II, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

62. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, Hà Nội.

63. Quốc hội (2016), Luật Báo chí số 103/2016/QH13, Hà Nội.

64. Quốc hội (2016), Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13, Hà Nội.

65. Quốc hội (2018), Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14, Hà Nội.

66. Quốc hội (2024), Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15, Hà Nội.
67. Quốc hội (2025), Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15, Hà Nội.
68. Thủ tướng Chính phủ (2019), Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2019 phê duyệt “Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025”, Hà Nội.

III. Công trình nghiên cứu trong và ngoài nước

69. Nguyễn Đức An (2021). “Tác động của trí tuệ nhân tạo đến quyền tự do báo chí”. Tạp chí Khoa học Xã hội, số 12.
70. Lê Hoàng Anh (2021). “Tự do ngôn luận trên không gian mạng - Kinh nghiệm của Liên minh châu Âu”. Tạp chí Nhân quyền, số 5.
71. Trần Thị Lan Anh (2023). Nhân quyền trong hoạt động báo chí Việt Nam thời kỳ chuyển đổi số. Luận án Tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
72. Nguyễn Văn Bình (2022). “Vai trò của báo chí trong bảo vệ quyền con người”. Tạp chí Nghiên cứu Lý luận Chính trị, số 8.
73. Bộ Thông tin và Truyền thông (2022). Báo cáo chuyển đổi số ngành báo chí Việt Nam năm 2022, Hà Nội.
74. Bộ Thông tin và Truyền thông (2025). Báo cáo công tác quản lý thông tin trên mạng giai đoạn 2024–2025. Hà Nội.
75. Nguyễn Đăng Dung (2019), Nhà nước pháp quyền và cải cách thể chế chính trị ở Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
76. Nguyễn Đăng Dung (2015), Hiến pháp năm 2013 với việc bảo vệ và thực hiện quyền con người ở Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 11/2015.
77. Vũ Minh Đức (2022). “Pháp luật về báo chí điện tử ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp”. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 9(404).
78. Trần Ngọc Đường, Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về quyền con người, NXB Chính trị quốc gia, 2004.
79. Đặng Thị Hà (2023). “Pháp luật bảo vệ dữ liệu cá nhân và kinh nghiệm cho Việt Nam”. Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 4.
80. Võ Thị Thu Hà (2022). Pháp luật về truyền thông và quyền con người trong bối cảnh toàn cầu hóa. NXB Hồng Đức, Hà Nội.
81. Phạm Thị Hải (2021). “Cân bằng giữa an ninh mạng và tự do báo chí”.

Tạp chí Lý luận Chính trị, số 9.

82. Phan Thanh Hải (2022). “Áp dụng chuẩn mực quốc tế về quyền con người trong luật báo chí Việt Nam”. Tạp chí Nhân quyền, số 4.

83. Trần Thị Hằng (2020). “Cơ chế bảo vệ quyền riêng tư báo chí theo pháp luật EU”. Tạp chí Luật học, số 9(327).

84. Lê Thị Thu Hằng (2021), Đạo đức báo chí trong chuyển đổi số, Tạp chí Báo chí và Truyền thông, số 3/2021, Hà Nội.

85. Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.

86. Phạm Thanh Hòa (2020). Báo chí và quyền riêng tư - Kinh nghiệm từ Liên minh châu Âu. Luận văn Thạc sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.

87. Trần Minh Hòa (2021). Báo chí Việt Nam trong chuyển đổi số: Thách thức và cơ hội. NXB Lao Động, Hà Nội.

88. Trịnh Hữu Hòa (2020). Pháp luật về bảo vệ quyền riêng tư trong hoạt động báo chí. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

89. Hội Nhà báo Việt Nam (2023). Báo cáo thường niên về đạo đức nghề nghiệp và tự do báo chí Việt Nam, Hà Nội.

90. Vũ Thị Hồng (2023). Truyền thông và nhân quyền trong kỷ nguyên công nghệ số: Nghiên cứu so sánh Việt Nam - EU. Luận án Tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

91. Đào Thị Hương (2023). Chuyển đổi số trong hoạt động truyền thông công quyền ở Việt Nam. Luận văn Thạc sĩ, Đại học KHXH&NV, Hà Nội.

92. Đinh Văn Hùng (2019). Báo chí truyền thông trong kỷ nguyên số. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

93. Nguyễn Thị Lan Hương (2023). “Tự do biểu đạt và trách nhiệm báo chí trong thời kỳ chuyển đổi số”. Tạp chí Báo chí và Truyền thông, số 3(256).

94. Phạm Quang Huy (2020). Quyền tự do báo chí trong pháp luật Việt Nam hiện nay. Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.

95. Phạm Thị Huyền (2023). “Tự do báo chí và an ninh mạng trong pháp luật Việt Nam”. Tạp chí Luật học, số 10(345).

96. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2021), Quyền riêng tư trong hoạt động báo

chí mạng ở Việt Nam, Hà Nội.

97. Lê Trung Kiên (2020). “Giới hạn của tự do ngôn luận trên không gian mạng”. Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 9.

98. Vũ Trọng Lâm (2021). “Tăng cường quản lý nhà nước, bảo đảm an toàn thông tin trong truyền thông xã hội ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí Cộng sản, số 976, tháng 10/2021.

99. Vũ Trọng Lâm (2022). “Phát triển xuất bản số ở Việt Nam”, Tạp chí Cộng sản, số 1000/2022, tháng 10.

100. Vũ Trọng Lâm (2022). “Quản lý khủng hoảng trong thời đại internet - Nhìn từ công cuộc phòng, chống đại dịch COVID-19”, Tạp chí Cộng sản, số 981, tháng 1/2022.

101. Vũ Trọng Lâm (2022). “Xây dựng không gian mạng an toàn, lành mạnh, bảo đảm phục vụ tốt hoạt động thông tin, tuyên truyền và định hướng dư luận xã hội”, Tạp chí Cộng sản, số 1002, tháng 11/2022.

102. Vũ Trọng Lâm, Nguyễn Việt Lâm (2023), Nhận diện văn hóa trong không gian số, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

103. Vũ Trọng Lâm (2024). “Không gian mạng, công nghệ mạng và phương tiện truyền thông hiện đại - Nguồn lực mới cho phát triển truyền thông chính sách ở Việt Nam”, Tạp chí Chính trị và phát triển, số 5/2024.

104. Vũ Trọng Lâm (2024). “Phát huy vai trò của các cơ quan báo chí, xuất bản trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ”, Tạp chí Chính trị và phát triển, số 2/2024.

105. Vũ Trọng Lâm (2024). “Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, biên tập viên ngành Xuất bản trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay”, Tạp chí Chính trị và phát triển, số 6/2024.

106. Vũ Trọng Lâm (2025). “Hoàn thiện thể chế thúc đẩy đột phá phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo”, Tạp chí Chính trị và phát triển, số 2/2025.

107. Vũ Trọng Lâm (2025). “Khai thác, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động báo chí ở Việt Nam”, Tạp chí Chính trị và phát triển, số 4/2025.

108. Lê Thị Lan (2022). “Bảo vệ quyền riêng tư trong hoạt động báo chí

điện tử Việt Nam”. Tạp chí Khoa học Pháp lý, số 3(158).

109. Trần Ngọc Lan (2021). Bảo đảm quyền con người trong hoạt động truyền thông ở Việt Nam. Luận án Tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

110. Phạm Văn Linh (2021). “Pháp quyền và nhân quyền trong truyền thông số”. Tạp chí Lý luận chính trị, số 6.

111. Nguyễn Hồng Minh (2022). “Quản trị báo chí trong bối cảnh chuyển đổi số”. Tạp chí Báo chí và Truyền thông, số 4(253)..

112. Phạm Đức Nam (2021). “Báo chí Việt Nam với nhiệm vụ bảo vệ quyền con người trong thời kỳ hội nhập”. Tạp chí Nhân quyền Việt Nam, số 3.

113. Trần Hoài Nam (2022). “Phát triển báo chí dữ liệu ở Việt Nam”. Tạp chí Khoa học Truyền thông, số 2.

114. Lưu Thị Hồng Nhung (2023). Cơ chế pháp lý điều chỉnh báo chí trong môi trường kỹ thuật số. Luận văn Thạc sĩ, Đại học Luật Hà Nội.

115. Hoàng Phê (2011), Từ điển tiếng Việt, NXB Đà Nẵng.

116. Hoàng Phê (chủ biên) (2018), Từ điển tiếng Việt, Nxb Hồng Đức – Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.

117. Nguyễn Thị Mai Phương (2023). “Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin trong truyền thông số”. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 6(401).

118. Đặng Văn Sơn (2024). Tự do báo chí và quản trị truyền thông số - Kinh nghiệm EU và gợi mở cho Việt Nam. Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

119. Phan Xuân Sơn (2022). “Công nghệ truyền thông và thách thức đối với nhân quyền”. Tạp chí Lý luận chính trị, số 7.

120. Nguyễn Thị Minh Tâm (2023). “Chuyển đổi số và đạo đức nghề báo”. Tạp chí Báo chí và Truyền thông, số 2(245).

121. Tạ Ngọc Tấn, Đặng Dũng Chí, Hoàng Văn Nghĩa (2016), Thành tựu nhân quyền Việt Nam 70 năm qua, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.

122. Trần Phương Thảo (2024), Protecting Personal Data Using Civil Procedure in Vietnam Today.

123. Bùi Thị Thanh (2021). “Án lệ Tòa án Nhân quyền châu Âu về quyền

tự do báo chí”. Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 3(215).

124. Vũ Đức Thịnh (2023). Giám sát truyền thông và quyền riêng tư cá nhân ở Việt Nam. Luận án Tiến sĩ, Học viện KHXH, Hà Nội.

125. Hồ Minh Thư (2022). Tác động của mạng xã hội đến quyền tự do ngôn luận. Luận văn Thạc sĩ Truyền thông, Đại học KHXH&NV TP.HCM.

126. Bùi Minh Tiến (2020). “Ứng dụng công nghệ số trong quản lý báo chí tại Việt Nam”. Tạp chí Công nghệ Thông tin và Truyền thông, số 2.

127. Nguyễn Quốc Toàn (2022). “Tự do báo chí và giới hạn trong pháp luật Việt Nam hiện nay”. Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 7.

128. Nguyễn Thị Thu Trang (2022). “Pháp luật bảo vệ nguồn tin báo chí trong kỷ nguyên số”. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 8(403).

129. Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC). (2023). Báo cáo an toàn thông tin mạng Việt Nam năm 2023. Hà Nội.

130. Bùi Chí Trung, Phạm Văn Kiên, Nguyễn Bá (2022), Chuyển đổi số báo chí Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

131. Lê Minh Tuấn (2023). “Kinh nghiệm châu Âu về bảo vệ quyền con người trong hoạt động báo chí”. Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 6(225).

132. Nguyễn Văn Tuấn (2020). Quyền con người trong kỷ nguyên số. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

133. UNESCO (2021). Freedom of Expression and Media Development Indicators. Paris.

134. Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2006), Từ điển Luật học, NXB Tư pháp, Hà Nội.

135. Võ Khánh Vinh (2015), Giáo trình Quyền con người, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

136. Czech Republic Country Strategy, 2021-2026. <https://www.ebrd.com/strategy-and-policy-coordination/strategy-for-czech-republic.pdf>

137. Daniel J. Solove (2006), A Taxonomy of Privacy.

138. Doyle, G. (2013). *Understanding Media Economics*. Sage Publications, London.
139. ECtHR, Application no. 53886/00, judgment of 24 November 2005
140. European Commission (2022), *Digital Services Act (DSA)*.
141. European Commission. *Digital Economy and Society Index 2022 - Czechia*. <https://digital-strategy.ec.europa.eu/en/library/digital-economy-and-society-index-desi-2022>. 28 July 2022.
142. European Court of Human Rights (2004, 2012), *Von Hannover v. Germany*, Applications nos. 59320/00 and 40660/08.
143. European Court of Human Rights, Application no. 5493/72, Judgment of 7 December 1976.
144. European Court of Justice. (2014). Judgment in Case C-131/12 – *Google Spain and Google Inc. v. Agencia Española de Protección de Datos (AEPD) and Mario Costeja González*. Press Release No. 70/14. Available at: <https://curia.europa.eu>
145. European Union (2000/2009), *Charter of Fundamental Rights of the EU*.
146. Gillian Doyle (2021). “Digital Convergence and Media Policy Reform in the EU”. *European Journal of Communication*, Vol. 36(2), tr. 145-161.
147. Helen Nissenbaum (2010). *Privacy in Context: Technology, Policy, and the Integrity of Social Life*. Stanford Law Books, Stanford.
148. Human rights and transition promotion policy concept of the Czech Republic.
149. Jowett, G. S. & O'Donnell, V. (2019). *Propaganda & Persuasion* (7th ed.). Sage Publications, Thousand Oaks.
150. Keller, Leerssen (2020), *Internet Intermediaries and Freedom of Expression*.
151. Li, X. (2019). “Media Responsibility in the Digital Era: Comparative Lessons from EU”. *European Media Law Review*, Vol. 12(3), tr. 35-48.
152. Manuel Castells (2009). *Communication Power*. Oxford University

Press, Oxford.

153. Marc Rotenberg (2020). *Privacy and Free Expression in the Digital Age*. EPIC Publications, Washington D.C.

154. McQuail, Denis (2010) *McQuail's Mass Communication Theory* (6th ed.). London: Sage Publications.

155. Monroe E. Price (2002). *Media and Sovereignty: The Global Information Revolution and Its Challenge to State Power*. MIT Press, Cambridge.

156. Natali Helberger (2020), *The Political Power of Platforms*.

157. Nguyen, T. T., Nguyen, D. C., Nguyen, H. T., et al. (2025). Exposure to fake news on social media and its mental health impact among Vietnamese adolescents and young adults. *Scientific Reports*, 15, Article 35117. <https://doi.org/10.1038/s41598-025-19175-4>

158. *NH v Associazione Avvocatura per i diritti LGBTI – Rete Lenford* (Case C-507/18, Judgment, 23 April 2020, ECLI:EU:C:2020:289) CJEU.

159. *NV Algemene Transport- en Expeditie Onderneming van Gend en Loos v Nederlandse Administratie der Belastingen*, Case 26/62, Judgment 5 February 1963, European Court of Justice.

160. Paul De Hert, Vagelis Papakonstantinou, Indra Spiecker gen. Döhmman, Gerrit Hornung (2024), *General Data Protection Regulation*, pub. Nomos/Hart.

161. Rodney Benson (2020). *Shaping Immigration News: A Comparative Perspective on Media and Politics*. Cambridge University Press, Cambridge.

162. Shoshana Zuboff (2019), *The Age of Surveillance Capitalism*.

163. Stephen J. A. Ward (2018), *Digital Journalism Ethics*.

164. Tambini (2020), *Fake News: Public Policy Responses*.

165. Tarlach McGonagle (2017). *Journalism, Freedom of Expression and the Right to Privacy in the Digital Age*.

166. *Thorgeir Thorgeirson v. Iceland*, Application no. 13778/88, Judgment of 25 June 1992 (ECtHR).

167. Tòa án Nhân quyền châu Âu (1991), Vụ Observer and Guardian kiện Vương quốc Anh, Bản án ngày 26/11/1991, Hồ sơ số 13585/88.

168. Tòa án Nhân quyền châu Âu (1996), Vụ Goodwin kiện Vương quốc Anh, Bản án ngày 27/3/1996, Hồ sơ số 17488/90.

169. Tòa án Nhân quyền châu Âu (2003), Vụ Garaudy kiện Pháp, Quyết định ngày 24/6/2003, Hồ sơ số 65831/01.

170. Tòa án Nhân quyền châu Âu (2012), Vụ Axel Springer AG kiện Đức, Bản án ngày 7/2/2012, Hồ sơ số 39954/08, Phiên toàn thể (Grand Chamber).

171. Vụ Campbell v. MGN Ltd / Campbell v. Mirror Group Newspapers (2004, House of Lords);

172. Vụ Mosley v. United Kingdom (2011, ECtHR)

IV. Các website

173. VnEconomy. Năm 2024, Facebook, Google, TikTok gỡ hơn 15.000 nội dung vi phạm pháp luật Việt Nam. <https://vneconomy.vn>

174. Báo Luật Sư Việt Nam. Xử lý hơn 8.500 website vi phạm và lừa đảo trong năm 2024. <https://baoluat.vn>

175. https://vietnamnet.vn/quang-cao-so-viet-nam-va-cau-chuyen-canh-tranh-voi-google-facebook-2178351.html?utm_source=chatgpt.com

176. Báo Tuổi Trẻ (2020), Phóng sự điều tra về sai phạm đất đai tại Đồng Nai, đăng ngày, truy cập tại: <https://tuoitre.vn>

177. https://luatvietnam.vn/ban-an/ban-an-432-2021-ds-pt-2-228150-d11.html?utm_source=chatgpt.com

178. Báo Tuổi Trẻ (2017), “Bắt phóng viên Lê Duy Phong, Trưởng ban ban đọc Báo Giáo dục Việt Nam”, ngày 24/6/2017. <https://tuoitre.vn/bat-phong-vien-le-duy-phong-truong-ban-ban-doc-bao-giao-duc-viet-nam-20170624080809766.htm>

179. Báo VnEconomy (2018), Đăng tải thông tin cá nhân nạn nhân vụ lừa đảo đa cấp: Cảnh báo vi phạm quyền riêng tư, đăng ngày 12/7/2018, truy cập tại: <https://vneconomy.vn>

180. VnExpress. (2022, December 27). Vụ bé gái bị bạo hành: báo chí gỡ bài vì vi phạm quyền trẻ em. <https://vnexpress.net>

181. Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ (2023), Thông báo nội dung chính kết luận thanh tra đột xuất việc chấp hành quy định pháp luật về báo chí đối với Tạp chí điện tử Tri thức trực tuyến (<https://mst.gov.vn/thong-bao-noi-dung-chinh-ket-luan-thanh-tra-dot-xuat-viec-chap-hanh-quy-dinh-phap-luat-ve-bao-chi-doi-voi-tap-chi-dien-tu-tri-thuc-truc-tuyen-197159389.htm>).

182. Theo phản ánh của Báo Lao Động, Vietnamnet, Cục Báo chí – Bộ TT&TT, 2021.